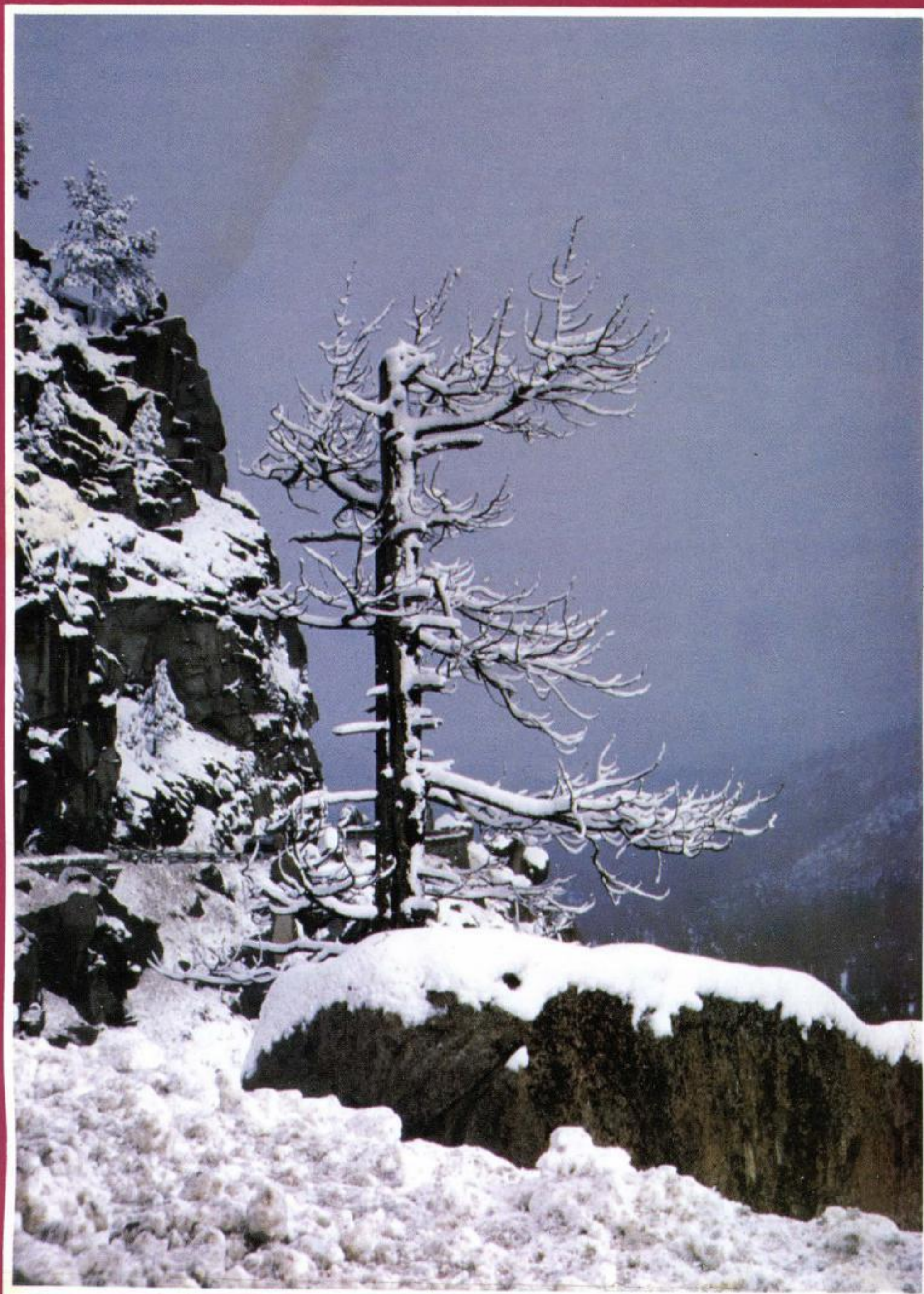


làng văn

195
1999



Nha-sĩ NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG
Nha-sĩ VÕ THỊ LAN ĐÀI

Chirurgien Dentiste/Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal, lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30) **Tel: (514) 849-1038**

A fast growing Information System services firm has short & long term contracts or permanent positions for experienced Programmer/Analyst 3 years and up in DB2, CICS, IDMS, ADS/O, IMS, UNIX, ORACLE, CLIENT/SERVER technology.

Please forward your résumé to:
DANCOM CONSULTING
790 Marcel Laurin, Ste #218
St-Laurent, Qc H4M 2M6
Attention: Dany Dinh
Fax #: 514-748-9399
DANCOM Consulting Inc.

ALCO

SOLUTION INFORMATIQUE



95 Ste-Catherine Ouest, Montréal

Tél. (514) 843-3155

www.alco.qc.ca Email: service@alco.qc.ca

Luật sư / Avocat

LƯƠNG VĂN TUẤN

1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Luật sư **ĐÀO XUÂN HÒA**

(Nguyên Luật-sư Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn)
7204 St. Denis, Montréal, H2R 2E2
Tél: (514) 279-7540

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ

NGUYỄN BÁ DĨNH

4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

Chuyên viên Tài-chánh & Bảo-hiểm Nhân-mạng
Châu Võ Thành Tường, B.SC., A.V.C.

279 Place de la Poudière, Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle) - Tél: (514) 767-2874

TIỆM VÀNG

BIJOUTERIE



Mua bán & sửa chữa nữ trang
Vàng • Cẩm Thạch • Hột Xoàn

6700 Côte des Neiges #214 Tel: (514) 344-5692
Montréal, Québec H3S-3B2 Fax: (514) 344-8221

CALIFORNIA & D.C.

Luật-Sư **NGUYỄN XUÂN NGHĨA**
chuyên về di-trú vào Hoa-kỳ

■ Văn phòng Cali:

19112 E. Center Ave., Orange, CA 92869
Tel / Fax: (714) 633-5997

■ Văn-phòng DC: 6269 Leesburg Pike,
Suite #306, Falls Church, VA 22044

Tel: (703) 237-5273 / Fax: (703) 532-7453

Xin nhắc thân-nhân ở quê nhà nghe

ĐÀI VIỆT-NAM TỰ-DO

từ 7g30 đến 8g30 tối (giờ VN)

từ Thứ Hai đến Thứ Sáu

tầng-số 9965 KHz (31 mét)

và **GIỜ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT**

do tạp-chí Làng Văn thực-hiện:
chiều Thứ Hai (7g30 tối - 8g30 tối)

Một phần tư thế kỷ thăng trầm và hy vọng của người Việt hải ngoại

Nguyên nhân ly hương? Bao nhiêu đồng bào ra đi từ mùa Xuân 1975? Bao nhiêu nạn nhân mất mạng? Hải trình kinh hoàng. Thảm trạng hải tặc cướp của, giết người, bắt cóc thân nhân. Kế hoạch buôn dân của Hà Nội. Chính sách quốc tế. Phong trào cứu trợ tị nạn vì đại. Hiện tượng bộ nhân. Tệ nạn thanh lọc bất công. Khó khăn và thành công hiển vinh tại hải ngoại. Tài liệu **Thuyền Nhân: Ấn Tích Lịch Sử** là một cố gắng nhỏ hơn 10 năm qua với mục đích thu thập và phân tích các dữ kiện lịch sử, chính sách quốc tế liên quan đến thuyền nhân Việt Nam cũng như nghiên cứu sinh hoạt cộng đồng hải ngoại và sự thành công của khối người tị nạn, đặc biệt là thế hệ trẻ - thế hệ con cháu thuyền nhân.

Lloyd Dong
Special Bilingual Edition

The BOAT PEOPLE
Thuyền nhân



Dương Thành Lợi
Ấn Bản Đặc Biệt Song Ngữ Anh Việt

Ấn bản đặc biệt song ngữ Anh Việt phát hành dịp Lễ Giáng Sinh 1999 & Tết Nguyên Đán Canh Thìn 2000

The BOAT PEOPLE: Imprints on History **THUYỀN NHÂN: Ấn Tích Lịch Sử**
trên 1000 trang với nhiều văn kiện quốc tế và hình ảnh đặc sắc suốt 25 năm qua từ bể cả đến đệ tam quốc gia.

Một tài liệu lưu niệm mà mỗi người tị nạn có thể nhận diện quá khứ thuyền nhân của mình và ôn lại một chặng đường gian nan đáng ghi nhớ cũng như truyền đạt lại cho con cháu kinh nghiệm quý báu. Một món quà lưu niệm giá trị cho thân quyến và bằng hữu ngoại quốc.

Tác giả: **Dương Thành Lợi** nguyên là một thuyền nhân thiếu niên từng hoàn tất nhiều tài liệu như *International Trade and Developing Nations*, *Triết Lý Quốc Trị Đông Phương*, đã nghiên cứu văn kiện tại nhiều quốc gia khi biên khảo tài liệu này, hiện là luật sư tòa án (trial attorney) ở Canada.

Tất cả lợi nhuận ấn hành sẽ được sử dụng để tiếp tục thu thập tài liệu và tín vật lưu niệm cho một bảo tàng viện Thuyền Nhân dự định trong tương lai. Xin gởi Money Order U.S. \$25 (1 ấn bản) cho 'OPTIMAL WORLD' về địa chỉ OPTIMAL WORLD PUBLISHERS 1231 King St. West, Toronto, Ontario M6K 1G3 Canada. Vì ấn bản đặc biệt song ngữ Anh Việt có giới hạn cho nên M.O. sẽ được hoàn trả nếu không còn sách.

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRÊN TRANG NÀY: 1 Ô \$120 (12 KỶ); 2 Ô: \$200 (12 KỶ)
Muốn đăng, xin gọi: Võ Bá Thiện (514) 766-8323, fax: (514) 766-8531, pagette: (514) 202-7256

làng văn

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011

E-mail: langvan@ilap.com
www.vietnamlangvan.com/vietnews
Publisher: Langvan of Canada Inc.

Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Customer Account No: 2042916-99
Printed in Canada - Published 24 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XVI - No 195 - 1999
Năm thứ 16 - Bộ 16 - số 195 - 1999

TRONG SỐ NÀY:

Tin vắn.....	2
Từ thành đến tỉnh.....	7
Tin Việt-nam.....	11
Trong làng.....	15
Ngoài xã.....	16
Sinh-hoạt Toronto: Những chặng đường tị-nạn.....	19
Ta bà thế-sự, Phan Nguyễn Minh Minh.....	20
Chuyện người chuyện ta: Vinh danh Thiên Chúa, Sơn Tùng.....	24
Mây mù trong lòng người, nhận-định của Bùi Anh Trinh.....	27
Bên dòng Dordogne, thơ Văn Nương.....	30
Mộng đẹp, thơ Phan Long Yên.....	35
Điều tiếng về giải Nobel, Nguyễn Nhạn Sơn.....	36
Đêm thuyền đậu bến Phong-kieu, Thái Văn Kiểm.....	39

BÀI GIẢNG-SINH:

Lời gọi đêm đông, nhạc Giảng-sinh của Vũ thái Hoà.....	41
Ồn lành của người thiện tâm, Nguyễn Văn Thông.....	42
Bảng-khuâng, thơ Dương Hoài Ninh.....	43
Tình yêu, truyện ngắn Hoàng Nga.....	44
Có thiên-dàng, có thánh-thể trong em, thơ Tuỳ Anh.....	47
Khuôn mặt của Judas, truyện ngắn của Tôn-Nữ.....	49
Chuông đổ đầu đông, thơ Trần Ngân Tiêu.....	50
Có một Giảng-sinh, truyện ngắn Nguyễn Hoài Phương.....	51
Bài tháng chạp, thơ Nguyễn Khanh.....	54

BÀI THƯỜNG-XUYỀN:

Đêm mùa vọng, truyện ngắn Ngô Nguyễn Dũng.....	55
Áo đỏ, thơ B.H.T.....	56
Chiều trên bãi, thơ E.P.....	58
Đường về người nhớ không, thơ Lê Hữu Minh Toán.....	59
Buổi chia tay cuối năm, truyện ngắn Phú Văn.....	60
Hoa môi; Hương dột; Dấu đôi, thơ Nguyễn Văn Cường.....	63
Đi tìm, thơ Nguyễn Hiền Tài; Đóa hoa lòng, thơ N.H.....	65
Hồn mãi theo một người, truyện ngắn Dương Thị Vành Khuyển.....	66
Nhớ một người, thơ Nguyễn Tư.....	71
Người bán thuốc lá ở Bá-linh, truyện ngắn Trường Xuân Triệu.....	72
Nửa, thơ TT Mây Trên Ngàn; Đổi đời, thơ Nguyễn Đức Thanh.....	75
Thức ăn phổ-thông của Mỹ, Phan Long Yên.....	76
Cái hay trong thơ, Tiểu Đăng.....	78
Những mảnh đời, truyện dài miền Bắc của Phương Liên.....	84
Thao-thức, thơ Việt Thao.....	87
Quê nội quê ngoại, truyện dài đồng quê miền Nam của Xuân Vũ.....	89
Vạch mặt, truyện dài xã-hội đen của Tống Minh Long Quân.....	94
Một sáng mù sương, thơ Trần Văn Lệ.....	95
Hà tất, thơ Cao Hoàng Nhân.....	97
Dấu chân trên cát, truyện thiển của Nguyễn Phong.....	99
Gửi bóng tuyết nhỏ, thơ Cung Vũ.....	101
Độc giả thắc mắc, Bút Chì.....	102
Khói sương, thơ Vạn Giả.....	103
Quạt mo: Người sợ người, của Thăng Bờm.....	106
Tuyết đông xứ Bắc Âu, thơ Lê Dã Sử.....	108
Cười chết bỏ, Cỏ Cười.....	109
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	112

Ảnh bìa: Mùa đông Yoshemite của Thảo Chi

Chủ-nhiệm, Chủ-bút:

Nguyễn Hữu Nghĩa

Toà-soan và trị-sự:

Nguyễn Hương

Cộng-tác thường-xuyên:

Bài Hữu Trí - Bút Chì - Cao Hoàng Nhân - Cung Vũ
Diễn Khánh - Dương Thị Vành Khuyển
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy
Hoàng Nga - Hồng Huy - Hương Giang Thái Văn Kiểm
Khải Chính Phạm Kim Thư - Lăng Nhân Phùng Tất Đắc
Lang Ta - Lộc Quy - Lê Hữu Mục - Mỡ (Làng Văn)
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Hương - Nguyễn Phong
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Đăng Tuấn
Nguyễn Hoài Phương - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phan Các Chiêu Hằng
Phan Long Yên - P. Đan Hà - Phan Nguyễn Minh Minh
Phan Thịnh - Phương Liên - Sắc Không - Sơn Tùng
Thăng Bờm - Thuý Sơn - Tiểu Đăng - Tuệ Nga - Tự Tĩnh
Tống Minh Long Quân - Trần Ngân Tiêu - Trần Văn Tích
Trần Văn Lệ - Tuy Anh - Vạn Giả - Vạn Lam - Văn Nương
Việt Chi - Việt Phương - Việt Thao Đào Đức Chương
Xuân Tước - Xuân Vũ

Đóng góp bài vở:

Bạch Thái Hà - Cao Tiêu - Cao Xuân Lý - Diệu Tần
Dương Kim - Đặng Thị Quế Phương - Đông Nghi
Hoàng Du Thụy - Hồng Ân - Huy Vũ - Huỳnh Liễu Ngân
Hứa Hoàn - Kha Huyền - Lãm Thúy
Minh Đức Hoài Trinh - Nam Chi Thượng Nhân
Nam Man Lâm Nam Triều - Ngô Du Trung
Ngọc Hân - Ngô Minh Hằng - Nguyễn Khanh
Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đức Lập - Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Ước
Nguyễn Việt - Nguyễn Xuân Hiến - Nguyệt Cầm
Ông Thế Hùng - Phạm Hồng Đạm - Phạm Quang Ngọc
Phạm Tâm Phổ - Phạm Thăng - Phùng Nhân
Thanh Hữu Huyền - Thiên Di - Thủy Trang
Trần Mộng Lâm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
TT Mây Trên Ngàn - Vi Vi - Việt Phong - Võ Phiến
Vũ Tiến Dũng - Ý Nga

Minh-hoạ: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh:

Babui - Bùi Mỹ Hoa - Lê Quang Xuân - Minh
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Tăng Sở Dương - Thái Tuấn - T. Nguyễn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Giám-đọc quảng-cáo: Minh Trang

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ:

Thanh Nam, Trần Cao-Linh, Tú-Vi Lang
Bình Nguyễn Lộc, Nguyễn Tất Nhiên
Kính Tân, Phạm Văn Cường, Lê Thao Chuyên,
An Khê, Ngọc Khôi, Trương Ái Minh, Vi An,
Mai Thảo, Tô Giang, Nguyễn Văn Ba, Vũ Kiện,
Quỳ Hương, E.P. (Lê Kiều Phương), Đinh Huỳnh,
Đan Quế

Giá báo bán lẻ

Gia-nã-đại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim
Pháp: 50 quan; Úc: 5 úc-kim; Bắc Âu: 50 kronas
Nhật: 600 yen; các nước khác: 5 mỹ-kim
Mua báo dài hạn: xem trang 111

ĐẠI-DIỆN LÀNG VĂN

. TORONTO:

Minh Trang

ĐT / Fax: (416) 539-0442

. MONTRÉAL:

Võ Bá Thiện

ĐT: (514) 766-8323

Fax: (514) 766-8531

Page: (514) 202-7256

. MASSACHUSETTS:

Hoàng Thị Kim Sinh

ĐT / Fax: (781) 961-3467

. TEXAS:

Trương Sĩ Lương

ĐT: (817) 265-6356

Fax: (817) 548-8563

. NAM CALIFORNIA:

Võ Thắng Tiết

ĐT / Fax: (714) 527-5761

. FLORIDA:

Linh Phương

Điện-thoại: (407) 578-8006

. PA & NEW YORK:

Nguyễn Đăng Tuấn

ĐT: (610) 258-1719

Fax: (610) 258-2037

. PHILADELPHIA:

Lê Thành Quang

Điện-thoại: (215) 551-2474

. NEW JERSEY:

Nguyễn Huy Phước

ĐT: (609) 665-3654

. HÒA-LAN:

Hồ Thị Chiến

ĐT: 0229-231-666

. ĐỨC:

Dr. Ngô Việt Dũng

Điện-thoại: 2316-56949

Nguyễn Hoà Phù Vân

Điện-thoại: 4102-30337

. NA-UY:

Dương Kim

ĐT / Fax: 9288-8393

tin văn



Nga: Yeltsin hậu thuẫn ứng viên tổng thống Vladimir Poutine

Để cải chánh tin đồn về việc cách chức ông Poutine, Tổng thống Nga Boris Yeltsin ngày 14.11.1999 tái xác nhận là ông hậu thuẫn vô điều kiện Thủ tướng Vladimir Poutine, ứng cử kế nhiệm ông trong cuộc bầu cử sẽ diễn ra vào tháng 6.2000, trong cuộc tiếp xúc với Thủ tướng Putin tại nhà nghỉ vùng ngoại ô Mạc Tư Khoa, được chiếu trên đài truyền hình.

Ông Vladimir Poutine trong buổi kỷ niệm 100 ngày ở chức vụ thủ tướng đã xác nhận là ông sẽ kế nhiệm ông Boris Yeltsin ở điện Cẩm Linh, vì hiến pháp không cho phép ông Yeltsin ứng cử lần thứ ba. Việc ủng hộ ông Poutine, thủ tướng thứ 5, sau khi ông Boris Yeltsin đã cách chức 4 thủ tướng tiền nhiệm trong vòng 20 tháng, cũng đã chứng tỏ rằng ông tin tưởng hoàn toàn vào chính sách của ông Poutine qua cuộc chiến ở Chechnya.

Nga: Chuẩn bị tấn công Grozniya

Bất chấp những lời kêu gọi của các nước Tây phương yêu cầu ngưng chiến, Nga loan báo không ngừng lệnh tiến quân vào thủ đô Chechnya.

Trong căn nhà nghỉ dưỡng bệnh tại Gorki - 9 ngoại ô Mạc Tư Khoa, Tổng thống Nga Boris Yeltsin hơn hờ tiếp kiến thủ tướng Vladimir Poutine để tổng kết tình hình chiến sự vùng Caucase. Và thông điệp đưa ra rất rõ ràng: ông Poutine nhận được tin tưởng hoàn toàn của điện Cẩm Linh. Nga còn tuyên bố là sẽ

cho thành lập một tân chính phủ Chechnya tại những vùng chiếm được trễ lắm là trong tháng 2 tới.

Để làm việc này, lực lượng Nga được tập trung và chuẩn bị tấn công vào Groznia. Các giới chức quân sự cho biết đã chiếm giữ Goudermes thành phố thứ hai ở miền đông Chechnya, một cửa ngõ chiến lược đưa vào thủ đô nước cộng hòa lân cận Dagestan. Lợi dụng thời tiết tốt, quân Nga đã pháo kích và oanh tạc không ngớt vào các vị trí quân du kích, nhất là trong vùng Argoun miền đông nam của Groznia, hướng rút qua Georgia của tàn quân Chechnya.

Igor Chabdurassoulov, một người hợp tác thân cận với Boris Yeltsin tuyên bố là "Nga theo đuổi cuộc chiến Chechnya trong bao lâu còn cần thiết". Và Chabdurassoulov nói thêm là thương thuyết với tổng thống Aslan Maskhadov là "không thực tế", vì ông này không kiểm soát được tình hình Chechnya.

Đối với những lời chỉ trích của quốc tế, ông Chabdurassoulov trả lời: "Chúng tôi bác bỏ tất cả những nỗ lực xen vào nội bộ lãnh thổ Nga".

Nga: Oanh tạc cơ có thể mang đầu đạn nguyên tử

Theo một tạp chí Nga chuyên về quốc phòng thì máy bay oanh tạc chiến lược Nga có thể bay đến Việt Nam và Cuba trong năm tới. Các phi cơ này có khả năng mang theo đầu đạn nguyên tử, trong năm nay đã có các cuộc tập huấn, bay thử tới tiểu bang Alaska Hoa Kỳ và phía bắc Na Uy.

Hội Nghị Thượng Đỉnh OSCE sóng gió

Hội nghị Thượng đỉnh về An ninh và hợp tác Âu Châu (OSCE) đã khai mạc vào sáng 18.11.1999 tại Istanbul, thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ.

Máu đã chảy nhiều tại nước cộng hòa Sô Viết và khoảng 210.600 người chạy nạn sẽ chiếm rộng các buổi thảo luận của đại diện 55 quốc gia thành viên của tổ chức OSCE. Ngay vừa mở đầu hội nghị, vấn đề tấn công quân sự của Nga tại Chechnya đã bị chỉ trích trực tiếp trong diễn văn khai của tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan. Ông Annan nhấn mạnh, tất cả đều nhìn nhận "sự cần thiết một cuộc trả đũa đối với các tổ chức khủng bố, nhưng điều này không chứng minh sự chịu đựng khủng khiếp của thường dân vô tội". Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc khẳng định chiến thuật này "đi ngược lại luật nhân đạo quốc tế".

Trả lời của tổng thống Boris Yeltsin rất ngắn gọn: "Không ai có quyền chỉ trích Nga trên vấn đề Chechnya". Ông nhấn mạnh trước các lãnh tụ có mặt trong hội nghị: "Chúng tôi bắt buộc phải chấm dứt sự gia tăng căn bệnh ung thư của khủng bố". Phản ứng đối với những chỉ trích của các nước tây phương về việc thường dân Chechnya phải chịu đựng trong các trận tấn công của quân đội Nga và các du kích Hồi giáo, ông Boris Yeltsin đã phản đối các vụ bắt cóc và nổ bom của các thành viên tổ chức Hồi giáo: "Đối với những kẻ khủng bố, các cứu xét nhân đạo không đặt ra", và kêu gọi các nước tây phương hợp tác với Nga loại trừ khủng bố trong phần kết luận.

Sáng 18.11, ông Yeltsin trở về Nga như dự định, để Ngoại trưởng Igor Ivanov ở lại Istanbul tiếp tục làm việc. Trước đó, ông Boris Yeltsin đã gặp gỡ tay ba Yeltsin - Gerhard Schroeder và Jacques Chirac. Bà Catherine Colonna, phát ngôn viên tổng thống Pháp cho biết ông

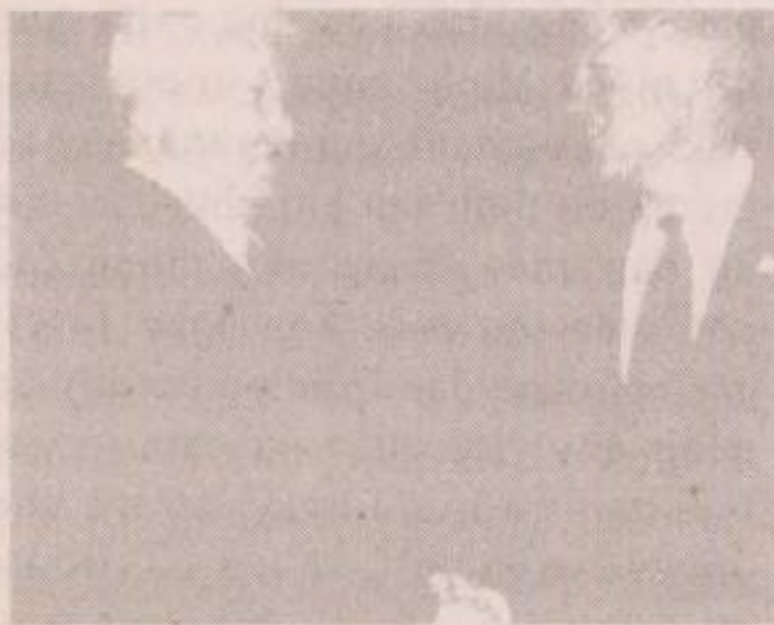
Yeltsin từ giả ông Jacques Chirac và nói rằng "hẹn gặp lại ngày 21.12, và bây giờ tôi phải về để lo vụ Chechnya".

Riêng tổng thống Mỹ Bill Clinton sau khi tiếp xúc với tổng thống Nga trưa ngày 18.11 bên lề hội nghị, cho biết là ông không thành công trong việc thuyết phục ông Yeltsin ngưng chiến dịch quân sự và mở đối thoại tìm giải pháp chính trị cho Chechnya.

Ngoài ra, do sự khác biệt sâu đậm về quan niệm giữa Nga và các nước thành viên của Tổ chức An ninh và Hợp tác Âu Châu (OSCE) đối với vấn đề Chechnya, việc ký tên vào hiến chương an ninh mới của tổ chức An ninh và Hợp tác Âu Châu đã bị trì hoãn. Ngoại trưởng Na Uy Knut Volleback loan báo rằng hiến chương mới sẽ được gửi đến các nhà thương thuyết. Ngoài vấn đề Chechnya và chiến dịch quân sự của Nga trong vùng Caucase, còn có nhiều vấn đề trong văn bản lưu hành liên quan đến thiểu số cộng đồng Caucase cũng phải được xem lại, như tuyên bố của các nhà ngoại giao, nhưng không xác định các chi tiết.

Nga: Nhượng bộ về vấn đề Chechnya

Dưới áp lực nặng nề của hội nghị thượng đỉnh OSCE tại Thổ Nhĩ Kỳ, tổng thống Nga đã chấp nhận trong ngày 18.11 trước khi kết thúc cuộc họp, để cho lãnh tụ đương nhiệm của OSCE là Bộ trưởng ngoại giao Na Uy Knut Vollebaek, đến Chechnya thị sát tình hình. 54 nước thành viên



TT Nga Yeltsin và TT Mỹ Clinton

hiện diện đã dự trù từ chối ký tên vào văn bản trống, và tuyên bố rằng sẵn sàng coi hội nghị thượng đỉnh là thất bại nếu Mạc Tư Khoa không nhượng bộ trên vấn đề Chechnya.

Nga chấp nhận làm việc để tìm "một giải pháp chính trị" cho vấn đề Chechnya và nhìn nhận vai trò của OSCE. Ông Yeltsin cho biết là đã yêu cầu ngoại trưởng Igor Ivanov nghiên cứu khả năng một ủy ban ngoại giao nổi rộng tham gia công tác thị sát tình hình.

Ngày 19.11, các nước thành viên OSCE tham dự hội nghị thượng đỉnh Istanbul đã ký tên vào hiến chương an ninh thế kỷ XXI, sau khi Nga chấp nhận nhượng bộ các nước tây phương trên vấn đề Chechnya. Văn bản này cho tổ chức An ninh và Hợp tác Âu Châu quyền rộng rãi hơn để quản lý các cuộc khủng hoảng cấp vùng, xây dựng lại các nước bị tàn phá vì chiến tranh và bảo vệ nhân quyền.

Hoa kỳ & Trung Cộng ký kết thỏa ước về thương mại

Sau 6 ngày thương lượng không ngưng nghỉ tại Bắc Kinh, ngày 15.11.99, Hoa kỳ đã ký kết với Trung cộng một thỏa ước nguyên tắc về các điều kiện, theo đó cho phép Trung cộng gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO sau 13 năm thương lượng gay go. Lễ ký kết diễn ra giữa đại diện Thương mại Hoa Kỳ, bà Charlene Barshefsky và Bộ trưởng Thương mại Trung cộng Thạch Quảng Sinh.

Theo lời Bộ trưởng Thương mại Trung cộng, hiệp ước sẽ giúp Bắc Kinh gia nhập tổ chức WTO một cách nhanh chóng nhất. Đại sứ Mỹ tại Bắc Kinh tuyên bố thỏa cho phép hàng hóa công nghiệp và nông phẩm Hoa kỳ xâm nhập thị trường Trung cộng. Trung cộng đã nhượng bộ Hoa Kỳ nhiều điểm như giảm hàng rào quan thuế, hủy bỏ chính sách hỗ trợ giá cả hàng hóa xuất khẩu, mở cửa cho các lãnh vực dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm và viễn thông của các công

ty Hoa Kỳ hoạt động ở Trung cộng. Đặc biệt các công ty Mỹ có quyền phân phối hàng hóa trực tiếp trên thị trường Trung cộng. Các ngành nghề luật sư, kế toán, y tế cũng được hoạt động dễ dàng. Đối lại Hoa Kỳ hứa bãi bỏ định mức nhập cảng vải sợi của Trung cộng.

Nhưng theo các chuyên gia phân tích thì thỏa ước nguyên tắc giữa Mỹ và Trung cộng được ký chỉ để không phơi bày thất bại sau một tuần lễ thương thảo ráo riết. Thỏa ước này còn mơ hồ trên một số lãnh vực then chốt, chỉ nói một cách tổng quát là các công ty Mỹ bước vào thị trường Trung cộng một cách dễ dãi nhưng không nói rõ ngày giờ. Các công ty Mỹ có quyền nắm bao nhiêu phần vốn của một công ty Trung cộng. Đối lại Hoa Kỳ hứa dẹp bỏ các định mức nhập cảng vải sợi Trung quốc nhưng không ghi rõ là sẽ được áp dụng từ lúc nào.

Theo các nguồn tin từ WTO, thỏa ước mà Bắc Kinh và Hoa Thịnh Đốn vừa ký không có nghĩa là Trung cộng lập tức được gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới nhân hội nghị thượng đỉnh của WTO vào cuối tháng 11.1999 mà vẫn chỉ là một nước quan sát viên. Tuy nhiên, thỏa ước này giúp Trung cộng dễ dàng thảo luận với các thành viên khác của WTO như Liên Hiệp Âu Châu, Gia Nã Đại, Ba Tây, Thụy Sĩ, v.v..

Còn Đài Loan thì lên tiếng cảnh cáo Trung cộng không được tìm cách gây khó khăn cho việc gia nhập WTO của Đài Loan. Bộ trưởng Thương mại Đài Loan nhắc lại lời hứa của WTO năm 1992 hậu thuẫn nguyên tắc việc Trung quốc gia nhập trước và Đài Loan gia nhập sau.

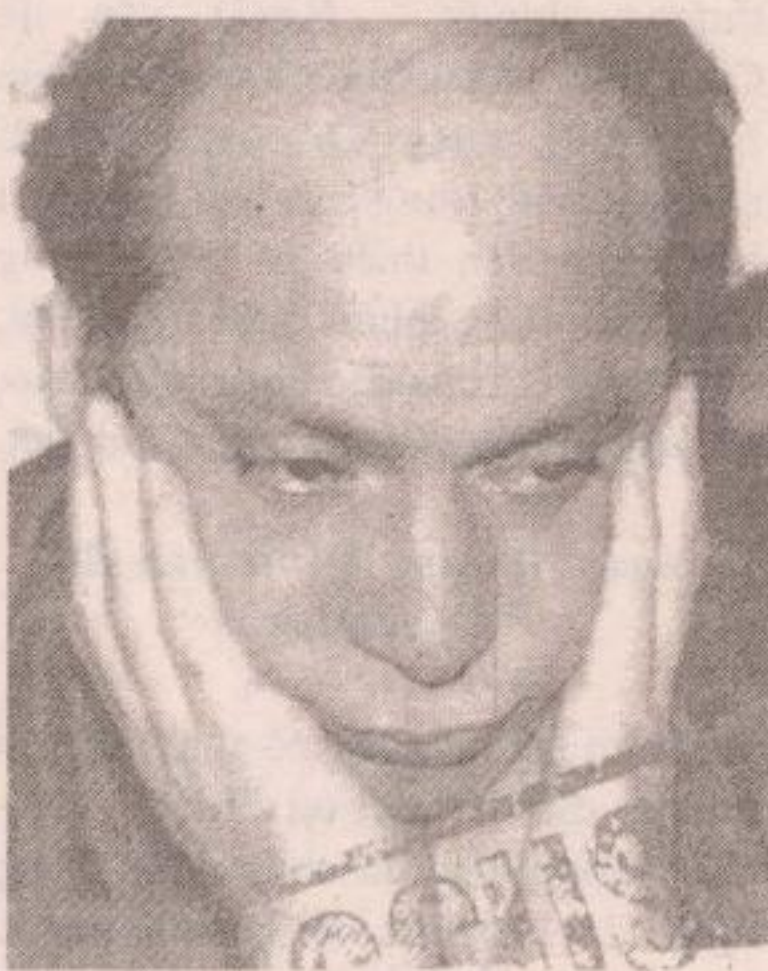
Á châu: Kinh tế lạc quan

5 tổ chức nghiên cứu tư nhân của Nhật Bản vừa công bố báo cáo đánh giá kinh tế châu Á lạc quan hơn hẳn nửa năm trước. Theo dự báo bình quân của năm tổ chức trên, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 1999 của Nam Hàn là 8,1%, tăng 2,4 điểm so

với dự báo hồi tháng 6; Đài Loan - 5,3%, tăng 0,8 điểm; Tân Gia Ba - 4,8%, tăng 2,1 điểm; Mã Lai - 4,6%, tăng 3,3 điểm; Thái Lan - 3,8%, tăng 1,8 điểm; Hongkong - 0,3%, tăng 1,1 điểm; Nam Dương - 1,1%, tăng 1,3 điểm.

Khối Commonwealth đòi trả tự do cho cựu thủ tướng Pakistan

Chính phủ của các nước thành viên thuộc khối Thịnh Vượng Chung (Commonweath) vừa lên tiếng kêu gọi các nhà lãnh đạo mới tại Pakistan trả tự do cho cựu thủ tướng Nawaz Sharif, bị lật đổ ngày 12.10.1999 vừa qua sau một vụ đảo chánh quân sự.



Cựu Thủ-tướng Nawaz Sharif

Tập hợp trong hội nghị thượng đỉnh diễn ra tại Nam Phi, lãnh tụ các nước trong khối cựu thuộc địa Anh đã quyết định ngưng trừng phạt Pakistan và đánh giá là nước này có thể tái ổn định sau khi phục hồi chế độ dân chủ. Trong một thông cáo phổ biến sau cuộc họp ngày 14.11, các nhà lãnh đạo Commonwealth lên tiếng đòi giới quân sự cầm quyền Pakistan trả tự do ngay lập tức cho ông Nawaz Sharif, và lên án việc lật đổ chính phủ dân cử Pakistan là vi hiến.

Tiệp: kỷ niệm 10 năm ngày Cách Mạng Nhung

Sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, cuộc "cách mạng nhung" tại Cộng hòa Tiệp và Slovak đã diễn ra và ngày 17.11 năm nay được đánh dấu kỷ niệm 10 năm ngày cuộc biểu tình vĩ đại dưới đường phố đã dẫn đến sự sụp đổ của chế độ cộng sản Tiệp Khắc.

Trong khuôn khổ các buổi lễ, Tổng thống Tiệp Khắc Vacla Havel đã tiếp đón 5 tác nhân then chốt trong thời điểm ấy: cựu Tổng thống Mỹ George Bush, cựu Tổng thống Liên Xô Mikhail Gorbachev, cựu Thủ tướng Đức Helmut Kohl, cựu Thủ tướng Anh Margaret Thatcher và cựu Tổng thống Ba Lan Lech Walesa.

Vào cuối ngày, phân khoa thần học đại học Charles ở Prague trao tặng ông Mikhail Gorbachev một huy chương vàng trong khuôn khổ kỷ niệm 650 năm ngày thành lập viện đại học này. "Ông Mikhail Gorbachev đã ngăn chặn biến máu và đưa Tiệp Khắc tới hòa bình. Con đường của ông giống như con đường của Đức Jésus đối với César", ông Zdenek Kucera, giáo sư thần học, so sánh. Đáp từ, ông Mikhail Gorbachev nói rằng: "Nhìn lại 10 năm trôi qua, tôi nhận thấy rằng chúng ta đã làm lịch sử"; và "Chúng ta nhận được hòa bình tại các nước, trong đó có Tiệp Khắc của quý ông".

Cuộc cách mạng nhung bắt đầu ngày 17.11.1989 do một cuộc biểu tình bạo động bị cảnh sát giải tán. Những người phản đối dần dần tụ tập đông hơn dẫn đến sự sụp đổ chế độ cộng sản 18 ngày sau đó. Ông Vaclav Havel lúc đó là nhà ly khai chống chế độ cộng sản, được bầu vào ghế tổng thống ngày 29.12.1989, lúc đó còn là cộng hòa Tiệp Khắc, rồi trở thành công hòa Tiệp (Czech), sau khi tách khỏi cộng hòa Slovak ngày 1.1.1993.

Dù đời sống vẫn còn những khó khăn do chế độ cộng sản để lại, người dân Tiệp khắc xác nhận là

cuộc sống của họ vẫn tốt hơn dưới thời chế độ cộng sản.

Nam Dương: sẽ trưng cầu dân ý tại Aceh

Ngày 16.11, Tổng thống Nam Dương Abdurrahman Wahit loan báo là có thể sẽ tổ chức trưng cầu dân ý trong vòng 7 tháng tới về vấn đề quan hệ của tỉnh Aceh với Nam Dương.

Đây là lần đầu tiên ông Wahid loan báo lịch trình tổ chức cuộc trưng cầu dân ý này và nói rõ ông không cho phép Aceh được độc lập hoàn toàn, nhưng chỉ chọn trưng cầu ý kiến người dân về quyền tự trị rộng rãi nằm trong quốc gia Nam Dương.

Ngày 18.11.1999, Tổng thống Abdurrahman Wahit trong bài diễn văn đọc trước 500 dân biểu quốc hội, tuyên bố: "Chính tôi nói phải có cuộc trưng cầu dân ý cho tỉnh Aceh", và giải thích thêm "sự khác biệt quan điểm sẽ làm cho Nam Dương tiến bộ hơn trong tương lai". Hiện nay, nhiều dân biểu lo ngại một cuộc bỏ phiếu sẽ làm tan vỡ Nam Dương, nước đứng hàng thứ tư thế giới về dân số với 210 triệu dân, qui tụ trên 17.000 sắc dân sinh sống trên nhiều đảo, tổng cộng 1.919.440 cây số vuông.

Ông Wahid hiện gần như mù nhưng ăn nói rất trôi chảy, đã nhận được nhiều tràng vỗ tay tán thưởng. Đây là lần xuất hiện đầu tiên của ông trước quốc hội kể từ khi được bầu vào ghế tổng thống cách nay 4 tuần lễ. Quyết định của ông Wahid được các dân biểu yêu cầu giải thích trong tinh thần dân chủ. Điều này chưa hề có dưới chế độ của nhà cựu độc tài Suharto trong suốt 32 năm cầm quyền, xem quốc hội chỉ là nơi hợp thức hóa những quyết định độc đoán của ông ta.

Du kích trong tỉnh Aceh với diện tích 1.750 cây số vuông nằm về phía tây bắc thủ đô Jakarta, đã chiến đấu đòi độc lập từ nhiều năm nay. Hơn 500 người đã chết hoặc mất tích kể từ năm 1998. Các lãnh tụ Phong

Trào Du Kích Aceh Tự Do đe dọa tiếp tục chiến đấu đến khi nào Aceh được độc lập giống như Đông Timor

Đợt lạnh chết người ở châu Âu

Đợt lạnh trong 2 tuần qua đã giáng xuống Âu châu, nhất là tại các nước Đông Âu, đã làm hàng trăm người chết.

Tại Mạc Tư Khoa, cơn lạnh đã làm 56 người chết, đa số là những người vô gia cư và những người say rượu; 200 người khác phải vào bệnh viện vì nứt da và những chứng bệnh khác do nhiệt độ giảm sút dưới 0 độ C gây ra.

Tại Ba Lan cảnh sát đã khám phá ra 25 xác chết trong đó có 2 trẻ em 6 và 7 tuổi. Nhiệt độ tại nước này xuống -15 độ C. Có ít nhất 225 người chết trong mùa đông năm qua, đa số là người lớn từ 40 tuổi trở lên, họ chết vì uống quá nhiều rượu để sưởi ấm.

Hung Gia Lợi không tránh khỏi đợt lạnh tấn công. Đã có hơn 20 người chết và nhiều người bị thương nặng do tai nạn hay say rượu, trượt chân ngã xuống tuyết rồi không gượng dậy nổi. Có người bỏ mạng vì chết lạnh trong những căn nhà không sưởi.

Tại Lô Ma Ni, đô trưởng Bucarest xác nhận rằng thủ đô chỉ còn 2 ngày đầu sưởi dự trữ cho hệ thống sưởi của thành phố 3 triệu người. Tại Tiệp, chính quyền phải áp dụng biện pháp giới hạn điện để tránh sử dụng quá tải gây hư hại cho toàn hệ thống. Tuyết cũng đã làm gián đoạn lưu thông tại nhiều làng phía bắc Tây Ban Nha, cắt đứt với thế giới bên ngoài từ cuối tháng 11. Nhiều vùng khác dọc bờ biển Đại Tây Dương cũng bị trình trạng này. Phi trường quốc tế El Prat ở Barcelone đã đóng cửa trong nhiều giờ.

Tại Pháp, tuyết đã làm gián đoạn giao thông, và cắt đứt điện gaz trong vùng phía đông nam trong suốt tuần lễ. Một số con đường đã bị gián đoạn hoàn toàn.

1999: 2,6 triệu người chết vì AIDS

Chứng bệnh kinh hoàng của thế kỷ đã giết hại 2,6 triệu người trên toàn thế giới trong năm 1999, một con số kỷ lục, và tỉ lệ bị nhiễm bệnh đã tăng gấp đôi từ năm 1997 đến năm 1999 tại các nước trong khối cựu Sô Viết. Đây là bản báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và cơ quan UNAIDS.

2,6 triệu người chết là một con số kỷ lục trong lịch sử truyền nhiễm. Trong khi đó có khoảng 5,6 triệu người lớn và trẻ em đã bị nhiễm bệnh trong năm 1999 trên toàn thế giới. Tổ chức WHO và Chương trình chung của Liên Hiệp Quốc về HIV-Aids (UNAIDS) đã tính tổng cộng có 50 triệu người bị nhiễm siêu vi khuẩn HIV từ khi chứng bệnh quái ác này xuất hiện. Trong số 50 triệu người này, có gần 33 triệu còn sống và 16 triệu người đã chết.

Vùng nhiễm bệnh tăng lên rất nhanh trên thế giới được ghi nhận tại các nước mới độc lập trong khối cựu liên bang Sô Viết. Tại các nước Trung và Đông Âu, số người bị nhiễm bệnh đã tăng cao 1/3 chỉ nội trong năm 1999, đạt con số lên đến 360.000 người. Việc chia sẻ sử dụng các ống chích đã khiến bệnh truyền nhiễm nhiều trong giới trẻ không có việc làm tại một số lớn thành phố kỹ nghệ ở Nga và nhất là ở Ukraine. Tại Mạc Tư Khoa và những thành phố lân cận, số người nhiễm bệnh đặc biệt tăng cao. Ngay cả vùng Siberia, hay ở Irkoutsk cũng có gần 1.300 người bị nhiễm trong năm nay.

Phi Châu vẫn rõ ràng là trung tâm lây nhiễm: con số phụ nữ có phản ứng dương tính đã vượt quá 2 triệu người so với đàn ông. 55% người lớn bị nhiễm tại Phi châu là phụ nữ. Cuối năm 1999 đã có 12,2 triệu người Phi châu và 10,1 triệu người Trung Phi từ 15 đến 49 tuổi sống với siêu vi khuẩn Aids. Các cuộc nghiên cứu cho thấy tại nhiều nước châu Phi, xác suất những thiếu nữ từ 15 đến 19 tuổi bị phản ứng

dương tính nhiều từ 5 đến 6 lần hơn con số thiếu niên cùng lứa tuổi.

Tại Á châu, những nỗ lực phòng chống và chương trình săn sóc năng động hình như không mang đến kết quả: tại Ấn Độ, số người bị nhiễm hiện tăng đến 4 triệu người, nhiều hơn bất cứ nước nào, nhưng ít hơn số dự trù trước đây. Tại Thái Lan và Phi Luật Tân chương trình phòng chống có hiệu lực cho phép hạ giảm hoặc là ổn định tỉ lệ bị nhiễm. Tại châu Mỹ La tinh, Ba Tây đã đưa ra chương trình phòng chống trong năm 1999 tốn 300 triệu đô la trị miễn phí cho 75.000 người bị nhiễm.

Liên quan đến chứng bệnh này tại các nước giàu bắc bán cầu, ông Piot cho biết có sự sút giảm bị nhiễm qua đường tình dục, vì lý do gia tăng liệu pháp mới.

Hai tổ chức WHO và UNAIDS cho biết cần tiếp tục khuyến khích kỹ nghệ bào chế thuốc tây cung cấp với giá phải chăng đối với các loại thuốc mới cho những người bị bệnh.

Người Cuba lưu-vong tại Mỹ đòi bắt Fidel Castro

Những người Mỹ gốc Cuba chống đối Castro đòi chính quyền Hoa kỳ tại Seattle, bắt giữ lãnh tụ Cuba Fidel Castro nếu ông ta đến tham dự hội nghị tổ chức thương mại thế giới WTO như dự định.

Cuba là một trong 135 nước thành viên của tổ chức thương mại quốc tế và sẽ gửi phái đoàn đến tham dự hội nghị, Fidel Castro không từ bỏ ý định sẽ tới dự hội nghị.



*Fidel Castro,
bạo hình bạo dạn tại Mỹ*

Lincoln Diaz-Balart, đại diện đảng Cộng hòa tại Miami, đã nạp một yêu cầu bắt giữ cho biện lý tiểu bang Hoa Thịnh Đốn, Christine Gregoire, trích dẫn trường hợp của nhà cựu độc tài Augusto Pinochet, bị bắt giữ tại Anh quốc theo trát dẫn độ của thẩm phán Tây Ban Nha. Ông muốn việc bắt giữ "Lider maximo" vì tội tấn công và hủy diệt vào năm 1996, hai máy bay dân sự của người Mỹ gốc Cuba lưu vong ngoài không phận quốc tế. Bốn người đã bị thiệt mạng trong vụ này. Theo Cuba, những thành viên tổ chức chống Castro đã vi phạm không phận Cuba và rải các truyền đơn trên bầu trời thủ đô La Havana.

Một thẩm phán liên bang Hoa Kỳ đã đánh giá trong phiên tòa dân sự tại Miami rằng các hành khách trên hai chiếc phi cơ nói trên đã bị "ám sát". Nhưng phát ngôn viên biện lý lại cho rằng việc đó thuộc thẩm quyền của liên bang, không phải của tiểu bang Hoa Thịnh Đốn.

790 triệu người đói

Chương trình lương thực thế giới (WFP) cho biết, trên thế giới hiện có khoảng 790 triệu người thường xuyên thiếu ăn. Nguyên nhân chủ yếu thường là do các cuộc xung đột vũ trang và thiên tai gây ra. Tuy nhiên, nhờ những tiến bộ về kinh tế, trong giai đoạn từ 1990/92 đến 1995/97, mỗi năm số người bị thiếu ăn đã giảm xuống khoảng gần 8 triệu. Những con số này dựa trên những phát hiện trong một công trình nghiên cứu của WFP về lượng calori tối thiểu cần thiết mỗi ngày cho một người thay đổi tùy theo mỗi nước.

Nhưng WFP cũng nói rằng việc giảm được khoảng 40 triệu người bị suy dinh dưỡng trong thời gian 5 năm đó "vẫn chưa đủ để bảo đảm mục tiêu của Hội nghị thượng đỉnh về lương thực thế giới (1996) đã đạt được".

Tại hội nghị này, 186 nước đã cam kết giảm một nửa số người bị thiếu ăn vào năm 2015. Để đạt được

mục tiêu này, mỗi năm cần phải có đủ lương thực cho thêm hơn 20 triệu người nữa, hoặc 2,5 lần mức tăng thực tế.

Trong khi số người thiếu ăn đã giảm khoảng 100 triệu người ở 37 nước, thì nó lại tăng lên khoảng 60 triệu ở các nước khác. Trong thời gian tiến hành công trình nghiên cứu trên, số những người thiếu ăn ở Cộng hòa dân chủ Congo đã tăng từ 36 lên 55% và ở Burundi tăng từ 44 lên 63%.

Các lệnh cấm vận cũng phải chịu trách nhiệm về số người thiếu ăn ở Cuba tăng từ 3 lên 19% và từ 9 đến 15% ở Iraq. Tình trạng suy dinh dưỡng ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến trẻ em, khoảng 200 triệu, một nửa trong số đó là những trẻ em dưới 5 tuổi ở châu Á và một phần ba ở châu Phi.

Tình hình thiếu ăn đặc biệt tồi tệ ở A Phú Hãn, Bangladesh, Burundi, Eritrea, Ethiopia, Madagasca, Nigeria và Tandania. Những nước ở Đông Âu và Liên Xô cũ cũng có tới 26 triệu người thiếu ăn. Nhưng WFP nhấn mạnh thêm rằng các cuộc xung đột vũ trang và thiên tai là nguyên nhân chính gây nên nạn thiếu ăn, và đấu tranh chống lại sự mất ổn định kinh tế và chính trị cũng là nhiệm vụ ưu tiên nhằm giải quyết vấn đề thiếu ăn.

Ở Cam Bốt, số người thiếu ăn đã giảm từ 62% xuống còn 32% vì nội chiến đã chấm dứt và đầu tư cho nông nghiệp tăng lên. Ở Ghana, những tiến bộ về kinh tế đã làm giảm số người bị thiếu ăn từ 29% xuống còn 11%.

Lỗ: Đạt kỷ lục về số trẻ mắc bệnh AIDS

Số trẻ em mắc bệnh AIDS tại Lỗ Ma Ni cao hơn rất nhiều so với các nước khác ở Âu châu. Tin này được ông Adrian Streinu-Cercel, một giới chức trong Ủy ban phòng chống Aids loan báo ngày 23.11.1999.

Phần lớn 8.700 trẻ em vương bệnh AIDS bị nhiễm bệnh từ cuối

thập niên 80, khi chứng bệnh ngặt nghèo này không được chính thức nhìn nhận trong những năm nhà độc tài Ceausescu cai trị Lỗ. Nhiều ngàn trẻ em bị nhiễm do chích các ống tiêm không khử trùng. Kể từ đó kiểu truyền bệnh đã thay đổi: các trẻ em bị bệnh là do những người mẹ trong lúc mang thai hay khi sinh đẻ.

Trong 2 năm qua ngày càng có nhiều người lớn cũng đã vướng bệnh vì lý do ma túy. Có tất cả 10.200 người Lỗ Ma Ni bị bệnh AIDS, trong khi nước này đang bị thiếu thuốc men trầm trọng do nạn suy thoái kinh tế.

từ thành đến tỉnh



Đô trưởng Mạc Tư Khoa kiện đài truyền hình ORT

Đô trưởng Mạc Tư Khoa Iouri Loujkov đã đâm đơn kiện đài truyền hình Nga ORT về tội vu khống. Ông Iouri Loujkov, nhà đối lập chính với tổng thống Boris Yeltsin, đòi đài ORT bồi thường 17,3 triệu mỹ kim thiệt hại, vì đã truyền đi vào mùa thu rằng "Đô trưởng Mạc Tư Khoa có liên quan trong một vụ tham nhũng nhờ đó mà tạo được những tài sản riêng". ORT là một hệ thống thông tin có độc quyền truyền hình khắp nước, được coi như nằm dưới sự lèo lái của người thân cận với Tổng thống Boris Yeltsin. Theo ông Loujkov, ORT là công cụ tuyên truyền chống lại ông được lèo lái từ điện Cẩm Linh.

Ngày 23.11, Viện Duma đã quyết

định phong tỏa tương mục ngân hàng của ORT, trong khi chờ đợi phiên tòa xét xử về việc thâm lạm công quỹ trong đó có liên quan đến Boris Berezovsky.

Disney Âu châu

Từ lâu, chú chuột lừng danh Mickey của Walt Disney đã trở thành biểu hiệu của văn hóa Hoa Kỳ. Đầu thập niên 80, hãng phim khổng lồ này đã tính đến chuyện chiếm lĩnh các lục địa bằng các khu vui chơi mang tên Disney.

Châu Âu được chọn trước tiên. Sau một thời gian lưỡng lự giữa Pháp và Tây Ban Nha nhiều nắng hơn, năm 1985, tổ hợp phim hoạt họa lớn nhất thế giới đã quyết định xây dựng một khu giải trí tên là Euro Disney ở địa danh Marne la Vallée, gần Paris, chỗ giao lưu của các luồng du lịch châu Âu. Bằng nhiều nguồn khác nhau, Disney đã đầu tư vào Euro Disney 3.81 tỷ euros và gặp không ít trắc trở, tưởng phải bỏ cuộc.

Tháng 10.1989, khi Euro Disney gia nhập thị trường chứng khoán Paris, một số không nhỏ thanh niên Pháp đã ném cà chua và trứng thối lên lễ đài và hô to "Mickey go home" (Mickey cút về nhà). Vài tháng sau khi khai trương vào tháng 4.1992, Euro Disney bắt đầu bị kêu ca và kiện cáo về điều kiện làm việc và phương cách điều hành. Từ tháng 1.1993, kinh tế châu Âu bị đình trệ khiến số lượng khách giảm sút, buộc Euro Disney phải giảm giá vé. Kết quả là ngay năm hoạt động đầu tiên, Euro Disney đã lỗ 810 triệu euro.

Vững tin vào công chúng và giá trị đích thực của mình, từ tháng 3.1994, Euro Disney ký hợp đồng cơ cấu lại tài chính với các ngân hàng, kiên quyết đổi mới tiếp thị và quản lý. Đầu năm 1995, khu vui chơi thoát hiểm và bắt đầu thu lời. Đến năm 1998, nó đã đón tiếp 12,5 triệu khách sau 6 năm hoạt động, con số mà Disney Hoa kỳ phải mất chừng 35 năm mới thực hiện được. Năm "lâm an" thứ 6 này, Euro Disney thu

lãi đến 18.29 triệu euros. Ngày 29.9 vừa qua, ban lãnh đạo đã ra thông báo Euro Disney bắt đầu cho xây dựng một khu vực mới gần khu cũ với vốn đầu tư là 609.80 triệu euros và sẽ mở cửa vào mùa xuân năm 2002. Khu thứ hai này sẽ tập trung vào các hoạt động điện ảnh, phim hoạt họa, truyền hình, công nghệ điện ảnh mới..., nghĩa là nó hoàn chỉnh hơn Disney Châu Âu, bắt đầu được gọi chung là Disneyland Paris.

Tìm ra nguyên nhân gây bệnh Alzheimer

Một nhóm các nhà khoa học ở California và Boston (Hoa kỳ) thông báo vừa tìm ra một protein đặc biệt, có tên gọi BACE, đóng vai trò hủy diệt các protein khác và đẩy con người vào căn bệnh mất trí nhớ - bệnh Alzheimer.

Khám phá này được giới y học đánh giá rất quan trọng vì biết được nguyên nhân thì sẽ tìm được thuốc trị. Hiện nay, bệnh Alzheimer đang là mối đe dọa tính mạng của 4 triệu công dân Mỹ, trong đó có cả cựu Tổng thống Hoa kỳ Ronald Reagan. Bệnh bắt đầu bằng việc sút giảm trí nhớ, phát triển thành mất trí và cuối cùng đưa lại cái chết cho người bệnh. Đến nay, nền y học thế giới chưa có một hướng điều trị hiệu quả nào, vì vậy khám phá trên được đón chào như phương thức duy nhất hiện nay.

Y học đã biết rằng, trong não bộ của những bệnh nhân Alzheimer xuất hiện từng mảng tinh bột bao phủ lên các tế bào thần kinh. Qua nghiên cứu, các nhà khoa học Mỹ đã phát hiện ra protein BACE là thủ phạm tạo ra các loại vữa trên để hủy hoại não bộ. BACE thực chất là một loại enzyme hủy protein peptide - một phân tử gồm hai hay nhiều amino acid liên kết với nhau bằng cầu nối nhóm amin với nhóm carboxyl. Sự xuất hiện protein BACE được xem như là lưỡi hái tử thần đối với các protein khác vì nó sẽ enzyme hoá và biến các protein peptide

thành tinh bột, huỷ hoại dẫn não bộ của bệnh nhân.

Nếu so sánh, BACE cũng giống như virus HIV. Chính vì vậy phương thức điều trị cho bệnh nhân Alzheimer cũng giống như điều trị cho bệnh nhân AIDS. Nghĩa là phải tìm ra một loại hoá chất để phong toả protein BACE, không cho nó phát tác và huỷ hoại các protein khác.

Mưa sao băng

50 nhà thiên văn trên toàn thế giới đã tụ tập về sa mạc Ả Rập Saudi để ngắm một đám mây sao băng chiếu sáng bầu trời đêm 17 rạng 18.11.1999.

"Tuyệt vời", một nhà thiên văn người Jordan tham dự hiện tượng này đã thốt lên. "Đó là việc mà chúng tôi không thể phân tích trong khi chúng tôi quan sát bầu trời từ 33 năm nay". Các nhà thiên văn hiện diện đánh giá có hơn 2.000 sao băng đã chiếu sáng bầu trời trong vòng 40 phút.

Lúc thời tiết bình thường, người ta có thể quan sát 10 hay 20 vì sao băng vào ngày 18.11. Nhưng vào năm 1998 và 1999 là thời điểm đặc biệt xảy ra một lần cứ mỗi 33 năm, và sao băng rơi nhiều như mưa rào trên vòm trời.

Viên kim cương trị giá hơn 4 triệu mỹ kim

Một viên kim cương 55,11 carats đã bán với giá hơn 4 triệu mỹ kim trong cuộc bán đấu giá ngày 17.11 do công ty Sotheby's tổ chức tại Geneve, Thụy Sĩ.

Viên kim cương to lớn này được gắn lên một chiếc vỏ nhẫn bằng bạch kim, do một nhà sưu tầm tư ở California quyết mua cho bằng được với giá là 4.041.940 đô la, tức là 300.000 đô la cao hơn lượng giá của nó. Người mua muốn giữ kín tên họ, đã đặt tên viên đá quý này là "Merena diamond".

Đức: vụ án hình ảnh khiêu dâm trên Internet

Bốn năm sau vụ kiện hãng CompuServe Đức về tội đưa hình khiêu dâm lên web, ngày 17.11.1999, tòa phả án Munich đã xử trắng án viên cựu giám đốc hãng này. Tòa dưới kết tội ông ta đã không ngăn chặn trẻ em vào xem trang Web có hình khiêu dâm.

Vào tháng 5.1998, tòa án hành chánh Munich đã kết án Felix Somm 2 năm tù treo và 100.000 đức mã tiền phạt cho 13 trường hợp liên can, bảo vệ cho lý cứ là ông không áp dụng những phương tiện để ngăn chặn việc truyền đi những hình ảnh nêu trên. Compuserve có tới 4 triệu khách hàng trên thế giới.

Địa chỉ vào 200 site cũng đã bị hủy bỏ vào tháng 12.1995 sau một vụ lục soát trụ sở của hãng CompuServe tại Đức, và 5 trụ sở khác vào tháng 2.1996, cùng thời gian này một nhu liệu lọc đã được gửi cho những khách hàng sử dụng. Bào chữa cho Felix Somm, luật sư Ulrich Sieber đã cho rằng "lên án khách hàng của ông khác nào lên án chủ tịch hãng Deutsche Telekom vì tội cung cấp đường dây điện thoại vậy". Dù nhìn nhận rằng Felix Somm không thể làm gì hơn, nhưng công tố viên Wilhelm Hubbert từ chối rút lui vì muốn nêu một trường hợp điển hình cho các nhà cung cấp dịch vụ Internet khác. Felix Somm bị điều tra vào tháng 4.1997, và từ chức Giám đốc CompuServe ít lâu



sau đó.

Anh: mỗi năm 100.000 trẻ em bỏ nhà ra đi

Theo một cuộc khảo sát tại các tổ chức từ thiện cho trẻ em ở nước Anh được công bố cuối tuần trước, mỗi năm nước này có tới trên 100.000 trẻ em bỏ nhà ra đi. Như vậy, cứ 9 em ở độ tuổi 16 thì có 1 em rơi vào hoàn cảnh này và con số đó cao gấp hai lần những tính toán trước đây.

Đây là cuộc điều tra có quy mô lớn lần đầu tiên được tổ chức mà đối tượng của nó là trẻ em vô gia cư. Theo các nhà nghiên cứu, nguyên nhân của thực trạng trên không hoàn toàn do nghèo đói mà là một vấn đề lan rộng ra toàn xã hội. Bằng chứng là tỉ lệ trẻ em bỏ nhà ra đi trong các gia đình giàu có hay nghèo nàn, nông thôn hay thành thị đều bằng nhau. Hơn nữa, theo kết quả khảo sát, ở độ tuổi trên 14, số lượng em gái ra đi nhiều gấp 2 lần so với các em trai, và trẻ em da trắng có xu hướng bỏ nhà nhiều hơn những người thiểu số da màu. Một phần tư trong số những em lần đầu tiên rời nhà rơi vào lứa tuổi 11, trong đó có khoảng 6.000 em chỉ mới 8 tuổi.

Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này là do bạo lực và sự lạm quyền trong gia đình. Sự không ổn định của gia đình và tình trạng cha mẹ bỏ bê không quan tâm đến con cái cũng là một lý do cơ bản. 1/5 số trẻ em trong diện điều tra đã bị cha mẹ chúng tống ra đường và một nửa số đó trốn khỏi nhà do lúc nào cũng phải sống trong lo âu, thấp thỏm. Theo bản phúc trình của sở xã hội, 1 trong số 7 em bỏ nhà đi phải chịu sự cưỡng bức về tinh thần hay tình dục. Nhiều em đã phải ngủ ngoài trời và phải dùng đến phương sách ăn xin, buôn bán chất ma túy, thậm chí còn phải bán mình để kiếm sống. Ma túy và các vấn đề thường gặp ở trường học như bị tẩy chay, bị bắt nạt và hay trốn học cũng là nguyên nhân thúc đẩy trẻ em bỏ nhà. Tuy nhiên, hầu như toàn bộ các em đều

trở về ngay hôm sau. Chỉ 1/7 trong số đó có thể chịu đựng được xa nhà 1 tuần hay lâu hơn.

Ông Ian Sparks - giám đốc Tổ chức xã hội Vì trẻ em - cho rằng đã đến lúc phải để ý xem tại sao trẻ em lại vẫn trở về những ngôi nhà mà chúng đã chạy trốn khỏi đó vì thường xuyên bị thờ ơ và lãng mạ. Toàn xã hội đang kêu gọi xây dựng một mạng lưới để chăm sóc những đứa trẻ này.

Phi-châu thiếu nước

Theo một nghiên cứu mới đây của Tổ chức Hành động Dân số Quốc tế, đến năm 2050, một phần tư dân số thế giới có thể sẽ sống ở những nước bị thiếu nước ngọt thường xuyên hoặc theo từng thời kỳ. Nghiên cứu này cho thấy hiện đã có 430 triệu người, chiếm 8% dân số thế giới, sống ở các vùng bị thiếu nước. Con số này dự kiến sẽ tăng gấp 4 lần, như vậy là gần 2 tỷ người sẽ bị thiếu nước vào giữa thế kỷ tới.

Đã có sự cạnh tranh rất khốc liệt giữa các quốc gia về nguồn nước dùng cho sản xuất nông nghiệp và sản xuất điện, chủ yếu tập trung ở vùng lưu vực sông Tigris - Euphrates và sông Nile. Dọc theo sông Euphrates, các nước Iraq, Syrie và Thổ Nhĩ Kỳ tranh chấp một nguồn nước. Sự tranh chấp này sẽ trở nên căng thẳng hơn nếu dân số các nước này tăng lên khoảng 50% trong vòng 30 năm tới.

Trong khi hiện nay Trung Đông và Bắc Mỹ là các khu vực bị ảnh hưởng thiếu nước thì vùng Nam Sahara châu Phi sẽ bị tác động nhiều hơn nữa trong nửa thập kỷ tới khi dân số ở đây tăng lên gấp đôi, thậm chí gấp ba. Ở một số quốc gia, việc cung cấp nước hiện đã không đủ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khu vực công nghiệp đang phát triển. Trong vòng 10 năm tới, Kenya, Marocco, Rwanda, Somali và Nam Phi dự báo sẽ trở thành những quốc gia hiếm nước.

Mặt khác, cũng theo nghiên cứu

trên, sự phát triển dân số chậm hơn so với trước đây đã dự báo có thể sẽ làm giảm bớt nguy cơ thiếu nước và cho phép có nhiều thời gian hơn để phát triển các chiến lược bảo tồn nước ở Ấn Độ, Pakistan, Jordan, Tích Lan và El-Sanlvador.

Nghiên cứu này được tiến hành dựa trên phương pháp hiện được sử dụng rộng rãi do nhà thủy học Thụy Điển Maliu Falkenmark xây dựng. Nghiên cứu cho thấy những quốc gia có lượng nước trung bình tính theo đầu người hàng năm ít hơn 1.700m³ sẽ phải đương đầu với sức ép thiếu nước định kỳ hoặc thường xuyên, còn những nước có lượng nước bình quân ít hơn 1.000m³ thì sẽ bị thiếu nước nghiêm trọng, làm cản trở phát triển kinh tế và đe dọa sức khỏe, phúc lợi của con người.

“Đồng hồ báo chết” tại Geneva

Tại Geneva, các nhân viên cao cấp của Liên Hiệp Quốc đang đàm phán để cho ra đời một Hiệp ước quốc tế về việc chống quảng cáo, phổ biến nhằm giảm tỷ lệ người nghiện thuốc lá.

Đây là hiệp ước quốc tế đầu tiên đe dọa tới sự sống còn của một ngành công nghiệp độc hại nhưng thu nhiều lợi nhuận nhất trên bình diện toàn cầu và do đó không thể trong ngày một ngày hai có thể đạt được sự thoả thuận giữa Tổ chức Y tế thế giới (WHO) - đại diện cho LHQ - với các đại diện của nền công nghiệp sản xuất, quảng cáo thuốc lá quốc tế. Tuy vậy, ông Gro Harlem Brundtland, Giám đốc WHO, tin chắc rằng vào năm 2003 Hiệp ước này sẽ được cộng đồng quốc tế phê chuẩn và trở thành chiến lược cũng như nền tảng pháp lý để các tổ chức quốc tế, chính phủ và phi chính phủ giám sát hoạt động của nền công nghiệp sản xuất thuốc lá.

Nền tảng của Hiệp ước trên là cấm triệt để việc quảng cáo các sản phẩm của ngành thuốc lá bằng bất cứ phương tiện truyền thông và ấn phẩm trên phạm vi toàn cầu, đánh

thuế thật cao vào mặt hàng thuốc lá và mở rộng khu vực môi trường được bảo vệ khỏi người dùng thuốc lá... Hiệp ước cũng đề xuất việc thành lập một Ủy ban giám sát quốc tế và phối hợp hành động.

Theo WHO, trong các năm qua ngành công nghiệp sản xuất thuốc lá đang chuyển dần địa bàn sản xuất và tiêu thụ sản phẩm sang châu Phi và châu Á. Bởi lẽ tại Bắc Mỹ và Tây Âu, họ đang vấp phải sức ép đòi bồi thường hàng tỷ mỹ kim cho các nạn nhân hút thuốc lá.

Đến năm 2030, các quốc gia thuộc thế giới thứ ba sẽ là thị trường chính tiêu thụ sản phẩm thuốc lá của thế giới và vì thế 70% trong tổng số 10 triệu người bị thiệt mạng hàng năm bởi thuốc lá là công dân của các nước đang phát triển.

Hiện nay Liên minh các nhà hoạt động vì sức khỏe cộng đồng và nhóm Vì quyền lợi của người tiêu dùng đang vận động tiền của để xây dựng “Đồng hồ báo chết” đặt tại Geneva. Theo thống kê của WHO, cứ 8 giây có 1 người hút thuốc bị thiệt mạng và 1 năm có tới 4 triệu nạn nhân. Việc xây dựng chiếc đồng hồ này là hành động ủng hộ tích cực, thúc đẩy LHQ cùng các đối tác có liên quan nhanh chóng cho ra đời Hiệp ước trên nhằm cứu sống một phần nhân loại đang bị khói thuốc mê hoặc và cướp đi mạng sống.

Đài Loan: “Hitler” quảng cáo lò sưởi

Dư luận Đài Loan đang ồn ào về những tấm bích chương của một công ty Đài Loan dán tại trạm xe điện, mang hình Adolf Hitler cười để bán lò sưởi điện sản xuất tại Đức.

Uri Gutman, văn phòng Do Thái về thương mại tại Đài Loan đã gọi việc này là “không tưởng tượng nổi”. Bích chương cho thấy Hitler trong bộ đồng phục với giày boots đen cao, chào theo kiểu nazi và khẩu hiệu: “hãy tuyên bố chiến tranh trên gương mặt lạnh”. Vòng vải đỏ trên cánh tay Hitler mang ký hiệu tên lò

sưởi điện sản xuất tại Đức.

Bà Yu Shan Shen của công ty K.E & Kinstone, chủ nhân các bích chương quảng cáo, biện bạch: "Chúng tôi quyết định sử dụng hình Hitler, vì ngay khi khách hàng nhìn vào, họ sẽ nghĩ tới nước Đức. Điều này để lại một ấn tượng mạnh". Bà nói thêm là không sợ phản ứng tiêu cực của dư luận đối với việc sử dụng hình ảnh của người đã giết 6 triệu người Do Thái, và đánh giá rằng "phần lớn dân chúng Đài Loan không nhạy cảm quá mạnh về hình ảnh Hitler".

Viện bảo tàng Detroit hoãn triển lãm

Tân giám đốc viện Nghệ Thuật Detroit đã đình hoãn việc triển lãm một cuộc trưng bày nghệ thuật tân tiến, vì sợ xảy ra một cuộc tranh cãi mới về tính chất tình dục và tôn giáo.

Ông Graham Beal không ủng hộ dự án, đã quyết định ngưng tạm thời để thảo luận nội dung các tác phẩm với các họa sĩ, như lời giải thích trong ngày 22.11.1999 của giám đốc tiếp thị Jim Bayle. Quyết định này được lấy sau khi có cuộc tranh cãi xảy ra tại bảo tàng viện nghệ thuật Nữ Ước qua cuộc triển lãm "Sensation".

Cuộc triển lãm tại Detroit với chủ đề "Từ nghệ thuật đến hiện tại" đã lên chương trình từ 2 năm nay, lẽ ra được mở cửa từ ngày 17.11, với cuộc triển lãm đầu tiên kéo dài trong 12 tuần lễ, giới thiệu tất cả tác phẩm nghệ thuật trong thế kỷ XX. Đặc biệt sẽ trưng bày tác phẩm của nhà nhiếp ảnh Andres Serrano, cây thánh giá đặt nơi không được thanh sạch, và một tác phẩm khác có tên là "Bathtub Jesus" với một con búp bê mang một bao cao su.

Trẻ em và Internet

Sinh ra dưới thời đại Internet, trẻ em gõ phím máy tính điện tử trước khi cầm bút viết. Đây không chỉ là

sự thay đổi đơn giản về công cụ mà là một thay đổi thực sự về xã hội. Trẻ em của thế hệ Internet đang làm "cuộc cách mạng về tâm tính".

Với Internet, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, chính con cái là người giảng dạy cho bố mẹ. Các công dân của thế hệ mới sẽ rất khác biệt với cha mẹ chúng mà dưới đây là 8 điểm đáng chú ý nhất.

- Dễ gần hơn: thật sai lầm nếu nghĩ rằng, do cứ dính chặt và màn hình máy tính mà trẻ sẽ mất đi cảm nhận về những giá trị tập thể, sẽ làm lì, ít cởi mở hơn. Bởi vì, các trò chơi video tạo những mối quan hệ bạn bè gần gũi mới: dễ chơi giỏi, phải giúp đỡ lẫn nhau, trao đổi thông tin, tóm lại, tạo ra một mạng lưới các mối quan hệ. Internet lại càng không phải là một triệu chứng của một thế giới cô độc, bệnh hoạn. Trái lại, Internet làm cho các cá nhân gần gũi nhau hơn. Nhờ Internet, chưa bao giờ con người lại tạo dựng được nhiều mối quan hệ tiếp xúc như ngày nay.

- Ít xem ti vi hơn: do có nhiều phương-tiện thông tin khác nhau. Ở Mỹ, trong 5 năm, thời gian trẻ em xem ti vi mỗi ngày đã bớt đi 2 giờ. Đáng ngạc nhiên là những trẻ ham chơi điện tử cũng là những em rất thích sách vở: 46% số trẻ dưới 17 tuổi đều dành mỗi ngày 1 tiếng rưỡi để đọc sách, trong khi tỷ lệ này ở người dân nói chung chỉ là 14%. Nếu ham mê máy tính mà không chơi điện tử thì trẻ sẽ đọc sách nhiều hơn nữa: 50%. Chúng cũng thích xem phim hoặc thăm các viện bảo tàng. Tuy vậy, nếu quá ham mê máy tính cũng có hại: trong số trẻ ngồi trước màn hình quá 2 giờ rưỡi mỗi ngày, chỉ có 38% thích đọc sách báo...

- Có cách đánh giá khác về khoảng cách: quen làm mọi việc qua mạng máy tính, thế hệ Internet sẽ không mấy thích thú với việc đi lại, di chuyển, nên sẽ tìm cách sống gần nơi làm việc. Tuy vậy, họ sẽ có bạn bè trên khắp thế giới và sẽ không ngần ngại đáp máy bay để tới nơi ăn tối với người bạn ở xa tít phía đầu

bên kia quả đất.

- Ít tôn trọng tôn ti trật tự hơn: quen với giao tiếp trực tiếp và không chính thức, không lễ nghi, các công dân của thế hệ Internet sẽ từ chối làm việc cho các nhà lãnh đạo quyền cao chức trọng. Không nên hi vọng thế hệ này có sự tôn trọng nào với quyền lực. Nền văn hóa Internet sẽ giết chết những gì còn tồn tại ở quyền lực. Và điều này bắt đầu ngay từ trường học: hệ thống giáo dục vốn thần thánh hóa lời nói của ông thầy sẽ không còn chỗ đứng. Thầy giáo của ngày mai sẽ có mặt không phải để phân phát hiểu biết mà là để giúp tìm được hiểu biết.

- Thông minh hơn: Nghiên cứu của các nhà khoa học Mỹ cho thấy những khả năng về vận động và nhận thức phát triển nhanh hơn trong môi trường năng động, tác động qua lại. Như vậy, trẻ sinh ra dưới thời máy tính điện tử sẽ không những có tầm vóc cao lớn hơn cha mẹ mà còn có chỉ số thông minh IQ cao hơn 15 điểm.

- Khó dứt khỏi màn hình: bình thường, khi đến tuổi yêu đương, khám phá ra giới tính khác, người ta sẽ bớt ham mê chơi điện tử. Dẫu vậy, nguy cơ "nghiện" máy tính vẫn là có thật. Song, các chuyên gia thừa nhận rằng chỉ ở người lớn, và chỉ những người "yếu đuối" mới mắc bệnh nghiện này (ở Pháp là vài trăm và ở Mỹ là vài nghìn người).

- Sẽ không mua hàng khi chưa so sánh được giá cả: với Internet, thói quen tham khảo giá trong nhiều cửa hiệu khác nhau trước khi mua hàng sẽ trở nên không thể cưỡng nổi.

- Đôi lúc lẫn lộn giữa thực và ảo: đắm mình trong nền văn hóa Internet sẽ dẫn đến nguy cơ dần dần lẫn lộn giữa thực và ảo. Cái gì hiện trên Internet cũng nghĩ là đạt được. Và thế giới ảo thật lý tưởng! Ở đây người ta có thể vô tư "đổi đời": một người đàn ông có thể tự coi mình là một người đàn bà, cho mình là đẹp trai nếu xấu xí hoặc cho mình chỉ mới "choai choai" 15 tuổi... dù đã 60!



tin việt-nam

Vì lụt, di tích Huế lâm nguy

Sau những ngày khẩn cấp thoát ra từ cơn lũ khủng khiếp nhất thế kỷ, người dân Huế đang phải đối đầu với một trách nhiệm vô cùng quan trọng, đó là cứu những đền đài, lăng tẩm làm nên diện mạo của Huế đang bị nhấn chìm trong biển nước.

Theo các báo ở VN, không một di tích nào trong kho di sản văn hoá thế giới Huế không bị ngập trong biển nước và chắc chắn sẽ phải bị hư hại. Khu vực Đại Nội, trừ điện Thái Hoà và Thái Bình Lâu, còn lại toàn bộ ngập sâu trong nước. Lũ đã gây sụp lở nhiều nơi của cơ sở hạ tầng: Đường sá, hồ ao bị lấp cạn, cộng thêm sức nước chảy quá mạnh đã làm một số đoạn tường thành của di tích bị sụp đổ. Nhiều khu vực đẹp nay hoa cỏ tơi bời, ngổn ngang bùn đất. Tại mặt sông phía trước chùa Thiên Mụ, nơi có mô đất nhô ra như hình con rùa, là bến nước ghé chân người, là điểm đặt góc nhìn hát lên để ngắm tháp chùa hòn hệu giữa khung trời, nay lũ đã cuốn phăng đi.

Theo bài báo, bờ sông trước chùa Thiên Mụ bị sạt lở chiều rộng 5m, dài 24m, sâu 7m, chỉ còn chưa đầy 1,5m là đến chân cổng chùa. Đoạn bờ này bị sụp lở, không chỉ mất đi vẻ đẹp trong tổng thể kiến trúc của di tích, mà còn gây nguy hại trực tiếp cho các

công trình khác gồm nhà Bia, nhà Chuông và tháp Phước Duyên. Hiện con đường nối Kim Long với Hương Hồ chỉ còn đủ chỗ cho xe hai bánh.

Xóm làng vốn rất nên thơ ở ngã ba Tuần nay chỉ còn những đường sụp lở từ bờ sông vào khoảng 300m, rộng hơn 50m; bờ sông cách La Thành có đoạn chỉ còn 50-60m. Cụm rừng nhỏ trước lăng bị đốn ngã hoàn toàn. Đau nhất là có 20 cây thông 160 năm tuổi chẳng biết lũ đã cuốn trôi về phương nào.

Tại điện Hòn Chén, miếu thờ Ông Hạ Ban, Bà Thủy giờ chỉ còn trơ lại cái nền đá. Nhà Thánh và phía sau Minh Kính Đài sụp thành một đồng gạch vụn. Đáng lo nhất là các công trình khác hiện đang ở trong tình trạng báo động, không được an toàn, có nguy cơ tiếp tục sụp đổ vì ở sát bờ sông và sườn núi. Lăng Tự Đức nay rã rời, xơ xác. Hồ Lưu Khiêm bị đánh sập và cuốn trôi 15m. Những phiến đá trăm năm bị xối lên, những cung đường lăng mạn trong và ngoài lăng ngập ngựa bùn đất. Lăng Thiệu Trị cũng bị sập một số đoạn ở hồ Nhuận Trạch. Lăng Khải Định dù ở trên đồi cao vẫn bị sụp lở mặt bằng phía trước, kéo theo nó hơn 10 cổ thụ, đây là cụm cây đã làm nên một vẻ riêng vừa hoành tráng, vừa âm trầm cho di tích này.

Cũng theo bài báo, mưa lụt đã làm toàn bộ hệ thống mái của các cung điện thấm dột và ngập nước, phần lớn các lăng bị ngập hoàn toàn,

các con đường đến lăng đều trong tình trạng hư hại trầm trọng, ấy là chưa kể đến hệ thống cây cảnh và hoa giống có hàng chục mét khối gỗ, vật liệu xi-măng, sơn, vật dụng bị cuốn trôi. Tuy các hiện vật có giá trị không bị mất, như đã bị hư hại đáng kể. Nhiều bộ bàn ghế cổ, công trình gỗ có tuổi trăm năm bị ngấm trong nước sẽ xuống cấp nhanh chóng. Các công trình trọng điểm có sơn son thếp vàng, các hiện vật bằng giấy, và một số bức tranh bị thấm nước đã hư hỏng hoàn toàn.

Huế ngập trong bùn, rác....

Sau một tuần nước rút, đường phố ở Huế vẫn nặng nề mùi xú uế bởi rác, bụi và bùn đất. Trên nhiều đường phố, cả phố lớn ở khu trung tâm, nhiều bãi rác cố hữu, những đồng rác phát sinh sau lũ chưa được giải tỏa.

Theo báo *Tiền Phong* ngày 18.11.1999, hiện nay, dân chúng tại Huế phải giải quyết hơn 200 khối rác. Và bây giờ thì không chỉ có rác, cả thành phố ngập trong bùn. Đường Bạch Đằng, dài 1.800m, rộng 10,5m, bị bùn đất có đoạn phủ dày 1m, chỉ có xe cơ giới mới giải quyết nổi.

Theo các sinh viên tham gia công tác dọn dẹp vệ sinh, công việc ớn nhất là dọn dẹp xác súc vật trôi giạt vào đã thối rữa.

Sau lũ, học sinh khốn khổ

Miền Trung cần ngay 6.000 phòng học và 2 triệu sách. Báo *Lao Động* số tháng 11.1999, cho biết như vậy.

Theo bài báo, trời miền Trung đã tạnh ráo và có nắng. Bên những ngôi trường tiêu điều còn ngổn ngang dấu tích tàn phá của trận hồng thủy, trên khắp các sân trường, hình ảnh các em nhỏ hồi hả phơi sách vở bị ngập nước khiến ai cũng cảm thấy nao lòng nhưng làm sao để các em sớm được cấp sách tới trường?

Trong muôn vàn tổn thất do lũ lụt gây ra tại các tỉnh miền Trung, sự tổn thất về cơ sở học tập, sách vở, đồ

dùng học tập chưa thể tính được hết trong khi nhà nước CSVN tỏ ra bất lực và vô trách nhiệm về mọi hỗ trợ cấp thời. Theo bài báo, ở 7 tỉnh miền Trung vừa bị lũ lụt có đến 6.000 phòng học bị hư hỏng nặng, hồ sơ sổ sách của nhiều trường không còn. Hơn 2 triệu bản sách giáo khoa bị lũ cuốn mất hoặc hư hại. Đau đớn hơn cả là có đến 46 học sinh và 2 giáo viên bị chết trong nước lũ.

Riêng Thừa Thiên Huế có 445/470 trường học bị ngập nước, trong đó có 186 phòng học bị sập, 16 nhà ở của giáo viên bị cuốn trôi. Tại Quảng Nam có 81 phòng học, 12 nhà tập thể giáo viên bị hư hại trên 50%, 264 phòng học, 11 nhà tập thể giáo viên bị hư hại trên 50%. Hơn 2000 bộ bàn ghế bị nước cuốn trôi, gần 200.000 bản sách thư viện bị ướt và mục nát. Tại Quảng Bình có khoảng 700 phòng học bị đắm nước lâu ngày dẫn đến tình trạng nứt tường, lún móng. Trường Xuân Thủy (huyện Lệ Thủy) do nằm cạnh bờ sông nên bị sạt lở, có nguy cơ đổ xuống sông. Tại Quảng Trị, 2/3 số trường trong toàn tỉnh bị ngập nước độ sâu 3 m khiến cho 7 trường sập hoàn toàn. Ở một số địa

phương như Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh, thiệt hại chưa thể thống kê được.

Trong khi đó, theo báo chí trong nước, nhà cầm quyền vẫn cho tổ chức các cuộc thi hoa hậu rất tốn kém. Mới đây, Hà Nội loan tin kỳ thi Hoa hậu Hữu nghị Thái Lan '99 vừa được tổ chức đêm 17.11, tại Trung tâm Triển lãm Giảng Võ (Hà Nội).

VC cản-trở phái đoàn cứu-trợ của Phật giáo Hoà Hảo

Một phái đoàn Phật Giáo Hòa Hảo quốc nội đã lên đường cứu trợ nạn nhân bão lụt Miền Trung, trao tận tay một số đồng bào tại nhiều nhà thờ... theo tin từ Ban Trị Sự Trung Ương Giáo Hội PGHH Hải Ngoại từ Maryland, Hoa Kỳ.

Phái đoàn này do cụ Lê Quang Liêm tổ chức, với 19 người, trong đó có các cụ Nguyễn Thị Thu, Hà Hải, Tu sĩ Nguyễn Văn Điền, 3 trong số 38 người ghi danh cho biết sẽ tự thiêu đòi tự do tôn giáo. Phái đoàn trước khi lên đường đã liên tục bị nhà nước CSVN quấy phá. Từ những ngày trước đó, cụ Lê Quang Liêm đã nhận

3 cú điện thoại đe dọa. Và vào giờ chót thì Linh mục Chân Tín không thể cùng phái đoàn đi ra Huế, vì Cha Bề Trên Dòng Chúa Cứu Thế tại Sài Gòn không cho phép Linh mục Chân Tín đi. Điều này được suy đoán là công an cũng điện thoại hăm dọa bên Dòng Chúa Cứu Thế. Cụ Trần Quang Châu (Cao Đài) cũng không đi cùng phái đoàn, vì bệnh quá nặng.

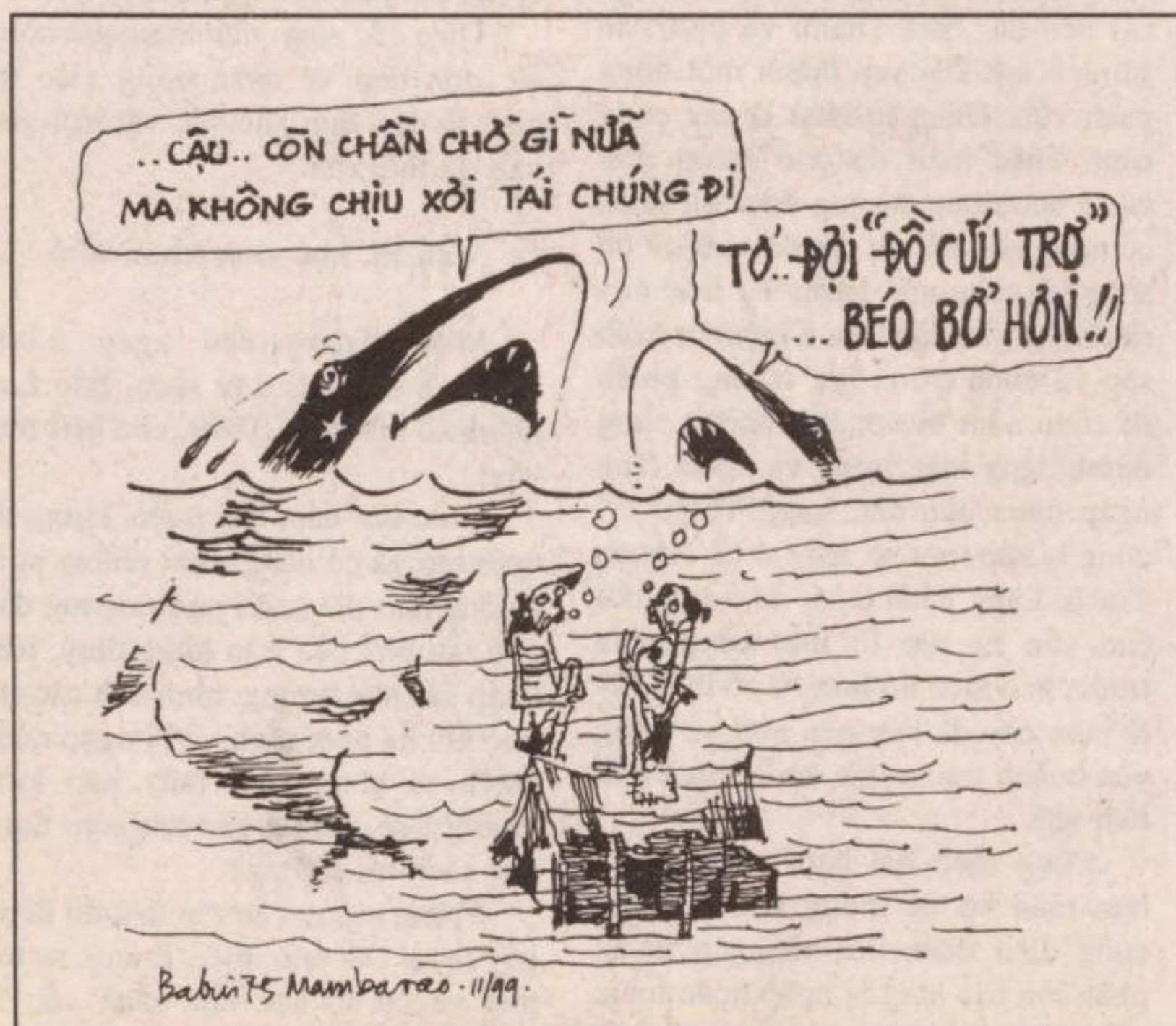
Phái đoàn khởi hành từ Sài Gòn lúc 3 giờ sáng ngày 16.11.1999, đánh lạc hướng công an bằng cách chạy về Miền Tây rồi đổi hướng ra Miền Trung. Phái đoàn đến Bửu Sơn Tự, một ngôi chùa PGHH tại xã Xuân Lộc, huyện Sông Cầu, Phú Yên, lúc 1 giờ sáng ngày 17.11.1999. Nơi đây, phái đoàn giúp chùa 14 triệu đồng VN, 2 tấn gạo, 1 bộ máy thu băng sấm giảng và giàn khuếch đại âm thanh.

Phái đoàn đến Huế lúc 8 giờ sáng ngày 18.11 và bắt đầu phân phát tiền cứu trợ cho 250 gia đình đồng bào nạn nhân tại nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế do đức Cha Bề Trên Lê Viết Phục tổ chức. Phái đoàn cũng giúp Trung Tâm Tâm Thần 1 triệu đồng. Buổi chiều, phái đoàn phát tiền cứu trợ cho 175 gia đình đồng bào nạn nhân tại nhà thờ Giáo Xứ Xuân Long, Huế, do Linh Mục Louis Nguyễn Văn Bình tổ chức.

Lúc 8 giờ sáng ngày 19.11, phái đoàn đến thị trấn Phú Lộc, cách Huế 40 cây số. Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân buộc phải giao tiền cứu trợ cho Ủy Ban, rồi Ủy Ban Cứu Trợ Phú Lộc sẽ phát lại cho đồng bào. Phái đoàn từ chối, phải đi đến 1 thị trấn khác, trong lúc đồng bào nổi giận phản đối Ủy Ban Nhân Dân Phú Lộc.

Phái đoàn cũng ghé Lăng Cô, nơi có một làng bị cuốn trôi ra biển và mở thêm hai cửa biển mới, cách Phú Lộc 10 cây số, tự động phát 190 phần quà cho đồng bào cùng cách như trên. Mặc dù phát tiền tại các nhà thờ, nhưng đồng bào thuộc đủ mọi tôn giáo như Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài.

Vào lúc 6 giờ chiều ngày 18.11.1999, trong lúc phái đoàn nghỉ



ngôi tại khách sạn Vọng Cảnh, thì Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Huế và Sở Công An tới tiếp xúc với cụ Lê Quang Liêm và yêu cầu:

- Phát quà cứu trợ qua hệ thống chính quyền,

- Không được treo biểu ngữ màu đỏ chữ vàng "PGHH Hải Ngoại 17101 Overhill Rd., Derwood MD 20855-USA" trên xe...

Thân nhân của các thành viên phái đoàn trên đều bị công an hăm dọa.

Thừa thầy, thiếu thợ

Theo số liệu của Tổng cục Dạy nghề đưa ra tại một buổi hội thảo mới đây tại Hà Nội, hiện chỉ có 17,8% trong tổng số 38 triệu công lao động cả nước được đào tạo nghề. Phẩm chất và quy mô đào tạo của các trường dạy nghề ngày càng sụt giảm, mất quân bình nghiêm trọng giữa tỷ lệ tuyển sinh đại học và đào tạo công nhân (đại học: 1, công nhân: 2,65).

Trong tổng số 2,5 triệu công nhân diện "chính quy" thuộc tất cả các ngành, nghề vốn vẹn có 4.000 người là thợ bậc cao, 36% công nhân được đào tạo một chương trình tương đối hoàn chỉnh, 39,37 % chỉ qua đào tạo ngắn hạn và 24,6% công nhân chưa hề được qua đào tạo. Quy mô và loại đào tạo đại học chỉ còn 138 trường (giảm từ 222 trường so với năm 1987). Số lượng học sinh học nghề trước đây là 250.000 người mỗi năm đến năm 1999 giảm xuống còn 96.000 học sinh.

Năm 1999, kế hoạch đào tạo đại học "vượt" 150% trong khi kế hoạch đào tạo công nhân quá thấp, dẫn đến sự mất cân đối nghiêm trọng giữa tỷ lệ đào tạo đại học và công nhân kỹ thuật: Đại học 1; Trung học 1,6; Công nhân 2,65 (ở các nước trong khu vực, tỷ lệ này là 1:4:10)".

Ngoài nguyên nhân dẫn đến tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ" do chính sách của nhà nước chưa phù hợp, các tham luận tại Hội thảo còn cho thấy những hạn chế, yếu kém và sự bất cập ngay trong chính hệ thống các

trường đào tạo nghề. Ông Ngô Xuân Độ, Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội, nói: "Thực trạng chung trong các trường đào tạo nghề hiện vẫn là dạy cho người học cái mà mình có chứ chưa dạy cái mà thị trường lao động cần. Mỗi quan tâm hàng đầu của công nhân học nghề là sau khi học xong phải tìm được việc làm. Vì vậy, nếu trường dạy nghề tập trung đào tạo những nghề mà thị trường cần, được thừa nhận về chất lượng đào tạo thì trường đó mới có thể sống được trong cơ chế thị trường".

Trên thực tế, do các trường đào tạo nghề thiếu kinh phí nên trang thiết bị dạy học vừa thiếu, vừa lạc hậu, không theo kịp với công nghệ sản xuất ngày càng hiện đại. Theo thống kê: Có tới 82% số trường thiết bị quá lạc hậu; 40% thiết bị dạy nghề là... biểu đồ, tranh ảnh; 50% thư viện trường có dưới 50 tựa sách. Trong khi nội dung đào tạo nghề vẫn còn trong tình trạng lạc hậu, chấp vá, không phù hợp với công nghệ mới thì đội ngũ giáo viên lại ngày càng sụt giảm

về số lượng, về trình độ cũng ngày càng tụt hậu rất xa so với bước phát triển của công nghệ sản xuất.

Nạn ngộ độc gia tăng

Nếu tháng 1.1999 chỉ có 11 ca ngộ độc phải vào bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) thì đến tháng 10 đã tăng lên gần 90 ca. Đặc biệt, những bệnh nhân bị ngộ độc bởi những nguyên nhân khách quan đang chiếm số lượng lớn. Chẳng hạn bị ngộ độc vì thuốc tẩy giun, vì môi trường làm việc không an toàn...

Khoa Chống độc - Bệnh viện Bạch Mai đã đảm đương một công việc hết sức nặng nhọc. Có những loại ngộ độc rất đặc trưng chỉ có ở VN, như ngộ độc mật cá trắm. Nhiều người cho rằng nuốt mật cá trắm sẽ chữa được nhiều bệnh. Thực chất là trong mật cá trắm có nhiều loại độc tố nguy hiểm. Ngộ độc thuốc chuột cũng xảy ra rất thường xuyên mà chủ yếu là trẻ em. 5 đứa con trong một gia đình ở Sóc Sơn (Hà Nội) bị ngộ độc thuốc chuột chỉ vì ăn phải mì trộn

**Xin báo ngay cho thân-nhân,
bè-bạn ở Việt-nam**

**nghe đài
VIỆT-NAM TỰ-DO**

**từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 30 tối
từ Thứ Hai tới Thứ Sáu
trên tầng số 9965 KHz (31 mét)**

**Giờ Văn Học-Nghệ-Thuật
Làng Văn:
mỗi tối Thứ Hai**

thuốc chuột để dưới gầm giường.

Ngộ độc các loại thuốc an thần cũng có những khó khăn riêng. Một ống thuốc giải độc cho bệnh nhân ngộ độc Seduxen phải mua tới 200.000đ/ống. Dụng cụ xông, rửa dạ dày giá 100 đô la/chiếc...

Đa số sinh viên tốt nghiệp không về nông thôn

Theo thống kê của Hội nông dân ở Việt Nam, hiện chỉ có 20% số sinh viên nông thôn tốt nghiệp đại học về làm việc ở quê. Còn lại 80% bằng mọi cách tìm đường bám trụ ở Hà Nội để kiếm kế sinh nhai. "Vì không có cơ hội tìm việc làm phù hợp, không thể thăng tiến hay phát huy hết khả năng" - theo tâm sự của không ít người trong số họ.

Theo nhiều sinh viên, khi bước chân ra đi từ những làng quê nghèo khó, ước mơ lớn nhất của mỗi sinh viên nông thôn là cố gắng học để trở về xây dựng quê hương.

Xuất thân từ những gia đình nông dân, họ thấu hiểu cuộc sống vất vả của chính cha mẹ, anh em và bản thân.

Hơn ai hết, họ hiểu rằng chính họ sẽ phải là những người làm thay đổi bộ mặt quê hương, thay đổi cuộc sống của chính gia đình mình. Tuy nhiên, cô Nguyễn Thị Hoa, sinh viên Đại học Sư Phạm nói rằng: "Trước đây, những năm đầu vào đại học, ai cũng có những ước mơ, hoài bão đẹp lắm. Đứa thì mong sẽ trở về dạy học ở chính ngôi trường mình đã từng học, đứa thì muốn về phòng văn hoá thông tin của xã để tuyên truyền, đứa

thì mong trở thành kỹ sư nông nghiệp nghiên cứu, cải tiến các giống lúa, năng suất cao hơn cho bà con đỡ khổ... Nhưng sau bốn năm học đại học, chẳng ai còn nhớ đến những ước mơ ấy. Nếu có cũng chỉ coi đó là những suy nghĩ viễn vông, lãng mạn của tuổi trẻ". Khi được hỏi sau khi tốt nghiệp sẽ về quê hay ở lại thành phố, rất ít sinh viên muốn trở về quê hương, chủ yếu là bắt đắc dĩ hoặc có sẵn công việc phù hợp ở nhà. Còn lại số đông sinh viên đều tỏ ý sẽ tìm cách ở lại thành phố lập nghiệp.

Thành Trung, sinh viên khoa báo chí Đại Học Quốc Gia ở Hà Nội cho biết, ở quê nhu cầu báo chí, thông tin quá nghèo nàn: "Cả tỉnh may ra có một toà soạn báo, công việc nhàn rỗi, tin bài ít, không phong phú. Phóng viên lâu năm còn chẳng có việc mà làm hưởng hồ mới ra trường như bọn em!".

Ngọc Anh, sinh viên chuyên ngành sử, về quê dạy học được gần một năm lại khăn gói trở ra Hà Nội: "Cả xã em chỉ có một trường cấp II, đang thừa giáo viên, muốn vào biên chế phải chờ vài năm làm không lương. Chẳng lẽ đi học 4 năm về quê lại đi cày, làm ruộng tiếp hay sao?".

Theo bài báo, cạnh những lý do về điều kiện làm việc, còn có những lý do về điều kiện sống như sự khác biệt quá rõ giữa mức sống ở thành thị và nông thôn. Đối với nhiều sinh viên nông thôn, sau 4, 5 năm sống ở thành phố, họ đã thấy mình không còn thích nghi được cuộc sống nông thôn. Với họ, về quê là chấp nhận một cuộc sống đơn giản, đạm bạc và nghèo.

Để ở lại thành phố, nhiều sinh viên đã xác định phải chấp nhận một cuộc sống nhọc nhằn, vất vả, bon chen và nhiều cạm bẫy, nạn tham nhũng tràn lan. Những sinh viên may mắn xin được công việc phù hợp, ổn định rất hiếm hoi. Còn lại số đông phải làm những công việc tạm bợ để lo cuộc sống trước mắt như làm gia sư, chạy bàn, bán hàng, tiếp thị. Thậm chí, một số nam sinh viên còn đi phụ hồ, bốc vác, chạy xe ôm hoặc xích lô...





trong làng

Đợt sách mới Làng Văn

Thế-Kỷ

Cuốn sách cuối cùng Làng Văn lên khuôn để kết-thúc các đợt sách in trong năm 1999 là cuốn *Thế Kỷ*, nhận-dịnh thời-sự chính-trị và tôn-giáo của Nguyễn Văn Chức.

Tác giả là luật-sư tại Việt-nam trước 1975, nghị-sĩ, Chủ-tịch Ủy-ban Tư-pháp định-chế Thượng-ngập-viện VNCH. Tại hải-ngoại, ông là Tổng Thư-ký Hội-đồng Giáo-dân Việt-nam; tác giả nhiều cuốn sách và bài viết về các vấn-đề của đất nước, tôn-giáo và cộng-đồng.

Tập *Thế Kỷ* sẽ được trình làng ngay sau lễ Giáng-sinh 1999.

tuyệt thư

nguyên hương



Tuyệt Thư...

Cười Chay

Cả Cười đã trình làng cuốn truyện cười thứ sáu: *Cười Chay*, gồm những truyện hiền lành nhất, ngây-thơ nhất, chay-tĩnh nhất. Một bạn đọc trẻ (cỡ 34) sau khi đọc xong *Cười Chay*, nhận-xét: "Truyện cười của chú chay quá sức là chay!" Quý độc-giả thích cười hồn-nhiên, thoải-mái, không vướng mắc vào bất cứ sự cấm-ky nào về chính-trị, xã-hội, đạo-đức, tôn-giáo... xin mời đọc *Cười Chay*.

Cười Mặn

Và quý độc-giả nào thích "xâm phạm" vào ...mọi điều cấm ky, xin mời xem *Cười Mặn*, của cùng tác giả, cũng đã phát-hành khắp nơi, dành cho độc-giả trên 18 tuổi.

Một nữ độc-giả trẻ (dưới 30) sau khi đọc xong *Cười Mặn*, nhận xét: "Sách cười của bác, cháu đọc 10 truyện chỉ hiểu 2 truyện, trong khi chồng cháu cứ cười lăn-lộn từ truyện này qua truyện khác, thấy mà phát ghét!"

Tuyệt Thư

Cuốn sách nhiều độc giả chờ đợi, đã được phát-hành trong tháng là tập *Tuyệt Thư* của Nguyên Hương. *Tuyệt Thư* là "thư gửi từ vùng đất tuyết", nói về mọi chuyện chung quanh đời sống: gia-đình, xã-hội, báo-chí, văn-nghệ, chính-trị...

Đây là một phần của Nguyên Hương trong cuốn "*Mười năm Làng*

Văn trong dòng thời cuộc" (bị hoãn lại vì nhiều lý-do).

Sách đã phát-hành khắp nơi.

Đợt sách đầu năm 2000

Qua năm 2000, nếu không ...tận-thế, Làng Văn sẽ in tiếp các cuốn sách của Cao Xuân Lý (truyện dài), Hoàng Chính (truyện dài), Nguyễn Phong (truyện dài thiên-học), Tống Minh Long Quân (truyện dài xã-hội đen), Xuân Vũ (truyện dài đồng quê miền Nam), Nguyễn Hoài Phương (truyện ngắn miền Bắc và xã-hội VN tại Đông Âu), Bút Chì (kiến-văn thường-thức), Mỡ Làng Văn (*Văn Âu xú sử*), Sơn Tùng (*Làm văn, làm người, làm loạn*)... vốn bị "ứ-đọng" vì nhiều lý-do trong thời-gian qua.

Giờ thứ 32, Văn Học Nghệ-Thuật Làng Văn

Khi tờ báo số 195 này lên khuôn in, *Làng Văn* đã phát-thanh về Việt-nam được 32 chương-trình, mỗi chương-trình dài 1 giờ, gồm tin sinh-hoạt văn-học nghệ-thuật, tin cộng-đồng, nhạc và thi phẩm mới, tâm-tình với văn-nghệ-sĩ và phần tuyển đọc tác-phẩm.

Sau khi phát về Việt-nam, các chương-trình này được phát lại hai lần trên hệ-thống đài Việt-nam hải-ngoại, tại 20 thành-phố ở Hoa-kỳ.

Quý độc giả có thân nhân ở quốc nội, xin nhắc người nhà đón nghe vào mỗi chiều Thứ Hai, từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 30 (giờ Việt-nam), trên làn sóng 9965 kí-lô chu-kỳ, tức 31 mét.

Quý độc-giả muốn giúp-đỡ duy-trì các chương-trình phát-thanh này, có thể tham-gia bằng ba cách:

- Bảo-trợ: 500\$ một năm.
- Tham-gia Hội Bạn: niên-liễm 200\$.

Bảo-trợ-viên và hội-viên Hội Bạn được tặng băng phát-thanh hàng tháng.

- Ngoài ra, mua băng cũng là cách giúp-đỡ Chương-trình. Xin xem danh-sách các cuốn băng đã phát-hành, in tại các trang cuối trong tờ báo quý vị đang cầm trên tay.



và Nguyên Hương

Nhà văn Lê Mai Lĩnh ra mắt sách

Nhà văn Lê Mai Lĩnh đã ra mắt cuốn *Đứng ngồi không yên* và *Thơ Lê Mai Lĩnh* hôm 4.12.1999 tại hội-quán Văn Lang, số 2014 đường Park, thành-phố Hartford, tiểu-bang Connecticut, là nơi ông cư ngụ.

Đứng ngồi không yên, Lê Mai Lĩnh gọi là phóng bút. Quả là “phóng”, nhưng không phải “bút”, mà là lao. Nó xuyên thủng mọi phòng tuyến của vô minh, tham tàn, bội phản và vô lương. Kẻ “đứng ngồi không yên” không phải là tác giả, mà là những kẻ toa rập với tội ác, bán nước, lừa dân.

Thơ Lê Mai Lĩnh không chỉ là thơ, mà là cáo, là hịch, là hiệu triệu, là nhật lệnh: cáo bình Bắc, hịch cứu dân, hiệu triệu nổi lửa, nhật lệnh lên đường! Ông không chỉ là thi-sĩ, mà là chiến-sĩ, giữ cờ đại-nghĩa, châm đuốc hành-quân.

ngoài xã



Mặt Trận Quốc-Gia TNGPVN
sinh hoạt tại Nam California

Vào trưa Chúa nhật 21.11.1999, tại hội trường Garden Grove Com-

munity Meeting Center, khoảng 500 người gồm đại diện giới truyền thông Việt ngữ, các đoàn thể và đồng bào tại hạt Orange và các vùng lân cận, đã đến tham dự một buổi gặp gỡ, thảo luận về hiện hình đấu tranh cho tự do dân chủ tại Việt Nam, do các thành phần nhân sự cao cấp của Tổng Vụ Hải Ngoại, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam, thuyết-trình.

Kỹ sư Đỗ Hoàng Diễm, trưởng cơ sở Mặt Trận tại Nam California trong phần trình bày lý do cuộc gặp gỡ, nêu lên 3 lý do chính:

- Thời điểm chấm dứt một thiên niên kỷ và bắt đầu cho một giai đoạn biến chuyển;

- Tường-trình sự thành hình và các hoạt động tiêu biểu của Mặt Trận trong gần 20 năm;

- Lắng nghe ý kiến đóng góp của đồng bào và giới truyền thông.

Sau phần chiếu phim dương-bản về diễn tiến hình thành và quá trình hoạt động của Mặt Trận là bài nói chuyện về tình hình Việt Nam của ông Nguyễn Kim, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hải ngoại của Mặt Trận. Kế đó là phần thảo luận.

Trong phần này, ban tổ chức lần lượt giới thiệu thành phần tham luận đoàn gồm các ông Nguyễn Kim (Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hải Ngoại), BS Trần Xuân Ninh (Tổng Vụ Phó), TS Phan Vụ Quang (Vụ trưởng Vụ Tổ Chức), bà Trần Diệu Chân, (Phát-ngôn-viên Mặt Trận), KS Đỗ Hoàng Diễm và BS Đặng Vũ Chấn (Điều hợp viên). Ban tổ chức đã dành gần 2 tiếng cho các ký giả và đoàn thể.

Các ông Duy Sinh Nguyễn Đức Phúc Khôi, ký giả Hoàng Sĩ (báo *Đất nước*), ký giả Nguyễn Huy (Sài Gòn Radio Hải ngoại), ông Võ Cự Long (đài Cali Radio), ký giả Nguyễn Căn (báo *Sài Gòn Nhỏ*), ông Đỗ Sơn (đài VOV), ông Nguyễn Văn Hùng (báo *Thời luận*),... đã nêu những câu hỏi liên quan đến nhiều vấn đề từ sự sống chết của tướng Hoàng Cơ Minh, đường lối của Mặt Trận, sự liên hệ giữa Mặt Trận và các tổ chức khác như Liên minh VN Tự do, Hội Chuyên Gia VN,

Phong trào Tuổi trẻ Dân thân... đến các vụ tranh-luận gần đây giữa LS Hoàng Duy Hùng và Mặt Trận.

Nói chung, Ban tham luận đã trả lời, trao đổi, ghi nhận những câu hỏi, ý kiến của cử tọa một cách nghiêm túc và chân tình.

Buổi thảo luận được kết thúc bằng một tiệc trà thân mật.

Houston: Đại hội H.O

Hội H.O. Hoa kỳ tại Houston, tiểu bang Texas đã tổ chức Đại Hội nhằm tường trình công tác trong 2 năm qua, và bầu Ban Chấp Hành mới cho nhiệm kỳ 2000-2002, tại Hội Trường La Rose Garden Hall.

Sau phần nghi lễ, ông Trần Quang Tích, Chủ tịch mãn nhiệm, trình bày hoạt động của Hội trong 2 năm qua. Ông nhấn mạnh các điểm sau:

- a. Về chính trị: Hội H.O. tham gia ủng hộ sự nổi dậy tại Thái Bình- Xuân Lộc, tham gia chiến dịch *Thấp Sáng Niềm Tin*, tham gia tổ chức ngày 30 tháng 4, ngày 19 tháng 6...

- b. Về xã hội: Vận động cử tri tham gia bỏ phiếu Cộng đồng, tham gia cứu lạt Miền Trung, tổ chức Phát Thưởng cho học sinh giỏi...

- c. Về nội bộ: Hướng dẫn con em H.O. học tập, giới thiệu việc làm cho anh em H.O. và gia đình, lập Quĩ Hậu Sự, thăm viếng anh em H.O. khi đau ốm...

- d. Về lập trường: Khẳng định rằng Hội H.O. Hoa kỳ tại Houston là một hội đoàn độc lập, không trực thuộc bất cứ ai hay đoàn thể nào; Hội luôn theo đuổi việc chống chế độ Cộng sản Việt Nam, và luôn tôn trọng các hội đoàn bạn cũng như hỗ trợ các tổ chức đấu tranh chống Cộng.

Chương trình sau đó chuyển sang phần bầu cử, kết quả như sau: liên danh duy nhất của quý ông Phạm Hy, Đoàn Tâm Đồng và Trần Quang Tích được sự tín nhiệm tuyệt đối (46 trên 47 phiếu). Các ứng viên đã cam kết là không về Việt Nam trước đây và suốt trong nhiệm kỳ tới.

Đại hội kết thúc vào 2 giờ 30 chiều cùng ngày.

Giáo hội Phật giáo tại Hoa kỳ quyên góp cứu trợ nạn lụt tại VN

Văn phòng Vụ Xã Hội-Từ Thiện, thuộc Văn phòng Viện Hoá Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa kỳ thông báo là tính đến ngày 18-11-1999, kết toán sơ khởi đợt I quyên góp giúp nạn nhân bão lụt tại miền Trung VN được 223.298 mỹ kim và trên 2 tấn thuốc tây, dầu xanh từ các tự viện, hãng xưởng và đồng hương Phật tử.

Số tiền nhận được, Vụ đã liên tục gửi về văn phòng Tổng Thư Ký Viện Hoá Đạo trong nước, để kịp thời phân phối đến các Ban Cứu Trợ địa phương mà chư Tăng, Ni đã đích thân trao thẳng thực phẩm, thuốc men, quần áo, v.v. đến tận tay đồng bào nạn nhân bị lũ lụt.

Thông báo của Ủy ban Bảo vệ Quốc kỳ VNCH

Ngày 20.11.99, Ủy ban Bảo vệ Quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa vừa cho phổ biến bản tin sinh hoạt có nội dung tóm tắt như sau:

"Đại học La Trobe University (Úc) hiện đang thực hiện một mạng lưới Internet có tính cách sử liệu và giáo dục bằng pháp ngữ, về quốc kỳ và quốc ca của một số các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Địa-chỉ của mạng lưới là:

<http://www.cs.larobe.edu.au/~huc/francais-yuan/anthem.html>

<http://www.cs.larobe.edu.au/~huc/francais-yuan/anthem.html>

Website này hiện đang trong thời kỳ trắc-nghiệm, không biết trường La Trobe sẽ thiết kế vào hệ thống của họ quốc ca, quốc kỳ nào của Việt Nam.

Ủy ban Bảo vệ Quốc Kỳ VNCH, kêu gọi sự tiếp tay của quý đồng hương, đặc biệt giới trẻ, nên liên lạc để tìm hiểu và giải-thích để quốc ca, quốc kỳ VNCH (thay vì của VC) được đưa vào mạng lưới Website nói trên.

Trường hợp quý vị ngần ngại, nhưng biết được địa chỉ hay Email của trường Trobe, xin vui lòng thông

báo cho UBBV/QK/VNCH qua địa chỉ: P.O. Box 850684, Richardson, TX hay gửi điện-tử-thư về địa-chỉ: UBBVQK_VNCH@hotmail.com để tìm cách can thiệp.

Hoạt-dộng của VC tại Mỹ

Trong Cáo-tri số 3, Văn phòng Thông tin Đạo sự của đạo Cao Đài tại Úc, lên tiếng cảnh giác đồng-bào về các hoạt động phá hoại của cán bộ CSVN tại hải ngoại.

Nội dung bản Cáo tri có đoạn phanh-phui một chi-thị khẩn của VC tại Nam Calili, nội-dung như sau:

"Chỉ thị khẩn:

Nhân vụ lũ lụt lớn này các đồng chí ở nước ngoài cần làm gấp mấy điều sau đây":

1) Tấn công mạnh mẽ để bịt mồm, những tên tố cáo về sự trong sạch và nhân đạo của Đảng và Chính phủ ta trong vấn đề liên quan đến cứu trợ. (Lưu ý: lợi tức của các đ/c phụ thuộc vào lợi nhuận của Đảng và Nhà Nước).

2) Phải khai thác việc Việt Kiều đang dốc lòng cứu trợ lũ lụt để dẹp luôn các hoạt động chống Cộng, đặc biệt là vụ xây tượng đài Mỹ-Ngụy ở Westminster.

Cái gọi là tượng đài này Lãnh sự quán của ta ở San Fransico đã cố gắng dẹp nhưng không được, do đó trách nhiệm của các đ/c là phải dẹp hoặc ít ra là làm chậm lại vụ xây cái đài đó càng lâu càng tốt. Cách thực hiện đã được phổ biến qua các chi bộ từng địa phương.

Bí thư Đảng bộ khu-vực Nam Cali."

Mỹ: Đạo-luật HR 3194

Hôm 20.11, Quốc-hội Mỹ vừa thông-quá Đạo luật Ngân Sách Tổng Hợp (HR 3194), dày 2000 trang, trong đó có nhiều đoạn về nhân-quyền, và liên-quan trực-tiếp đến hồ-sơ "HO" của người tị-nạn VN.

Sau đây là tóm tắt về các điều khoản này:

Nhân-quyền tại các nước:

Điều khoản 402, phần G ấn định rằng đối với các quốc gia thiếu nhân quyền và dân chủ, Bộ Ngoại Giao phải tạo phương tiện cho các thành phần lãnh đạo dân chủ và nhân quyền hoặc những người ủng hộ dân chủ và nhân quyền tham gia các chương trình trao đổi với Hoa Kỳ, gồm học bổng Fulbright và những chương trình tương tự. Các tổ chức nhận tài khoản để thực hiện chương trình trao đổi phải được tuyển chọn theo tiêu chuẩn là có khả năng đưa được những thành phần kể trên sang Hoa Kỳ hay không và phải chứng minh là không bị chi phối bởi chính quyền sở tại.

Điều khoản này do DB Christopher Smith (Cộng Hoà, New Jersey) đưa vào để nới rộng một điều luật ban hành năm 1995. Điều luật nguyên thủy này không đặt điều kiện đối với các tổ chức lãnh ngân khoản để thực hiện chương trình trao đổi.

Năm 1998, Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển đã đưa cho Dân Biểu Smith danh sách của một số trường hợp xứng đáng nhưng đã bị nhà nước Việt Nam chặn không cho tham gia các chương trình trao đổi của Hoa Kỳ. Cơ Quan Thông Tin Hoa Kỳ, chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chương trình trao đổi, đã hoàn toàn làm ngơ về tình trạng này.

Với điều luật nới rộng, Cơ Quan Thông Tin Hoa Kỳ sẽ khó làm ngơ vì nay luật ghi rằng: "làm ngơ là cố tình phạm luật".

Chương-trình Fulbright cho Việt Nam:

Điều khoản 104 Phần G ấn định 4 triệu Mỹ kim mỗi năm, cho hai năm 2000 và 2001, để cấp học bổng cho sinh viên và học giả Việt Nam sang Hoa Kỳ tu nghiệp. (Trong hai năm 1998 và 1999, số tiền là 3 triệu mỹ kim mỗi năm.) Trên nguyên tắc các học bổng này phải được cấp cho những thành phần xứng đáng với mục đích khi về nước sẽ góp phần xây dựng một xã hội tự do và cởi mở.

Tuy nhiên trong thực tế thì phần lớn chỉ có thành phần con ông cháu cha hay thành phần có tiền chạy chọt thì mới có điều kiện tham gia. Trong

ngôn ngữ quản-trị (managers' language) đi kèm với đạo luật, Quốc Hội yêu cầu Bộ Ngoại Giao bảo đảm là mọi thành phần xứng đáng phải có cơ hội tham gia và phải tuân hành theo điều khoản 402 kể trên, nghĩa là phải tạo phương tiện cho các thành phần yêu chuộng tự do và dân chủ tham gia chương trình Fulbright thay vì chỉ có cán bộ nhà nước, con cháu của họ, và những kẻ có tiền chạy chọt. Một số uỷ ban trong Quốc Hội sẽ theo dõi vấn đề thực thi điều khoản này.

Ngôn ngữ quản-trị không phải là luật nhưng có giá trị như một chỉ thị. Hành pháp luôn luôn tuân hành theo các chỉ thị này trừ khi có những lý do đặc biệt.

Báo-cáo về tình-trạng nhân-quyền ở Việt Nam:

Điều khoản 209, phần G ấn định là Bộ Ngoại Giao (Mỹ) trong năm 2000 và 2001 cứ mỗi 6 tháng phải báo cáo cho Quốc Hội về việc tìm người Mỹ mất tích và về các vấn đề nhân quyền sau đây: Việt Nam trả tự do cho tất cả các tù chính trị và tôn giáo, Việt Nam hoàn toàn hợp tác trong việc để các cá nhân trong danh sách của Hoa Kỳ tham gia chương trình HO và ROVR, và Việt Nam phải có những biện pháp mạnh mẽ để diệt trừ nạn tham nhũng trong vấn đề xuất cảnh. Ngoài ra Bộ Ngoại Giao phải báo cáo về những cố gắng từ phía Hoa Kỳ nhằm giải quyết các hồ sơ HO, ROVR và U11.

Báo cáo về tự do tôn-giáo ở VN:

Ngôn ngữ quản-trị đi kèm với đạo luật đòi hỏi Bộ Ngoại Giao nội trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành đạo luật, phải báo cáo với các Uỷ Ban Ngân Sách của Hạ Viện và của Thượng Viện về sự hợp tác của Việt Nam trong việc để cho các giáo hội độc lập tự do hoạt động, trong việc hoàn trả các tài sản bị tịch thu từ năm 1975 lại cho các giáo hội độc lập, trong việc để một phái đoàn tôn giáo và bác sĩ từ Hoa Kỳ thăm viếng Đại Lão Hoà Thượng Thích Huyền Quang, và trong việc để các người tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam tham gia các chương

trình trao đổi với Hoa Kỳ.

Điểm cuối cùng trong ngôn ngữ kể trên đòi hỏi Bộ Ngoại Giao không những phải bảo đảm rằng những thành phần yêu chuộng tự do và dân chủ ở Việt Nam được mời tham gia các chương trình trao đổi với Hoa Kỳ, mà còn phải báo cáo về những gì Bộ Ngoại Giao đã làm và sự hợp tác hay thiếu hợp tác của phía Việt Nam.

Cải-tổ chương-trình tị-nạn:

Điều khoản 253 trong đạo luật HR 3194 ấn định là Bộ Ngoại Giao không được tuyển dụng những người liên quan đến chế độ đàn áp để làm việc trong các chương trình tị nạn của Hoa Kỳ, dù chỉ là thông dịch cho những người xin tị nạn. Điều khoản này là kết quả của cuộc vận động cho các hồ sơ HO bị từ chối một cách oan uổng. Trước đây rất nhiều người xin tị nạn đã không dám khai báo gì tại bàn phỏng vấn vì có sự hiện diện của thông dịch viên do Bộ Nội Vụ Việt Nam cung cấp. Kết quả là họ bị bác đơn tị nạn một cách oan ức.

Đầu năm nay, khi văn phòng ODP chuyển từ Vọng-các về Sài Gòn thì vị trưởng văn phòng đã tuyển dụng ngay bốn cựu thông dịch viên của Bộ Nội Vụ, không những chỉ để thông dịch, mà còn để xử lý hồ sơ. Trước tình trạng ngày càng tệ hại này, một số hội đoàn Hoa Kỳ và Uỷ Ban Cứu Người Vượt Biển đã báo động với Quốc Hội. Sau nhiều cuộc thương thảo, Bộ Ngoại Giao cuối cùng đồng ý tuyển dụng nhân viên người Việt từ hải ngoại, như đã trình bày trong bài giải thích về điều khoản liên quan đến các hồ sơ HO.

Điều khoản 253 áp dụng nguyên tắc này cho tất cả chương trình tị nạn của Hoa Kỳ trên thế giới, không riêng gì đối với người Việt. Xem như thế thì kinh nghiệm đau thương của những trường hợp HO bị đánh rớt một cách oan uổng đã là một bài học góp phần cải thiện chương trình tị nạn nói chung của chính phủ Hoa Kỳ trên toàn thế giới.

Điều-khoản xoá nợ cho các nước quá nghèo:

Gần đây, Tổng Thống Clinton ráo

riết vận động cho việc xoá nợ cho những nước quá nghèo, trong đó có CS Việt Nam. Trong chương trình xoá nợ này, các quốc gia chủ nợ sẽ xí xoá tất cả các khoản nợ tích lũy từ trước đến giờ.

Điều khoản 501 thuộc phần Các Khoản Ngân Sách Phụ Trội ấn định điều kiện xoá nợ nhằm ngăn ngừa tình trạng sau vài năm thì quốc gia được xoá nợ lại rơi vào nợ nần như cũ vì nền kinh tế thiếu hữu hiệu hay vì nạn tham nhũng quá trầm trọng. Sau đây là số điều kiện liên quan đến vấn đề tự do dân chủ:

1. Các quốc gia có ngân sách quốc phòng quá cao so với tổng sản lượng quốc gia sẽ không được xoá nợ.

2. Các quốc gia vi phạm nhân quyền một cách trầm trọng không được xoá nợ.

3. Các quốc gia muốn được xoá nợ thì phải chấp nhận cải tổ kinh tế và xã hội để bảo đảm sự trong sạch trong chính quyền, trong vấn đề làm chính sách, và trong tiến trình lập ngân sách quốc gia; phải khuyến khích sự tham gia của dân chúng và các tổ chức ngoài chính phủ vào việc quyết định chính sách kinh tế; phải có một kế hoạch bài trừ nạn nghèo đói và bảo vệ môi sinh; phải phát triển và củng cố khu vực tư doanh; phải mở rộng kinh tế thị trường; và phải có chương trình cụ thể để chống nạn tham nhũng.

Làm sao để khai-thác các điều-luật?

Các tổ chức, đoàn thể, cá nhân quan tâm đến vấn đề nhân quyền và dân chủ ở Việt Nam cần phân công nhau để thực hiện hai nhóm công việc sau đây.

1. Đóng góp cho những bản báo cáo về tình trạng nhân quyền do Quốc-hội Mỹ thực-hiện hàng năm.

2. Giám sát việc tuân hành các điều kiện luật định, đòi hỏi CS Việt Nam giảm chi phí quốc phòng, trả tự do cho tất cả các tù chính trị và tôn giáo kể cả những người đang bị quản chế tại gia, và phải thực sự cải tổ hành chánh, kinh tế, xã hội. ●

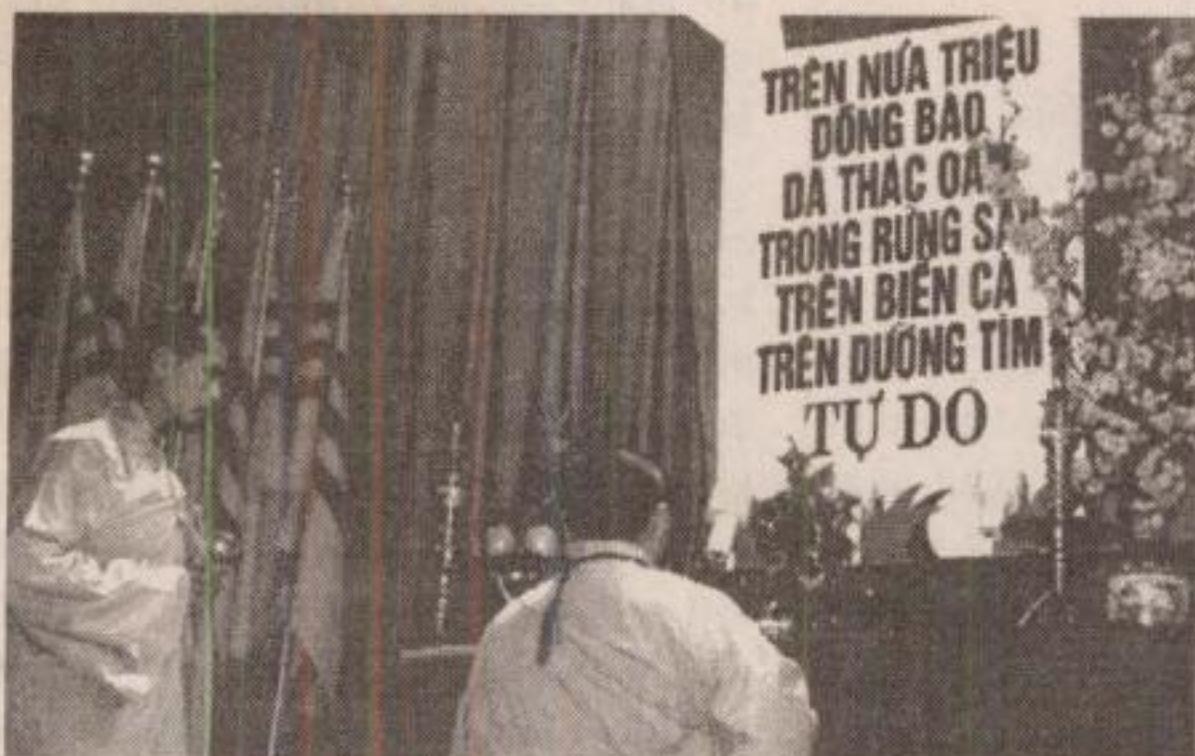
Sinh-Hoạt Toronto: *Những Chặng Đường Tị-Nạn*

Để đánh dấu thời-gian 20 năm kể từ ngày chính-phủ Gia-nã-đại chính-thức mở cửa đón nhận 115.000 thuyền-nhân Việt-nam, các đoàn-thể và báo-chí quốc-gia tại Toronto đã tổ-chức chung một chương-trình sinh-hoạt nhiều ý-nghĩa: *Những chặng đường tị-nạn*, từ 4 giờ chiều Thứ Bảy 27.11.1999 tại trường Central Commerce, Toronto.

Chương-trình gồm có:

- Triển-lãm tội-ác CSVN và hình-ảnh tị-nạn.
 - Nghi-thức cầu siêu cầu hồn cho nửa triệu đồng-bào chết trên đường đi tìm tự-do.
 - Chiếu phim dương-bản về chiến-tranh Việt-nam, tội-ác CS và thảm cảnh thuyền-nhân.
 - Chương-trình ca-nhạc *Những chặng đường tị-nạn*.
- Chương-trình sinh-hoạt đã thành-

công tốt đẹp, do công sức của Ủy Ban Nhân Quyền Toronto, Liên Minh VNTD, Phong-trào Thanh-niên VNTD, Hội Người Việt Toronto, Vovinam, Văn Bút VN Ontario,.. và các sự đóng góp cá-nhân của các cụ Dương Văn Anh, Trần Thiện Thanh, Trần Sáu, Phạm Kim Thư cùng các cán-bộ cộng-đồng như Nguyễn Huy Tâm, Kha Xe, Lê Sơn, Phạm Ngọc Thuận, Trần Duy Chính, Đặng Thanh Chi, Trịnh Mộc Vinh, Trần Minh Thành, Nguyễn Văn Phước,... cùng các văn-nghệ-sĩ Vũ Trọng Phước, Nguyễn Tâm, Trần Đại Sơn, Lưu Văn Giỏi (nhạc-cụ), Văn Khanh, Nguyễn Văn Ngưu, Tôn-thất Hùng, Kim Ái, Đặng Huy Trí, Hoàng Lan, Vũ Tuấn, Mai Thảo, Huỳnh Ngọc Dung, Bích Uyển, Nguyễn Nhật Luân, Nguyễn Hữu Nghĩa



Đại-dức Tâm Hoà làm lễ cầu-siêu, và Linh-mục Trần Xuân Lãm cùng các vị đại-diện giáo-dân thắp hương cho thuyền nhân



Các nghệ-sĩ trình-diễn trong cộng-đồng Việt-Nam và các ca-khúc đấu-tranh cho tự-do dân-chủ tại quê nhà

ta-bà thế-sự

Phan Nguyễn Minh Minh

Thiên đàng của hải tặc

Theo thống kê của Tổ-Chức Hàng-Hải Quốc-Tế (OMI), trong năm 1995 trên thế giới đã có 26 người bị hải tặc giết chết (năm 1994 không có). Năm sau, con số này vẫn vậy nhưng đến năm 1997 tăng lên 51 và năm 1998 vọt lên 67. Trong 5 tháng đầu của năm 1999, Tổ-chức này ghi nhận 18 trường hợp cướp biển giết người, một đà gia tăng đáng ngại. Đó là chỉ nói đến những trường hợp có tử vong. Con số những vụ cướp biển nói chung, nhất là trong vùng biển Đông-Nam-Á, là một mối quan tâm khác của chủ tàu, của nhà chức trách địa phương cũng như của các tổ chức thế giới.

Đầu tháng 6 năm 1999, chiếc tàu Siam Xan Xai của Thái-Lan, tải 2.060 tấn dầu, đột nhiên biến mất sau khi rời Tân-Gia-Ba để đi Thái-Lan. Vài hôm sau, may mắn thay, 16 nhân viên thủy thủ đoàn, trôi giạt trên một chiếc xuồng cấp cứu, được một tàu đánh cá vớt. Theo tường thuật của thủy thủ đoàn, chiếc tàu đầu của họ bị bọn giặc biển đi trên hai thuyền máy tấn công. Thủy thủ đoàn bị bắt buộc phải rời tàu, sau đó tàu của họ biệt tăm biệt tích. Ngày 15.6.99, Liên-Đoàn các chủ tàu của Hiệp-Hội các nước Đông-Nam-Á loan báo cho tất cả các quốc gia trong vùng: "Bọn hải tặc được vũ trang tiểu liên và vô cùng nguy hiểm. Do đó, nhà chức trách của những nước liên hệ nên cấp thời có biện pháp."



Ngày nay cơn giận của chủ tàu và sự lo sợ của người đi biển đã lên đến cực điểm. Trong những năm gần đây, chuyện đánh cướp tàu biển ở Đông-nam-Á đã tăng nhiều, không phải chỉ đối với những chiếc tàu đậu bến. Đôi khi chúng chẳng ngần ngại gì chuyện ra tay hạ sát thủy thủ.

Tháng ba năm 1999, một tàu chở hàng mang cờ Panama bị 20 tên cướp chặn đường ở khu bán đảo Malacca và 16 đoàn viên đã được cứu vớt, sau 4 ngày lênh đênh trên biển. Còn chiếc Tenyu, tàu hàng Nhật mang cờ Panama, biệt tích hồi tháng 9 năm 1998 với 3.000 tấn nhôm thỏi, được tìm thấy hồi tháng 12 năm đó tại một cảng Trung-Quốc, dưới một tên gọi khác. Nhưng, người ta không chút gì hy vọng là 14 thành viên thủy thủ đoàn (Nam Triều-Tiên và Trung-Hoa) còn sống sót. Tháng 11 năm 1998, đến lượt chiếc tàu Cheung Son mất tích ở biển Nam-Hải. Trong số 23 nhân viên trên tàu, thợ đánh cá Trung-quốc chỉ tìm thấy được 6 xác chết mang nhiều vết đạn.

Bản phúc trình mới nhất của Phòng Hàng-Hải Quốc-Tế (BMI), thuộc Phòng Thương-Mại Thế-Giới

(trụ sở đặt tại Luân-Đôn) cho biết trong 6 tháng đầu năm 1999 đã có 114 vụ cướp biển, tăng 14% so với cùng thời kỳ năm 98. Trong số này, 68 vụ xảy ra ngoài khơi Đông-Nam-Á, 28 ở Phi-Châu, 14 ở Nam-Mỹ và 4 ở quanh tiểu lục địa Ấn. Tài liệu này cũng nhấn mạnh ở chỗ thủy thủ càng ngày càng trở thành nạn nhân của những vụ cướp. Vì các số liệu này chỉ tính đến những trường hợp được báo cáo lên BMI nên người ta ước tính rằng con số thực có thể cao hơn gấp 10 lần. Chẳng hạn như ở Phi-Luật-Tân, trong đệ nhất lục cá nguyệt năm 1999 chỉ có 2 trường hợp được báo cáo cho BMI, trong khi hàng hải Phi ghi nhận 20 vụ.

Sở dĩ cướp biển gia tăng như thế là do khủng hoảng kinh tế trong khu vực này và do chính-trị của những quốc gia duyên hải mất ổn định (thí dụ Nam-Dương). Nhưng, theo ông Kei Masuda, vụ trưởng hàng hải của Hiệp-Hội Chủ Tàu Nhật-Bản, "nguyên nhân chính là thủ phạm không bao giờ bị bắt". Đối với bọn hải phi thì rõ ràng là chuyện làm ăn này của họ đem lại nhiều lợi lộc vì họ cướp được tàu và hàng hóa mà không có nguy cơ bị tóm cổ. Cho nên cũng không có gì để ngạc nhiên khi nhiều tổ chức to lớn liên quan đến hành vi tội ác này ra đời, chuyên môn đưa tàu mà họ cướp được đi hóa trang cũng như tiêu thụ hàng cướp được. Bọn cướp biển ít khi bị bắt là vì những quốc gia duyên hải không mấy sốt sắng trong công tác điều tra. Đúng là phần lớn những vụ cướp quan trọng đều xảy ra ở hải phận quốc tế và những chiếc tàu khi tìm lại được thì là tàu lạ và thủy thủ đoàn cũng là người nước ngoài. Cho rằng hành động tội ác kia không xảy ra trong hải phận của mình nên nhà chức trách của những quốc gia phát hiện vấn-đề không điều tra tận tường và cũng không buồn hạch hỏi thủy thủ khả nghi vì họ là người ngoại quốc. Thậm chí nhiều người còn cho rằng những giới có trách nhiệm ở bến cảng và cảnh sát đôi khi có ăn chịu với bọn cướp!

Để giải quyết vấn-đề này, Tổ-Chức Hàng-Hải Quốc-Tế (OMI) đã bắt đầu thảo hoạch những chỉ thị nhằm đạt được một sự hợp tác quốc tế trên phương diện điều tra và truy nã. Nếu như những vụ cướp được tiến hành ngoài biển, nhất định bọn cướp bắt buộc phải tiêu thụ "chiến lợi phẩm" trên đất liền. Như thế, những biện pháp thích nghi được ban hành sẽ có tính cách răn đe nhiều hơn, khi các quốc gia duyên hải bắt giữ và giải giao những người bị tình nghi cho ngành tư pháp. Ông P. Mukundan, người đứng đầu BMI, cho biết: "Đã có luật quốc tế (liên quan đến việc bắt giữ và giải giao bọn cướp biển). Chỉ cần các chính-phủ thi hành thôi." Còn theo ông Noel Choong của Piracy Center ở Kuala Lumpur thì "vấn-đề là các chủ tàu không chịu khai báo những vụ cướp".

Đối với các chủ tàu, khi chiếc tàu của họ là đối tượng của một cuộc điều tra thì sẽ bị nằm bển trong một thời gian dài. Hậu quả là việc chuyên chở hàng hóa sẽ bị chậm trễ và do

đó họ sẽ phải bị thua lỗ nặng nề nên chỉ họ không mấy hăng hái trong việc khai báo. Mặt khác, nếu như nhà chức trách liên hệ không nhận được đơn thưa kiện thì tội gì họ lại phải hành động. Như thế, nếu muốn khuyến khích việc khai báo những vụ cướp biển thì cần phải thiết lập một hệ thống điều tra hữu hiệu và giảm nhẹ những thiệt hại cho chủ tàu nếu họ khai báo những hành động bất lương.

Tháng 2 năm 1999, OMI tổ chức tại Tân-Gia-Ba một hội nghị những người hữu trách trong chính-phủ của các quốc gia liên hệ. Ngày 22 tháng 10 năm 99, đã có một hội nghị khác tại Tân-Gia-Ba về vấn-đề cướp biển và kỳ này giới chủ tàu các nước đã đến tham dự. Giờ đây, các nhà cầm quyền và chủ tàu phải xác định rõ ràng trách nhiệm của mình để cho mọi phía đều nhận thức đúng mức về vấn-đề này.

Làm như điên!

Trong một bài hát của Henri

Salvador (ca sĩ Pháp) có câu: "Lao động là sức khỏe/Chẳng làm gì hết là bảo vệ sức khỏe..." Thế nhưng, ở đất nước Phù-Tang thì trái lại, thiên hạ làm việc như điên vì ngan ngữ Nhật cho rằng: "Lao động là một đức tính". Để chứng minh, người Nhật viện dẫn những con số thống kê cho rằng số lượng người trăm tuổi ở Nhật đã tăng 59 lần (1960: 144 cụ, 1997: 8.491 cụ), ngay trong thời kỳ mà người Nhật được coi như là làm việc như điên. Như thế chẳng phải "Đông là Đông mà Tây là Tây" là một quan niệm có giá trị biện minh, nhưng đúng ra là người Nhật biết cách nghỉ ngơi trong lao động.

Cách nay 4 năm, bác sĩ Shintaro Shiba của bệnh viện tâm thần Fukuchiyama (gần Kyoto) thực hiện một chuyến du hành nghiên cứu ở Đức. Trong thời gian đó, ông rất đỗi ngạc nhiên khi thấy người hướng dẫn của ông nghỉ 4 tuần lễ liền. Ông ghi nhận rằng tất cả các người Đức quanh ông cũng hưởng 6 tuần nghỉ phép có lương mà luật lệ đã quy định.

Dân Đức đã nổi tiếng là những người làm việc cật lực. Dân Nhật cũng thế. Nhưng tại sao người Đức lại hưởng thụ trọn vẹn những ngày nghỉ hàng năm còn người Nhật thì không? Theo bác sĩ Shiba, sự khác biệt này không phải chỉ duy nhất do hoàn cảnh xã-hội, mà phải nói là đặc biệt tùy thuộc vào tâm tính của mỗi dân tộc. Sau nhiều năm suy nghĩ và tìm hiểu, ông cho rằng do mối quan tâm của người Nhật về tiền bạc. Khi nhận quà hay hưởng một đặc ân, người Nhật liền nghĩ ngay đến giá trị tiền bạc của điều đó. Bản chất dân Nhật đã hằn sâu quan niệm "ơn đền, nghĩa trả". Ông Shiba cho rằng, dưới nhãn quan người dân Phù-Tang, đồng tiền, nén bạc có một giá trị to lớn nhất. Theo Shiba thì vì quá coi trọng đồng tiền nên người Nhật thường bị đưa đẩy đến chỗ cảm thấy mình kém cỏi mỗi khi nhận tiền. Chẳng hạn như khi họ lãnh 200.000 Yen, có thể họ có cảm tưởng là đã được trả công quá nhiều so với việc



Những vùng biển nhiều hải-tặc ở Đông Nam Á-châu

làm của họ. Cảm nghĩ đó thúc đẩy họ làm việc nhiều hơn nữa và không thích nghỉ phép lâu dài. Nên chỉ, đằng sau câu ngạn ngữ "Lao động là một đức tính" còn có tinh thần trách nhiệm theo bản năng.

Thế nhưng không phải lúc nào dân Nhật cũng có quan niệm lao động như thế. Dưới thời Edo (1603-1868), sau vụ mùa, nông dân có thói quen đi nghỉ dưỡng sức lâu dài ở những trạm có suối nước nóng. Tùy theo địa phương, số ngày nghỉ thay đổi từ 20 đến 50. Có thể là kể từ thời Minh-Trị (1868-1912) trở đi, khi cấp lãnh đạo thực thi chính sách hiện đại hóa, người Nhật mới bắt đầu coi chuyện nghỉ ngơi và xả hơi như một điều gì xấu xa. Kể đó, trong tình cảnh tăng trưởng mạnh của thời hậu chiến, số nhân công hăng hái trở nên đông đảo làm nổi lên một hệ thống giá trị đề cao tinh thần say mê lao động. Thêm vào đó là nỗi ám ảnh làm thế nào cạnh tranh với Tây phương do chỗ đất nước thiếu tài nguyên.

Cũng nên nhớ rằng, ở Âu châu hồi thế kỷ XIX, người ta ít phân biệt giữa lao động và giải trí. Đến năm 1919, Tổ-Chức Lao-Động Quốc-Tế (OIT) ban hành công ước giới hạn thời gian lao động 8 tiếng trong một ngày và 48 giờ trong một tuần. Sáng kiến này căn cứ trên ý niệm là mỗi ngày con người cần ngủ 8 giờ, mất 8 tiếng cho công việc riêng tư, và như thế, trên phương diện đạo lý, họ chỉ làm việc được trong 8 tiếng, không thể hơn nữa. Năm 1936 ở Pháp, Mặt-Trận Bình-Dân đã quy định tuần lễ lao động 40 giờ và hàng năm 2 tuần lễ nghỉ có lương. Diễn biến này của Pháp, sau đó đã tác động đến nước Đức. Quyền nghỉ nhiều tuần lễ trong một năm của công nhân Âu châu là kết quả của một nửa thế kỷ phấn đấu.

Công ước 132 của OIT, được tu chính năm 1970, quy định tối thiểu công nhân phải có 3 tuần lễ nghỉ có lương, trong đó có 2 tuần nghỉ kế tiếp (không kể những ngày nghỉ bệnh hoặc những ngày nghỉ vì lý do

riêng tư). Nhưng Nhật-Bản không phê chuẩn công ước này, cũng như 18 công ước khác liên quan đến giờ làm việc và chuyện nghỉ có lương. Theo nhà chức trách Nhật thì sở dĩ như thế là vì luật lệ Nhật không phù hợp với tiêu chuẩn của OIT và không thể sửa đổi luật lệ đó một cách nhanh chóng. Chẳng hạn như chuyện nghỉ thường niên, luật lao động quy định tối thiểu là 10 ngày bắt buộc. Nhưng trung bình công nhân Nhật chỉ nghỉ một nửa thời gian này. Và trong số 7 người, chỉ có một người nghỉ trên 5 ngày liên tiếp.

Khuynh hướng lao động này của dân xứ hoa anh đào cũng xuất phát từ lối thuê người truyền thống. Cho đến những năm gần đây, lối mướn người suốt đời và phương pháp tăng lương theo thâm niên đã thôi thúc người làm công phải tận tụy với chủ nhân. Càng làm việc nhiều giờ và không cần nghỉ ngơi là dấu hiệu của lòng trung thành với chủ nhân. Hơn nữa, phần đông người vợ lo việc nội trợ và dạy dỗ con cái nên người đàn ông Nhật-Bản mới có thể lao động được như thế. Nhưng thời thế đã đổi thay. Lối mướn người suốt đời không còn nữa, và giờ đây thành tích quan trọng hơn thời gian làm việc. Và lại, với tình trạng già nua của dân số, chuyện chăm sóc cha mẹ cao niên đã trở thành vấn đề quan trọng của xã-hội. Cho nên, nếu Nhật-Bản không xét lại quan niệm và cung cách nghỉ phép thì không những quyền lợi của công nhân bị thiệt mà xã-hội Nhật còn có nguy cơ bị đứng bên lề trào lưu tiến hóa của thế giới.

Giòng sông hấp hối

Hoàng Hà là một trong những con sông dài nhất thế giới (khoảng 5.000 km), đã từng được vài nhà thơ nổi tiếng của Trung-Hoa tán dương qua thi ca. Nhưng ngày nay, vào cuối thiên niên kỷ, nó chỉ mang dáng dấp của một cụ già đang chờ chết. Giòng sông đang yên nghỉ, đôi bờ trơ trụi với những bãi cát dài. Lòng

sông trước kia rộng hàng bao nhiêu cây số nay đã teo hẹp chỉ còn vài trăm thước. Người ta đã canh tác hoặc xây cất hai bên sông. Từ nay, hai triệu con người cư ngụ hai bên bờ sông phải ngày đêm nơm nớp lo sợ. Nước lên thì dọn đi, nước xuống lại trở về. Hoàng hà chảy qua 9 tỉnh và vùng mà sông là một trong những cạnh của ranh giới. Vì tranh giành giòng nước và bờ sông mà các tỉnh cứ tranh chấp không thôi, đôi khi đi đến bạo loạn.

Như một mảng thịt vừa pha ra, con sông bị cắt xẻ manh mún và nay thì không thể còn chia cắt được nữa. Do đó, dòng chảy của Hoàng Hà đã bị xáo trộn. Từ 1972 đến 1998, nước sông đã cạn 21 lần, nghĩa là trong 5 năm thì có 4 năm bị cạn. Trong trận hạn hán nặng nề hồi năm 1997, suốt 330 ngày nước sông Hoàng Hà không đổ ra biển. Sông bị cạn trên một đoạn dài khoảng 704 cây số, nghĩa là 90% chiều dài đoạn hạ lưu. Điều trầm trọng nhất ở chỗ nó là nguồn nước chính yếu của miền Tây-Bắc và miền Bắc Trung-quốc.

Qua công trình nghiên cứu hiện trường hồi năm 1998, Tôn-Hồng-Lê và các đồng viện của ông ở viện Khoa-học Trung-quốc cho rằng Hoàng-hà suy sụp nhanh chóng một cách trầm trọng và cứ theo đà này, nó sẽ trở thành con sông có lưu lượng tùy theo mùa mưa nắng và chắc chắn sẽ trở nên con sông nhỏ. Ngày nay, Hoa Bắc chẳng còn con sông nào có mực nước ổn định. Lưu lượng trung bình hàng năm của Hoàng-hà là 58 tỷ thước khối và mỗi năm con sông này cuốn đi 1,6 tỷ tấn đất. Nó cần có 21 tỷ thước khối nước để đóng vai trò điều hòa bằng cách đưa một nửa lượng bùn nổi trên ra biển. Nhưng nếu sông bị cạn thì bùn sẽ đóng ở lòng sông. Vào mùa xuân, khi có gió thì bùn kia sẽ bị thổi lên và trải rải rác trên những cánh đồng và làng mạc dọc theo hai bờ. Thế là, sớm muộn gì hiện tượng sa mạc hóa cũng xảy ra.

Kỹ sư Hàn-Liên-Tân, thuộc Ủy-ban Thủy-Lực của Hoàng-Hà, nói

rằng: “Nạn thủy triều đỏ ở vịnh Bohai hồi năm 1998 là do Hoàng-hà bị cạn nước. Sông khô cạn nên hàng chục giống cá di trú không thể ngược dòng để sinh sản và một số giống cá khác có nguy cơ bị hủy diệt. Trong khi đó, trong vịnh Bohai, tảo biển sinh sôi nảy nở dễ sợ làm cho một số lớn sinh vật bị chết đi.” Hoàng-hà bị cạn nước có lẽ đã làm cho vùng đầm lầy của vùng châu thổ sông này mất quân bình, đe dọa trầm trọng sự tồn tại của hàng nghìn giống sinh vật ở dưới nước và chim chóc.

Ba bức ảnh chụp từ vệ tinh trong những thập niên 70, 80 và 90, do viện Quốc gia Bảo vệ Môi sinh thực hiện, cho thấy tình trạng môi trường dọc theo con sông này. Suốt trong hai thập niên 70 và 80, một vùng rộng lớn màu lục bị hiện tượng sa mạc hóa găm nhám. Diện tích bị hiện tượng này tác hại gia tăng 3,9% mỗi năm. Trong những năm 90 chỉ còn lại một vùng màu vàng úa. Ở miền Tây Trung-Quốc, hạn hán đã xâm chiếm khu tự trị Tân-Cương. Hồ nước nổi tiếng Lobnor đã khô cạn từ thập niên 70. Theo các chuyên viên thì kể từ năm 2000, Hoàng-Hà sẽ cạn nước hầu như hàng năm. Và khi sông không còn nước thì dân chúng phải lấy nước ở lòng đất khiến cho mực nước ngầm phải giảm xuống và do đó làm cho đất lún. Ngày nay, ở hai tỉnh Hà-Nam và Sơn-Đông các giếng sâu nhất xuống đến 400 thước. Khi

mà những nỗ lực để bảo vệ cây cối ở thượng lưu không hữu hiệu thì sẽ có nguy cơ là đoạn hạ lưu biến thành một vùng sa mạc khổng lồ.

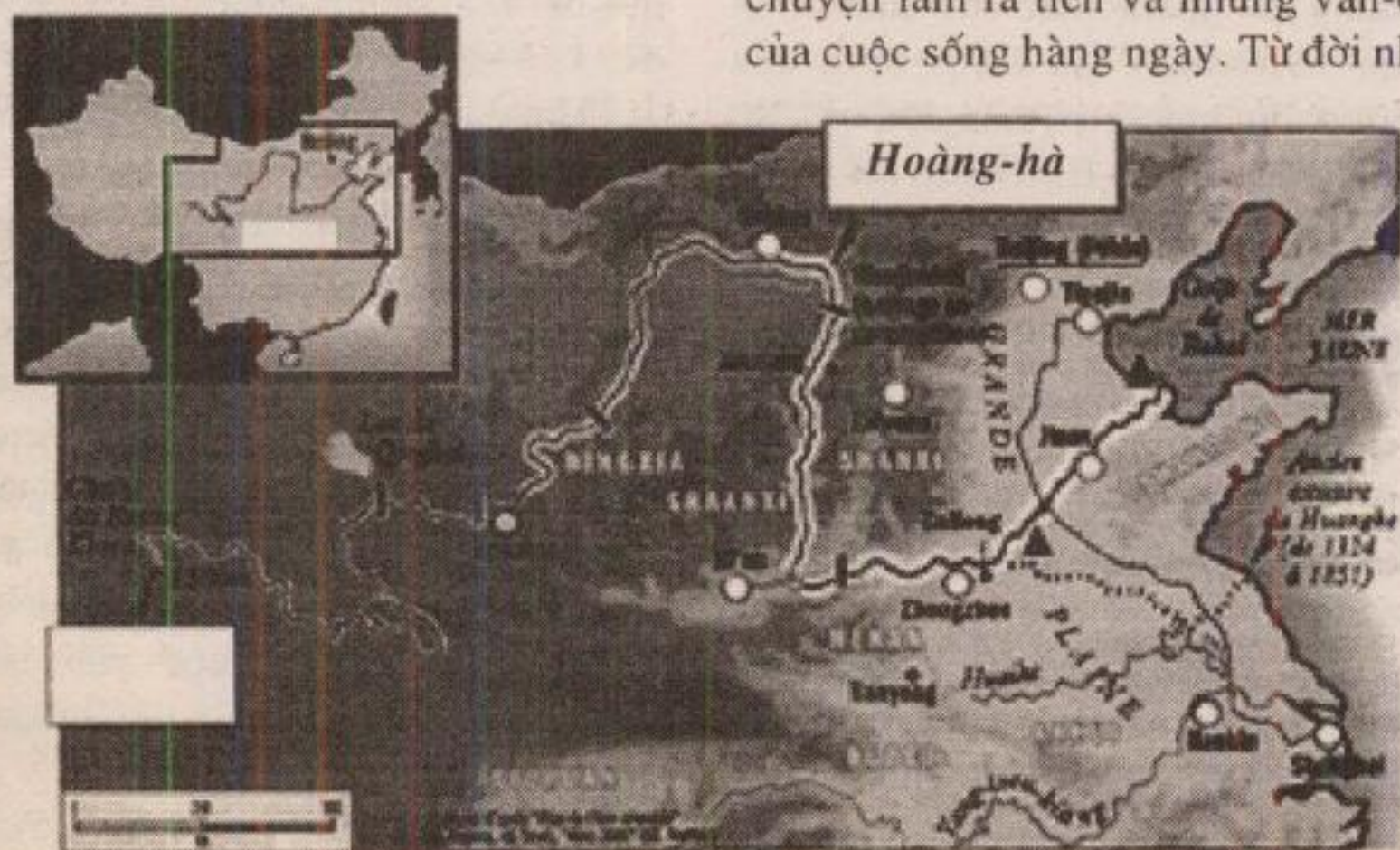
Thế nhưng mặc dù sa sút theo mùa, Hoàng-Hà vẫn còn khả năng gây ngập lụt, dù cho đó là một con sông “cứ trong 3 năm thì có 2 năm làm vỡ đê và cứ một thế kỷ đổi hướng một lần”, như dân gian thường nói. Trận lũ lớn nhất (1843), với 36.000 thước khối nước trong một giây, xảy ra cách nay trên 150 năm. Chu kỳ lên xuống của mực nước Hoàng-Hà là khoảng 150 năm, cho nên người ta dự kiến là rồi đây sẽ bị lũ lụt. Nguy cơ nằm ở vùng hạ lưu. Do chỗ đôi khi lòng sông cao hơn mặt đất xung quanh từ 3 đến 5 thước nên Hoàng-hà có biệt danh là “con sông treo”. Ngày nay, giồng nước của Hoàng-hà cao hơn mặt đất thành phố Tân-Hương (Hà-Nam) 20 thước, và cao hơn mặt đất Tế-Nam (tỉnh lý Sơn-Đông) 5 thước. Hơn nữa, người ta cũng biết là con sông này thường “cựa quậy, phá đê và đổi dời nhanh chóng”. Xuyên suốt qua lịch sử Trung-quốc, lũ lụt sông Hoàng-hà đã từng tràn lên đến Thiên-Tân ở mạn Bắc và xuống tận sông Hoài, phía Nam, làm ngập một vùng rộng lớn khoảng 250.000 thước vuông.

Ở Trịnh-Châu và Khai-Phùng, dường như dân chúng chẳng mấy quan tâm đến nguy cơ lũ lụt. Họ lo nghĩ trước tiên đến sinh kế, đến chuyện làm ra tiền và những vấn-đề của cuộc sống hàng ngày. Từ đời nhà

Tống (960-1279) đến nay, đê điều miệt Khai-Phùng đã bị vỡ 64 lần, và nước lụt đã chôn vùi thị xã này 8 lần. Thế nhưng người dân thị xã cho biết là trong lúc hạn hán họ không bị thiếu nước mà chỉ bị gió cát quấy nhiễu. Đối với người dân Khai-Phùng, lũ lụt là chuyện thông thường, chỉ sợ là khi con sông yên lặng. Ngập lụt vừa phải thì cũng tốt vì đất đai sẽ màu mỡ hơn.

Từ 1972, là năm mà Hoàng-Hà bắt đầu “nghỉ ngơi từng chập”, đất bùn không ngót đôn đống ở lòng sông đoạn hạ lưu. Bùn đã hình thành và chất đống giữa lòng sông làm ra những dãy đất cao hơn các cánh đồng hai bên bờ sông. Càng ngày hiện tượng “con sông treo” càng gia tăng và do đó, có nhiều nguy cơ bị ngập lụt. Ở đoạn hạ lưu, các con đê đã quá nhiều tuổi đời. Đất ở đây chủ yếu là đất cát, và chân đê bị xói lở như tổ ong. Ngày nay, trên hàng trăm cây số, đê không còn đáng tin tưởng nữa vì chiều cao không đủ hay vì quá mong manh. Mục đích của những người có trách nhiệm là làm thế nào cho đê không vỡ ở mạn Trịnh-Châu, dù dưới sức ép của 22.000 thước khối trong một giây.

Thế nhưng, ông Quách-Khai, kỹ sư thủy lực, tỏ ý lo ngại vì ở Trịnh-Châu mực sông Hoàng-hà cao hơn mực trung bình của biển 100 thước và lòng sông với các con đê của nó trông giống như con rắn khổng lồ bò trên những cánh đồng miền Hoa-Bắc và Hoa-Trung. Hai bên bờ sông, không có một chỗ nào cao để trú tránh nếu có ngập lụt. Nếu nước lụt lên cao hơn mực hồi năm 1958 thì hàng khối nước bùn sẽ tràn qua đồng bằng Hoa-Bắc, nuốt trọn Bắc-Kinh, Thiên-Tân (quảng trường Thiên-An-Môn cách mặt biển 43 thước còn thành phố Thiên-Tân chỉ có 1 thước). Trong trường hợp này, ở phía Nam, nước Hoàng-hà sẽ nhập với nước sông Hoài và Dương-Tử-Giang, thế là Nam-Kinh sẽ chìm dưới nước và cửa sông Dương-Tử sẽ đầy cát là cát. Cả nước Trung-Hoa sẽ bị tàn phá!





Vinh Danh Thiên Chúa Trên Trời

Sơn Tùng

Có lẽ hàng năm không đâu đón mừng lễ Giáng Sinh huy hoàng như thành phố New York với cây thông vĩ đại rực rỡ tại Time Square, với những đại lộ giăng mắc đèn hoa muôn màu, và những lễ hội tưng bừng kéo dài từ lễ Giáng Sinh tới Tết Dương Lịch.

Đặc biệt năm nay, người ta chờ đón một lễ Giáng Sinh và ngày đầu năm 2000 lớn chưa từng thấy tại New York. Nhưng cuộc "Vinh Danh Thiên Chúa" năm nay tại New York đang bị thách thức bởi một cuộc triển lãm "nghệ thuật" có tên là "Sensation" tại viện Bảo tàng Brooklyn. Cuộc triển lãm này, được mở cửa từ ngày 2.10.1999 và dự định sẽ kéo dài đến ngày 9.1.2000, đang gây ra những cuộc tranh cãi trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, và cả trước tòa án nước Mỹ.

Ngày mở cửa đầu tiên, cuộc triển lãm này đã thu hút số khán giả kỷ lục: hơn 9,200 người xếp hàng vào xem. Đây không phải là một cuộc triển lãm "vào cửa tự do", khán giả yêu nghệ thuật phải mua vé 9.75 mỹ kim mỗi người và phải đứng chờ 90 phút mới tới phiên được vào cửa. Để xem cái gì?

Phân voi. Phân voi lấy từ Sở thú London bôi trét đầy bức tranh "Mẹ Đồng Trinh Mary", và những mẫu hình ảnh cắt từ các tạp chí dâm ô được dán vòng quanh mặt Đức Mẹ.

Một họa phẩm khác mang tên "Wrecked", vẽ Bữa Ăn Tối Cuối

cùng của Chúa Giê-Su cùng 12 môn đệ, nhưng Chúa lại là... một phụ nữ khoả thân.

Trên đây chỉ là hai họa phẩm bị chỉ trích nhiều nhất. Ngoài ra, còn nhiều tác phẩm gây ngạc nhiên, hay sùng sốt cho khán giả: tấm nệm giường dơ bẩn với những hình tượng về người đàn ông và người đàn bà: cái thùng xô và hai trái dưa gang, và một trái dưa leo dựng đứng với hai quả cam; các bức tượng những cô gái nhỏ mang giày đen đi đêm với những hình ảnh dâm ô che phủ mặt họ; bức tranh khoả thân một phụ nữ vẽ từ nửa lưng trở xuống với hai chân đứng xoạc rộng bó trong hai chiếc vớ màu đen chặt cứng; một tác phẩm làm bằng kim loại không rỉ và các phụ tùng máy lạnh chứa chín lít máu của tác giả, Marc Quinn, mà người xem được cho biết ông ta đã trích máu trong khoảng thời gian 5 tháng.

Những tác phẩm nói trên và những tác phẩm khác của cuộc triển lãm "Sensation" là công trình của một nhóm họa sĩ trẻ thần dân của Nữ Hoàng Elizabeth II. Những tác phẩm này đã từng gây ra các làn sóng chỉ trích tại nước Anh hai năm trước đây, nhưng cũng đã lôi cuốn hơn 350,000 người tới coi.

Nay, những tác phẩm quái đản, tục tĩu và xúc phạm tôn giáo ấy cũng đang gây ra những cuộc tranh cãi ồn ào tại Mỹ.

Thị trưởng New York, ông Rudolph W. Giuliani, đã "phát cờ khởi nghĩa", cầm đầu cuộc chiến nhằm mục đích đóng cửa viện bảo

tàng được tài trợ bằng công quỹ thành phố: 7 triệu đô-la mỗi năm. Một tuần trước ngày khai mạc cuộc triển lãm, ông Giuliani hăm dọa sẽ rút lại số tiền này nếu cuộc triển lãm không bị hủy bỏ.

Cuộc triển lãm đã không bị hủy bỏ mà Viện Bảo tàng Brooklyn còn kiện ông thị trưởng và tòa thị chính New York trước một tòa dân quyền liên bang vì bị cáo buộc là cố tìm cách trừng phạt viện bảo tàng mà lý do là hành xử quyền tự do diễn đạt.

Tòa thị chính New York đã quyết định rút lại số tiền 500,000 đô-la tài trợ mỗi tháng cho viện bảo tàng và cũng nạp đơn kiện viện bảo tàng để chấm dứt hợp đồng thuê mượn tòa nhà, một công ốc của thị xã mà viện bảo tàng đã thuê hơn một thế kỷ. Lý do được viện dẫn là viện bảo tàng đã vi phạm hợp đồng thuê nhà bằng cách "kinh doanh kiếm tiền" khi bán vé vào cửa xem cuộc triển lãm, vì viện bảo tàng nhận tài trợ của công quỹ để dân chúng được vào xem tự do, không tốn tiền.

Theo cuộc thăm dò dư luận của tờ *New York Daily News* thì chỉ có 30 phần trăm dân thành phố ủng hộ ông thị trưởng, trong khi 60 phần trăm lại đứng về phía viện bảo tàng.

Tờ báo lớn *New York Times* cũng ủng hộ cuộc triển lãm...phân voi và cho rằng đó chỉ là chuyện bình thường trong một xã hội tự do, không có gì đáng làm âm ỉ. Nhưng, những người chống cuộc triển lãm đặt câu hỏi rằng nếu mục tiêu bị lãng nhục là người da đen hay người Do Thái thì tờ *New York*

Times có coi là “chuyện bình thường” không? Chắc chắn là không.

Xuất hiện trong các chương trình truyền hình của những hệ thống NBC, ABC, FOX..., ông Giuliani tuyên bố: “Cuộc thăm dò dư luận cho biết đa số chống lại tôi trong vụ này... nhưng đây là một vấn đề nguyên tắc, không dính dáng gì đến những tính toán chính trị”. Và tuy chỉ có 30 phần trăm dân thành phố New York ủng hộ ông, ông Giuliani cho đó là một “thiểu số có ý nghĩa” trong một thành phố lớn như New York. “Ba mươi phần trăm dân chúng bị xúc phạm nặng nề đến tôn giáo của họ, đến những biểu tượng quốc gia của họ, đến cảm xúc của họ, là một tỷ lệ dân chúng rất lớn mà

thị trường có quyền để bảo vệ.” Ông Giuliani cũng cho biết có thể nhân danh một công dân để kiện Viện bảo tàng Brooklyn.

Được hỏi nghĩ gì trước những sự chống đối, viên giám đốc cuộc triển lãm trả lời: “Ngạc nhiên.”

Về phía Thiên Chúa Giáo cũng có sự “ngạc nhiên”. Không phải ngạc nhiên vì những linh vật của họ đã bị đem ra nhạo báng, nhưng ngạc nhiên vì có ít sự chống đối việc lạm dụng tự do để tấn công một tôn giáo. Hồng y John O'Connor, đứng đầu Giáo phận New York, tin rằng sự chống Thiên Chúa giáo “là một trong số ít điều còn lại trên đất nước này nơi mà hình như có rất ít sự bất bình trước những tấn công như vậy.”

Thật thế, đây không phải là lần đầu tiên đức tin Thiên Chúa giáo bị tấn công. Trước đây đã có những tác phẩm điêu khắc hay hội họa, và kịch nghệ bôi bác những hình tượng Thiên Chúa giáo, và càng ngày càng có vẻ đang biến thành một “trào lưu”. Gần đây, người ta đã vẽ Mẹ Đồng Trinh Mary đang chui ra từ một âm đạo, Mẹ Mary bị nhét trong một cái “áo mưa”, Mẹ Mary mang vớ hồng và để hở một phần ngực, Mẹ Mary gửi áo khoác để vào phòng... phá thai, và nhiều tác phẩm sống sượng nhái theo bức tranh trứ danh Bữa Ăn Tối Cuối Cùng - như cái đang được trưng bày trong cuộc triển lãm “Sensation” ở New York.

Trong lúc người Mỹ tranh cãi về cuộc triển lãm “Sensation” ở miền Đông thì tại miền Tây Hoa Kỳ, người Việt cũng không đồng ý với nhau về một cuộc triển lãm có tên là “A Winding River, the Journey of Contemporary Art in VietNam” tại viện Bảo tàng Bowers ở Los Angeles.

Người Việt tị nạn đã biểu tình phản đối, cho rằng cuộc triển lãm này là một công cụ tuyên truyền của CS Hà-Nội. Một số người Việt khác - cũng tị nạn, lại chỉ trích những người biểu tình là không tôn trọng quyền tự do sáng tác của nghệ sĩ.

So với sự bôi bác những hình tượng Thiên Chúa Giáo của cuộc triển lãm “Sensation” thì các họa sĩ tại nước Cộng-Hòa Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam còn nhẹ tay với Phật Giáo. Họ chỉ vẽ Phật tử đang đọc kinh niệm Phật là những con chuột dơ bẩn, và mặt Phật thì đỏ gay và hung dữ như mặt... tướng cướp.

Bên vực quyền tự do sáng tác của các nghệ sĩ tại Việt Nam, ông Nguyễn Quí Đức ở “thủ đô tị nạn” Quận Cam đã viết bài đăng trên báo Mỹ (*Los Angeles Times*) để chỉ trích những đồng hương biểu tình là muốn “kiểm duyệt” nghệ thuật.

Ông Nguyễn Quí Đức viết như sau, qua bản dịch của Ngọc Anh:

“Không thể chỉ vì những cuộc



Tranh *The Holy Virgin Mary* của Chris Ofili

biểu tình phá khuấy (tiresome demonstrations) để rồi tự ngăn cấm mình phải tránh xa Bảo Tàng Viện Bowers. Duy trì thái độ im lặng cũng tương tự hành động nhạo báng những nổi thống khổ tôi đã được mắt thấy tai nghe. Đồng thời sự im lặng cũng đồng nghĩa với sự bôi bẩn những bài học lịch sử tôi đã học được từ những vị anh hùng Việt Nam từng đứng lên chống đối sự đàn áp. Điều đó còn làm mất hết ý nghĩa của những năm tháng quyết tâm duy trì sự sống còn mà cha tôi đã chịu đựng trong những trại tù của chế độ Cộng sản. Và sự im lặng cũng là hành động phản bội lại niềm tin của chính mình, sự đòi hỏi tuyệt đối và bổn phận dành cho người cầm bút hầu bảo vệ quyền tự do phát biểu - cho chính bản thân hay cho những người chung quanh.

"Bạn bè và đồng nghiệp đã hết sức khuyến can tôi đừng nên đặt chân đến viện bảo tàng. Nếu không nghe, tôi sẽ bị chụp m? là kẻ thân cộng, sẽ có nguy cơ mất đi thanh danh và những cơ hội với các nỗ lực của tôi trong mạng lưới truyền thanh. Tuy nhiên tổ chức truyền thông nào có thể chấp nhận sự kiểm duyệt, ngoại trừ trong các quốc gia cộng sản? Có người còn cảnh cáo rằng một số người biểu tình không còn biết lẽ phải trái, họ sử dụng biểu ngữ chống cộng nhằm tạo uy thế cá nhân. Một thành phần biểu tình khác cũng cho rằng tôi không sống dưới chế độ cộng sản nên khờ khạo về chế độ này. Tuy nhiên hàng ngàn bức tranh tuyên truyền cho chế độ cũng không tẩy xóa được chứng cứ sụp đổ của chế độ này.

"Tôi có thể tạm đồng ý với những người cho rằng trao đổi văn hóa với Việt Nam là hành động một chiều. Nhưng kiểm duyệt cũng không phải là câu trả lời. Những thành phần quan tâm đến vấn đề nên bắt đầu đối thoại với viên đại sứ của Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn để bàn cãi xem giới cầm quyền tại Việt Nam có sẵn sàng cho phép quyền tự do tư tưởng tại Việt Nam."

Nhà văn Ngọc Anh đã nhắc nhà báo Nguyễn Quí Đức rằng biểu tình và kiểm duyệt là hai việc hoàn toàn khác nhau: "Quyền kiểm duyệt ở thế chủ động, trong khi quyền biểu tình nằm ở thế bị động. Kiểm duyệt là hành động áp đặt, buộc phải tuân lệnh. Biểu tình chỉ là phương thức bày tỏ nguyện vọng của một số đông người cùng chung lý tưởng; đây là hình thức yêu cầu, hay xin trong danh dự. Bằng chứng là Viện Bảo Tàng Bowers vẫn tiếp tục cho triển lãm tranh của Cộng sản Việt Nam mặc cho cuộc biểu tình của người Việt trước cửa viện bảo tàng."

Cuộc biểu tình của người Việt bị nạn trước Viện Bảo Tàng Bowers ở Los Angeles chẳng khác gì cuộc biểu tình của các nữ tu Thiên Chúa Giáo trước Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Brooklyn ở New York, hay các

cuộc biểu tình của đủ thứ phe nhóm diễn ra hàng ngày trước Tòa Bạch Cung ở Washington.

Đó là dân chủ, là tự do, không phải "kiểm duyệt".

Còn nếu các họa sĩ ở Việt Nam vẽ mặt Phật hung dữ như mặt tướng cướp và đồng hóa Phật tử với chuột, đó không phải là tự do mà chỉ là hành động báng bổ tôn giáo.

Ngày nay, ngay chính tại Mỹ và Âu Châu người ta cũng cho rằng "thế giới nghệ thuật" đã đi quá xa trong khi nhân danh tự do để tạo ra những cái được gọi là "nghệ phẩm" xúc phạm đến đức tin và cảm xúc con người. Người ta cho rằng những người không có đức tin nên công khai tranh luận hơn là tấn công một tôn giáo bằng cách báng bổ các biểu tượng của tôn giáo ấy, kể cả những cuộc diễn hành ngoài đường phố với những gã râu rậm mặc áo nữ tu hay cho những tên mặt mày đàn độn làm giả Chúa Giê-su và các giám mục. Đây là những hình thức tuyên truyền chính trị rẻ tiền. Và, sự tuyên truyền tệ hại cần phải bị lên án, ngay cả khi nó núp dưới danh nghĩa nghệ thuật.

Và lại, việc vẽ tranh gửi ra nước ngoài triển lãm cũng không dính

dáng gì đến tự do sáng tác tại Việt Nam. Không ai không biết những bức tranh đang triển lãm tại Bảo Tàng Viện Bowers đều đã bị kiểm duyệt trước khi được gửi ra nước ngoài, nếu không phải là đã được sáng tác theo đơn đặt hàng của nhà nước. Việt Nam chỉ có tự do sáng tác khi nào một họa sĩ có thể vẽ mặt Hồ Chí Minh như mặt quỷ, với hai con mắt đỏ ngầu và có răng nanh, giống như các họa sĩ tại Mỹ thường vẽ Tổng thống Clinton với cái áo nịt ngực phụ nữ lòng thông ở túi quần, và dấu son in khắp mình mẩy.

Nhưng, bàn cãi xem các văn nghệ sĩ dưới một chế độ cộng sản có tự do hay không là điều vô bổ, và cũng khôi hài như ý kiến "nên bắt đầu đối thoại với viên đại sứ của Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn để bàn cãi xem giới cầm quyền tại Việt Nam có đang sẵn sàng cho phép quyền tự do tư tưởng tại Việt Nam."

Đối thoại với "viên đại sứ của Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn" có khác gì "đối thoại" với... cái đầu gối?

Thật đáng kinh ngạc trước sự "ngây thơ" của một cựu thuyền nhân tự nhận là "chống cộng", là có "thanh danh trong mạng lưới truyền thanh" tại "thủ đô tị nạn".

Cuộc triển lãm với cái tên màu mè dài lê thê "Giòng Sông Uốn Khúc, Cuộc Hành Trình của Nghệ Thuật Đương Thời tại Việt Nam" cũng chỉ là một trong những trò tuyên truyền của CS Hà-nội ở nước ngoài được thực hiện bởi những họa công, văn công, nhạc công, vũ công... ngoan ngoãn tuân lệnh đảng. "Cuộc hành trình" ấy sẽ đi đến đoạn đường cuối cùng giống nhau của các chế độ độc tài.

Cộng sản Liên-Sô đã ra sức đàn áp và tiêu diệt tôn giáo, nhưng cũng chỉ tồn tại được 70 năm.

Cộng sản Việt Nam cũng đang theo "cuộc hành trình" ấy, và sẽ tồn tại thêm mấy năm nữa?

Và loài người vẫn tiếp tục đọc kinh niệm Phật, hay Vinh Danh Thiên Chúa Trên Trời...

Mây Mù Trong Lòng Người

Bùi Anh Trinh

(Viết cho người Việt quốc-gia,
tiếp theo bài Mây mù trong mắt ai,
đã đăng trên Làng Văn số 191, 192 và 194)

Ai chi tiền và ai chi phổi?

- "Tôi xin nói thật rằng những người "quốc gia" chưa tạo nên niềm tin đối với đồng bào trong nước. Bà con ta, đại khối gần 80 triệu người trong nước, tuy bị bộ máy tuyên truyền trong nước khống chế, điều kiện hoá, đã qua kinh nghiệm bản thân hiểu được sự thật, chán ngấy với sự lãnh đạo cổ lỗ của đảng Cộng Sản, nhưng vẫn chưa được thuyết phục bởi người "quốc gia". Có người tuy biết rõ sự thật, hiểu tình hình đất nước, nếu phải lựa chọn, họ vẫn lựa chọn người "Cộng Sản" hơn là người "Quốc gia" (Mây mù thế kỷ, Bùi Tín, tr. 291) - "Ở trong nước, đồng bào ta, kể cả những người sống trong chế độ Sài Gòn cũ, cũng không nuôi tiếc và hy vọng gì về những người "quốc gia" ở nước ngoài." (tr. 185)

- Chính vì không tin người Quốc gia cho nên ngày nay đại khối gần 80 triệu người trong nước phải hứng chịu muôn vàn cay đắng. Họ không tin vì họ bị dụ dỗ mê hoặc bởi những lời mật ngọt của những tay cán bộ Cộng Sản. Một điều họ gọi "đồng bào ta" hai điều họ kêu "bà con ta", trong khi đó họ hút hết máu của đồng bào ta, bà con ta. Ngày nay dân tộc Việt Nam mới sáng mắt ra và mới thấy những người Quốc gia có lý. Họ không mong người Quốc gia vì ngày xưa họ đối xử với người Quốc gia có ít nhiều tệ bạc. Nhưng

một điều họ không ngờ và ông cũng không nghĩ tới, là một khi: "đã qua kinh nghiệm bản thân hiểu được sự thật, chán ngấy với sự lãnh đạo cổ lỗ của đảng Cộng Sản..." tức là họ đã trở thành "người Quốc gia" mà không hay, bởi vì người Quốc gia là người "không chấp nhận chế độ Cộng Sản".

Vậy thì việc còn lại của họ ngày hôm nay là hãy mạnh dạn xưng mình là người quốc gia và đứng lên. Những người Quốc gia hải ngoại lúc nào cũng tha thiết hướng về họ và sẵn sàng hỗ trợ với tất cả khả năng và tấm lòng. Sự hỗ trợ này không có biểu hiện nào âm ỉ nhưng khi cần thiết nó sẽ bùng lên mạnh mẽ. Sự kiện Trần Trường tại phố Bolsa đầu xuân năm Kỷ Mão đã nói lên điều đó. Chỉ cần trong vòng 24 tiếng đồng hồ, 5 vạn con người tại một địa phương nhỏ bé của Hoa Kỳ đã có mặt tại chỗ để biểu thị lập trường chống cộng của mình. Đó mới chỉ là một sự biểu lộ có tính cách đại diện, họ chưa đi đến thái độ quyết liệt của toàn thể cộng đồng.

Thưa diễn giả, hiện nay xung quanh ông là những con kên kên mặc áo "quốc gia", nó cũng chia ra tám danh thiếp Quốc gia bởi vì nó ngửi thấy mùi xác chết của tập đoàn lãnh đạo CSVN nơi ông. Làm sao mà ông tiếp xúc được với những người không ưa cái mùi ấy, họ đâu có đến bãi tha ma làm gì. Do đó nếu ông thấy cộng đồng người Việt Quốc gia



qua hình ảnh những con kên kên xách cặp táp chạy vòng vòng thì ông làm, đừng trông cây mà thấy rừng, đừng thấy cái vảy trên chân con gà mà tưởng đó là con rắn.

- "Tôi mong và tin rằng cuộc vận động dân chủ đẹp đẽ, đầy triển vọng sẽ lôi cuốn mọi tấm lòng yêu nước, thương dân trong nước và ngoài nước tham gia một cách thiết thực... thời cơ đã đến rồi (tr. 286-287)

- Vâng! thời cơ đã đến rồi... Còn chân chờ gì nữa? Lẹ lên kéo mất phần. Một cuộc vận động từ đầu xuân 1998 giữa những người trong nước lẫn ngoài nước. Hấp dẫn quá, nhưng xin cho phép được hỏi: đã đi đến đâu rồi?

- "Có thể nói một thế lực đối lập khá vững chắc đang hình thành ở trong nước, một thế lực bao khắp nhiều vùng của đất nước, từ thành thị đến nông thôn, bao trùm mọi giới, đang tìm mọi cách liên hệ với nhau, phối hợp với nhau, tập hợp lại gần như công khai để đi đến nội dung đấu tranh thống nhất". (tr.286)

- Vâng! đang hình thành, bao trùm mọi giới, gần như công khai... Còn ở nước ngoài?

- "... hiện nay sẽ có một tập thể lãnh đạo mới mẻ, "mô dec", gồm những người lương thiện, có kiến

thức, bất kể “Cộng Sản” hay “Quốc gia”, chủ yếu ở trong nước, được tiếp sức bởi một số nhân tài từ nước ngoài trở về. Những nhân vật này cần có ý thức dân tộc sâu sắc, có tinh thần dân chủ, có kiến thức hiện đại để nắm vận mệnh quốc gia.” (tr. 292)

- Ông có thể giới thiệu để quảng cáo những nhân vật ở ngoài nước được không? Đâu có gì cần phải giữ bí mật?

- “Tôi có thể kể một số nhân vật như thế, nhưng lúc này chưa tiện, để gây hiểu lầm và rắc rối. Tôi tin ở cộng đồng ta vì có nhiều nhân tài và tâm huyết. Họ bị che khuất, ẩn mình, ít lộ diện. Có khi họ bị kèn cựa, chụp mũ, vu cáo...” (tr. 289)

- Chúng tôi sẽ không chụp mũ và vu cáo họ một khi chúng tôi đã biết địa chỉ thật của họ. Nếu họ đường hoàng chường mặt ra thì đỡ cái màn nghi ngờ nhau trong cộng đồng Quốc gia hải ngoại. Chúng tôi sợ nhất là những kẻ đứng trong hàng ngũ chúng tôi mà có thể đâm sau lưng chúng tôi bất cứ lúc nào. Nếu giờ đây họ công khai bỏ cờ Vàng xuống và nhặt cờ Đỏ lên thì khỏe cho chúng tôi quá và chẳng còn ai chụp mũ cho họ nữa vì họ đã có mũ của họ rồi. Chúng tôi hơi ngơ ngác khi thấy trong hàng ngũ chúng tôi có những hiện tượng khó hiểu như vận động bỏ lá cờ Vàng để thay bằng lá cờ khác. Bỏ bài Quốc ca “Tiếng gọi thanh niên” để thay bằng bài khác. Lấy ngày 10-3 âm lịch để làm ngày Quốc khánh. Cố gắng xoá bỏ chữ “ngày Quốc hận” bằng “ngày Quốc kháng” hay “ngày Quật khởi”. Thay chữ “Quốc hận” bằng “Tình thương”, “Hoà bình” và “Tha thứ”. Họ không công khai đề nghị hay tuyên bố xoá bỏ hoặc thay đổi các nhóm từ mà họ cứ âm thầm thay đổi dần dần theo kiểu tằm ăn dâu, họ muốn mọi người nghe thét thành quen. Đó là một thủ đoạn không minh bạch, tôi không dám nói là không chính nghĩa. Chân thành cảm ơn ông đã giải toả một số thắc mắc đáng kể. Hiện nay họ cũng đang âm thầm phát động phong trào

đưa vốn về và cứu giúp thiện nguyện nhằm giúp đỡ cho những gì mà ngân sách của CSVN không giải quyết nổi.

- “Không phải nhất nhất làm theo yêu cầu của chính quyền Cộng Sản, mà là mặc cả, thương lượng, đề ra điều kiện, tương nhượng, có phần lợi này bù cho phần bất lợi kia nhưng người có tiền, có vốn, có kiến thức bao giờ cũng ở lợi thế, theo nguyên tắc ai chi tiền, người đó chi phối...” (tr. 305)

- “Lạy Chúa tôi!” Ông nói đúng như lý luận của Lénine vĩ đại. Lénine nói: “ai nắm kinh tế, kẻ đó chi huy”, câu này trở thành như một định luật chi phối sinh hoạt xã hội một cách tự nhiên. Tuy nhiên các đệ tử của Lénine thừa biết như vậy nên để đối phó với giai cấp tư sản, họ có câu: “ai đặt tay lên cò súng, kẻ đó chi huy”. Ông xúi người ta đem vốn, đem kiến thức về và nói rằng họ sẽ là kẻ bao giờ cũng nắm lợi thế bằng đồng tiền. Nhưng ông quên không cho người ta thấy hình ảnh một kẻ nắm bị tiền trong tay, còn kẻ kia đang xia mũi dao vô cổ họng kẻ đang nắm tiền; lúc đó ai lợi thế? ai chi phối? Họ có công an, họ có mật vụ, họ có đảng uỷ các cấp, có toà án, có chính quyền, còn người đem tiền về thì có gì?...

Một bản án thích đáng cho một Việt kiều về từ Hoà Lan: phạt giam 11 năm tù, phạt tiền 400 triệu đồng Việt Nam và tịch thu sung vào công quỹ 480 lượng vàng, một triệu lẻ năm ngàn Mỹ kim và 6 tỉ đồng Việt Nam. Ông Trịnh Vĩnh Bình này can tội gì? - Ông ta đem tiền về làm ăn tại Việt Nam và “vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ đất đai”, đồng thời thêm cái tội mà bất cứ ai bước chân xuống phi cảng đều phạm phải, đó là tội “đưa hối lộ”. Ông Trịnh Vĩnh Bình đành chịu ngồi tù chứ không bỏ của chạy lấy người vì ông biết về lại Hoà Lan ông cũng ở tù vì tội vay mượn tiền ngân hàng và tiền của bà con gom góp cho ông làm ăn. Biết bao nhiêu kẻ như ông Bình nhưng họ quyết định bỏ của

chạy lấy người và trở về đất Mỹ âm thầm lo kéo cày trả nợ. Họ không dám cho ai biết vì sợ mang nhục. Và thế là kẻ đi sau lại đâm phải vết chân người đi trước, giống như cái cảnh xem thơ Trạng Quỳnh.

Thực ra cái tội “Vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ đất đai” là gì? Ông ta đã đưa tiền cho người nhà của mình tại Việt Nam đứng ra mua đất một cách hợp pháp. Nhưng đưa như vậy là “vi phạm quy định”. Cái quy định này không có trong Hiến pháp, không có trong “Luật đất đai”, cũng không có trong “Luật hình sự”. Do đó không phải ông ta vi phạm Hiến pháp, không phải ông ta vi phạm luật pháp, mà là vi phạm cái “quy định”. Mà hề là quy định thì sớm nắng chiều mưa, sáng mai ngủ dậy có quy định khác. Một giới chức có thể lực tại Vũng Tàu đã chỉ cho ông cái cách để một Việt kiều có thể mua đất là nhờ người nhà của mình là công dân của Việt Nam đứng ra mua; làm khó dễ hay không là do viên chức đó. Ông nghe lời và để tránh cái việc làm khó dễ, ông đã cho tiền như là một hình thức cảm ơn viên chức kia. Ông không ngờ khi ông đã huy động hết khả năng vay vốn tại Hoà Lan thì chính viên chức kia cho bắt ông về tội vi phạm các quy định và thêm tội đưa hối lộ. Không biết ông Trịnh Vĩnh Bình có đủ sức khỏe mà kéo cho hết cái án 11 năm tù hay không và bà con của ông ta ở Hoà Lan công lưng trả nợ cho đến bao giờ mới xong?

Hoà hợp hoà giải không phải là hoá giải hận thù

- “Bởi vì rõ ràng tồn tại những nhóm người sống ở hai chế độ khác nhau trong thời gian hàng chục năm, bị ảnh hưởng tuyên truyền của mỗi chế độ. Do đó giữa họ đã có mối hiềm khích nhìn nhận sai lệch về nhau, hiểu lầm nhau. Bây giờ, sau khi chiến tranh chấm dứt, họ cần phải hoà hợp hoà giải với nhau...” (tr. 222)

- Thưa ông, trong cuộc xung đột

vừa qua giữa những người cùng một dân tộc trên cùng một lãnh thổ là một điều vô cùng đáng tiếc. Tuy nhiên ai cũng dễ dàng phân tích được rằng sự xung đột xảy ra do một bên muốn áp đặt chế độ Cộng Sản lên trên sinh mạng của dân tộc Việt Nam và một bên quyết tâm chống lại điều đó. Một khi cuộc xung đột vũ trang đã chấm dứt, số phận đã dành chiến thắng cho một bên và một bên tuy chiến bại nhưng không từ bỏ quan điểm của mình. Do đó, tuy chiến tranh không còn nữa nhưng sự xung đột trong quan điểm phục vụ cho hạnh phúc của dân tộc vẫn còn. Nếu giả như vừa rồi phía Quốc gia thắng thì chắc chắn phía Cộng Sản vẫn tiếp tục chiến đấu theo lối chiến tranh du kích và theo đuổi đến cùng. Còn thực tế đã xảy ra là phía Cộng Sản đã thắng, phía Quốc gia chuyển sang đấu tranh âm thầm ở trong nước và rầm rộ đấu tranh ở ngoài nước.

Sự xung đột này chỉ chấm dứt sau khi cả hai bên cùng công nhận là một bên có lý. Hiện nay cái lý của phe chống cộng đã quá rõ ràng, không một ai trên quả đất này muốn đất nước mình theo chế độ Cộng Sản, kể cả những người đang sống và chịu sự khống chế tinh thần dưới một vài chế độ Cộng Sản còn vương sót lại trên thế giới. Như vậy, cái lý đã đổ đôn về một phía và đương nhiên sự xung đột về ý thức hệ tự động chấm dứt, không còn chuyện bên này "phải", bên kia "trái". Vấn đề còn lại là bên nào đã tỏ là vô lý thì phải thực hiện điều chỉnh trở lại cho hợp lý. Nếu cứ khư khư giữ lấy điều vô lý mặc dầu biết rằng mình vô lý thì sẽ trở nên tội đồ của dân tộc. Những gì mà ngày xưa không giải quyết nổi bằng chiến tranh thì bây giờ sẽ giải quyết bằng một cuộc đấu tranh quyết liệt để buộc kẻ vô lý phải hành động cho đúng lý. Như vậy, trong thực tế ngày nay, sự hận thù là không có nhưng sự xung đột vẫn còn giữa những người Cộng Sản và những người chống Cộng Sản. Sự xung đột này chỉ chấm dứt khi

những người Cộng Sản chấm dứt cái ách Cộng Sản trên cổ người dân Việt Nam. Kẻ nào kêu gọi ngược lại thì kẻ đó là tội đồ của dân tộc.

- *"Tôi thấy còn hai nhược điểm lớn tồn tại trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Thứ nhất là hành động kích động hận thù, duy trì và phát triển sự phục thù sâu sắc, nặng nề. Thứ hai là chủ trương bạo lực lật đổ chế độ Cộng Sản, giành chính quyền, xu hướng này đã giảm rõ nhưng chưa triệt tiêu".* (tr. 185)

- Trong suốt nửa thế kỷ, những người CSVN đã dùng mọi cách để đặt cho được chế độ Cộng Sản lên trên sinh mạng của dân tộc Việt Nam. Và để làm cho được điều này họ đã gây ra muôn vàn tội ác đối với dân tộc. Ngày nay những người chống cộng muốn dùng những tội ác của đảng CSVN để làm động cơ thúc mình quyết tâm đi nốt con đường đấu tranh cho hạnh phúc của dân tộc. Và họ cũng muốn dùng hình ảnh tội ác của Cộng Sản để nhắc nhở nhau, vận động nhau và vận động những dân tộc khác phải sớm gây sức ép cho những kẻ làm ác phải từ bỏ quyền lực. Những tội ác này sẽ không được đề cập tới nữa một khi những người Cộng Sản trao trả tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam. Lúc đó mà nhắc tới tội ác thì sẽ trở thành kỳ dị. Lúc đó người ta sẽ để những gì xấu xa ghê tởm vào trong bảo tàng viện để làm bài học cho nhân thế. Do đó, không phải là kích động hận thù, mà là nhắc tới cái ác của kẻ ác để hô hào nhau phải quyết tâm hành động vì hạnh phúc của dân tộc.

Còn chủ trương dùng bạo lực đã giảm rõ vì xu thế của cuộc đấu tranh cho thấy không cần thiết phải dùng vũ lực. Ngày nay có nhiều cách để bắt buộc kẻ phi nghĩa phải từ bỏ quyền lực mà không cần dùng tới chiến tranh là một phương tiện cùng chẳng đã. Tuy nhiên, không dùng bạo lực không có nghĩa là không quyết liệt, không có nghĩa là năn nỉ và thuyết phục. Mọi biện pháp cứng rắn vẫn có thể phải dùng tới để đạt cho được Tự Do, Dân Chủ cho đồng

bào. Lẽ dĩ nhiên trong hô hào tuyên truyền thì cũng phải có những cái quá lỗ, thậm chí có những cái đến buồn cười. Tuy nhiên không có gì sát máu tới độ nguy hiểm bởi vì tất cả chỉ chung vô một điều là tố cáo tội ác của Cộng Sản chứ không ai kêu gọi phải trả thù, hay nợ máu phải trả bằng máu hay biến đau thương thành căm hờn như cái cách của Cộng Sản thường làm.

Dẫu sao những người Quốc gia vẫn có một đức tính là cao thượng và họ khác với những người Cộng Sản là ở chỗ đó. Trong thời chiến vẫn có qui chế hồi chánh dành cho những người muốn rời bỏ hàng ngũ Cộng Sản không cần biết vì lý do gì. Bất cứ một tù binh nào sau khi khai báo xong mọi sự thật về mình thì được hỏi là muốn chọn quy chế chiêu hồi hay quy chế tù binh, đa số chọn quy chế tù binh vì nghi ngờ bị gài bẫy hay âm mưu gì đó, nhưng thực ra nếu họ chọn quy chế hồi chánh thì họ được giúp đỡ cho làm ăn sinh sống và được giúp tạo điều kiện nhập vào đời thường. Có người hưởng quy chế hồi chánh ở Quảng Ngãi, rồi vào Khánh Hoà sinh sống, buồn tình nhảy vô bùng rồi sau lại ra hồi chánh ở Ninh Thuận vẫn được hưởng quy chế hồi chánh. Lúc đó họ trở thành người bình thường trong cộng đồng người Quốc gia.

Chuyện hận thù sát máu là hoàn toàn không có. Hiện nay có rất nhiều tác phẩm văn học của chế độ Cộng Sản vẫn thường đề cập đến những trường hợp có người trong bùng bị bệnh không thể chữa trị, được "tổ chức" sắp xếp cho về hồi chánh để trị bệnh, sau khi lành bệnh sẽ tìm đường vô bùng trở lại. Nhưng xảy ra nhiều chuyện éo le như khi trở lại thì những người cho phép ngày xưa không còn, bị hiểu lầm; hoặc sống sung sướng quá không quay trở lại; hoặc rơi vào tình yêu với một nhân vật Quốc gia nào đó rồi tìm cách "giác ngộ" nhân vật đó như thế nào v.v... Thực tế để chứng tỏ người Quốc gia hoàn toàn không để ý tới chuyện khai thác hận thù để kêu gọi

đấu tranh, nhất là đối với những người đã buông dao đồ tể.

Trách ai gây hận chiến trường

- "Nạn nhân chiến tranh ở phía Quân đội nhân dân Việt Nam là rất lớn, bố mẹ bị bom Mỹ sát hại, anh chị em bị chết ở chiến trường miền Bắc có, miền Nam có, con số lên đến mấy triệu người. Những cái chết này được tổ cáo là "tội ác của đế quốc và tay sai". Đây là một tổn thất rất lớn khó có thể nguôi ngoai, do phía Mỹ cùng một bộ phận đồng bào ở miền Nam gây nên". (tr. 155-156)

- Tại sao họ lại làm như vậy? Họ giết người để chơi hay sao? Hay đó là một phản ứng bị động? Ví như người chủ nhà núp trong nhà bắn ra khi bọn cướp đã phá được cổng và đang tiến vào cửa. Tại sao họ lại phải chịu tội cho hành động bắn ra đó? Và tại sao họ lại phải chịu tội đã kêu cảnh sát? phải trả giá cho cái chết của những kẻ bị cảnh sát bắn? Chính quân Cộng Sản đã tấn công họ dưới muôn hình muôn dạng. Những người

Quốc gia đã phải tìm hết cách này đến cách kia để chống đỡ và trong đó phải có cách sử dụng đến bom đạn bởi vì phía bên kia đã dùng đến bom đạn, trong khi sử dụng bom đạn phải có chết chóc và thiệt hại. Nhưng hành động như vậy hoàn toàn không có lỗi, họ đã phản ứng đến như vậy mà còn chịu thất bại huống hồ họ không phản ứng hoặc phản ứng êm dịu hơn thì sự thế sẽ như thế nào? Họ thừa biết nếu họ thất bại thì hậu quả tàn khốc sẽ đến với bản thân họ, gia đình họ và đồng bào của họ. Trong cơn chống trả tuyệt vọng họ đã có những phản ứng mà lương tâm họ biết sẽ gây nên điều tàn.

Không có chiến tranh nào không có chết chóc và tàn phá. Nhưng chỉ nên trách ai gây hận chiến trường. Còn xin tha cho những người phải buộc lòng phản ứng, kể cả phản ứng trong tuyệt vọng. Sau 25 năm, những người Quốc gia phải trả giá cho sự thất bại của năm 1975. Biết bao nhiêu người chết rục xương trong trại tù cải tạo, biết bao nhiêu gia đình phải lên rừng thiêng nước độc

sống theo kiếp lượm hái của vườn khi, biết bao nhiêu phụ nữ và trẻ em bị chết thảm khốc, sống nhục nhã trên bước đường đào thoát tránh sự trả thù. Giờ đây họ phải sống kiếp lang thang lưu đày trên khắp trái đất này, không còn tổ quốc, không có quê hương... Như thế chưa đủ sao? Những kẻ chiến thắng giờ đây đã hưởng tất cả những thứ của cải mà không do mồ hôi nước mắt của mình làm nên; đang sống sung sướng, ăn trên ngồi trốc trên kiếp trâu cày ngựa cỡi của những người mà họ gọi là "một bộ phận đồng bào ở miền Nam"... Họ còn muốn gì nữa mà giờ đây, sau 23 năm, lại bắt những người thất trận phải chịu lỗi cho những phản ứng tự vệ của họ trước đây?

Có một điều nên nói tới là trong bức thư của bà Dương Thu Hương gửi cho bà Thụy Khê, bức thư này được công bố trên toàn thế giới. Bà Dương Thu Hương có đề cập đến chuyện lính biệt kích của QLVNCH đã hiếp dâm và có hành động thô bỉ đã man đối với thi thể của nữ bộ đội Cộng Sản. Chuyện này có thể xảy ra

bên dòng dordogne

Màn trời buông nhanh, chiều hôm lặng lẽ
Như bao trộm tất cả khối không gian.
Sương khói lênh đênh, hoa cỏ mơ màng
Im lặng quá, cả một vùng đồi núi.

Riêng chỉ mình tôi nơi đây làm lui
Đứng chồn chân bên song cửa lặng nhìn.
Ánh sáng khép dần, khép kín niềm tin
Màu dĩ vãng lắng chìm trong giá lạnh.

Dày đặc bao la bóng đêm đặc quánh
Vài tia sao heo hút tận từng không
Ngọn gió đưa về tiếng vỗ đồng sông
Ôi Dordogne! Tiếng quen mà thăm thiết!

Tính đã mười năm mây trôi hiên biệt
Em vẫn soi mình chung thủy hiền ngoan
Đón khách đường xa cách trở dặm ngàn
Bỗng một sớm ngừng chân đây, quán trọ.

Cảm tạ Dordogne, cảm ơn ai đó
Chở che giùm chút hoà hợp đơn sơ.
Khuya sớm đầy vơi, con nước tình cờ
Cùng thông cảm nỗi vơi đầy chất chứa!

Ôi Dordogne, nơi đây vùng đất hứa
Khách viễn đông nương tựa tháng năm chầy
Đã bao mùa hiu hắt phía trời tây
Có những buổi dưới tàn cây, tôi lặng bước.

Tôi thủ thỉ cùng em nỗi niềm sau trước
Em hiền hoà nhẹ nhàng thăm từng câu
Tôi hoang mang địa hạt với giang đầu
Em an ủi gửi người tia nắng ấm!

Dordogne ơi! Cõi thiên hà thăm thăm
Biết bao chiều hoang tưởng lạnh lùng qua
Bên dòng sông vơi vơi ánh dương tà
Từng soi bóng khách đường xa làm lui!

vân nương

chứ không phải không. Tuy nhiên đó là những kẻ tội phạm đã lén lút gây tội trong rừng vắng, không thể kết tội đó là chủ trương của QLVNCH. Trái lại, đó là một tội ác ghê tởm đối với QLVNCH và Đồng minh. Có những trường hợp như vậy bị phác giác và tất cả bị truy tố ra toà án binh. Đó là bị phác giác lúc trở về căn cứ, chứ nếu còn ở lại mặt trận thì người sĩ quan chỉ huy có thể xử tử hình tại chỗ theo luật "Đang đối diện với địch quân". Không một tập thể nào tránh khỏi có kẻ tội phạm lẫn vào trong đó, huống hồ tập thể của hàng triệu người dân ông đủ mọi loại, đủ mọi thành phần và không ít người bị ép buộc phải cầm súng chứ họ không hề muốn đi lính. Lắm khi người sĩ quan của QLVNCH buộc phải cầm súng đứng đối mặt với một hoặc vài tội phạm là thuộc cấp của mình, cuối cùng họ chỉ thắng là nhờ họ đại diện cho chính nghĩa.

Ngoài ra còn có hành vi nổi loạn của những kẻ bị sức ép của tâm lý, tâm thần. Trong tập thể quân đội của các nước văn minh như Hoa Kỳ vẫn xảy ra những vụ như vụ Mỹ Lai và trong hàng ngũ cảnh sát của các nước văn minh cũng vẫn có chen vào những kẻ tội phạm mà không thể nào kiểm soát được. Bà Dương Thu Hương chỉ nghĩ rằng đó là tội ác dã man của "địch" mà bà không biết trong hàng ngũ bộ đội Cộng Sản cũng có những tên tội phạm lợi dụng lúc máy bay của QLVNCH đang bắn phá nhào vào hiệp đàm nữ đồng chí của mình rồi giết người phi tang, nguy trang giống như bị máy bay bắn chết. Bà Dương Thu Hương đã trình bày với thế giới rằng chủ trương của QLVNCH là như vậy trong khi bà có thừa đầu óc để biết rằng đó là hành động cá biệt bất ngờ của những tên tội phạm.

Tuy nhiên trong chiến tranh có những điều ác được chủ trương như một chiến thuật cần phải được lên án, đó là chiến thuật khủng bố của CSVN. Lénine đã dạy rằng: "Một nhóm người có tổ chức có thể thành công trong một quốc gia nhờ chiến

thuật khủng bố." Các đảng viên CSVN đã áp dụng bằng cách chặt đầu, mổ bụng những người mà họ cho là thành phần "ác ôn tế điệp", tức là những người là viên chức xã ấp hoặc những tình báo viên của chính quyền Quốc gia.

Có thể hình thức khủng bố đem lại hiệu lực bằng ấn tượng khủng khiếp của những tay có máu tội phạm chuyên môn xung phong lãnh nhiệm vụ giết người. Ví dụ như vụ 11 phụ nữ và trẻ em bị chặt đầu tại đồn Nghĩa quân Cầu Móng tỉnh Chương Thiện, trong số này có 6 phụ nữ đang mang thai. Hay vụ 26 phụ nữ và trẻ em bị đâm chết bằng mã tấu ở trại gia binh đồn Bằng Lăng tỉnh Quảng Ngãi, trong số này có 12 phụ nữ đang mang thai và có 4 phụ nữ bị đâm lòi thai nhi ra ngoài. Không ai kết án đó là chủ trương của CSVN nhưng chiến thuật khủng bố của họ dễ làm cho những tay tội phạm lợi dụng chủ trương đó để thỏa mãn thú tính của mình.

- "Chúng tôi nghĩ, lúc bấy giờ những người do lòng yêu nước, giúp đỡ Quân Giải phóng miền Nam đã bị bắt bớ tù đầy, bị tra tấn, bị thủ tiêu, con số không phải là ít, có người nói đến hai, ba chục vạn. (tr. 156)

- Bởi vì họ giúp đỡ quân Giải phóng bằng cách gài mìn, ám sát người Quốc gia nên họ bị bắt bớ tù đầy. Họ làm điệp viên, che giấu cán bộ Cộng Sản nên bị tra tấn. Còn họ làm điệp viên hai mang bị thủ tiêu là theo quy luật của chiến tranh. Giờ đây ông nêu lên việc này như một món nợ chưa trả của người Quốc gia thì không công bình. Lẽ ra họ không phải trả món nợ này vì họ chỉ phản ứng lại các hành động của phía bên kia. Tuy nhiên họ đã phải trả một cách quá nặng nề thảm khốc. Giờ đây dĩ nhiên họ sẽ không trả những nợ mới đòi này bởi vì đáng lý ra họ mới là kẻ đòi nợ. Tuy nhiên một khi ông đã nêu lên việc này thì xin ông làm ơn đòi nợ cho những người đã bị thiệt hại vì trước đây từng giúp đỡ cho quân Giải phóng. Mà kẻ phải trả

nợ là những người CSVN. Họ đã xúi con người ta lao vào chỗ chết, họ đã dụ con người ta chịu trăm cay nghìn đắng, nhịn từ hột cơm, từ củ khoai để gánh lên rừng. Giờ đây khi những người CSVN thành công thì người dân quê chỉ biết khóc hận một mình. Kẻ nào núp lén đằng sau lưng họ giờ đây ăn trên ngồi trước? Kẻ nào đẩy họ xông tới đầu tên mũi đạn giờ đây nhà cửa cao sang? Kẻ nào nhờ họ chết mà được thành công giờ đây ngoảnh mặt làm ngơ, phủi tay với tất cả những gì hứa hẹn ngày xưa? Sao không dành những biệt thự cao sang cho những bà mẹ già cồng hiến 5 con chết cho "cách mạng"? Sao không dành những xe hơi sang trọng cho những người băng rừng lội suối che chở cho bộ đội, chịu tra tấn nhục hình mà không khai báo cơ sở Cộng Sản? Những kẻ ăn rồi quệt mỡ lại được ông đòi nợ giùm, tại sao ông làm như vậy?

Hoà giải và xảo thuật

- "Khi còn "Cộng Sản" còn "Quốc gia" do lịch sử để lại thì còn cần đến hoà giải và hoà hợp, để hoá giải những hận thù, những hiểu lầm, những khác biệt" (tr. 295)

- Hoà hợp hoà giải có hoá giải hận thù được không? Nếu muốn hoá giải hận thù thì phải tìm hiểu ngọn ngành, phân biệt ai đúng ai sai cho rõ ràng, kẻ làm sai phải biết lỗi của mình và phải cải sửa, khi đã có hành động cải sửa rõ ràng mới được tha thứ và tự nhiên không còn hận thù. Người ta thường nói đến hoà hợp hoà giải trong những trường hợp muốn cùng nhau toan tính chuyện gì đó trong khi đang còn xích mích nhau, đó chỉ là một kế sách có tính cách giai đoạn. Ngày nay ông muốn mọi người bỏ qua chuyện ai chính nghĩa ai phi nghĩa để cùng nhau tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam, nếu không có sự tranh đấu này thì cũng không cần hoà giải làm gì. Vậy thì sự hận thù chỉ làm tạm quên chứ không phải là hoá giải. Nhưng ông suy nghĩ lại đi, hiện nay những

người Quốc gia đang chống cộng để tranh đấu cho tự do, dân chủ của nhân dân Việt Nam mà ông lại kêu gọi họ hoà hợp hoà giải với Cộng Sản để tranh đấu cho tự do, dân chủ của nhân dân Việt Nam thì nó buồn cười quá, chẳng khác nào ông kêu gọi Staline hợp tác với Hitler để chống lại Hitler. Buồn cười hơn nữa là ông khuyên những người chống cộng hãy buông lá cờ chống cộng xuống và trương lá cờ Cộng Sản lên rồi ông gọi đó là hoà giải hoà hợp dân tộc, hoá giải hận thù.

- "Tôi có hầu chuyện cụ Phạm Đình Liệu, nay đã 96 tuổi, sáng lập viên Quốc dân Đảng, cùng thời với đảng trưởng Nguyễn Thái Học. Con cháu cụ người ở "bên này", người ở "bên kia". Cụ có con trai cả là anh Phạm Lợi, trung tá quân đội VNCH, tuần tiết sau ngày 30 tháng 4. Anh từng gặp và quen tôi ở Tân Sơn Nhất hồi tháng 1-1973, trong ban Liên Hiệp quân sự 4 bên. Chúng tôi từng nói chuyện hoà nhĩ với nhau, trong thâm tâm có cảm tình với nhau. Tôi đã thấp nén hương cho anh trong niềm hoà giải và hoà hợp anh em và tự coi mình như con cụ Phạm." (tr. 298)

- Ông xin gặp cụ Phạm là một tay tổ sư chống Cộng Sản rồi ông xưng là quen với người con trai đã chết vì chống cộng tới cùng của cụ và ông cho cụ biết là con trai của cụ có cảm tình với ông (Trung tá Phạm Lợi tức nhà văn quân đội Phạm Việt Châu đã chết nên không biết chuyện có cảm tình với ông là có thực hay không) rồi ông xin thấp nén hương cho người đã vì ông mà chết và xin nhận làm anh em với người đó, cuối cùng ông xin thay thế là con cụ Phạm... Ông nói năng hành động như vậy thì không lẽ cụ Phạm đáp ông văng ra ngoài đường? Với cái tuổi 96 cụ không muốn làm như thế chứ ông không qua mất cụ nổi đâu. Giờ đây ông khoe rằng ông đã hoà hợp hoà giải được với cụ Phạm? Tôi phải hỏi lại cụ Phạm coi có thật là cụ hoà hợp được với ông chưa, nếu cụ trả lời có thì tôi phải công nhận

là xảo thuật hoà giải của ông quá tài tình.

- "Tôi đã nói chuyện về hoà giải và hoà hợp với giáo sư Phan Ngô (chị Phan Ngô là bạn thân với chị tôi hồi xưa ở Huế), với giáo sư Lê Đình Duyên, con cụ Lê Đình Thám, bác sỹ nổi tiếng về am hiểu Phật học ở Huế (có anh ruột là Lê Đình Luân, bạn rất thân của tôi, chết trận hồi chống Pháp) đều là HO. Sang Hoa Kỳ sau khi bị cải tạo lâu năm. Tôi có nói: Cầm thù là chuyện bình thường của con người, cần thông cảm và thông hiểu. Nhưng vượt được lên cầm thù, có lòng độ lượng thì thật là cao thượng, do tự vượt lên mình. Độ lượng, bao dung với kẻ thù cũ đã tỏ ra hiểu biết, để hướng tới tương lai của dân tộc thì thật là cao cả.

Tôi cúi đầu hai lần cảm phục các anh, sau những năm tháng bị tù đầy, bị tra tấn, cùm chân... mà tư tưởng cao đẹp đến vậy.

Rồi chúng tôi nói đến lòng từ bi, hỉ xả của đạo Phật, lòng thương yêu chúng sinh. Chúng tôi nói về kinh nghiệm "Thiền", về sống theo tư tưởng biến hoá, siêu thoát của Dịch... và ước mong cộng đồng ta ở hải ngoại và đại khối dân tộc ở trong nước sớm hoà đồng trên nền văn hoá rất cổ mà lại rất tiên tiến và hiện đại ấy." (tr. 298-299)

- Ông tìm ra mối dây liên hệ là chị của ông là bạn thân của bà Phan Ngô thời xưa và ông kiếm ra ông Lê Đình Duyên có ông anh là bạn rất thân của ông (ông này cũng đã chết nên không biết có phải là rất thân hay không). Rồi ông xin gặp mặt họ. Trước tiên ông nói, chuyện cầm thù là lẽ đương nhiên. Họ trả lời rằng họ chẳng có gì cầm thù. Và thế là ông khen họ bao dung, độ lượng. Ông cúi đầu hai lần cảm phục họ... Rồi... Mô Phật! ông cũng bàn tay ba ngang ngửa với mấy ông Tổ sư Bồ Đề về Phật pháp, về Thiền và cả Dịch lý nữa. Quả là ông thành "tinh" rồi ông mới qua mất họ nổi. Họ ngồi nghe ông huyền thiên về một "nền văn hoá cổ mà lại rất tiên tiến và hiện

đại" mà họ không bẻ hòng ông chẳng qua là vị họ gần thành Bồ tát cả rồi. Tôi nghe ông kể chuyện "thuyết" được các tay Tổ sư Bồ Đề như thế nào mà gai ốc trong người cứ dựng cả lên... Hoá giải hận thù đâu phải là xảo thuật đưa đẩy như vậy, cái cách này chỉ dụ được người dân quê của các anh cán bộ tuyên vận chứ đâu phải là mỗ xê cội rễ của hận thù để mà hoá giải. Ông nghĩ là ông hoà hợp được với giáo sư Phan Ngô và giáo sư Lê Đình Duyên nhưng hai ông không nghĩ như vậy đâu và người đời cũng không nghĩ như vậy đâu.

- "Từ năm 1992, khi tôi gặp một số nghị sĩ có thể lực ở Quốc hội Hoa Kỳ, họ đã báo tin là chính quyền Mỹ đã xác định hướng từ bỏ cấm vận, bình thường hoá với chính quyền Hà Nội, và chỉ thời gian ngắn nữa là thực hiện. Mong cộng đồng Việt Nam được thông báo, hiểu rõ tình hình, chủ trương mới của chính phủ Hoa Kỳ để cùng phối hợp thuận lợi, tránh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược..." (tr. 302)

- Như vậy là ngay từ năm 1992 các nghị sĩ có thể lực của Quốc hội Hoa Kỳ đã tin vào uy thế của ông đối với cộng đồng người Việt Quốc gia ở Hoa Kỳ và đã có nhờ ông nhấn với cộng đồng về chủ trương, chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Rất tiếc là lúc đó ông không thông báo cho cộng đồng được rõ, đến nay thì mọi sự đã rồi, không ai phối hợp thuận lợi với chính phủ Hoa Kỳ được cả. Người Mỹ có cái tật lạ như vậy đó, nhất là quý ông Nghị sĩ trong Ủy ban hoạch định chính sách Quốc gia, không bao giờ chịu trình bày thẳng với đối tượng của mình, chuyên môn nhấn qua những nhân vật quan trọng. Cũng như năm 1973, thay vì thông báo chính sách muốn rút lui của họ cho ông Nguyễn văn Thiệu rõ, họ lại nhấn qua ông Lê Đức Thọ ở Paris. Thế là trong khi Mỹ toan tính rút xuôi mà ông Thiệu cứ cố đánh ngược. Cho đến nay họ cũng chẳng cho cộng đồng Việt Nam hải ngoại biết một tí gì về chủ trương

của họ cả. Và thậm chí họ cũng không cho dân chúng Mỹ biết nữa.

- *"Mỹ đã tính kỹ, không thể để Việt Nam lại lâm vào nội chiến, bạo loạn, thành một khoảng trống hỗn loạn mà cuối cùng Mỹ phải gánh vác việc văn hồi chi phí quá nặng nề..."* (tr. 303)

- Tại sao Việt Nam lâm vào nội chiến mà Mỹ phải gánh vác chi phí văn hồi trật tự? Phải chăng ý ông nói Mỹ muốn tính đường yểm trợ cho phe phái nào đó ở Việt Nam gây bạo loạn và một khi phe bạo loạn thành công thì Mỹ phải lãnh phần hậu tức là phải giúp chính quyền mới văn hồi trật tự? Và vì chi phí văn hồi trật tự quá nặng nề nên họ quyết định yểm trợ thẳng cho CSVN thì tốt hơn? Có phải Mỹ suy nghĩ về chính trị một cách ngây thơ và đơn giản như vậy không?

Vì thế tôi nghĩ rằng: "Ông nghĩ rằng Mỹ đã tính kỹ" chứ không phải là Mỹ đã tính, nếu họ đã tính thì họ không dại gì nói cho ông biết, nhất là những người có trách nhiệm hoạch định chính sách Quốc gia. Vậy nên câu này phải hiểu là một câu hù dọa của ông dành cho những người toan tính một chuyện bạo loạn tại Việt Nam. Nó có nghĩa là người Mỹ sẽ không yểm trợ các anh đâu, họ là người kinh doanh nên chỉ biết lời và lỗ mà thôi, một khi họ thấy được rằng yểm trợ các anh họ chỉ tốn tiền thì các anh đừng có mà mong. Cám ơn ông về ý nghĩ này. Từ thời Việt Minh người Việt chống cộng là họ cứ chống, họ chẳng trông chờ ông Tây ông Tàu nào, chết họ cũng chống, ở tù họ cũng chống, bị lưu đầy họ cũng chống, họ biểu lộ tinh thần bất khuất và ý chí yêu chuộng lẽ phải.

- *"Phía Mỹ rất mong cộng đồng ta sẽ chia sẻ với chính quyền Mỹ về phương hướng ấy. Họ cho rằng trong tình hình mới cần sự có mặt của Mỹ ở Việt Nam. Có mặt càng nhiều càng tốt. Và cộng đồng cũng nên theo gương ấy..."* (tr. 303)

- Trước tiên "phía" Mỹ phải cho "phía" cộng đồng biết tại sao trong

tình hình mới cần sự có mặt của Mỹ ở Việt Nam? Cái tình hình mới đó như thế nào? Và tại sao họ không trình bày cho cộng đồng Việt Nam rõ mà chỉ trình bày với mỗi một mình ông? Lạ quá, cái cộng đồng Việt Nam chỉ làm theo ý mình chứ không theo ý Mỹ. Ngày xưa cũng vậy, trong bài diễn văn nổi tiếng đọc trước lưỡng viện Quốc hội Việt Nam Cộng hoà ngày 1-11-1968 ông Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố nếu cần nhân dân và quân đội VNCH sẽ chiến đấu chống Cộng Sản một mình. Cuối bài diễn văn ông nói: "Nhân dân Việt Nam yêu hoà bình nhưng không muốn nô lệ. Chúng ta sẽ không bao giờ nô lệ". Ngày nay phía Mỹ chưa rút được kinh nghiệm về tinh thần của nhân dân Việt Nam hay sao mà lại nhờ ông khuyên bảo như vậy? Còn xin ông nói rõ hơn "phía Mỹ" đây là ai vậy? CIA? Quốc hội Hoa Kỳ? Tổng thống Clinton? Và tại sao họ lại nhờ ông làm người phát ngôn cho họ?

- *Hơn nữa, bà con ta sống trên đất Mỹ, theo luật pháp Mỹ, khá đông còn là công dân Mỹ, thì theo đúng đường lối chính sách Hoa Kỳ trong quan hệ với Việt Nam là cần thiết, còn sẽ là đương nhiên và tăng thêm sức đấu tranh. Ai vắng mặt sẽ bị "thiệt", sẽ tự đứng riêng, đứng ngoài quá trình dân chủ hoá Việt Nam."* (tr. 304)

- À, đến đây thì đã rõ... Trước sau gì thì Mỹ cũng chơi với Cộng Sản Việt Nam thì tại sao ta không đón gió nhào vào ăn có? Kẻ nào chậm chân thì mất phần. Thật là đơn giản và thật là thực tế. Hoá ra mục tiêu của những người mà cộng đồng Việt hải ngoại gọi là "đón gió trở cờ" lại là lá cờ đấu tranh 3 bên 4 phía của ông. Lâu nay chúng tôi cũng nghe họ hô hào, phục họ thật. Nhưng kẻ đáng phục nhất phải là ông. Ông chụp chung một tấm hình với ông Mỹ rồi ông khoe với ông cộng đồng, khoe với ông CSVN và ông chống đối trong nước. Xong rồi, ông chụp chung một tấm với ông cộng đồng rồi ông khoe với 3 ông kia, rồi ông

chụp với ông CSVN, ông chống đối... Như vậy mỗi ông sẽ nghĩ rằng ông rất có thế lực và được sự tín nhiệm của 3 ông kia. Vậy là ông có quyền khua chiêng gõ mõ, ai nhanh tay thì còn, ai chậm tay thì mất quyền lợi. Ông sẽ đứng đầu một phong trào hoà giải hoà hợp, thêm bên này một ít, bớt bên kia một tí, xin bên này một nắm, che bên kia một mớ. Ít ra cũng kéo dài được 5-10 năm và biết đâu thời thế xoay chuyển ông sẽ được tôn làm trùm ở Việt Nam. Tuyệt vời thay cho một vở kịch đầy kịch tính, địa vị của kẻ làm trùm chỉ đứng vững khi có đủ mặt và cân bằng lực lượng giữa 3 bên 4 phía, nếu một bên yếu đi hay mất hẳn thì rõ ràng là ông sẽ bị hồng cảnh. Do đó bên nào ông cũng ca, bên nào ông cũng chửi. Ông trình diễn rất đạt vai trò của kẻ trung gian hoà giải. Tôi không biết gọi tên ông là gì... Nhưng mà này! Tại sao không khua chiêng gióng trống lên... thế kỷ 20 sắp hết rồi, vội vội lên ông ơi!

Oan khiên và siêu thoát

- *"Tôi mong cả nước tổ chức một cuộc cầu siêu lớn theo đạo Phật cũng như theo các tôn giáo khác, để hoá giải mọi hận thù sau cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn"*. (tr. 301)

- Thưa diễn giả, ở Việt Nam chỉ có đạo Phật mới có lễ cầu siêu chứ các tôn giáo khác không có. Và nếu lễ cầu siêu của Phật giáo mà hoá giải được mọi hận thù sau chiến tranh thì người ta đã làm từ lâu rồi chứ tiếc gì phải đợi ông kêu gọi mới làm. Trong khi đó có một cách kêu gọi hữu hiệu nhất và đơn giản nhất là kêu gọi những người Cộng Sản hãy nhìn thẳng vào sự thật và hành động giống như các đảng Cộng Sản đàn anh đã làm. Lúc đó đương nhiên sẽ không còn hận thù và mọi cách xoá giải hận thù trở thành vô ích.

Còn nếu như lễ cầu siêu mà giải quyết được mọi vấn đề thì chúng ta chỉ cần kêu gọi đảng CSVN ra một nghị quyết là xong, đại khái nghị quyết nói rằng: "Do nhu cầu bức

thiết của tình hình trong nước cũng như theo đà diễn biến của trào lưu toàn thế giới. Nhận thức được tầm vóc của xu thế và thấy trước các bước phát triển của thời đại. Nhằm giải quyết mọi bức xúc trong tâm lý quần chúng nhân dân trong nước cũng như của kiều bào ta ở hải ngoại. Bộ chính trị và ban bí thư trung ương Đảng quyết định tổ chức một lễ cầu siêu rộng lớn trên toàn quốc, ở mọi cấp mọi ban ngành đoàn thể. Việc tổ chức được giao cho Mặt trận tổ quốc Việt Nam trung ương và các cấp ở địa phương thực hiện v.v...

- "Có một số ý kiến của những người trong đảng Cộng Sản Việt Nam nhưng có quan điểm sâu sắc là, sau này nên tổ chức một buổi lễ an táng cho ông Hồ Chí Minh đang hoằng theo nghi thức dân tộc, để ông ta có thể được chôn cất tử tế, hoặc được thiêu xác như nguyện vọng của ông, nắm tro còn lại được chôn cất ở nơi nào đấy..." (tr. 157)

- "Nghĩa tử là nghĩa tận" Theo truyền thống của dân tộc Việt Nam, người chết là hết, hãy để cho họ được yên mặc dầu có thể lúc sống họ gây nên nhiều điều lầm lỗi. Tuy nhiên ông Hồ tiếp tục bị nguyên rủa mặc dầu ông chết đã 30 năm. Người ta vẫn réo tên ông ra để chửi bởi vì các đệ tử truyền nhân vẫn tiếp tục lem lèm ca tụng ông ta và tiếp tục thi hành chính sách đầy tội ác của ông ta. Do đó ông ta chết mà như còn sống, bàn tay ông ta không còn gây ra tội ác nhưng tư tưởng ông ta vẫn được tiếp tục thi hành. Người ta không để cho ông ta yên, mặc dầu làm như thế là trái với truyền thống dân tộc vì chính các đệ tử của ông ta không để cho ông ta yên.

Khi ông ta còn sống, các đệ tử truyền nhân của ông ta ghìm nhau từng miếng một, lời bẻ kết phái chực hờ triệt hạ nhau. Lúc ông ta nằm xuống, thế trận hầu như cân bằng, phe nào cũng cho rằng mình là người mà lúc còn sống "Bác" muốn truyền ngôi cho. Không bên nào chịu thua bên nào nên người ta phải duy trì hình ảnh một người đã chết để làm

thanh thế, coi như ông ta còn sống và đứng trên mọi tranh chấp chưa ngã ngũ. Người ta luôn luôn nhắc tới ông ta để duy trì một thế trận bất phân thắng bại rất mong manh. Mặc dầu trước khi chết ông ta có xin được hoả thiêu và táng tro cốt trên một đồi nào đó nhưng người ta vẫn không thực hiện theo ước nguyện cuối cùng của ông.

Hiện nay xác ướp của ông được đặt dưới hầm bê tông sâu 6 thước để duy trì độ lạnh. Mỗi khi có phái đoàn ngoại quốc nào đến thăm viếng hay có lễ lộc lớn trong nước người ta lại bấm nút cho ông trôi lên để mọi người quan sát. Người ta bắt ông trôi lên để trình diện quan khách cũng như để cho các người hiếu kỳ xem cho biết. Sau đó lại bấm nút cho ông trụt xuống. Đó là một khổ hình cho ông và cũng là một khổ nạn cho quan khách, nhất là các vị phu nhân của các quan khách, các bà rất sợ phải nhìn xác chết nhưng vì ngoại giao đành phải đến xem với tâm trạng sợ hãi. Các em thiếu nhi cũng thế, các em rất sợ khi phải đối mặt với xác chết.

Ông ta nằm đó, mặt mang một lớp hoá trang, một thứ mặt nạ giả dối mà những người không ưa ông cho rằng ông chuyên môn dùng lúc còn sống. Ông không còn mất nữa vì người ta phải thay thế vào đó bằng mặt giả, không thể duy trì bảo quản cập mắt thật được. Ông ta cũng không còn ruột, không còn óc. Trong suốt 30 năm ông ta phải trình diện cho mọi người thấy một con người với khuôn mặt giả, không có mắt, không có tấm lòng, không tim không óc. Trước đây mỗi 2 năm người ta phải chở xác ông sang Mạc tư Khoa để tiến hành bảo trì xác ướp. Người ác miệng lại cho rằng mỗi 2 năm ông ta phải đi châu thiên tử một lần. Cho đến khi Liên Xô sụp đổ, hình như gia đình vị bác sĩ chuyên môn bảo quản xác ướp của Lénine chịu bán bí quyết bảo trì xác ướp nên ông ta được miễn hình phạt này.

Trong truyền thống của dân tộc Việt Nam, hình phạt bị bêu thây là

hình phạt nặng nhất. Kẻ tử tội bị giết nhưng không được chôn vì cái chết chưa đền đủ tội mà họ đã gây ra, cho nên mới có hình phạt bêu thây. Tuy nhiên trong lịch sử Việt Nam hình phạt bêu thây chỉ dài lắm là 3 ngày. Còn hình phạt bị bêu thây 30 năm là một quả báo nhãn tiền mà ông Hồ phải thọ lãnh. Không phải một ông Thần bà Thánh nào ra bản án phải bị bêu thây cho ông ta nhưng tự nhiên theo nguyên tắc ông ta gieo nhân nào thì ông ta gặt quả nấy. Nếu ông ta sống có đức độ và lựa chọn, đào luyện truyền nhân có đức độ thì họ không đến nỗi xâu xé nhau và biết kính trọng nguyện ước cuối cùng của ông. Đàng này ông dạy đệ tử lừa dối đồng bào thiên hạ thì đến khi ông chết họ cũng dùng di chúc của ông mà lừa dối đồng bào.

Trước tiên, ông chết trúng ngay cái giờ oan khiên là 2 giờ sáng ngày 2 tháng 9 tức là ngày mà ông đọc tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba đình. Hằng năm ông bắt người ta phải nhảy múa hò reo trong cái ngày này. Chính vì thế mà các đệ tử truyền nhân của ông không thể cho dân chúng biết là ông chết đúng ngày nhảy múa hò reo. Do đó họ đóng cửa lại, tạm dấu xác ông trong 1 ngày, ra ngoài tổ chức nhảy múa hò reo cho đủ thủ tục; xong rồi qua ngày sau mới phát tang. Vô tình tạo ra một chuyện vô cùng mỉa mai là sau khi ông vừa trút hơi thở cuối cùng thì toàn dân Miền Bắc Việt Nam nhảy múa hò reo và từ đó đến nay toàn dân Việt Nam luôn luôn nhảy múa hò reo trong ngày kỷ niệm ông qua đời.

Khi còn sống ông bày các đệ tử sửa đổi giấy tờ, ngụy tạo chứng cứ hư thế nào thì khi ông chết họ cũng làm y như thế đối với ông. Họ cho cạo sửa lại di chúc, thay vì ông nói cuộc chiến đấu chống Mỹ còn "vài" năm nữa thì họ sửa còn "nhiều" năm nữa. Đoạn ông nói về sự xâu xé nhau giữa 2 dân anh Nga, Tàu thì họ cũng cắt bớt. Đoạn ông xin được chôn cất tử tế thì họ giấu bét đi. Tất cả chỉ vì họ muốn lưu cái xác của ông lại

để dựa hơi mà thu sự thuận phục của dân chúng. Lúc còn sống ông muốn người ta tôn ông lên thành bậc Thánh bất tử thì quả nhiên lúc ông chết các đệ tử của ông làm cho ông bất tử dưới hình thức một “xác quỷ nhập tràng” hay là “con ma xó nằm giữ của cho Đảng”. Đó là tự ông gieo gió thì ông gặt bão, không có gì là duy tâm hay dị đoan... Có một quy luật tuyệt đối của thiên nhiên huyền bí chi phối cuộc sống của con người mà ít ai để ý, đó là quy luật gieo gì gặt nấy.

Ba mươi năm có thể là quá đủ cho tội lỗi ông Hồ đã làm ra. Đã đến lúc nên miễn cho ông cái hình phạt phải trình diện quan khách và an táng để ông ta được yên trong lòng mọi người. Tiếng Việt có câu: “Nghĩa tử là nghĩa tận” và “Con chim sắp chết kêu tiếng bi ai, con người sắp chết nói lời nói phải”. Lúc sắp chết ông xin được hoả táng nhưng vì kèn cựa nhau mà người ta phải giữ ông lại để làm một cái bung xung và chính vì thế mà ước nguyện cuối cùng của ông không được thi hành.

Mặc dầu những người Việt Quốc gia chống ông từ đầu chí cuối, đến nay vẫn còn chống nhưng những người Việt Quốc gia rất trọng truyền thống nhân ái của dân tộc. Người Việt Quốc gia cũng sẵn lòng để cho ông được yên nếu những đệ tử truyền nhân của ông đừng đem ông ra để hù dọa thiên hạ. Mặc dầu kết quả việc làm của ông vẫn còn di hại đến ngày nay nhưng hoàn toàn không có ai muốn réo tên ông để đòi những món nợ trước cũng như sau này.

Chỉ có những người muốn lợi dụng xác chết của ông để làm một chiêu bài chính trị mới là những người vô lương tâm. Huống chi những người đó vẫn luôn miệng kêu ông là cha già, xưng ông là thần thánh. Ngày nay chủ nghĩa Cộng Sản sụp đổ trên toàn thế giới người ta không dám lấy học thuyết Max-Lénine để làm kim chỉ nam nữa, mà lại dựng lên một học thuyết gọi là chủ nghĩa Hồ Chí Minh để hòng tiếp

mộng đẹp

Vội vã chiều lên lướt mặt hồ
Nghìn tia nắng động rưng hư vô
Miên man cảnh vật chìm trong mộng
Từng miếng hoàng hôn phủ mịt mờ.

Văng vẳng tầng không tiếng sáo diều
Râm rì dưới vực côn trùng kêu
Nước non đâu cũng là non nước
Sao mãi lòng nghe vẫn quạnh hiu!

San sẻ ai đây bớt nỗi buồn
Mang hoài nặng trĩu kiếp đau thương
Nhiều đêm thao thức, nhiều đêm mộng:
Vang tiếng reo hò giữa cổ hương.

Cổ hương phát phối triệu cờ bay
Vàng cả non sông, hết đoạ dày
Có phải ước mơ thành mộng đẹp
Thì cho mộng ấy hiện ban ngày.

phan long yên

tục duy trì những chiếc ghế của những người đảng viên Cộng Sản. Và thế là tên ông lại tiếp tục được réo lên, phía bên này cũng như phía bên kia...

Xin hãy để cho mọi người quên ông ta đi và xin hãy tỏ ra cao thượng đừng nhắc tới ông ta nữa! Hãy để cho người chết đi về cõi hư vô.

* * *

Có khi số phận của một dân tộc lại được quyết định bởi cuộc đời của một con người. Số phận của dân tộc Việt Nam đã trải qua hết bao điều linh gian khổ trong thời Pháp thuộc. Nhân dân Việt Nam đã phải liên tục chiến đấu trong suốt 80 năm để chống lại bạo tàn. Không ngờ khi mà các quốc gia khác trên thế giới đã giành được độc lập và chế độ thực dân mãi mãi đi vào lịch sử thì dân tộc Việt Nam lại phải đương đầu với một thứ đế quốc mới nảy sinh, đó là đế quốc Cộng Sản... Sau 70 năm làm mưa làm gió trên thế giới, chủ nghĩa Cộng Sản đang đi vào lịch sử với

nhiều di hận nhưng dân tộc Việt Nam vẫn chưa rảnh tay để xây dựng một cuộc sống hạnh phúc. Hiện nay dân tộc Việt Nam còn phải đấu tranh để thanh toán nốt những gì bất hợp lý trong lịch sử nhân loại. Số phận đã bắt dân tộc Việt Nam phải gánh chịu quá nhiều đau khổ nặng nề. Trong khi đó chỉ cần có sự quyết định của một nhóm người là có thể giải quyết khổ nạn cho dân tộc. Tuy nhiên nhóm người này là đại đệ tử truyền nhân của một người, họ có những tư tưởng hết như người thầy của họ. Giờ đây phải lựa chọn giữa những chiếc ghế của họ và hạnh phúc của dân tộc thì họ đương nhiên chọn chiếc ghế. Họ đã được đào luyện như vậy, bắt đầu từ một con người, chất tàn nhẫn vô tâm đã nhiễm vào trong máu của họ. Rồi đây dân tộc Việt Nam phải tốn rất nhiều thời gian để lọc cho hết chất tàn khốc trong máu của những người truyền nhân của ông Hồ. Biết bao giờ mới xoá hết những mây mù gian ác trong lòng người? ●



Điều Tiếng Về Giải Nobel

Nguyễn Nhạn Sơn



Khổng Tử soạn kinh Xuân-Thu, kể lại chuyện đời trước, người hoặc việc đáng khen thì khen, người hoặc việc đáng chê thì chê. Đời sau đọc kinh Xuân-Thu, bình rằng: “Nhất tự chi bao, vinh ư hoa cổn; nhất tự chi biếm, nhục ư phủ viết”. Nghĩa là được Khổng Tử khen một chữ thì cảm thấy vinh dự như được vua ban áo quý; bị Khổng Tử chê một chữ thì cảm thấy nhục nhã như bị vua phạt đánh đòn.

Đối tượng khen chê của Khổng Tử là lịch sử nước Lỗ và những nước liên hệ, từ đời Lỗ Ẩn-Công đến đời Lỗ Ai-Công, trải dài trên hai trăm năm (722 đến 481 trước Công Nguyên), nhân vật nhiều mà sự việc cũng lắm. Nhưng lời chê khen của Xuân-Thu vẫn được người đời sau cho là xác đáng và công bằng. Và chúng ta biết là Khổng Tử soạn sách một mình.

Ngày nay, có những người chuyên làm công việc nhận xét người khác, nhưng rất hay bị những người khác nữa, dị nghị. Nói chung là hay bị chê, chớ ít khi được khen. Tôi muốn nói về những hội đồng chấm giải của những giải thưởng quốc gia, quốc tế.

Trước hết, xin làm một sự so sánh vượt thời gian và không gian. Tại sao Khổng Tử nhận xét một mình mà được khen, trong khi các hội đồng làm việc tập thể lại bị chê? Tam ngu không thành hiền hay sao? Có lẽ chỉ vì đối tượng của Khổng Tử đã trở thành quá khứ, nói vinh nói nhục chỉ là nói cho vui, chớ “bao”

thì cũng chẳng đem lợi lộc gì cho ai, “biếm” thì cũng chẳng gây thiệt thòi gì cho ai. Còn đối tượng của các hội đồng chấm giải ngày nay, thì tất cả đều ở “thì hiện tại”. Hội đồng “bao” thì có danh, có tiền; hội đồng “biếm” thì mất danh, không tiền. Tất nhiên, trong thực tế hội đồng nào cũng chỉ công khai “bao”, còn “biếm” thì chỉ là ngấm ngấm, không bao giờ nói ra. Nhưng ngấm ngấm hay công khai, thì có khác gì nhau? Không được hội đồng chấm đầu, thì là rớt, là dở, chớ còn là gì nữa?

Năm nào cũng vậy, giải thưởng nào cũng vậy (trừ các giải thể thao), người được giải và gia đình, thân hữu của họ, hân hoan tán thưởng thành quả công tác của hội đồng. Nhưng người được giải rất ít, còn người không được thì nhiều. Tuy nhiên, nói cho thật đúng, từ ngày có các giải thưởng cho đến giờ, chưa lần nào nghe chính miệng các đương sự phàn nàn về sự thiếu công bằng của các hội đồng. Nhưng lời dị nghị của thiên hạ, thì nhiều không kể xiết.

Sau đây, chỉ xin kiểm lại riêng giải Nobel. Và trước khi nghe lại điều tiếng của nó, cũng nên lược qua những điều căn bản về giải thưởng quan trọng nhất thế giới này.

Giải Nobel được gọi theo tên người lập giải, Alfred Bernhard Nobel, người Thụy-Điển, sinh năm 1833, mất năm 1896. Nobel là một nhà hóa học có tài, lúc sinh thời vừa là một kỹ sư có nhiều sáng chế, vừa là một nhà kỹ nghệ biết kinh doanh.

Phát minh quan trọng hơn hết của ông là thuốc nổ, và chính phát minh này đã đem lại cho ông nhiều tiền bạc để ông lập quỹ bảo trợ cho giải Nobel. Cũng có người suy luận rằng thuốc nổ là thành công rực rỡ của Nobel, nhưng đồng thời cũng là nỗi ân hận của ông. Ông tưởng rằng thuốc nổ đem lại sức mạnh để phe chủ hòa dập tắt chiến tranh, nhưng ông không dự liệu được trường hợp phe gây chiến cũng lợi dụng thuốc nổ để tăng cường chiến tranh, phá hoại hòa bình. Trong thực tế, vì có thuốc nổ nên con số thương vong trong chiến tranh đã tăng cao hơn trước. Ông ân hận, và muốn dùng chính số tiền kiếm được do phát minh thuốc nổ, lập ra một giải thưởng khích lệ những công trình xuất sắc đã thực sự đem lại lợi ích cho nhân loại.

Ban đầu, giải Nobel gồm 5 lãnh vực: Vật lý học; Hóa học; Sinh vật học hay Y học; Văn học; Hoà bình. Những giải đầu tiên được phát năm 1901. Đến năm 1968, Ngân Hàng Thụy-Điển, cơ quan quản trị Quỹ Nobel, lập thêm giải Kinh tế học, bắt đầu phát vào năm sau.

Có người nêu thắc mắc rằng tại sao Nobel là một nhà khoa học lỗi lạc, khi lập giải thưởng cũng đã rất chú trọng khoa học (đặt ba giải cho khoa học), mà lại bỏ quên toán học tức là ngành căn bản của mọi ngành khoa học khác. Rồi cũng có người giải đáp rằng vì Nobel hận một nhà toán học sống đồng thời, đã chiếm

đoạt người tình của ông để ông phải suốt đời chân đơn gối lẻ, nên ghét lây đến toán học. Nghe cũng có lý, và người viết bài này cũng đã thấy trong vài cuốn sách tên của nhà toán học kia, nhưng cảm thấy câu chuyện thuộc loại “tình lâm ngoại sử”, nên không muốn dẫn ra đây.

Các hội đồng chấm giải đã được Nobel chỉ định trong di chúc:

- Quyết định về ba giải Vật-lý-học, Hoá-học, và Kinh-tế-học là Viện Hàn-Lâm Khoa-Học Hoàng-Gia Thụy-Điển (Royal Swedish Academy of Sciences).

- Quyết định về giải Sinh-vật-học hay Y-học là Viện Y-Khoa Phẫu-Thuật Hoàng-Gia Caroline (Royal Caroline Medico-Chirurgical Institute).

- Quyết định về giải Văn-học là Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điển (Swedish Academy).

- Quyết định về giải Hoà-bình là Ủy-Ban Na-Uy (Norwegian Committee) do Quốc-Hội Vương-Quốc Na-Uy đề cử.

Theo nguyên tắc, các giải thưởng được phát hàng năm. Nhưng trong thời gian qua, cũng có những năm, có những giải không được cấp phát, vì lý do chiến tranh, hoặc vì hội đồng chấm giải nhận thấy không có ai xứng đáng.

Trừ giải Hòa-Bình có thể được cấp cho một tổ chức, những giải khác chỉ được cấp cho cá nhân.

Mỗi giải gồm một huy chương vàng, một bằng khen và một số tiền. Số tiền này thay đổi tùy theo mức sinh lợi trong năm qua của Quỹ Nobel trong công việc kinh doanh. Tuy nhiên, nói chung thì số hiện kim đã tăng lên rất nhiều theo thời gian, tỉ lệ nghịch với giá trị đồng bạc. Trong những năm gần đây, số tiền cấp cho mỗi giải phần nhiều là trên một triệu mỹ kim.

Có khi hai, hoặc ba người chia nhau một giải. Người được giải có quyền từ khước không nhận giải. Nếu từ khước vì áp lực (như bị chánh quyền cấm), thì về sau có thể xin nhận lại, nhưng lúc ấy chỉ được nhận

huy chương và bằng khen, không được nhận tiền, vì số tiền đã được trả lại cho Quỹ.

Không thể tự mình xin dự tranh giải Nobel. Phải được ít nhất một tổ chức đề nghị. Tổ chức nói đây có thể là một nhóm người được lâm thời thành lập, nhưng nếu là một tổ chức có sẵn từ trước thì sự đề nghị vẫn mạnh hơn.

Chỉ những người còn sống mới được đề nghị dự tranh. Nhưng một khi đương sự đã được hội đồng chấm giải đưa vào danh sách dự tuyển, rồi từ trần trong tiến trình duyệt tuyển, thì về sau người thừa kế vẫn được quyền nhận giải thưởng.

Lễ phát giải thưởng hàng năm được ấn định vào ngày 10 tháng 12, ngày giỗ Nobel. Giải Hoà-bình được trao tại Oslo, thủ đô Na-Uy. Các giải kia được trao tại Stockholm, thủ đô Thụy-Điển. Quốc vương hai nước thường đích thân trao giải thưởng. Trừ trường hợp bất khả kháng như đau ốm, các đương sự thường thân hành đến tận nơi để nhận giải thưởng. Trong dịp này, ngoài vinh dự được hoàng gia khoản đãi, họ còn được bày tỏ quan điểm trong một bài diễn từ. Đúng là một đời có một lần!

Nhưng thật ra, trong lịch sử của giải Nobel, đã có những cá nhân và tổ chức được cấp giải Nobel hơn một lần: Marie Curie (Pháp) được giải Vật-lý-học năm 1903, rồi được giải Hóa-học năm 1911; Linus Pauling (Mỹ) được giải Hóa-học năm 1954, rồi được giải Hòa-bình năm 1962; John Bardeen (Mỹ) được giải Vật-lý-học hai lần, năm 1956 và 1972; Frederick Sanger (Anh) được giải Hóa-học hai lần, năm 1958 và 1980; Hội Hồng-Thập-Tự Quốc-Tế được giải Hòa-bình ba lần, năm 1917, 1944, và 1963; Cao-Ủy Tị-Nạn Liên-Hiệp-Quốc được giải Hòa-bình hai lần, năm 1954 và 1981.

Bây giờ, xin nói về cách làm việc của các hội đồng chấm giải. Phương châm và nguyên tắc làm việc của các hội đồng là độc lập, kín, và quyết định theo đa số.

1. Độc lập nghĩa là họ không chịu một áp lực nào trong khi làm việc. Chọn ai và không chọn ai, chỉ tùy theo sự nhận xét của chính họ. Những sự vận động ngoại giao, những áp lực chính trị, nếu có, cũng không thể gây được ảnh hưởng. Tất nhiên, đây chỉ nói theo nguyên tắc.

Nếu cần nghe thêm ý kiến của người ngoài hội đồng, họ có thể mời chuyên gia liên hệ đến vấn đề đang được tranh nghị.

2. Kín nghĩa là tất cả tiến trình tranh luận của hội đồng, kể cả kết quả bỏ phiếu ở các giai đoạn, đều không được tiết lộ ra ngoài. Do đó, khi hội đồng công bố quyết định, thiên hạ chỉ biết một điều duy nhất là người nào được chấm đầu. Ngoài ra, người kia (thành tích cũng xuất sắc chẳng hạn) tại sao không được chọn; trong hội đồng, vị nào tán trợ người này, vị nào tán trợ người kia; bàn dân không bao giờ biết. Tất nhiên, đây cũng chỉ nói trên nguyên tắc.

3. Các hội đồng làm việc rất kỹ, vì họ có nhiều ngày giờ. Sau nhiều lần thảo luận, mỗi hội đồng sẽ chung quyết bằng một cuộc minh danh bỏ phiếu để chọn người xứng đáng được cấp giải năm ấy. Xin nhắc lại, chữ “minh danh” ở đây chỉ áp dụng cho nội bộ hội đồng thôi.

Sau đây, là tiến trình làm việc của các hội đồng. Các hội đồng làm việc riêng biệt, nhưng thời gian làm việc thì giống nhau.

Hạn chót để những bản đề nghị đến tay các hội đồng là ngày 31 tháng 1, năm xét giải thưởng. Những đề nghị gửi đến sau kỳ hạn này không được xét, và cũng không được giữ lại để dùng cho năm sau.

Nhân đây, xin nhắc lại một vài dư luận liên hệ đến cái kỳ hạn này: Được đề nghị rồi được chấm đầu, thì vinh dự. Được đề nghị, nhưng cuối cùng không được chấm đầu, thì rõ ràng là thua kém người được giải. Nhưng được đề nghị, mà không được hội đồng xét vì lý do hồ sơ tới trễ, thì sự hơn kém khó phân. Không được dự thi thì không thể gọi là thi

hông. Cùng lắm, cũng chỉ là nộp quyển bị “ngoại hàm” vậy thôi. Mà rồi cũng có thể được thiên hạ gọi là “Nobel candidate” (người được đề nghị dự tranh giải Nobel), một danh hiệu không nhỏ!

Ngày đầu tháng 2, các hội đồng mở phiên họp đầu tiên. Những phiên họp tiếp theo, bao nhiêu phiên, vào những ngày tháng nào, kéo dài bao lâu, là tùy theo nhu cầu, và do mỗi hội đồng tự qui định. Nhưng hạn chót, để các hội đồng công bố cho mọi người biết tên người được giải là ngày 15 tháng 11 năm ấy. Có thời gian 25 ngày, để triều đình hai vương quốc Thụy-Điển và Na-Uy tổ chức buổi lễ phát giải thưởng, và để người trúng tuyển chuẩn bị bài diễn từ.

Quyết định của các hội đồng chấm giải có tính cách “bất khả kháng nghị”, nghĩa là không ai được khiếu nại, và không có cơ quan nào có quyền phúc nghị.

Nhưng “bất khả kháng nghị” không có nghĩa là “bất khả dị nghị”, cho nên thiên hạ tha hồ bàn tán. Các ông bà “hội đồng” chịu nghe hay không, xin cứ tùy ý.

Những lời dị nghị về giải thưởng quốc tế Nobel, thì nhiều lắm. Sau đây, chỉ xin tóm tắt dựa theo bài tổng kết của ký giả Thomas Vinciguerra viết trên tờ *National Post* (Canada) số ra ngày 19-10-1999. Bị dị nghị nhiều nhất là Văn-Học và giải Hoà-Bình.

Sau đây, là những người đã được



đề nghị hợp lệ, được công luận cho là xứng đáng, nhưng không lọt được vào mắt xanh của các hội đồng.

Văn-Học:

1. Léon Tolstoi, nhà văn Nga, sinh năm 1828 mất năm 1910, viết rất nhiều trong cả ba lãnh vực tân truyện, tiểu thuyết, và thoại kịch. Là tác giả danh tác Chiến-tranh và Hoà-bình, bộ tiểu thuyết rất quen thuộc với độc giả người Việt.

2. Anton Tchekhov, nhà văn Nga, sinh năm 1860 mất năm 1904, có nhiều tiểu thuyết, hồi ký và kịch bản được người Âu-châu tán thưởng.

3. Marcel Proust, nhà văn Pháp, sinh năm 1871 mất năm 1922, văn nghiệp đồ sộ, có bộ *À la recherche du temps perdu* (Đi tìm thời gian đã mất) rất nổi tiếng.

4. Joseph Conrad, nhà văn Anh, sinh năm 1857 mất năm 1924, viết rất nhiều và rất tinh tế, được các nhà nghiên cứu ghi công đã góp phần xây dựng nền văn chương hiện đại của châu Âu.

Y-Học:

Sigmund Freud, bác sĩ Áo, sinh năm 1856 mất năm 1939, đã chủ trương lý thuyết phân tâm học, ứng dụng có hiệu quả trong ngành thần kinh trị liệu.

Và sau đây, là những người đã được giải, nhưng công luận nhận xét là không xứng đáng:

Văn-Học:

1. Knut Hamsun, nhà văn Na-Uy, sinh năm 1859 mất năm 1952, thành công lớn trong lãnh vực tiểu thuyết, được giải Nobel Văn-học năm 1920. Nhà văn được giải này không bị chê về tài năng, mà về đạo đức chính trị. Ông ta đã ra mặt cộng tác với quốc-xã Đức. Ông đã gởi tặng Goebbels, bộ trưởng Thông-tin Tuyên-truyền Đức, chiếc huy chương Nobel của ông ta, để tỏ lòng ngưỡng mộ.

2. Pearl Buck, nhà văn Mỹ, sinh năm 1892 mất năm 1973, chuyên viết về Trung-Quốc, được giải Nobel Văn-học năm 1938. Bị công luận chỉ trích là nhận xét không tinh tường và đầy thiên kiến.

Hoà-Bình:

Rigoberta Menchu, người Guatemala, chủng Maya, sinh năm 1960, đã tham gia lực lượng chống chính phủ, đã bị trục xuất qua Mễ-Tây-Cơ. Năm 1982, bà viết một cuốn sách đặt tựa là *I, Rigoberta Menchu*, kể chuyện gia đình bà và dân địa phương đã bị quân đội chính phủ khủng bố và tàn sát như thế nào. Do cuốn sách này, Menchu được giải Nobel Hoà-Bình năm 1992.

Nhưng trong những năm gần đây, người ta phát hiện Menchu đã bịa đặt hầu hết những sự kiện kể trong cuốn sách. Công luận đã chỉ trích hội đồng chấm giải Hoà-Bình năm ấy đã cả tin, không chịu lắng nghe những tiếng nói khác về thực trạng của Guatemala, và những chuyện dòng họ Menchu đã làm, trong những năm loạn lạc.

Kể ra, công luận cũng chịu mất công tìm hiểu. Chẳng hạn trường hợp Albert Einstein, nhà vật lý (công dân Mỹ, gốc Đức), sinh năm 1879 mất năm 1955, được giải Nobel Vật-Lý năm 1921, cũng bị dị nghị. Giới khoa học, nhất là các vật lý gia, đã nêu câu hỏi: Thành tích vật lý quan trọng nhất của Einstein là “lý thuyết tương đối”, tại sao ông không được cấp giải trên căn bản này, mà lại do những thành tựu về “quang điện”?

Cuối cùng, xin thuật lại lời của Léon Tolstoi, khi nghe nhà thơ Pháp Sully Prudhomme đầu giải Nobel Văn-Học năm 1901, mà ông thì rớt. Tolstoi nói: Tôi rất vui khi nghe không được giải Nobel. Trước hết, tôi tránh khỏi chuyện phiền phức phải thu xếp tiền bạc. Tiền bạc chỉ đưa người ta đến những chỗ xấu xa mà thôi. Thứ hai, tôi cảm nhận một niềm sung sướng và vinh dự mà bao nhiêu người ban cho trong thăm lặng.

Tolstoi đã nói như vậy. Nghĩ là ông nói thật lòng, hay chỉ nói gượng theo hoàn cảnh, thì xin tùy các bạn.

Đêm Thuyền Đậu Bến Phong Kiều



Thái Văn Kiểm

Làng Văn số 172 (12.1998) đã cho chúng ta cơ hội ôn lại bài thơ trữ danh đời Đường là *Phong kiều dạ bạc* qua hai bài minh giải “*Một kỷ niệm Tô Châu với Phong kiều dạ bạc*” của Trùng Dương và “*Trường hợp bài Phong kiều dạ bạc*” của Đào Đức Chương.

Nay đến lượt chúng tôi xin phép độc giả được góp thêm một số ý kiến và chỉ tiết liên quan bài thơ bất hủ của Trương Kế.

Như các bạn yêu thơ đều biết, nguyên tác bài *Phong kiều dạ bạc* như sau:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Có đến hơn mười tác gia dịch bài thơ này, nhưng bản dịch thường được người đời ngâm nga hơn cả là bài của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1888-1939):

Trăng tà, tiếng quạ kêu sương

Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ.

Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa
Hàn Sơn.

Xưa nay người ta chỉ biết, hoặc chỉ nhắc đến Trương Kế qua bài *Phong kiều dạ bạc*, tưởng chừng như trường hợp của nhà thơ Pháp Felix Arvers (1806-1850) với độc nhất bài *Un Secret* và bản dịch độc đáo *Tình tuyệt vọng* của Khái Hưng. Thật ra, Trương Kế đã cảm tác nhiều bài có giá trị, chẳng hạn như:

Xương môn tích sự
Canh phu triệu mộ trực lâu thuyền,
Xuân thảo thanh thanh vạn khoảnh
diên,
Thị hướng Ngô Môn khuy quận
quách,

Thanh minh kỷ xứ hữu tân yên.
dịch nghĩa:

Ghi việc xảy ra ở cửa Xương Môn

Dân cày bị bắt đi lính, xưa xuống
thuyền binh,

Hàng muôn khoảnh ruộng xanh
rờn những cỏ xuân.

Thử lên cửa Ngô Môn nhìn ngoài
châu thành,

Giữa tiết Thanh Minh đã được
mấy chỗ có khói bếp mới?
dịch thơ:

Nhà nông bị bắt xuống thuyền binh,
Ruộng đất bao la, cỏ mượt xanh.
Lên gác Ngô Môn nhìn khắp quận,
Lơ thơ khói mới tiết Thanh Minh.

Tương Như

Tưởng cũng nên nhắc sơ về thân thế Trương Kế: Ông tự là Ý Tôn, quê ở Tương Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc), đỗ tiến sĩ năm Thiên Bảo thứ 12 (754) đời vua Đường Huyền Tông, kiến thức rộng, thích đàm luận. Ông từng giúp việc trong quân mạc phủ và làm chức Diêm Thiết Phán Quan. Năm Đại Lịch thứ 11 (776) đời vua Đại tông, ông giữ chức Kiểm Hiệu Từ Bộ Viên Ngoại Lang, phân chương tài phú Hồng Châu và mất tại đây.

Trương Kế cũng như Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị, là những nhà thơ có óc xã hội, xót thương thân phận hẩm hiu, cuộc sống nhọc nhằn lam lũ, đầu tắt mặt tối của người dân nghèo nơi thôn dã. Họ khác biệt với Lý Bạch ưa thích rượu trà, ham hưởng thụ, say túy lúy suốt tháng quanh năm, không mấy khi để ý đến đám lê dân bị bắt lính và chịu sưu cao thuế nặng.

Những bài dịch khác:

. Nhà thơ Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn, bút hiệu TchyA (1907-1968):

I.

Quạ kêu trăng xế trời sương

Lửa chài cây bến đối sầu Sầu
Miên*

Hàn Sơn vắng tiếng chuông chiều

Nửa đêm đưa mãi đến thuyền Cô Tô.

II.

Quạ kêu trăng xế sương tuôn

Lửa chài cây bến đối buồn nằm khan

Thành Cô Tô, miếu Hàn Sơn

Nửa đêm chuông vắng tiếng sang
thuyền người.

* Hai chữ Sầu Miên được Mai

Nguyệt viết bằng chữ hoa, ý nói rằng đây là tên hòn núi lớn đối diện với bến Phong Kiều, là cầu bắc ngang sông có trồng nhiều cây phong. Chỉ hai cảnh trí cụ thể, vật chất mới đối diện nhau được, chớ một vật cụ thể (cây phong) không thể đối diện với sự ngủ buồn (sầu miên) vô hình dung. Các giáo sư Trần Kinh Hoà ở Đại học đường Đài Loan và Hương Cảng, Bác sĩ Nguyễn Trần Huân, nguyên giáo sư Hán Nôm tại Đại học Sorbonne Paris, đều hiểu và giải thích như Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn.

Thêm một chuyện ngoài lề, bút ký TchyA của Mai Nguyệt được phổ biến với ý nghĩa "Tôi chẳng yêu ai", thật sự TchyA hàm ý "Tôi chỉ yêu Angèle", phương danh một cô đầm lai tuyệt sắc ở Hà Nội mà TchyA rất thương yêu. Chữ A viết hoa vì trùng với tên người.

. Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Dân

*Đêm đậu thuyền ở bến Phong Kiều
Qua kêu, trăng lặn, khắp trời sương
Cây bến, đèn chài, giấc ngủ sông*

*Bên núi Cô Tô, thuyền khách đậu
Chùa Hàn đêm vắng một hồi chuông.*

. Vũ Tùng Chi:

*Thuyền đêm đỗ bến Phong Kiều
Nào nùng tiếng qua kêu sương
Canh tà, nguyệt xế, thê lương lạnh
lòng*

*Lửa chài bên nước bập bùng,
Chòm phong ủ rũ, ven sông bơ vơ.
Sầu tư hồn điệp dật dờ,
Ngân nga chuông vọng Cô Tô đến
thuyền.*

*Hàn Sơn cô tự u huyền,
Nửa đêm trầm bóng, cửa thiền nện
khời.*

Chày kinh tỉnh giấc chơi vơi...

. Trần Trọng San:

*Ban đêm thuyền đậu bến Phong Kiều
Trăng tà, tiếng qua vắng sương rơi
Sầu đượm hàng phong, giấc lửa chài
Ngoài lũy Cô Tô, chùa vắng vẻ,
Nửa đêm chuông vắng đến thuyền ai.*

Bài thơ Phong kiều dạ bạc còn là nguồn cảm hứng của nhiều họa sĩ, điêu khắc gia Việt cũng như Tàu, mà nghệ sĩ Đối Ngọa Quân là một.

Ông là một nghệ sĩ danh tiếng,

tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật Bắc Kinh từ đầu thế kỷ 20. Sau khi Trung cộng chiếm Hoa Lục năm 1949, ông đã sang tị nạn tại Hà Nội và di cư vào Nam năm 1954. Trong suốt 20 năm từ 1954-1975, ông là giáo sư trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định.

Tài nghệ siêu việt của Đối Ngọa Quân tiên sinh được phổ diễn trong ba lãnh vực: khắc chạm thơ văn li ti trên những miếng ngà nhỏ, phải dùng kính phóng đại mới nhìn thấy và đọc được; vẽ tranh thủy mặc với bút lông; viết thơ văn cổ điển với bút pháp uyển chuyển bay bướm như Vương Duy ngày xưa. Ngoài ra ông còn dạy học, dạy viết chữ Hán và nhận khắc chạm ấn triện.

Trong một buổi triển lãm tại Học xá Đông Dương ở Paris năm 1976, Đối Ngọa Quân tiên sinh đã triển lãm mấy trăm nghệ phẩm thượng thặng. Ngoài những bức tranh thủy mặc vẽ phong cảnh Trung Hoa, Việt Nam và Pháp; ông còn trưng bày những miếng ngà nhỏ chừng 5, 10 phân, trên đó khắc chạm những bài thơ cổ danh tiếng và phong cảnh liên hệ đến bài thơ.

Trong tổng số mấy trăm nghệ phẩm ấy, người sành điệu đặc biệt chú ý hai tác phẩm: bài *Tống biệt* của Tản Đà được khắc trên một hạt gạo bằng ngà, tổng cộng 69 chữ với rất nhiều dấu. Thử tưởng tượng chừng ấy chi tiết được thu tóm lại trong một mảnh ngà nhỏ bằng hạt gạo, công trình quả thật phi thường!

Thứ đến là bài *Phong kiều dạ bạc* gồm cả thi ca lẫn cảnh trí được mô tả đầy đủ với hình ảnh và màu sắc trên một phiến ngà mỗi bề 5 phân, dày gần 1 phân.

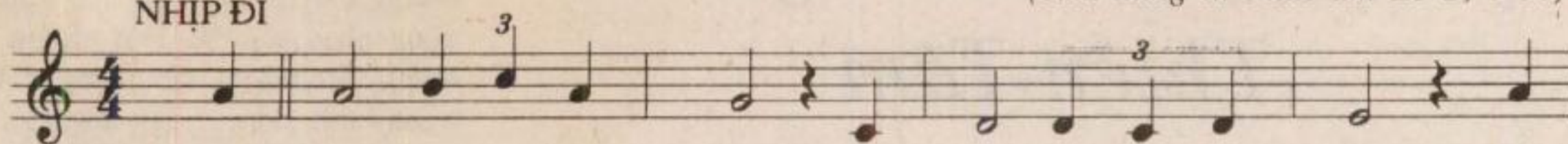
Và bây giờ đến lúc trình làng rằng, số là sau mấy chuyến công du và du lịch châu Á, chúng tôi đã mang về nhà một bức tranh màu, khắc họa trên đá cẩm thạch trắng, đóng khung gỗ, minh họa bài thơ *Phong kiều dạ bạc*. Bức họa này được trưng bày nơi phòng khách của Chiêu Anh Các Paris và nhiều văn nhân nghệ sĩ đã có dịp chiêm ngưỡng.

Phong kiều dạ bạc của Trương Kế, thảo thư của Hưng Nam

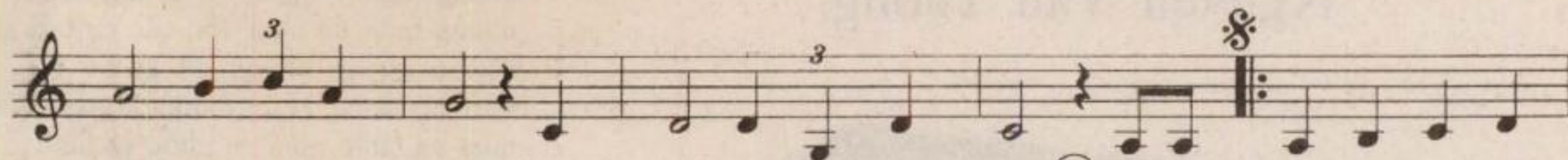
lời gọi đêm đông

Nhạc và lời: **Vũ Thái Hoà**
(cảm hứng từ Phúc-âm Le 2, 1-14)

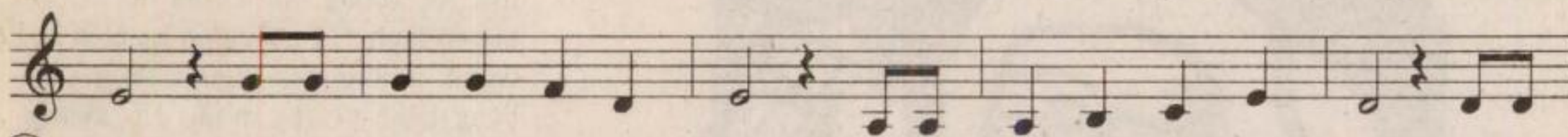
NHỊP ĐI



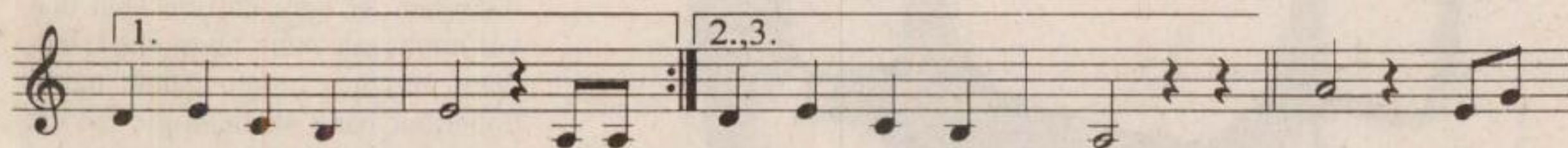
Vinh Quang Danh Chúa trên Trời - Bình an cho người dưới Thế - Vinh



Quang Danh Chúa trên Trời - Bình an cho người Chúa thương ① Đây mục đồng dậy mau đi
② Đừng ngần ngại, vì không sính
③ Lòng rộn ràng cùng nhau sánh



① nhé - Dấu giá rét Chúng Ta cùng đi - Dù đường dài, đừng sợ hiểm nguy - Đi, đi
② lẽ Chúa vẫn biết Chúng Ta thành tâm - Đừng ngại ngần, đừng sợ khó khăn - Đi, đi...
③ bước - Đến với Chúa, Chúa đang chờ Ta. - Vì Loài Người Ngài nay hiến thân - Nên sinh..



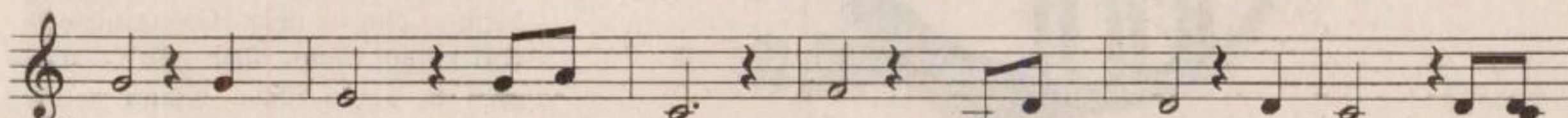
① mau đến Tôn Thờ Chúa. (Đừng ngần...)

②...mau Chúa đang mong chờ.

Chúa vì Yêu

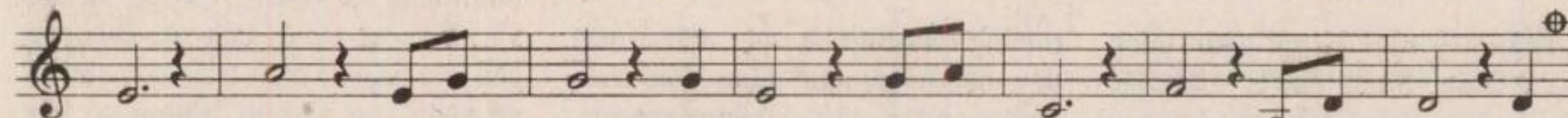
③...ra giữa đêm lạnh lùng.

Chúa vì Thương



② Ta, nên Ngài nay giáng trần, giữa một đêm đông không nhà, không mái

③ Ta nên Ngài nay giáng trần, Chúa vì Yêu Ta - Nên Ngài quên lời



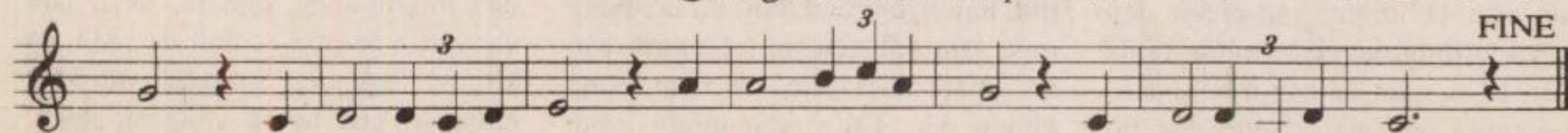
② áo. Chúa nằm co ro một mình trong máng cỏ, những bò, chiên kia đang

③ danh, Chúa vì Thương Ta Nên Ngài đã giáng trần, Chúa vì Yêu Ta, Nên..



②..thở để ấm thân Ngài. (Lòng rộn...)

③...Ngài sinh nơi thấp hèn. Al le Al le lui



a Al le Al le lui a Al le Al le lui a Al le Al le lui a ./.

FINE

Ơn Lành của Người Thiện-Tâm

Nguyễn Văn Thông



Hầu-hết mọi người đều thích mùa lễ Giáng-Sinh, nhất là vùng Bắc Mỹ, tôi đoán thế. Cái không-khí của mùa lễ làm cho người ta tự-nhiên vui. Giữa cảnh tuyết trắng lạnh-lẽo, co-ro mà ai nấy hoan-hỉ đi mua sắm nhộn-nhip. Bước vào những khu chợ là như bước vào một cảnh ngoài dương-thế. Nào là tiếng nhạc nhẹ-nhàng tươi vui, nào là màu sắc lấp-lánh, nào là những sản-phẩm đẹp mắt và lạ-lùng mà có lẽ người ta đã chuẩn-bị cả năm để hấp-dẫn khách-hàng trong mùa này. Người lớn thì thanh-lịch, trẻ con thì tươi-tát dễ-

thương như búp-bê, mặt mũi ai nấy đều hân-hoan như đang đón chứa những niềm vui, những rạo-rực. Không biết vì có niềm vui trong lòng nên người ta nghĩ đến nhau, hay vì nghĩ đến nhau nên người ta có niềm vui. Cả hai thứ ấy được biểu-lộ bằng những nụ cười, lời chào hỏi, những món quà, những cánh thiệp. Nếu là những người thân trong vòng ruột-thịt, hay người bạn tình, thì là những mua sắm đắt tiền mà có người bảo dù phải dành-dụm cả năm cũng không tiếc. Cứ y như người mình chuẩn-bị ăn một cái Tết ở quê-

hương.

Không phải tất cả nhưng cũng khá nhiều những người của xã-hội này móc nối niềm vui của họ tới những chiều-kích rộng lớn hơn. Họ cùng nhau tổ-chức làm những việc thiện, việc bố-thí, tạo những phần ăn ngon-lành, đem những áo-quần ấm-áp cho những người cô-thần cô-thế, những người nghèo hơn họ; tặng những món đồ chơi cho các em mà bố-mẹ chúng không dễ gì có thể sắm-sửa được. Họ gọi mùa lễ này là mùa ơn lành, mùa ơn phúc và bình-an cho muôn người. Dĩ-nhiên đó là những con người đáng quý, vì họ không thụ-động trông-chờ ơn lành từ trời rơi xuống, mà chính họ ra tay tạo ơn lành. Có thể chính họ biến họ thành những con người thiện-tâm bằng hành-vi của mình. Họ không ngần-ngor tự hỏi "Ai là người thiện-tâm?" trong lời loan-báo của các thiên-thần trong đêm Giáng-Sinh, cũng không tự cho mình là người thiện-tâm để ngồi chờ ơn lành đến với mình, mà chính họ tự chọn, dần thân, tự biến mình thành người thiện-tâm bằng sự tham-gia tạo ơn lành và bình-an cho người khác.

Người mang ơn lành và người nhận ơn lành như thế có phần khác nhau và giống nhau. Khác nhau ở hành-vi cho và nhận. Giống nhau ở chỗ không người nhận nào cứ mãi phải là người nhận. Người ta đã tranh nhau có khi đến đổ máu để được quyền ngang nhau, để được bình-đẳng về những vấn-đề xã-hội và chính-trị trong lịch-sử. Điều ấy cần lắm, cần để phát-triển con người, để nâng cao xã-hội. Nhưng có khi người ta lại bỏ quên cái quyền làm việc lành. Người ta quên rằng cái quyền làm việc lành ấy sẽ toàn-hảo, sẽ gìn-giữ con người và xã-hội này được bền-vững. Ta cứ tưởng rằng việc lành là việc để cho các thầy, các cha, các sơ làm, để cho nhà chùa, nhà thờ tổ-chức, còn ta, ta đi làm chuyện văn-hóa, chính-trị. Mà có khi vì thế nên chuyện văn-hóa, chính-trị của ta nó vắng sự thiện. Vắng vì người làm không cảm thấy

mình phải sử-dụng quyền làm việc thiện; vắng vì người làm có cảm-nghĩ phải tách-rời văn-hóa và chính-trị ra khỏi sự thiện.

Khi làm điều thiện bằng hành-vi cho, có điều kì-diệu ở đây. Người cho không mất đi mà lại được thêm. Khi cho là lúc nhận. Khi ban-phát là lúc mình có thêm. Hẳn nhiên ta không nên đòi nguyên-lý này phải luôn-luôn hiện ra ở khía-cạnh vật-chất, có thể nó chưa hiện ra ngay, nhưng nó luôn-luôn hiện ra ở phần tinh-thần. Có câu chuyện đẹp do nhà thơ Tagor kể về một người ăn-mày.

Một ngày kia có một ông lão trong lúc đi ăn xin trên đường, nghe biết sắp có xa-giá của nhà vua đi qua, ông lão cảm thấy hồi-hộp mừng thầm trong bụng. Có kẻ ăn-mày nào bén-mãng tới được cung-diện bao giờ? Đây là dịp ngàn năm một thuở, lão sẽ ăn xin nhà vua, và nhất-định nhà vua sẽ phải cho lão nhiều lắm, hoặc cho một thứ gì đặc-biệt. Thế là chờ xa-giá nhà vua đến gần, lão ăn-mày bất-chấp lỉnh-tráng xông ra phủ-phục trên đường, kêu xin nhà vua ban ân-huệ. Nhà vua cho xa-giá ngừng lại. Nhưng lạ quá, thay vì nhà vua ra tay bố-thí thì ngài lại hỏi lão ăn-mày "Thế nhà ngươi có gì cho ta không?" Thật chán mớ đời, lão ăn-mày đành thò tay vào chiếc bị rách lục-lọi. Lục lâu cho nhà vua biết tay. Cuối cùng lão rút tay ra với hai ngón nhíp đúng một hạt gạo giơ cao lên soi cho rõ, và hạ xuống trên bàn tay của nhà vua. Nhà vua nhận lấy, cảm ơn và xa-giá lại chuyển bánh.

Ông lão một mặt cảm thấy gương mặt nghiêm-trang nhưng khả-ái của nhà vua thu-hút, một mặt lại cảm thấy chán-chường, vỡ mộng. Ông thấy cuộc đời thật khó hiểu. Cả đời

lão chỉ đi ăn xin, chưa ai xin lão cái gì, mà lão cũng chưa cho ai cái gì. Cái lý ấy cũng thường vì lão là kẻ ăn-mày. Thế nhưng hôm nay lão phải cho, cho một cách miễn-cưỡng, mà người xin lại là người giàu-có gấp lão triệu triệu lần. Thế này thì ngược đời quá, kỳ-cục quá, khó hiểu quá. Ông lão bắt-đầu suy-nghĩ, quên cả việc ăn xin, cho đến khi đôi chân lão bước vào cái chòi rách của lão. Lão cảm thấy đôi mắt và thái-độ của nhà vua như có vẻ ân-cần, mời-gọi. Nhưng như thế chẳng nữa lão cũng chẳng thấy được ích gì.

Thôi lão phải quên chuyện ngày hôm nay đi cho đỡ nhức cái đầu. Mình phải đồ cái bị ăn xin ra sắp-xếp các cái, thứ nào ra thứ nấy, rồi còn phải làm cái gì mà ăn tối chứ. Lão đồ cái bị ra mảnh chiếu giữa chòi. Mà kìa, giữa cái đồng hăm-bà-lăng trong bóng tối nhờ nhờ ấy loé lên một đốm vàng sáng lấp-lánh. Ông lão cúi sâu xuống nhìn cho kỹ, lấy hai ngón tay nhíp nó lên. Đó là một hạt vàng có hình-dáng như hạt gạo. Ông lão run tay và nhớ ngay đến cái hạt gạo ông nhíp từ đáy bị lòi ra đặt trên bàn tay nhà vua. Ánh vàng lấp-lánh bỗng tỏa sáng trí lòng của ông lão. Lão bỗng tiếc rằng mình đã không dám cho, đã không cho cả nắm, cả vốc để bây giờ lão có một vốc tay đầy vàng.

Chúng ta, những người thích mùa Giáng-Sinh, bao giờ cũng ao-ước và cầu mong ơn lành. Có thể chúng ta thường ngần-ngor trông-đợi, loay-hoay chẳng biết làm gì, và cuối cùng chẳng bao giờ thấy ơn lành bay đến. Có khi chúng ta phải thử dần thân, thử móc cái túi dầu nghèo-nàn của chúng ta để đem cho, nếu chúng ta không muốn phải tiếc-nuối như ông lão ăn mày, và nếu chúng ta muốn tìm cái nghĩa "Bình-an cho người thiện-tâm" trong lời loan-báo của các thiên-thần.

bâng khuâng

kỷ niệm Giáng sinh
trong trại tù CS



*Ngồi ăn củ khoai mì
Ứ nghẹn trong cuống họng
Gió mùa đông lạnh cóng
Nghe buồn hơn mọi khi.*

*Mặt trời ngủ dậy trễ
Sương mù chưa muốn tan
Còn ai ta san sẻ
Câu chuyện lòng dở dang.*

*Hít mạnh hơi thuốc lào
Hóp vôi ngum nước nguội
Hồn thoáng chốc lao đao
Theo cơn ho mệt đuối.*

*Ta nhìn chung quanh ta
Những khuôn mặt trầm uất
Họ nghĩ gì? Hẳn là...
Ngày Chúa xuống trái đất.*

*Chúa thương thân phận người
như con sâu cái kiến
Bon chen giữa vũng đời
dối gian và đê tiện.*

*Đâu tự tình dân tộc?
và đâu nghĩa đồng bào?
Ta tìm về nguồn gốc
mềm môi cười xót đau.*

*Này em, người xóm đạo
bao giờ vẹn ước mơ?
Ta, một loài chim sáo
hót điệu tình ngu ngơ.*

*Bên vực sâu hiu quạnh
tưởng nhớ một chút gì
Thuở chiến chinh lửa loạn
ai hát khúc từ ly!*

dương hoài ninh

Tình Yêu

Hoàng Nga

Kính tặng tất cả những tín đồ đáng Christ
đã sống và chết vì tình yêu Ngài



Mình quen anh ấy vào dịp lễ Giáng sinh ở nhà một chị bạn lớn hơn mình mấy tuổi, lúc anh là tân tòng. Hỏi lý do gì anh theo Chúa, anh cười, kể, trốn lính bị bắt, gặp một ông cố đạo (đến lúc ấy anh vẫn

còn gọi mục sư là cố đạo) luôn luôn nhường cơm cho, bèn cảm động tin theo. Anh xạo. Xạo dễ sợ. Còn nói, cũng may mà trở thành tín đồ trước, chứ không, chắc chắn thế nào cũng bị mang tiếng là đạo vợ! Mới quen

nhau được mấy tiếng đồng hồ, mà dám tán tỉnh kiểu đó, mình ghét ơ là ghét. Thấy vô duyên chịu không nổi, nên mình nghiêng đầu ghé tai nói khẽ với nhỏ Dung ngồi bên cạnh, "la fleur".

La fleur, hoa, chữ "lóng" của riêng bọn mình dùng để chỉ mấy anh chàng hay ba hoa con chích chòe. Nhưng mình nói với nhỏ Dung khẽ đến thế, mà anh cũng nghe. Anh nhìn mình chăm chăm. Cười cười mím mím. Giờ về, anh chặn mình ở ngưỡng cửa hỏi sao lại gọi anh "la fleur". Mình hoảng hồn, đâu có dám trả lời. Anh được dịp đi theo mình với nhỏ Dung ra tới cổng. Lại hỏi. Lại thắc mắc. Mình ú ớ nói quanh nói co lung tung xèng, cuối cùng mình bảo anh về nhà suy nghĩ, mai mốt nếu có dịp gặp, mà vẫn chưa biết mình muốn nói gì thì mình sẽ giải thích cho mà nghe.

Hồi trước, nhà làm gì có điện thoại, cũng dễ gì gặp nhau; đã vậy anh còn đi lính lâu lâu mới về một lần, nên mình quên mất... con chích chòe, quên mất anh. Để chùng đến cả nửa năm sau, một hôm ở nhà thờ vừa ra đến cổng, mình bị anh chặn lại, hỏi có nhớ anh không. Anh làm mình giật bắn cả người. Phần vì bộ quân phục anh mặc ngó dữ dằn quá chùng. Phần vì mình đang đi với chị Miên, bà chị lớn khó tính nhất nhà của mình. Nên mình kinh hãi lắc đầu. Vội vã như bị điện giật. Anh ngó mình một lần nữa, rồi xoay sang bà chị, tự giới thiệu anh là tín đồ "năm ngoái", có nghĩa là mới làm báp-têm ở hội thánh X. năm ngoái. Sau đó anh nói thêm, anh gặp mình ở nhà người bạn hồi Giáng sinh vừa rồi, bằng một giọng rất ư là chân thật, kiểu cách rất ư là đảng hoàng; khiến bà chị mình đang từ bỏ mặt nghiêm trọng, đằng đằng sát khí, mà cũng phải chuyển xuống dịu dàng, thân ái. Cái nhãn hiệu "tân tín đồ" của anh chiếm cứ được đến hơn năm mươi phần trăm cảm tình của chị mình. Do đó cứ thế, hai người từ chuyện nọ bắt sang chuyện kia với nhau y như quen nhau lâu lắm rồi,

và y như mình chẳng ra ký lô nào ở bên cạnh.

Bằng kiểu cách... ba trợn như vậy đó, anh quen với mình. Đường đường chính chính. Ngon lành như được cấp giấy phép. Nhưng mình ngán anh. Đứng ra mình sợ cái kiểu ngang tàng, cộng thêm nhiều phần... cà chớn của anh. Dĩ nhiên mình nghi ngờ cả lòng tin của anh đối với Thiên Chúa. Mình biết anh chỉ tìm hiểu và được học về giáo lý cứu rỗi của Chúa trong một khoảng thời gian rất ngắn, điều kiện nhóm họp hằng tuần chỗ anh đóng quân bình thường là khó khăn, và thì giờ nghỉ ngơi của lính tráng lại vô cùng quý hiếm, nên chuyện lễ lạy hằng tuần hẳn là không thể có trong chương trình, thời khóa biểu của anh. Đành rằng, mình vẫn thường nghĩ, không phải đi nhà thờ mỗi Chúa nhật là có thể xác quyết lòng yêu mến Chúa của con người ta, cũng y như đi học, đâu thể nói rằng đứa không nghĩ bất cứ ngày nào trong một niên khóa, là đứa thích đi học, chăm chỉ giỏi giang. Tuy nhiên với anh, chẳng hiểu sao mình cứ thấy có điều gì đó không ổn. Trục trặc. Kỳ kỳ...

Mình hay tự hỏi, chẳng biết có phải vì trước ngày biết anh, mình chưa hề có người quen nào nằm trong quân ngũ, hoặc bởi xưa nay mình chỉ chơi thân với những người theo Chúa đã lâu năm, nên mình khó chấp nhận anh; mình cứ coi anh là kẻ tân tông, anh... không giống mình hay chẳng. Mình nói với nhỏ Dung, cái kiểu cách tin Chúa của anh sao không thấy nghiêm túc chút nào, chắc đức tin của anh nhiều lắm là "mỏng" như bánh tráng. Con nhỏ phì cười, trêu, ngược lại nó nghĩ anh thông hiểu kinh thánh và nghe lời Chúa ghê gớm lắm. Mình hỏi sao. Con nhỏ trả lời, Chúa bảo chỉ cần đức tin bằng hạt cải là có thể dời núi được...

Rất nhiều lần mình cố tránh gặp anh khi anh về phép. Nhưng cũng rất nhiều lần mình bị anh chặn lại trên

đường về học, sau khi tan nhóm. Do đó cũng rất nhiều lần mình đã phải làm bộ như hết sức ngỡ ngàng trước sự hiện diện của anh, như mình mới vừa nhận ra anh đâu đó. Mình hay ơ ơ lên mấy tiếng chứng tỏ mình ngạc nhiên, bất ngờ.

So với tuổi đời giữa mình và anh, so với sự từng trải và kinh nghiệm của anh, ba cái trò trẻ con ấy, bây giờ nghĩ lại, mình vẫn còn thấy buồn cười. Bởi địch giả làm nông dân đang cày ruộng để bắn lén sau lưng anh, mà anh còn biết, thì huống gì cái kiểu vừa nói dối vừa sợ Chúa phạt của mình, thì làm sao mình qua mặt nổi anh. Nhưng hồi đó, anh cũng đã làm bộ theo mình, đóng kịch theo mình. Để "lấy lòng" mình. Và phần, chắc để... cho vui! Thật không thể tưởng tượng được anh "tĩnh" như thế nào đâu. Hồi đó ở thành phố mình, đi lễ, con gái con trai còn phải... thọ thọ bất tương thân, có nghĩa là dây ghế nào của "phe" mình thì mình phải ngồi, không được chạy lộn xộn qua phía ghế người khác phái, vậy mà nhiều phen anh làm mình suýt đứng cả tim vì cứ xăm xăm đi tới chỗ của mình, hết như đi giữa chốn không người. Và hễ khi bị mình hoặc ai đó cự nự, anh lại làm bộ không hiểu kinh thánh, cứ trích dẫn hết câu này đến câu khác để cãi!

Như vậy đó, anh quấy rầy mình lung tung beng, nhưng mình trở thành người yêu của anh hồi nào không hay. Cuộc sống mình bắt đầu đã có những âu lo, sợ hãi của kẻ có người thân đi chinh chiến bao giờ không biết. Trong những đêm quỳ gối trước mặt Chúa của mình, ngoài những điều cầu nguyện cho Hội Thánh, cho bản thân, cho gia đình, đã bắt đầu xuất hiện thêm những lời xin ơn thiên thưởng an ủi, che chở cho người ở tiền tuyến, người ở lại hậu phương.

Nhiều lần anh giễu mình, bảo mình yêu kính Chúa nhưng không biết tin cậy nơi ngài khi thấy mình ử dột, lo lắng trước ngày anh hành quân. Anh bảo anh tin mỗi sợi tóc rụng của con người cũng có sự can

thiệp của Chúa, và mỗi bước đi của anh đều có ngài đi cùng, và chỉ khi ngài cho phép, anh mới về với ngài chứ chẳng thằng VC nào bắn trúng nổi anh! Anh hay búng mũi mình, cười cười và nói những lời trêu chọc đại khái:

- Đến lúc Chúa kêu gọi anh về nước ngài, ngoài giờ hầu việc, anh sẽ tà tà... bay qua bay về trên đó, ngắm nghía xem nhỏ đang sống ở dưới này thế nào, và chờ ngày gặp lại nhỏ để... tính chuyện với nhỏ.

Sau đó anh còn trêu thêm:

- Chỉ trừ khi nhỏ ngã mũ chào... sa tăng, đi theo sự dẫn dắt của hắn, anh mới chịu... cỡi cút trên thiên đường!

Yêu mình lâu hơn, càng hiểu Kinh Thánh hơn, anh lại càng hay trêu mình nhiều hơn. Việc gì anh cũng có thể đùa được. Kể cả chuyện sống chết của anh như mình mới kể. Tuy nhiên có một cái ước ao rất nhỏ, nhưng chừng như anh thể chưa thực hiện được kể từ khi quen với mình, là sẽ có mặt ở thành phố vào các dịp lễ trọng, mới thấy anh có vẻ nghiêm túc thật sự. Lần nào thư cho mình vào các dịp lễ lộc ấy, anh cũng bắn khoả, day dứt. Anh hay bảo, anh có thể đổi cả một năm phép chỉ để lấy một ngày về đi lễ cùng mình ngày giáng sinh, phục sinh. Và sau này, cả lúc chuẩn bị khăn gói lên đường đi cải tạo, mình cũng thấy gần như anh chẳng lảng lo, phân vân điều gì, chỉ trừ một điều, "chẳng biết có thật là chỉ trình diện trong ba ngày hay không. Hay là lại sẽ không được đi lễ với nhỏ vào Giáng Sinh này nữa rồi!"

Thật tình mà nói, lẽ ra với một người tin yêu Chúa như mình, mình phải trông cậy hoàn toàn vào sự sắp đặt của ngài mới phải. Lẽ ra mình phải biết tạ ơn ngài trong mọi hoàn cảnh, nghịch cũng như thuận. Nhưng với lứa tuổi đời ít ỏi của mình thuở đó, với kinh nghiệm sống lẫn kinh nghiệm chịu thử thách trong đức tin, mình đã sống như ở giữa một vùng bóng tối dày đặc. Ngày nào mình

cũng khóc lóc. Có lúc mình đã than trách Chúa tại sao lại đặt để sự hoạn nạn, buồn khổ ấy cho mình. Có lúc mình lao chao như ngọn lá trước cơn gió mạnh. Và thật tình mà nói, nếu không có tình yêu đầu đời mãnh liệt mình dành cho anh, sự nâng niu trân trọng anh dành cho mình, chẳng biết mình có đủ can đảm chờ anh đến ngày anh về hay không nữa.

Ơi, cái ngày anh về, nghĩ lại, vẫn còn thấy vừa buồn cười vừa tội nghiệp. Nếu dùng chữ thật chính xác, thì quả là anh xơ xác như con mèo mướp, ốm nhom ốm nhách. Lại đen. Đen không tả được. Quần áo mặc trên người lù xì, chẳng tương tợ tí nào khiến anh mất hoàn toàn cái vẻ “ngầu đời” ngày trước. Thật ra, khoảng giữa thời gian từ ngày anh bị vào trại học tập, đến ngày anh về, mình cũng được gặp anh một vài lần, và cũng đã chứng kiến cảnh anh luộm thuộm trong các bộ áo quần cải tạo, xanh không xanh, xám không ra xám đấy chứ. Nhưng lúc ấy, anh giữa những người đồng cảnh, giữa những khuôn mặt hốc hác, đen đúa, thiếu ăn thiếu ngủ gần như giống hệt nhau, thời gian gấp gáp, nhìn kỹ mặt anh còn chưa đủ, huống gì là quan sát, nên mình chỉ thấy thương anh đến não lòng.

Đàng này, ngày anh về, thật hết sức đúng mẫu mã tiêu chuẩn của những chàng lính thất trận. Thảm nào. Tang thương. Cái quần tây màu nâu anh mặc, cũ kỹ như không thể cũ kỹ hơn, cái áo trắng bỏ ra ngoài rộng thùng thình như không thể có thứ gì rộng hơn, và đôi dép quai keo ở dưới chân mỏng đến độ như đại diện cho những thứ mỏng manh nhất trên đời. Anh nhìn mình. Bại tướng nhìn mình, chơ chớn đôi con mắt xúc động. Lại ánh chừng lên về thăm dò cái phản ứng của mình, nên ngáp ngừng, ngần ngại sao đâu. Về phía mình, thì mình chỉ biết đứng sững đó. Bỡ ngỡ hồi lòng, không biết anh đang về thật hay là có giấc chiêm bao quái gở nào đó hiện ra giữa ban ngày với mình. Không biết bình mình hay đang hoang hốt giữa

hai đứa. Mãi, cho đến lúc chị Miên chạy ào ra ngạc nhiên la lên, “ơ hay, sao không mời anh vào nhà”, mình mới giật mình nắm lấy tay anh, nước mắt mình lúc ấy mới trào ra cay đắng.

Ngày anh mới trở về, đúng ngay vào dịp lễ lớn, dịp Chúa giáng sinh. Trừ đi cái giáng sinh đánh dấu ngày hai đứa biết nhau, đây là cái giáng sinh đầu tiên anh có mặt tại thành phố, cạnh bên mình. Đây là cái giáng sinh mơ ước của anh. Tuy nhiên, cũng là cái giáng sinh nằm trong năm nhà thờ bị đóng cửa nhiều nhất, mục sư bị bắt nhiều nhất ở Việt Nam. Mình nhớ anh đã nắm chặt lấy tay mình trong tay anh, sững sờ ngó ra ngoài đường đầy người đi, rồi than nhỏ:

- Anh lại phải để nhỏ đi nhóm một mình rồi.

Bởi tuy đã ra khỏi tù, nhưng anh vẫn thuộc diện bị quản thúc tại địa phương, gia đình anh, những người chưa là tín đồ, sợ anh lại bị đưa đi một lần nữa, nên vừa ngỏ lời khuyên răn, vừa năn nỉ anh không nên đến nhà thờ. Như năm xưa, cũng với ý nghĩ, đành rằng không đến được nhà thờ vào ngày kỷ niệm Chúa ra đời chưa phải là người không yêu mến Chúa, nhưng mình vẫn thấy xa xót buồn. Vẫn thấy đời sống mình cứ luôn luôn gặp nghịch cảnh. Và mình vẫn cứ tủi thân biết bao nhiêu giữa những người có đôi có cặp. Phần khác mình thương anh một mình trên căn gác nhỏ với ngọn đèn dầu tù mù, buồn hiu hắt. Hôm đó, cuối cùng, thu hết can đảm, mình khẽ nói với chị Miên, đi lễ ra, mình sẽ ghé lại chỗ anh mà không về nhà.

Thật khi nói với chị Miên như thế, mình cứ tưởng chị sẽ la lên, sẽ phản đối mình dữ lắm; nhưng không ngờ chị chỉ nhìn mình một lúc rồi dặn, đừng ở quá khuya và không được về một mình mà phải chờ chị tới chở. Giáng sinh năm ấy, mình đã dự lễ thêm một lần nữa ở nhà anh. Với anh, và với một cô cháu khoảng mười lăm tuổi của anh trên căn gác ấy. Có thể nói do sinh trưởng trong

một gia đình đạo gốc, mình hầu như chưa bao giờ vắng mặt trong các buổi thờ phượng, lễ lạy, kể cả những lúc khó khăn nhất, khủng hoảng nhất, vậy mà hình như chưa bao giờ mình xúc động bởi một bài giảng nào đó của mục sư đến ứa cả nước mắt như hôm nghe anh làm chứng về đoạn đường bước theo Chúa của anh với cô cháu. Anh kể chuyện tù, kể chuyện bị giam cầm, chuyện đói khát, đòn đau..., và rồi chuyện anh nương theo bóng Chúa như thế nào để vượt qua những gian nan, khổ ải ấy.

Giọng kể của anh, lần đầu tiên, kể từ ngày quen nhau đến lúc đó, mình mới thấy anh không trêu giỡn, đùa cợt. Mà chân tình, tha thiết. Mà ngọt ngào như giòng nước mát chảy giữa đồng khô nắng hạn. Một giọng nói, giọng kể, rõ ràng ươm đầy tình thương yêu.

Mình, anh và cô cháu anh đã dự thánh lễ như thế, trong tình thần nơi nào có đôi ba người nhóm lại bằng sự thờ phượng chân thật, sẽ có Chúa ở cùng. Bọn mình đã hát với nhau những bài ngợi ca, tụng niệm Thiên Chúa, cùng đọc với nhau những đoạn kinh thánh an ủi, chở che... Đó là cái Giáng Sinh đầu tiên trong đời, mình nếm trải được sự hiện diện của Chúa, nếm trải được niềm vui của người đi gieo giống, được nhìn thấy ơn kêu gọi trên anh và trên chính cả mình.

Mình với anh, tính ra từ ngày quen nhau đến lúc quyết định sẽ cùng đồng hành trên đường đời, hầu như chỉ là những tháng năm đầy sóng gió, lắng lo. Tội mình dự định sẽ cưới nhau sau khi mình học xong khóa thần học... chui, và cả khóa y tế của tỉnh. Mình dĩ nhiên đã nộp đơn xin đi “bất cứ nơi nào tổ quốc cần”, nhưng nguyện vọng chính vẫn là về Kontum, nơi có anh đang vừa làm rẫy, vừa chăm sóc một nhóm tín đồ người Thượng. Anh đùa với mình:

- Ngày trước, khi chọn nghiệp lính, anh vẫn thường tự nhủ phải bắt chước người xưa, coi cái chết nhẹ

tựa lông hồng, da ngựa bọc thây v.v...; khi quyết định theo Chúa, hầu việc Chúa, anh cũng dọn lòng mình, con đường anh đi sẽ không khoảng khoát, thênh thang mà là đường hẹp như Chúa dạy. Chẳng khi nào anh thấy sợ hãi gì, y hệt ông vua David nói, "tôi không sợ hãi gì vì Chúa ở cùng tôi"... Thế mà nhỏ biết không, khi định "tiến bước" với nhỏ, nghe Chúa phán, con hãy yêu kẻ lân cận như mình, anh lại thấy sao mình cứ như rối mù mù, như đang quờ quạng lê gót giữa đêm ba mươi...

Mình nhìn anh. Anh phì cười:

- Kiểu này chắc cuối cùng anh phải bắt chước ông Phao lô, tự an ủi, "hoạn nạn sanh sự nhịn nhục, sự nhịn nhục sanh sự rèn tập..." quá!

Anh vậy đó. Hầu như lúc nào cũng cười được. Lúc nào cũng... coi như mọi chuyện xảy đến cho chính bản thân anh là số không. Lúc thoát ra được khỏi ngục tù, trại cải tạo, bạn bè anh thuở đó, nhất là những người đã có đôi ba mặt con, thường bán loạn tìm đường ra nước ngoài, hoặc bằng mọi cách cố bon chen một chỗ làm nào đó trong thành phố, với ý tưởng, còn hít thở được cái không khí dù ô nhiễm đến cách mấy đi nữa ở chốn thị thành, thì cũng vẫn hơn nơi không đèn điện, không nước máy!

Vì thế, khi nghe anh điềm tĩnh chọn một nơi an vị ngay sau khi hết hạn quản chế tại địa phương và sau nhiều ngày cày cục khó khăn mới xin được tờ giấy tạm trú, người nào cũng hỏi tại sao anh quyết định dị kỳ, không hiểu vì anh muốn "ở ẩn", hay tại anh bắt đầu... mát dây, chạm thân kinh. Nơi anh sẽ đến, theo như lời bè bạn anh, là nơi anh đã nhiều lần đóng quân, đã một mất một còn chiến đấu trước khi đất nước rơi hẳn vào tay quân thù, là một chốn khi ho cò gáy, chó ăn đá gà muối, cả hạt sương rơi cũng chứa đầy vì trùng sốt rét. Một vùng đất mình biết rất rõ, vẫn còn nồng nặc dấu vết binh biến máu lửa, vẫn còn đầy đặc hận thù.

Gia đình anh dạo ấy, mặc dầu đã biết Chúa, có người còn tin và đi

có thiên đàng, có thánh thể trong em

Em ở đó, tấm lòng ta ở đó
Xót xa nào đeo đẳng mãi tình coi
Chưa tận tuyệt nên đời còn bỏ ngỏ
Còn muôn phiền chia sẻ vết thương nuôi.

Ta nuôi dưỡng cuộc tình như bí tích
Trong niềm tin vô nhiễm dấu sương vầy.
Ơn cứu chuộc những tháng ngày u tịch
Cũng phối pha theo huyền nhiệm vui đầy.

Bao thương khó là bấy nhiêu ân sủng
Kính kính mừng đọc từ thuở làm quen
Bao ân điển là bấy nhiêu điều chứng
Có thiên đàng, có thánh thể trong em!

Em mặc khải thay người mang thánh giá
Dám hiến thân để chuộc tội cho đời
Ta trần trở trong vòng dây trời buộc
Đã vong thân từ mấy cuộc luân hồi.

Em thánh hoá bằng những lời ân tứ
Ta thành tâm xin giữ những điều răn
Dù trăm ải trên cuộc đời ly xứ
Cũng an bình theo tiếng gọi phúc âm.

Em ở đó, tấm lòng ta ở đó
Cuộc tình mình sẽ đẹp mãi không phai!

tùy anh



theo ngài nữa, nhưng ai cũng lo lắng, sợ hãi cho tính mệnh anh ở cả về mặt an ninh, lẫn bệnh tật, thiếu thốn, nên đã cản ngăn anh đủ điều. Ngay cả gia đình mình, tin kính Chúa đến thế, mà có đôi khi cũng hỏi nhau, anh có nhất thiết phải đến vùng đất ấy mới hầu việc Chúa được hay không. Chỉ riêng mình, mình hiểu rõ lòng anh. Hiểu tình yêu anh đối với Chúa, hiểu rõ lòng ước muốn của anh đối với những điều đã được Chúa dạy. Và hơn thế, mình hiểu rất rõ, sau những tháng năm bị giam cầm bởi những con người vô thần, đã khiến anh thấu rõ thêm sự nhiệm mầu của Chúa trên đời sống anh.

Hiểu thêm hơn sự đồng hành đầy an ủi khích lệ của ngài. Và lại càng muốn rao danh của ngài nhiều hơn nữa. Anh nói với mình, nơi đó là nơi còn rất ít người biết đến danh của Chúa, biết đến tình yêu của ngài. Anh hay hát, trần thế chẳng phải quê hương, chính tôi đây thân lữ hành. Mình nhớ lời anh, mỗi sợi tóc rụng...

*

* *

Tôi ngồi nhích về phía trước, cố xem có điều gì lạ thường trên gương mặt người thiếu phụ đang đứng trên bục giảng ấy. Cố nhướng mắt tìm ánh hào quang nào đó Chúa đặt để trên đôi mắt hiền lành, nụ cười dịu

dàng khuyến khích đang nở trên môi cô hay không. Suốt khóa học bồi linh dành cho những người sẽ ra đi giảng về sự cứu rỗi của Chúa; chúng tôi, những đứa đầy tình yêu mến Chúa có, trang bị kỹ lưỡng lời Chúa có, lòng khùng có, nửa nạc nửa mỡ có, và cả đứa “ham vui” có, cứ thăm thì to nhỏ với nhau về người hướng dẫn chính của lớp học. Vô số đứa khen cô có giọng nói ấm, đầy truyền cảm. Đứa thích gương mặt sáng láng, nước da mịn màng như trứng của cô. Đứa lại thích mái tóc đen nhánh như tóc con gái...

Riêng tôi, tôi gần như bị thu hút hoàn toàn bởi phong cách chững chạc, điềm tĩnh và cách đối xử nhẹ nhàng, thân ái của cô. Có những hôm gặp các câu hỏi ngớ ngẩn, vụng về, hết như chưa biết gì về Chúa của một vài đứa trong khóa thần học bồi linh thế này, tôi vẫn cứ tự hỏi, đành là yêu mến Chúa, “mặc lấy sự nhân từ nhịn nhục” giống như Ngài đấy, nhưng nếu là tôi, chắc tôi phải gầm gừ lên như sư tử, vậy mà không hiểu cô đã được thêm sức, được tiếp trợ thế nào từ Ngài mà vẫn có đủ bình tĩnh, và kiên nhẫn để không... nổi quạu lên như thế!

Tuy nhiên, thích kiểu gì thì thích, bị thu hút kiểu gì đi nữa, gần như đứa nào trong chúng tôi cũng gặp nhau ở điểm tò mò về đời sống riêng tư và đời sống tin kính của cô. Chúng tôi nghe loáng thoáng cô sống một mình như những nữ tu bên công giáo, sau khi dở dang một mối tình nào đó. Và câu chuyện cô đang kể cho chúng tôi nghe hôm măn khóa này cũng là do một trong những đòi hỏi của vài đứa... sặt sừ, cứ nhất quyết bắt cô phải nêu ra một ví dụ, một hình ảnh điển hình, có thật và gần gũi trong đời sống thường. Một kiểu mẫu “người thật việc thật”. Để chứng minh phép lạ của Chúa vẫn còn trên đất, tình yêu Chúa vẫn sâu nhiệm, và người trần gian dầu cứng lòng đến cách mấy đi nữa, vẫn có lúc mềm xuống trước tình yêu giáng thế của Ngài. Một đứa lý lợm hơn, “chai mặt” hơn, nói với

cô:

- Cô đừng nêu ra những tấm gương theo Chúa vĩ đại như trường hợp của tiến sĩ Tống Thượng Tiết bên Trung Hoa, trường hợp cụ mục sư Lê Văn Thái của nước mình. Nghe xa lạ với tụi em lắm.

Đứa khác:

- Tụi em không có đủ trình độ kiến thức phổ thông lẫn sự hiểu biết về Chúa để đi làm chứng, hoặc giảng cho các bậc văn hóa đầy mình đâu cô.

Cô cười hiền:

- Đi làm chứng về Chúa thì chỉ cần tình yêu của Chúa đối với chúng ta, và tình yêu của chúng ta đối với tha nhân là đủ.

Đứa mè nheo bèn rống lên:

- Bởi vậy tụi em mới cần một tấm gương, một hình ảnh của người nào đó bình thường giống như tụi em nhưng có đời sống tin kính thật dễ... dễ nói, dễ làm chứng! Chẳng hạn như chuyện thật từ đời sống thật của... cô vậy.

Cô đã lại cười hiền với chúng tôi. Mặt đỏ rừ, và lúng túng rất lâu giữa những tiếng đồng tình ồn ào của chúng tôi. Chắc chắn, cô đã chẳng bao giờ chuẩn bị một bài thuyết trình kiểu này. Cô loay hoay nhìn quanh tìm người cầu cứu. Nhưng mãi sau cùng thể như “đẹp loạn” không được, cô mới bắt đầu câu chuyện, hoàn toàn vượt mức yêu cầu của chúng tôi; là không chỉ kể chuyện lòng, mà còn là chuyện tình của cô nữa. Tôi nghe cô kể tiếp:

- Anh lên Kontum được hơn một năm, và trong khi mình chưa kịp làm lễ ra trường để nhận nhiệm sở thì bị bắt trở lại. Anh bị bắt vào đầu tuần vọng thứ nhất của giáng sinh năm mình và anh dự định kết hôn. Anh bị bắt quá tang lúc đang chăm sóc và giảng đạo Chúa cho một người Thượng có tên trong danh sách đoàn quân phục quốc mà chính quyền địa phương đang theo dõi. Người này bị thương ở chân trong lúc chạy trốn, anh gặp trên đường về rẫy.

Trong Kinh Thánh, chắc ai cũng đọc qua đoạn nói về một người bị

cướp và bị đánh đến nửa sống nửa chết, bị đẩy nằm trên lề đường, gặp một thầy tế lễ và một người Levite, mệnh danh là người có đạo đi ngang qua, nhưng chẳng hề nhận được sự giúp đỡ; mãi cho tới lúc có một người khác, người Samaritan là dân vẫn thường bị coi ngoại đạo, nhìn thấy, động lòng thương thoa dầu xức rượu cho, rồi còn đem đến một lữ quán nhờ chăm sóc. Mình nghĩ, có nhiều khi trong cuộc sống của chúng ta, thỉnh thoảng vẫn xuất hiện những loại thầy tế lễ như thế, những kẻ không thích bị dây dưa, không bao giờ biết động lòng thương trước người cô thế, hoạn nạn. Nhưng mình, mình vẫn thường tạ ơn Chúa về việc ngài đã đem đến cho mình một người bạn, người yêu như anh, và chính ngài đã giúp cho mình biết về một tình yêu vượt trên nhiều tình yêu như thế.

Anh bị bắt, tổng giam và chờ lãnh án chung với những người đã bị giữ trước đó. Tội phản động. Lúc mình xin được giấy phép lên thăm anh cùng với vài người tín đồ trong hội thánh, thì anh đã bị chuyển về Sài Gòn. Mình lại lặn lội xuống Sài Gòn, nhưng không cách gì được vào gặp mặt anh. Người ta biệt giam anh, ngoài tội thông đồng, tội phản cách mạng, còn thêm tội có đạo và giảng đạo Mỹ! Mình đã bị quát vào mặt như thế khi trưng cái tên anh ra. Đồ ngoan cố. Người ta nói...

Trong suốt những ngày còn lại của anh trên đất, mình không hề gặp lại anh lần nào nữa. Mỗi bận nhớ anh, mình lại nhớ đến những câu kinh thánh anh hay nửa đùa nửa thật trêu mình khi mình giận dỗi, “hồi nhỏ, hãy cùng ta chịu khổ như một người lính giỏi của đấng Christ”. Mình không biết mình có đang là một người lính giỏi trên mặt trận thuộc linh hay không, mình cũng không nghĩ mình đang kể về anh như kể về một tấm gương soi, nhưng trong chuyện này, mình muốn nói, mình đang thật sự bước đi trong đường lối của Chúa với sự song hành và tình yêu ấm áp của anh... ●

Khuôn Mặt của Judas

Tôn Nữ

phóng tác



Ngày còn nhỏ tôi thường hay đến nhà thờ phụ giúp cha xứ quét dọn, thay hoa trên bàn thờ Chúa cũng như làm những công việc lật vật khác. Cha xứ đã già, cha thường kể cho tôi nghe những phép lạ cha đã được đọc trong thánh kinh hoặc những trường hợp lạ lùng mà cha được nghe kể lại. Cha muốn hướng dẫn linh hồn tôi khỏi rơi vào vòng tội lỗi; cha muốn tôi giữ được mãi sự trong sạch của tuổi thơ. Theo lời cha thì giữa cái Thiện và cái Ác chỉ có một lần ranh rất mong manh, một sẩy chân thật nhỏ cũng có thể khiến ta sa vào vòng tội lỗi. Cha khuyên tôi hãy luôn luôn phòng thân vì tội lỗi đến lúc ta không thể nào ngờ nhất. Để chứng minh lời khuyên trên, cha xứ kể cho tôi nghe câu chuyện sau đây, một câu chuyện mà đã từ hơn mấy chục năm nay, tôi vẫn không tìm ra được xuất xứ của nó.

Cha kể rằng:

Cách đây đến mấy thế kỷ, một họa sĩ tài danh đã được tuyển chọn để vẽ lại cuộc đời của đức Chúa Jesus trên những cửa kiếng của một ngôi nhà thờ chính trong một thành phố lớn ở Sicile. Sau nhiều năm dài miệt mài làm việc, nhà họa sĩ tài hoa đã gần hoàn tất công việc được giao phó, chỉ trừ hai bức tranh quan trọng tượng trưng cho hai nhân vật chính mà dù bỏ ra rất nhiều thì giờ, ông vẫn chưa tìm được người mẫu: đó là hình ảnh của Chúa Hải Đồng và khuôn mặt của kẻ phản bội Judas Iscariote. Nhà họa sĩ đã đi khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê để tìm cho được người mẫu hầu giúp ông hoàn thành hai bức tranh cuối cùng đó.

Một buổi chiều kia, nhân đi dạo trong một khu vực nghèo nàn, tầm tối của thành phố ông đang cư ngụ, nhà họa sĩ trông thấy một đám trẻ con đang chơi đùa trên đường phố. Giữa những khuôn mặt trẻ thơ nghèo khổ đó, khuôn mặt của một bé trai chừng mười hai tuổi đã làm ông xúc động đến lặng người. Đúng là một khuôn mặt thiên thần! Khuôn mặt của cậu bé tuy lem luốc, tóc tai bù rối, áo quần rách rưới nhưng đúng

là khuôn mặt mà nhà họa sĩ đang cố công tìm kiếm từ mấy năm nay. Ông xin phép đem đứa nhỏ về nhà, tắm rửa, chải lại đầu tóc và mặc quần áo sạch sẽ cho nó. Nét ngây thơ vô tội, vẻ cao quý của đứa bé đã thôi miên nhà họa sĩ tài hoa. Trong nhiều ngày liền, họa sĩ say mê ghi lại trên kiến khuôn mặt của cậu bé, khuôn mặt tượng trưng cho khuôn mặt của Chúa Jesus khi ngài còn bé.

Nhưng dù vậy, tác phẩm của nhà họa sĩ danh tiếng vẫn chưa hoàn tất. Cuộc đời của Chúa Jesus vẫn chưa được ghi lại đầy đủ trên các tấm kiếng của ngôi giáo đường. Năm này qua năm khác, nhà họa sĩ vẫn không sao tìm được người để làm mẫu cho ông thực hiện bức tranh cuối cùng. Đó là bức tranh có khuôn mặt của Judas. Những năm dài trôi qua, nhà họa sĩ già bắt đầu tuyệt vọng. Có lẽ nào công trình mà ông dốc cả tâm huyết ra thực hiện lại phải bị dang dở? Ông đã già rồi và thời gian đâu có chờ đợi ai! Nỗi lo sợ làm ông càng thêm cố gắng, kiên nhẫn đi khắp mọi nơi, nhờ người dò hỏi

nhưng vẫn vô vọng. Nhiều người đàn ông xấu xí, tàn tật tìm đến, tường đầu khuôn mặt khả ố của họ có thể giúp nhà họa sĩ hoàn thành tác phẩm; nhưng họ đều bị từ chối. Giữa những khuôn mặt ghê tởm, xấu xa, bệnh hoạn nhất, nhà họa sĩ vẫn không thể nào tìm được khuôn mặt của Judas, người đã bán Chúa. Ông không đi tìm sự xấu xa, ghê tởm bên ngoài; ông phải tìm cho được khuôn mặt của một người mà tiền tài, ham muốn đã lôi xuống tận cùng của Tội Lỗi.

Mười năm trôi qua từ ngày nhà họa sĩ hoàn tất bức tranh của Chúa Hải Đồng. Một buổi trưa mùa hè, ông lang thang về miền quê hóng gió. Ông vào một quán rượu nhỏ, ngồi trầm ngâm trước ly rượu mà ông thường uống hàng ngày vào giờ đó. Nhà họa sĩ chợt giật mình khi từ cửa bước vào là một người đàn ông gầy yếu, rách rưới. Ông ta run rẩy đến bên nhà họa sĩ già, nắm vật xuống dưới chân ông, lẩm bẩm van xin:

- Cho tôi rượu, cho tôi uống rượu

với...

Nhà họa sĩ già đưa tay nâng người đàn ông lên, nhìn thẳng vào mặt ông ta và cảm thấy toàn thân mình lạnh ngắt. Trên khuôn mặt của người đàn ông đang van xin uống rượu đó, nhà họa sĩ đã nhìn thấy tất cả dấu tích tội lỗi của loài người.

Xúc động đến tận cùng, nhà họa sĩ nhỏ nhẹ nói với người đàn ông:

- Anh hãy theo tôi. Tôi sẽ cho anh ăn, sẽ cho anh uống rượu và áo quần đủ ấm.

Sau mười năm, nhà họa sĩ già đã tìm được người mẫu mà ông mơ ước. Người đàn ông theo chân nhà họa sĩ về ngôi giáo đường. Những tuần lễ dài cặm cụi làm việc không ngừng nghỉ, nhà họa sĩ cảm thấy mình như trẻ lại. Kiệt tác của ông không bị dang dở nữa, nó sẽ hoàn tất trong nay mai.

Nhưng trong khi công việc tiến triển khả quan thì thái độ của người đàn ông làm mẫu thay đổi rõ rệt. Từ sự buông thả phóng túng ban đầu, đôi mắt đầy gân máu của ông ta càng ngày càng lộ vẻ kinh hoàng khi ông nhìn thấy khuôn mặt của chính mình hiện ra dưới bàn tay tài hoa của nhà họa sĩ. Sự xúc động người đàn ông làm mẫu càng ngày càng gia tăng, không khí làm việc trở nên căng thẳng cực độ. Cảm thấy có sự thay đổi bất an trong tâm hồn người mẫu, nhà họa sĩ già ngừng vẽ và ân cần thăm hỏi:

- Con ơi, ta rất muốn giúp con. Sự gì đã làm con xúc động quá như vậy?

Người đàn ông bật khóc. Những giọt nước mắt lăn dài trên khuôn mặt xấu xa, tàn phá vì dấu hằn của tội lỗi. Anh ta đưa cả hai tay lên che mặt. Một hồi lâu, khi đã lấy lại được bình tĩnh, người đàn ông có khuôn mặt như chứa đựng tất cả tội lỗi của thế gian, ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào nhà họa sĩ vừa nức nở vừa nói:

- Thưa ông, thế ông không thể nào nhìn ra con được hay sao? Cách đây mười năm, chính con đã làm mẫu để ông hoàn thành khuôn mặt của Chúa Hải Đồng!

chuông đổ đầu đông

Cũng trời cũng đất cũng mây
Mắt nhìn chim lượn, chợt cay nhớ nhà
Chân trời vẫn thăm thẳm xa
Khói sương mờ mịt, lòng ta ưu phiền
Nhìn em nheo mắt làm duyên
Ta như lữ khách trên thuyền lênh đênh
Đã bao năm tháng gập ghềnh
Mà non nước vẫn bấp bênh ngược dòng.
Chiều nay trời chớm vào đông
Chuông nhà thờ vẳng vào không gian buồn.
Thoảng như yên lặng trong hồn
Mong ơn Chúa giải oán hờn bể dâu
Chúa ơi con đã bạc đầu
Mà sao nhân thế bể dâu vẫn còn?

trần ngân tiêu



Có Một Giáng Sinh

Nguyễn Hoài Phương



Tôi đứng bên cửa sổ và nhìn xuống con đường làng càng lúc càng vắng ngắt. Thỉnh thoảng lắm mới thấy một hai cái xe vội vàng chạy vụt qua hốt ha hốt hải như bị ma đuổi. Đúng là chiều Giáng Sinh có khác. Hình như ở xứ này người ta có thủ hết trong nhà, vui vẻ tụ tập xung quanh cái lò sưởi cháy rực ấm áp, hồi hộp trông chờ những món đặc sản sắp dọn ra. Chẳng có ai mò ra đường. Mà có mò ra thì cũng chẳng có cái quái gì. Việc mua bán sắm sửa sôi nổi đã qua từ mấy hôm trước, đến sáng nay, những cửa hàng cuối cùng cũng đã đóng cửa. Các công sở cũng nghỉ việc thông đến tận sau tết Tây, còn bọn học sinh thì được nghỉ luôn một lều đến hơn hai tuần...

Từ mấy hôm trước tuyết đã hối hả rơi âm ỉ, và đến hôm nay vẫn còn tiếp tục rơi nữa. Tuyết trắng xóa mặt đường, vườn tược, phủ đầy những ngọn cây, những mái nhà. Người ta bảo Giáng Sinh năm nay

đẹp vì tuyết nhiều. Tôi thì chỉ thấy lạnh. Và ngại ngừng. Tầng tầng lớp lớp tuyết đóng thành băng thế này, mai kia có việc gì phải đi ra ngoài thì tha hồ mà trượt.

Vợ tôi đang làm một món gì đấy trong bếp. Ngửi thấy mùi xào rán thoang thoang bay khắp phòng, tôi quay lại hỏi:

- Làm cái gì đấy, em?

Vợ tôi trả lời:

- Dù sao thì cũng là Giáng Sinh, một trong những ngày lễ trọng đại nhất trong năm... Nhà người ta bày vẽ, làm hết món này đến món kia thì nhà mình cũng phải có cái gì đó cho chồng con đỡ buồn chứ.

Đấy là suy nghĩ của vợ tôi và cũng là của mấy bà mấy cô nội trợ khác trong khu. Từ mấy hôm trước các bà các cô đã đi chợ đi búa lụng mua về đủ thứ. Thịt cá, rau củ, hoa quả, kẹo bánh đủ để cả nhà ăn trong mấy ngày liền, tất nhiên. Nhưng ngoài ra còn phải mua thêm cả một

ít hoa tươi, mấy cái đèn nhấp nháy, quần áo, giày dép mới cho bọn trẻ con... Và một thứ không thể thiếu được là lớn bé kiểu gì thế nào cũng buộc phải có một cây thông Nô-en. Không có cây to thì mua cây nhỏ. Không có cây thật thì mua cây giả.

Cây thông Nô-en của nhà tôi năm nay khá đẹp. Đó là một cây thông thật, đường kính ít nhất cũng phải một mét rưỡi còn chiều cao thì phải tới mét bảy mét tám. Từ chiều qua, vợ tôi đã huy động mấy cô trong khu chằng xong một loạt những ngọn đèn nhấp nháy cùng những quả chuông quả cầu thủy tinh đủ các màu tí xíu lên các tán lá. Bọn trẻ con thì treo những cái nơ giấy, nơ vải đủ các cỡ lên các cành thông và ngọn thông. Còn dưới gốc là cả một đống quà được gói vuông vắn trong những tờ giấy trang kim trông rất hấp dẫn.

Trong số quà cáp được gói ghém rất kỹ lưỡng đó có một thứ bị lộ bí mật ngay từ đầu. Đó là cái radio cát-xét hai cửa băng mà vợ tôi mua tặng chung cho hai đứa. Đúng vào lúc tôi đang tò mò hỏi vợ xem làm món gì đấy thì bọn nhóc cũng vừa dứt một cái băng mới vào học máy và bấm nút cho chạy. Sao mà khéo thế không biết, cái máy cát xét lập tức phát ra một bài hát về Giáng Sinh: *Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời Chúa sinh ra đời ở trong hang đá, nơi máng lừa...*

"Lúc còn đang chiều thế này mà trời đã lạnh lắm rồi, đến đêm, chắc còn lạnh nữa". Tôi nghĩ thế và lại quay vào hỏi vợ:

- Chúa sinh ra ở đâu ấy em nhỉ?

Vợ tôi đã đọc Kinh Thánh mấy lần nên biết rõ:

- Ở Bết-lê-hem chứ còn ở đâu nữa?

- Nhưng cái địa danh ấy thuộc vùng nào, nước nào bây giờ?

- Anh cứ đọc Kinh Thánh thì biết.

Vợ tôi nói xong câu ấy thì bỏ dao thớt đấy mà chạy vào giá sách lấy cuốn Kinh Thánh Tân Ước lật ra một trang, đánh dấu một đoạn xong đưa

cho tôi bảo đọc đi.

Và tôi đọc ngay được mấy dòng như thế này: “Vì Giô-sép là dòng dõi nhà Đa-vít, cho nên cũng từ thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê, lên thành Đa-vít, gọi là Bết-lê- hem xứ Giu-đê, để khai vào sổ tên mình và tên Ma-ri, là người đã hứa gả cho mình, đương có thai. Đang khi hai người ở nơi đó thì ngày sanh đẻ của Ma-ri đã đến. Người sanh con trai đầu lòng, lấy khăn bọc con mình, đặt nằm trong máng cỏ, vì nhà quán không có đủ chỗ ở”.

Nhưng đến tận đây tôi vẫn chưa vỡ vạc thêm điều gì, và lại phải thắc mắc với vợ:

- Giu-đê là nước nào? Trên bản đồ thế giới bây giờ anh có thấy nước nào là nước Giu-đê đâu?

Vợ tôi lại phải để việc đấy để chạy ra lật cho tôi xem một trang bản đồ ngay trong cuốn Kinh Thánh. Tôi xem và thấy xứ Giu-đê nơi sinh của Chúa nằm ở giữa hai vĩ tuyến ba mốt và ba mươi hai. Vị trí này thì có gì mà lạnh. Nó có ở tí trên phía bắc như nước Đức này đâu. Chắc chắn là mùa đông nước không đóng băng và cũng chẳng có tuyết rơi.

Tôi lại nói điều suy nghĩ ấy của mình với vợ để được nghe giải thích:

- Anh chẳng biết gì cả. Chắc bài hát này là do mấy ông nhạc sĩ bên châu Âu sáng tác nên nó mới có cái lạnh thế thảm đến thế. Với lại, đêm đông thì phải lạnh chứ. Ở Việt Nam mình chẳng cát da cát thịt ra đấy thôi...

Tôi chịu cái ý kiến ấy và định bụng hôm nào phải viết thư hỏi ông Bút Chì báo Làng Văn bên kia đại dương xem thời tiết nóng lạnh thật sự nó như thế nào cho rõ ngọn ngành thì chợt có tiếng gõ cửa. Rồi chú Châu cùng đồng hương Việt Nam, nhà ngay bên hàng xóm bước vào. Chào hỏi nhau xong, chú hỏi tôi ngay:

- Các bác ở nhà cả mà không đi đâu à?

Tôi đáp:

- Không! Lạnh lắm. Đi đâu cũng ngại.

Chú lại hỏi:

- Các bác cơm nước gì chưa?

Câu này thì vợ tôi đáp:

- Còn chán! —t cũng phải hai ba tiếng nữa. Nhà này vừa mới ăn cơm trưa xong.

Hình như chú chỉ đợi câu ấy để nói với tôi rằng:

- Thế hả? Thế thì trong lúc chờ đợi bác gái làm cỗ, mời bác trai sang nhà em mình làm ấm nước chè cho đỡ buồn đi.

Rồi như để thêm phần lời cuốn, chú phụ thêm:

- Ông già em mới gửi sang mấy lạng chè Thái Nguyên. Múc câu chính cống. Được nước lắm.

Tôi vốn là dân thích nước chè nên nghe hết câu này của chú Châu thì bị bắn rụng ngay:

- Nhà chú có nước chè Thái Nguyên thật hả? Thế mà bây giờ mới chịu nói. Chờ tí nhé. Tôi sang ngay.

Nói xong, tôi dứt bao thuốc vào túi quần rồi theo chú về liền.

Nhà chú Châu đang có khách. Đó là chú Quang, em họ mà cũng là người cùng đoàn xây dựng với chú ngày còn ở bên Tiệp. Quang đã pha chè và tráng mấy cái chén bằng nước sôi cho nóng sẵn sàng chờ chúng tôi. Chú kéo ghế cho tôi và nói:

- Mời bác ngồi xuống đi. Các cụ nhà mình nói phàm đã uống nước chè thì cứ phải đủ ba người mới khoái...

Sau đó chú còn nói thêm một câu tiếng Tàu:

- Trà tam, tửu tứ, du hành nhị...

Chú Châu cười rất vui vẻ:

- Thôi! Tây với Tàu suốt... Xem chè được chưa thì rót ra đi.

Chú Quang nghe lời ngay bằng cách rót nước chè ra ba cái chén loại hạt mít chính cống. Chú khoe với tôi:

- Bộ ấm chén này ông già nhà em cất công gửi từ Việt Nam sang đấy anh ạ. Uống nước chè cứ phải là ấm da lươn, chén hạt mít mới đã.

Tôi công nhận là nước chè của nhà chú Châu buổi chiều hôm nay rất ngon. Và thấy chú Quang này cũng thuộc dạng hay chuyện, tôi bèn

hỏi:

- Quang sang đây một mình hay sang với ai?

Chú đáp:

- Dạ. Em sang với nhà em. Bọn em cưới nhau từ dạo còn bên Tiệp. Chú Châu góp lời:

- Hình như cưới nhau được vài tháng thì bọn mày đi, đúng không?

Chú Quang đáp:

- Vâng! Bọn em cưới nhau dạo tháng mười, đến cuối tháng mười hai thì đi...

Rồi suy nghĩ thêm một chút, chú tiếp:

- Mà bọn em đi đúng vào dịp Nô-en như thế này. Quanh đi quẩn lại thế mà đã tám chín năm rồi.

Tôi hỏi:

- Sao bọn em cũng khéo chọn, đi đúng vào dịp Nô-en làm gì cho nó rét?

Chú Quang trầm ngâm:

- Thì bọn em cũng có muốn thế đâu! Nhưng không đi dịp ấy cũng không được các anh ạ.

Rồi chú kể:

- Như anh Châu cũng biết đấy. Dạo còn ở bên Tiệp, số em đen đủi thế nào lại bị dun dùi đúng vào chỗ khó khăn vất vả nhất mà lương lậu lại kém nhất anh ạ. Cùng một nhà máy nhưng trong khi ở bộ phận anh Châu lương lậu cứ đều đều mỗi tháng bốn năm nghìn cu* thì bọn em chỉ có không được một nghìn...

Tôi đang nghĩ là tại sao lại có sự vô lý như thế thì đã nghe tiếng chú Châu xác nhận:

- Đúng! Sao dạo ấy mấy thằng trong ban chỉ huy đội lại phân mấy thằng chú vào cái trạm trộn bê tông ấy không biết... Vừa bụi bặm, bẩn thỉu, thằng nào thằng ấy trông hết hơi như ho lao mà lương lậu lại chẳng ra đâu vào đâu.

Chú Quang cười:

- Thì nó thù em... Đường đường đội trưởng đội phó quái gì mà không tán nổi một đứa con gái.

Rồi chú quay sang tôi:

- Vợ em bây giờ đấy anh ạ. Ngày ấy cả hai lão đội trưởng đội phó của đội em đều ra sức tán ngày tán đêm

mà không đổ được. Cuối cùng chúng nó giận cá chém thớt.

Xong chú than:

- Ngày bên Tiệp em khổ lắm. Anh tính, mỗi tháng được chín trăm đến một ngàn đồng tiền lương. Trừ tiền ăn ra đi thăm vợ hai ba lần là hết sạch.

Tôi hỏi:

- Vì thế nên cô chú phải ra đi đúng không?

Chú Quang đáp:

- Cũng chỉ đúng một phần. Nhưng cái chính là mấy thằng đội trưởng đội phó chúng nó chèn ép em ghê quá. Anh tính! Em ốm mà mấy thằng này bảo nhau kiên quyết không dẫn đi bác sĩ. Em phải nằm khàn ở nhà cả tuần, đến lúc đi làm được thì chúng nó lại cài sổ cho bọn nhà máy không nhận nữa.

Tôi lắc đầu:

- Bọn nó đều thế thì chú lấy cái gì mà ăn?

Chú cười:

- Thế đã đi đến đâu, anh. Không có ăn cũng chưa đến nỗi lo lắm vì dù sao cũng còn có bạn bè với vợ em. Nhưng đến khi hộ chiếu hết hạn mà chúng nó tìm cách không đi gia hạn cho nữa thì mới đúng là hết

đường. Đúng đêm Nô-en khi khắp nơi mọi người đang vui vẻ ấm cúng thì bọn em phải đi đấy. Mà anh biết là đi với bao nhiêu tiền không?

Tôi nghĩ đến những chi phí cho chuyến đi của vợ chồng mình mà suy ra ngay:

- Tối thiểu các chú cũng phải có chục nghìn cu trong tay.

Chú Quang lắc:

- Làm gì mà có được chục nghìn cu, hả anh? Em phải gán đủ thứ, khung xe đạp, máy ảnh, thuốc men, quần áo mới, quần áo cũ gom góp mấy năm trời mới được chưa đến ba nghìn cu. Vợ em cũng khoảng bằng ấy nữa.

- Tất cả là khoảng sáu nghìn...

- Vâng chỉ độc có bằng ấy.

Tôi hỏi một câu rất thừa:

- Vậy làm sao mà cô chú sang đến đây được?

Chú Quang vẫn chậm rãi, bình thản uống chè:

- Phải đi được chứ anh? May mà bọn em có mấy thằng bạn quen ở sát biên giới Tiệp với Đức. Bọn này chuyên buôn lậu thuốc lá từ Tiệp sang Đức. Không giúp đỡ gì được tiền bạc nhưng mấy thằng này cũng dẫn được bọn em qua biên giới mà

không lấy công.

- Như thế cũng đỡ được một khoản.

- Vâng! Những trường hợp khác thì chúng nó lấy mỗi người năm trăm... Cũng đỡ được vừa một nghìn.

- Thế khi sang đến được bên này rồi thì sao?

- Lúc đầu bọn em cũng tưởng là may lắm vì ở chỗ bọn lấy thuốc lá có một ông nhận chở từ nhà bọn lao động Đông Đức ra ga Dresden để mua vé đi Berlin ngay... Nhưng sau đó thì tí chết với nó các anh ạ?

Tôi đoán là đến cả chú Châu cũng chưa biết chuyện này vì nghe chú hấp tấp hỏi:

- Làm sao mà mà bảo chết?

Chú Quang vẫn bình tĩnh:

- Dạ. Thì đi đến nửa đường ông ta mới dừng xe lại và đòi tiền công. Sáu nghìn cu ngày ấy bọn em đổi được hơn ba trăm Mark Đông Đức cũ mà ông ta đòi những bốn trăm. Bọn em tính toán rằng, hai suất vé tàu hỏa từ Dresden đi Berlin mất khoảng trăm rưỡi thì chỉ còn có trăm rưỡi đưa cho ông ta.

Chú Châu hấp tấp:

- Thế là chưa được một nửa. Thế ông ta có nhận không?

Chú Quang cười:

- Có các anh ạ.

Chú Châu vui vẻ:

- Thế thì may cho chú quá. Ông ta tốt quá còn gì nữa?

Phần tôi cũng phụ họa:

- Chắc là người ta cũng nể tình người Việt Nam với nhau. Hoàn cảnh nó đưa đẩy chứ ai muốn thế đâu?

Nhưng cả tôi lẫn chú Châu đều đoán sai hết. Vì thấy chú Quang lắc đầu:

- Không phải thế đâu các bác ạ. Cầm tiền xong, nó nổ máy cho xe chạy tiếp đến đúng một đoạn đường rừng tối om mới dừng lại và bảo bọn em xuống. Em hỏi tại sao thì nó trả lời có bằng ấy tiền thì chỉ chở được bằng này đường đất thôi... Rồi kệ hai đứa em nói khó nói khàn, vợ em đưa cả trăm rưỡi Mark còn lại ra trả nốt nó vẫn không chịu, cứ để đấy mà vọt



biến đi mất.

Chú Châu sốt ruột:

- Thế rồi cô chú tính sao?

- Còn tính được sao nữa hả anh?

Chú Quang hỏi lại. - Hai đứa em bơ vơ giữa rừng đầy băng tuyết và lạnh buốt như thế thì còn biết tính cái gì nữa hả anh? Tiếng tăm một chữ không biết, đường xá cũng không. Nghĩ đại, lúc bấy giờ mà có mấy con gấu hay chó sói trong rừng mò ra thì xong rồi đấy anh ạ. Hoặc là vô phúc gặp mấy thằng cướp đường hay mấy thằng đầu trọc... Mà thằng này cũng thâm. Nó thả hai đứa em đứng một cái ngã tư, chẳng biết đi ngã nào mà lần.

Tôi đang nghĩ trong đầu rằng mình mà gặp trường hợp ấy cũng chẳng biết nên xử lý thế nào thì chú Quang lại tiếp:

- Đúng vào lúc khó khăn nhất ấy thì tự nhiên vợ em lại kêu đau bụng. Em đoán là nó bị lạnh mới cởi cái áo khoác ra đưa cho nó mặc.

Tôi rùng mình:

- Còn chú thì mặc cái gì?

- Em chỉ còn có mỗi cái áo len

mỏng dính.

- Thế thì rét lắm nhỉ?

- Vâng! Khi vợ em bảo là đã đỡ đau bụng thì cũng là lúc em thấy lạnh thấu xương. Rét lắm anh ạ. Em cứ phải nhảy cõn lên. Và đứng lúc đang vừa nhảy như con chơi chơi giữa đường như thế vừa gào lên trời ơi thì một cái xe cảnh sát ập đến.

- Và nó hót luôn cô chú đi chứ?

- Vâng! Tất nhiên. Thế nhưng lại hóa ra may các anh ạ.

Hơi ngỡ ngàng, cả tôi cùng chú Châu cùng cất tiếng hỏi một lúc:

- Sao mà may? Chúng tôi tưởng nó chờ ngay các chú quay trở lại biên giới Tiệp chứ?

Chú Quang đáp:

- Thế mới gọi là may chứ anh. Lúc đầu bọn em cũng tưởng là mấy ông cảnh sát ấy chờ về trả lại Tiệp. Rồi mệt quá ngủ thiếp đi, nhưng một hồi lâu sau, lúc tỉnh dậy thì lại thấy có mặt ở một trại tỵ nạn. Đúng là Trời giúp chúng em. Giá lúc bấy giờ mà bọn em không gào lên Trời ơi thì chẳng biết sự thế đã ra thế nào rồi. Các anh tính, hôm ấy trời lạnh lắm,

để phải hơn một chục độ âm. Chỉ cần ở ngoài trời thêm một lúc nữa là bọn em chết rét.

Xong chú hỏi chúng tôi:

- Các anh nghĩ là có Chúa không?

Rồi không đợi ai trả lời chú đã tiếp:

- Có Chúa các anh ạ. Trời cũng chính là Chúa thôi. Khi gặp cảnh khốn cùng nhất mà chúng ta kêu cầu đến danh Ngài thì thế nào Ngài cũng trả lời. Như trường hợp của em là một bằng chứng cụ thể.

Cả tôi và chú Châu còn chưa kịp phản ứng thế nào, tôi còn đang nghĩ cái chú này nói cứ như một nhà truyền đạo chính cống ấy thì chú Quang lại thêm:

- Mà mục đích Chúa giáng sinh cũng chỉ là để cứu loài người thôi anh ạ.

Chú vừa nói hết câu thì có tiếng gõ cửa. Nhà chú Châu lại có thêm một đám khách khác. Mấy chú cũng cùng trong khu nhà tôi này vừa bước vào vừa nói:

- Chúng tôi đánh hơi thấy mùi nước chè ở đây thơm quá nên phải kéo nhau sang thăm các bác ngay.

Ba anh em tôi đành phải gác câu chuyện Trời với Chúa ở đấy để chú Quang đứng dậy để pha ấm chè mới.

Còn tôi thì ngồi im. Ôi Chúa ơi! Xin Ngài giải thoát chúng con, dân tộc con, nhân dân, đất nước, tổ quốc con... Xin Ngài giải thoát chúng con khỏi cuộc lưu đầy khốn nạn này. Tôi đang thầm cầu nguyện như thế thì vợ tôi sang gọi về. Bữa cơm chiều Giáng Sinh của nhà tôi đã sắp xong rồi.

Tất nhiên là tôi phải đứng lên mà đi theo nàng. Nhưng tôi không thắc mắc gì với vợ tôi về chuyện lời trong bài hát có mâu thuẫn với những điều ghi trong Kinh Thánh. Tôi nghĩ, cái chính là tìm kiếm, là kinh nghiệm sự hiện diện của Chúa, còn thôi thì khỏi phải hỏi ai về chuyện thời tiết nóng lạnh đêm Giáng Sinh làm gì. ●

Ghi chú:

* Nói tắt chữ Cu-run, đơn vị tiền Tiệp.

bài thánh chap

*Trời thánh chap mây mù giăng giăng
Chim xanh ơi có nhớ về chăng
Tôi ở non cao mòn mỏi đợi
Biết đường về sông núi cách ngăn.*

*Tôi gom nắng ấm mùa hạ trước
Gom cả sương mù những sáng thu
Tắm ánh trắng vàng đêm mật ngọt
Chờ hoá thân giây phút phù du.*

*Trong im lặng thời gian thăm thẳm
Về đâu biệt bóng chim quen
Về đâu tiếng hát xưa màu nhiệm
Núi rừng đang ngủ giấc miên man.*

*Ôi chim xanh có nhớ về không
Nụ hoa tôi ủ kín trong lòng
Nếu người quyết chẳng quay về lại
Tôi một đời hoá đá đứng trông.*

nguyên khanh



Đêm Mùa Vọng Trong Ngôi Nhà Di Chúc

Ngô Nguyên Dũng



Người chương khế đưa tôi đến xem nhà vào một sáng cuối năm. Trời giăng mây u ám, chực trút xuống cơn mưa tuyết. Mùa đông năm nay chưa thực sự rơi trận mưa tuyết nào, chỉ lất phất những đợt tuyết mỏng, ẻo lả như những nhánh lông rớt lại của bầy ngỗng trời lúc xuôi nam. Người chương khế già có một mụt thịt thừa to bằng hạt đậu nhú giữa chân mày, loe hoe vài sợi lông vàng sậm, dài gần chạm mi, hấp háy hai mắt khi nghe tôi hỏi, ông có nghĩ rằng năm nay chúng ta sẽ đón một Giáng Sinh tuyết trắng? Lâu rồi trời không đổ tuyết vào đúng đêm thánh. Ông xem, có phải nhà số 47. Đúng rồi... Chúng tôi dừng chân trước vòm cổng sắt han rỉ nối liền hai bờ tường rêu bám. Tôi ngược lên, thấy giữa khung sắt khắc một nụ hoa mở cánh màu thép xám xỉn, lạnh lẽo.

Khi tôi lảo đảo theo chân người chương khế băng qua lối đất ẩm ướt, bỗng dừng tôi có cảm giác mình đang tới. Xúc cảm kỳ quặc như tôi vừa vất lại sau lưng tất cả những gì thuộc về quá khứ. Dĩ vãng vỡ vụn như đất lún dưới chân tôi. Như tôi là kẻ từ vực sâu vừa trườn lên cửa động, thấy ra cảnh đất trời thanh thang. Phía sau là trùng dương quá khứ, sóng đập âm âm vào vách đá ngăn biên, chia cắt rành rành hai đoạn thời gian, mà tôi chưa biết sẽ dẫn tôi về đâu.

Ngôi nhà không người chăm sóc, cỏ úa lưa thưa trong vườn cây trụi lá. Vài rặng thông xanh trĩu cành sau mái nhà lợp ngói đen đúa. Bạc tam cấp dẫn lên khung cửa rộng, chắc nịch, màu sơn khô nứt. Một khoá xích cột chặt then cửa. Người chương khế tra chìa khoá vào ổ. Tiếng kim loại va chạm đục lờ, lả lẫm làm giật mình cánh chim lông đen mướt, từ ngọn cây trần trụi buông xuống lùm cỏ thừa, vạch một đường bén ngót vào không gian ngậm đầy hơi nước. Người chương khế lâu bầu, một xâu chìa khoá thể này, biết cái nào? Tôi tra tay vào túi áo dạ xám, đưa mắt quanh quất. Lòng tôi chùng xuống băng khuâng

khi nhìn xuống chân cửa, thấy một chậu thông con vàng héo, còn quần quanh chuỗi dây đèn nhiều màu. Một cánh sao kim tuyến cắm nghiêng trên ngọn. Tôi nhớ tới bản tin đã đọc đâu đó. Có người đàn ông độc thân chết đã năm năm mới được phát giác. Trên bệ cửa sổ trông ra đường, giá thông Giáng Sinh giả máng vòng nến điện còn chớp tắt. Lặng lẽ như thế, năm này qua năm nọ, hết đêm rồi ngày, không ai để ý. Không một ai. Cho tới lúc chủ nhà cho thợ tới xem lại ống nước, thấy ông ta ngồi chết trong ghế bành, trước màn ảnh truyền hình còn nhấp nháy. Cái chết giữa mùa đông, hơi lạnh làm thịt da quắt queo như một xác ướp Ai-cập. Bản tin làm tôi rùng mình vì tính vô tâm của con người. Lòng vị kỷ đứng vững như một cái quay lưng lạnh lùng, miệt thị.

Tiếng bản lề rít ken két và giọng người chường khế khẽ tầng hắng. Ông rút khăn tay đưa lên mũi chạm sục sục. Không đứng tôi cảm thấy khó chịu khi nhìn hàng chân mày rậm rì như con sâu róm gấn hạt đậu thịt còi cọc mấy sợi lông cứng. Nó như một món vật thừa thãi, hiện hữu một cách vô lý, nhưng không thể vứt bỏ được. Trông nghiêng, hạt đậu thịt càng lộ

rõ, như ánh mắt khiêu khích, khi người chường khế ngẩng đầu nhìn trần nhà cao, loang lổ màu vôi. Một cầu thang rộng khoảng ba thước, lót thảm sần rách, dẫn lên tầng trên rẽ ra hai bên. Những tấm sáo buông hờ, vạch rãnh sáng mờ lên vách nhà, trông như phiến lưng ngựa vằn, cho thấy những cửa phòng im kín. Người đàn ông, một tay chạm khăn ngang mũi, tay kia rón sục kéo từng tấm sáo, miệng không ngớt kêu than, bụi quá, bụi quá.

Luồng sáng nhợt nhạt lùa vào gian nhà rộng thênh, vắng lạnh. Bàn ghế tủ phủ khăn kín. Những khung chữ nhật sáng màu vôi là chỗ treo tranh trên tường khi trước. Ngọn đèn pha lê nhiều ngọn mọc giữa trần nhà, đổ bóng xiêu vẹo xuống sàn gỗ. Tôi ngẩn ngơ như vừa bước sang thế giới khác, có cảm tưởng đang đứng giữa sân khấu một gánh xiếc. Hàng ngàn cặp mắt âm hồn đang chăm chú theo dõi từng động tác, từng câu nói, từng nhịp thở của tôi. Bước chân người chường khế nghiêng kéo kẹt lên sàn nhà, tới căn phòng bên trái, xô cửa bước vào. Tôi nhanh chân vào theo. Một gian bếp rộng. Người chường khế đứng cạnh vuông cửa mở toang cho hương mới tràn vào, xua bớt mùi

ấm mốc của tường vách, bếp lò thiếu hơi người và hương lửa ấm. Một chậu hoa khô úa đỏ nằm trên bệ cửa. Vài nhánh cỏ len lén trườn qua tấm lưới chắn. Màu cỏ lục sẫm tương phản màu hoa vàng héo, khiến tôi không khỏi nao lòng nhớ tới mẹ nuôi người bản xứ. Lưng tay da mồi của bà khi lướt trên đám lá xanh, tìm ngắt những cánh hoa úa. Búi tóc trắng phau giắt kẹp bạc. Màu mắt xanh biếc gọn vài đường gân đỏ, rực lên ánh lửa nhân hậu khi bà chăm chút hỏi thăm gia cảnh tôi. Không thể tưởng tượng nổi, từ một nơi ẩm nóng quanh năm anh lưu lạc qua đây nhằm mùa lạnh, tuyết rơi đầy. Tôi cười, cảnh tuyết thơ mộng lắm chứ. Lúc đầu thì vậy, nhưng sống ở đây lâu, anh sẽ thấy khó chịu không ít, bà cụ vừa nói vừa lúc lắc đầu tóc bạc. Bà chỉ tay xuống chân tôi, giọng ân cần, nhớ mang vớ len, không thôi về già phải chứng phong thấp. Rồi sức nhớ, bà lom khom tới cạnh lò sưởi, huơ tay, để tôi chỉ anh cách nhóm lửa. Than trứng vịt bắt lửa nhanh, anh cho vào trước; chờ khi lửa bén đỏ mới bỏ than gạch vào. Nhớ mở tấm chắn cho khói thoát ra ngoài. Nhớ châm nước vào chậu để giữ độ ẩm. Nhớ chặn ngạch cửa ngăn

áo đỏ

*Chờ em, dáng nhỏ, suốt mùa đông
Xuôi nắng, về đâu, hồi nhận hồng!
Ở đây ngày tháng dài vô tận
Gió lạnh vờn quanh nỗi trống không!*

*Gặp em, áo đỏ, cuối mùa đông
Tiệc cưới, đèn hoa với rượu nồng
Chúc nhau năm mới, lòng chua xót
Tình sẽ ngăn hoài một bến sông.*

*Xa em là mãi mãi mùa đông
Giá buốt, tìm đâu chút lửa hồng!
Đêm nay và biết bao đêm nữa
Về hướng trời em, mỗi mắt trông!*

b.h.t.



gió luôn. Nhớ...

- Tàn tạ quá hả?

Giọng người chương khế cất lên đầm đăm. Tôi quay lại, ngẩn ngơ:

- Vàng, cũ kỹ quá.

- Giấy tờ ghi năm xây là 1938.

Tôi kêu lên:

- Năm của "Đêm pha lê" thời Đức quốc xã.

Người chương khế chau mày:

- Mốc điểm bi thảm của lịch sử đất nước tôi. Ông nghĩ sao?

Tôi không để ý tới câu hỏi của người đàn ông, chép miệng:

- Thì ra ngôi nhà đứng vững suốt thế chiến thứ hai.

Người chương khế gật gù:

- Đáng lẽ nó phải nằm trong danh sách những kiến trúc cổ cần được giữ gìn và tu bổ.

Tôi lẩm bẩm: "Chắc bị bỏ quên", rồi giơ tay kéo một vệt dài lên mặt bàn đóng bụi. Màu gỗ nâu óng ả lộ ra. Tôi liên tưởng tới vạt nắng hắt le lói từ những cuộn mây vạm vỡ. Thì ra, dưới lớp bụi thời gian im ắng, vẫn sờ sờ đó sinh lực bền bỉ. Hoa gỗ vẫn vi phà hơi ấm vào ngón tay tôi. Mùa màng theo chân thời tiết tuần tự xuôi về. Tuổi của cây in dấu rành rành quanh mắt gỗ. Mỗi tuổi kết thúc bằng bề dày tăng trưởng. Có thể đoán biết những xáo trộn của thời tiết, độ nóng của nắng hạn hay độ ẩm của tiết đông thất thường. Thực vật, vì vậy, không phải chỉ có sự sống, mà còn biết giao cảm theo dòng chuyển hoá của trời đất.

Tôi muốn nói với người chương khế, ngôi nhà vẫn sinh tồn, nhưng không biết phải giải thích sao, chỉ ngập ngừng:

- Ông xem, trông như mới.

Hơi thở người đàn ông nặng nề, mệt nhọc:

- Còn đề nghị của tôi, ông thấy sao?

Tôi ngơ ngác:

- Đề nghị gì?

- Nhượng lại ngôi nhà và miếng đất này. Tôi có quen một văn phòng mua bán bất động sản.

Tôi soi mắt chăm chú nhìn người

chương khế. Chân mày trái nhếch lên, mi mắt giật nhẹ, con sâu róm ngo nguậy, nhúm lông trên mụn thịt thừa đọng đầy như sợi râu để sờ soạng, dọ dẫm. Bỗng dưng tôi cảm thấy thương hại trước vẻ nôn nóng của người đàn ông, nên nhẹ giọng:

- Tôi còn hỏi ý cô bạn, chưa quyết định được.

Người chương khế lại rút khăn chấm mũi. Cử chỉ và cách biểu lộ cảm xúc của ông trông lạc lõng, thừa thãi như dùm thịt mọc dư giữa chân mày. Ông đâu biết rằng, những tinh vật trong ngôi nhà đang từ từ hồi sinh sau cái chết giả dai dẳng. Chúng đang nhướng mắt nhìn ông diễn tuồng vụng về trên sân khấu đã chứng kiến biết bao thăng trầm nghiệt ngã của lịch sử. Tôi nghĩ mình cảm được suy tư của tinh vật, và những ràng buộc chủ quan giữa tôi và bà cụ chủ nhà tốt bụng.

Tôi bảo người chương khế, tôi sẽ tới gặp ông sau khi bàn luận kỹ càng với Mai về "số mệnh" ngôi nhà. Nói vậy, nhưng lòng tôi đã có ý giữ lại và tu bổ nó. Có bao giờ tôi nghĩ rằng, giấc mơ tôi hằng ấp ủ sắp sửa trở thành sự thật. Nếu không có mặt người chương khế, tôi đã hân hoan tới gõ cửa từng căn phòng, tháo tung mọi tấm khăn phủ, khua thức chúng. Sàn gỗ, tường vôi, đèn trần, giường ghế bàn, chậu hoa, bếp lửa, ... sẽ được bàn tay no nê cảm tính của tôi truyền sức sống. Chúng sẽ ngoi dậy từ những mộ hoang đổ nát vì chiến tranh, lòng thù hận và quên lãng của loài người. Chúng sẽ được tôi khoác lên tấm áo mới. Ngôi biệt thự cổ này sẽ trở thành chỗ trú thân cho những đứa trẻ bị xã hội ruồng bỏ.

Mai thực tế hơn tôi. Sau khi nghe tôi vẽ vờ, nàng vỗ nhẹ lên vai tôi như lay tỉnh, dịu giọng:

- Đừng mơ mộng chứ anh!

Tôi tròn mắt:

- Anh nói thật chứ mơ mộng gì.

Rồi ngăn ngừa:

- Ừ, ...nếu chúng mình thực hiện được nửa phần thôi, có lẽ cũng đủ.

Mai cười trêu ghẹo:

- Em và anh, bốn bàn tay, hai cái

đầu, làm sao gánh vác nổi trách nhiệm nặng nề đó.

Tôi viễn vông:

- Lòng nhân ái có sức mạnh phi thường, em ạ.

Mai kêu lên:

- Thôi đi, chúng mình đâu phải người tu hành, đạo hạnh gì. Em chỉ ước nguyện có được một mái ấm gia đình, một cuộc sống an lành, không gặp những bất trắc.

- Ai lại chẳng muốn thế? Nhưng anh muốn san sẻ những hạnh phúc tương đối của mình cho một vài đứa trẻ kém may mắn.

Mai điểm vào trán tôi, hăm hừ:

- Anh ngang bướng như cua!

Tôi cười thành tiếng, vì biết tính Mai, như thế có nghĩa là nàng sẽ suy nghĩ lại. Tôi không chối cãi, rằng buổi viếng thăm ngôi nhà di chúc của người mẹ nuôi đã gây ấn tượng sâu đậm trong tâm trí tôi. Như bức thông điệp vô hình, tôi đón lấy từ bàn tay bà trong giây phút sau cùng của kiếp người. Cảm giác ấm nóng nguội dân. Tôi bất động nhìn hai mắt thông thả khép lại như cái vẫy tay từ giã, rồi xoay lưng bước ra không gian chói loà ánh sáng, không chút ngại ngần. Tôi đứng bên ngưỡng cửa. Khung gỗ mỏng manh bỗng trở nên vững chắc như tường thành dựng nơi biên giới sinh tử. Khuôn mặt mẹ nuôi trước khi quay bước, còn gửi lại nụ cười từ ái, bao dung, rực rỡ thứ tình yêu không thể diễn tả. Nụ cười khiến tôi an tâm. Tôi nhận lấy dòng thông điệp của bà truyền sang lòng tay, thanh thần chấp nhận những ly biệt, mất mát. Và chỉ âm thầm rung lệ trong những lần giật mình tỉnh giấc giữa khuya sau đó.

Tôi không khỏi liên tưởng tới mẹ ruột xa lác bên nửa kia trái đất. Tang lễ mẹ, vắng mặt tôi. Nhưng tôi giữ mãi trong tâm khảm mình những lệ đọng hạnh phúc và huyết thống thâm tình.

Đêm, sau khi bàn chuyện cùng Mai, tôi không ngủ được, vừa chợp mắt là thấy những cảnh tượng không đầu. Gần sáng tôi mới thiếp vào giấc ngủ mệt, chở nặng những giấc mộng.

Hành trình bắt đầu từ những khung kính vỡ của ngôi nhà di chúc, trong "đêm pha lê" diệt lòng người Do thái năm 1938. Mảnh vụn thủy tinh rơi loảng xoảng. Nhịp chân của đoàn thanh niên Đức quốc xã nện nhức nhối lên ngõ ngách bạo hành. Lửa táp phừng phực theo trảng khẩu hiệu cuồng tín, man rợ. Dúm thịt thừa nơi chân mày người chương khế già hiện rõ trong thị giác tôi. Những sợi lông dày, xoắn vàng cọ vào tường nhà, cửa vết ngang dọc. Tôi sững sờ nhận ra những giọt máu rỉ. Máu nhỏ vào lòng tay tôi, tạo nên sự sống, thành những dòng lệ lem luốc trên sáu triệu mặt người Do thái, ba triệu mặt người Nga xô, hai triệu mặt người Cao miên, và triệu triệu nhân diện khác nữa. Tôi cũng thấy ra, nghe lại giọng người rên xiết trước những hàm chôn tập thể năm nào trên quê hương tôi. Nước mắt và máu hoà nhau thành lời dặn dò cam, từ bàn tay mẹ nuôi tôi truyền sang.

Cuộc hành trình gian nan dở dang giữa chừng vì bão sóng quá mạnh vào lưng tôi, bật thức. Giọng Mai vắng lại hoảng hốt: "Anh, anh..." Tôi bắn người ngồi dậy, ngơ ngác trong bóng đêm cuối năm đặc quánh. Người tôi ấm nóng như lên sốt. Mai vuốt nhẹ sống lưng tôi, không nói. Tôi mấp máy cặp môi khô nứt:

- Ác mộng em ạ.

Rồi tôi tốc chân, quờ quạng hai tay như người mộng du, vào bếp tìm nước uống. Trở lại giường, tôi nâng đầu Mai đặt lên ngực mình. Hơi thở nàng phả ấm vùng tim tôi.

- Không hẳn ác mộng, mà là một

chuyến hải hành gian truân.

Mai dịu dàng:

- Anh nằm mơ thấy ngôi nhà tối thăm sáng này, phải không?

- Gần như vậy.

- Hôm nào anh dẫn em tới đó.

Tim tôi đổi nhịp rộn rã:

- Đúng rồi, anh chưa mở xem mấy căn phòng ở tầng trên.

Mai khẽ cười:

- Nghe anh nói, em tưởng như ngôi nhà là tấm lịch bốn mùa vọng trước lễ Giáng Sinh, mỗi tuần mở ra một ô cửa.

Tôi hân hoan:

- Và thấp một ngọn nến. Ừ, nhớ mang theo nến, vì nhà chưa có điện.

Tôi dặn dò Mai như thế, vì tôi muốn làm một cuộc phiêu lưu hắc hoi: ở lại qua đêm với Mai trong ngôi nhà di chúc vào tối mùa vọng đầu tiên. Thoạt đầu, Mai cương quyết từ chối, còn mắng tôi, điên, điên nặng. Tôi theo rù rì Mai ngày đêm, phác hoạ cảnh chúng tôi yêu nhau trong căn phòng nến sáng dựng đầy những đôi mắt nhân chứng. Cảm giác lên lút và sợ sệt kích thích tôi dữ dội. Tôi tìm mọi cách thuyết phục Mai.

Lúc chúng tôi tới, tuyết lất phất mỏng. Mai bám sát bên tôi như đứa trẻ. Không lẽ tôi tự thú cùng nàng, tôi cũng lo âu không kém. Chúng tôi mang theo giỏ đựng thức ăn, chăn gối và một máy sưởi bằng hơi đốt. Tầng trên có sáu phòng chia ra hai cánh, mỗi bên ba. Khi tôi mở khoá lần thứ tư, bước vào căn phòng có cửa sổ trông ra vực thấp, bên dưới ngoằn ngoèo con đường trải nhựa thì

gió tuyết trở mạnh như roi quất. Đúng như tôi dự đoán, đây là phòng ngủ. Nhưng của ai khi trước? Mùi ẩm mốc bùng bít. Tôi tới mở bung cửa kính mờ bụi. Khí lạnh lùa vào, hắt theo những bông tuyết rơi lả xuống sàn nhà. Tiếng gió rít trên rặng thông mọc thoải bên triền dốc. Vòm trời đục loà, mặt đất trắng xoá, chưa in dấu chân qua. Gió tung tuyết vào tóc, lên mặt tôi, tan chảy thành dòng. Những giọt lệ lem nhem trên thịt da đọng đầy nghịch lý. Trong khắc giây hạnh ngộ ấy, tôi bàng hoàng nhận thức, đây mới thật là thế giới của tôi. Từ khởi điểm này, đời sống tôi mới thực sự có ý nghĩa.

Tiếng Mai vang lên sau lưng tôi:

- Đóng cửa đi anh, em lạnh!

Quay lại, tôi thấy Mai ngồi co ro bên góc giường vén một chéo khăn phủ, vẻ mặt hoang mang kỳ lạ. Tôi khép cửa, cảm thấy hai má nóng bừng. Tôi tới ngồi cạnh Mai, choàng tay qua vai nàng, ân cần:

- Em sợ phải không?

Mai gật đầu, không đáp. Cho tới khi bóng tối dâng đầy căn phòng rộng, Mai ngồi co người như con thú cảm lạnh, xem tôi sắp đặt đồ đạc ra mặt sàn. Tấm chăn ni màu đất nung lót làm chỗ nằm. Bình hơi đốt nối với lò sưởi xách tay có vỉ lưới bật đỏ rực. Tôi khuân lên chiếc ghế thấp tìm thấy trong nhà bếp, bày ra thức ăn nguội. Lọ thủy tinh chắn gió dựng chân nến con. Chai rượu vang và hai cái ly cổ cao. Rổ mây đựng bánh mì, đĩa thịt un khói, thảo bơ và hai trái táo đỏ. Ánh nến ma quái soi lên khuôn mặt Mai ngồi đối diện tôi.

chiều trên bãi

Ta ngồi bó gối nhìn ra biển
Đếm hoài không hết những cánh chim
Hoàng hôn pha sắc loang màu tím
Hồn núi ngậm ngùi thức trắng đêm.

e.p.



Không biết từ đâu, thỉnh thoảng lại nghe tiếng thiêu thân lao vào vĩ sợi, cháy xèo.

Bữa ăn kéo dài trong im lặng. Chúng tôi trò chuyện bằng ngôn ngữ của mắt và nhịp điệu của bàn tay. Bỗng dưng tôi cảm thấy có điều gì khác thường đang rình rập. Không phải những mưu toan tối ám, mà là nỗi ngờ vực trước một thay đổi lớn. Mai lẳng lặng gọt táo, xẻ tư, đưa cho tôi một. Tinh chất giòn ngọt, chua chua của cây trái, mùa màng và thời tiết mơn trớn vị giác tôi, rồi lan khắp ngũ quan. Mắt nấn long lanh trong lọ chật, run theo ảo giác tôi bắt đầu bằng chuyến du hành rực rỡ của mười ngón tay. Tôi thụ động giả chết. Mai nghiêng vai, vén tóc phủ hờ trán tôi, di chuyển ngón trở móng dài dọc ngang mặt tôi như bàn chân côn trùng vô tư dạo chơi. Tôi thấy bằng ánh sắc hằn hoi những bước chân vấp vấp trước hai hồ mắt lấp lánh, trước cửa hang âm u hai cánh mũi, trước đôi môi hé rãnh địa chấn. Chưa lần nào Mai dịu dàng, tinh quái như thế. Bàn tay xảo thuật của nàng lần tháo từng hạt nút áo, mở rộng, như đường chớp chậm rãi xé một

vạch ngang trời. Ngón tay nàng xoắn xuýt chút lông măng mai mọc trên ngực tôi. Mặt tôi nghiêng ra cửa kính. Sắc tuyết chợt bùng lên trắng xoá như những nụ hoa mẩn khai. Tuyết đập vật vã vào mặt kính như vũ khúc thổ dân man dại. Tay Mai lần tháo nịt lưng tôi, kéo xuống. Nam tính tôi lẫn vào nữ tính Mai mềm ẩm, loang thành màu sắc tằm tranh trêu tượng. Những sợi lông đen nhánh, uyển chuyển như chỉ thảo nghiêng rạp theo đông tố cảm xúc. Mai nắm bàn tay tôi, đưa lên môi, ngậm lại. Đầu ngón tôi chết ngộp bứt rút trong cơn bạo hành của lưỡi môi nàng. Tôi phôi người thành thoi như con chuột bị măng xà thối miên, tưởng lại rành rẽ quá khứ mình. Hài nhi tôi tuột khỏi lòng mẹ, ngơ ngác tiếng khóc đầu đời. Bầu ngực mẹ mớm sữa nuôi tôi lớn. Bộ máy tinh vi của kiếp người từ từ mọc thêm trong tôi những tế bào tinh khôn và ngu dại, yêu và ghét, buồn và vui, ... rồi rơi không cọ sát xuống hố thẳm của thói lễ xã hội. Như bụi vẩn thạch từ cõi ngoài mệnh mông lạc vào khí quyển dơ bẩn của địa cầu, loé sáng đốm lửa dị ứng, tụ thành

luồng hào quang màu nhiệm xuyên qua ô kính hẹp, rót đầy gian phòng trong giây phút tái sinh. Ánh sáng là những giọt tinh lực của tôi và Mai hoà vào nhau. Tôi nấc lên. Mai vội vã cúi mặt, ngoạm lấy môi tôi. Hai thân thể ghì chặt nhau trong đêm mùa vọng thứ nhất. Con phóng dật của thịt da nguôi dần. Mai âu yếm chậm mờ hơi rịn khắp người tôi. Rồi chúng tôi nằm sánh lưng nhau, nhìn ra cửa kính trở bông trắng xoá.

Mùa đông đầu tiên nơi đất khách, sau đêm tuyết mù trời, sáng ra tôi thấy nhiều dấu chân thú lún sâu trong vườn tuyết lấp lánh nắng đầu ngày. Tôi khoác áo choàng, xỏ giày, mở cửa chạy ra. Niềm háo hức át mất cái lạnh. Tôi vốc từng nắm tuyết ném vào lùm cây trước mặt. Có con chim xoạc cánh hoảng hốt lao vào không gian đông cứng như một phiến băng. Bụi tuyết lả tả lìa cành. Dường như giữa tôi và tuyết có niềm giao cảm sâu kín, không thể giải thích. Bẵng đi nhiều năm, tưởng đã quên, nào ngờ mối tình đầu lại tìm về trong thời điểm bất ngờ nhất. Như thể tôi vừa vầy chuyện yêu đương với tuyết, không phải với Mai.

Giữa khuya, có tiếng động khẽ lay tôi thức. Bóng nấn tắt ngúm từ khi nào. Vĩ sợi nhuộm hồng lò nhờ căn phòng, toả ấm chứa chan. Tôi mở mắt kiểm soát lại tư tưởng mình. Tiếng động rơi nhẹ như giọt nước nhỏ trong hang thạch nhũ, từng giọt từng giọt chậm. Âm thanh va vào vách đá, loang rộng. Tiềm thức tôi xáo trộn, không còn phân biệt giữa trong và ngoài giấc mộng. Tôi quán chân quanh người, đứng dậy, tới cạnh cửa kính, trông ra. Gió đã lắng. Tuyết thôi rơi từ khi nào. Màu trắng bên ngoài ánh lên sắc trắng dị thường, như lọ thủy ngân khổng lồ từ trời vãi ra đất. Trong màu biêng biếc tuyết diệu ấy, tôi thấy lại bàn tay vầy của mẹ nuôi trước khi quay lưng bước sang cõi bên kia chói loà ánh sáng. ●

(NND - trong truyện dài *Cánh đồng trước giờ nhật thực*)

đường về, người nhớ không

*Cuối cùng người đã đi
Biết bao giờ quay lại
Nước mắt có nghĩa gì
Khi tìm người hoá đá.*

*Thác nguồn xuôi ra biển
Nghìn năm trôi mãi trôi
Tôi xuôi theo định mệnh
Còn mắt đã an bài.*

*Chỉ trách tôi làm lỡ
Trót yêu người thủy chung
Và hạnh phúc tan vỡ
Là nỗi chết tận cùng.*

*Tôi đau từng sợi nhớ
Người phương nào lãng quên
Hai mươi năm hương lửa
Còn không chút nghĩa tình?*

*Ngày dài theo vết nắng
Người bỏ tôi một mình
Đi về với chiếc bóng
Có buồn cũng lặng thinh.*

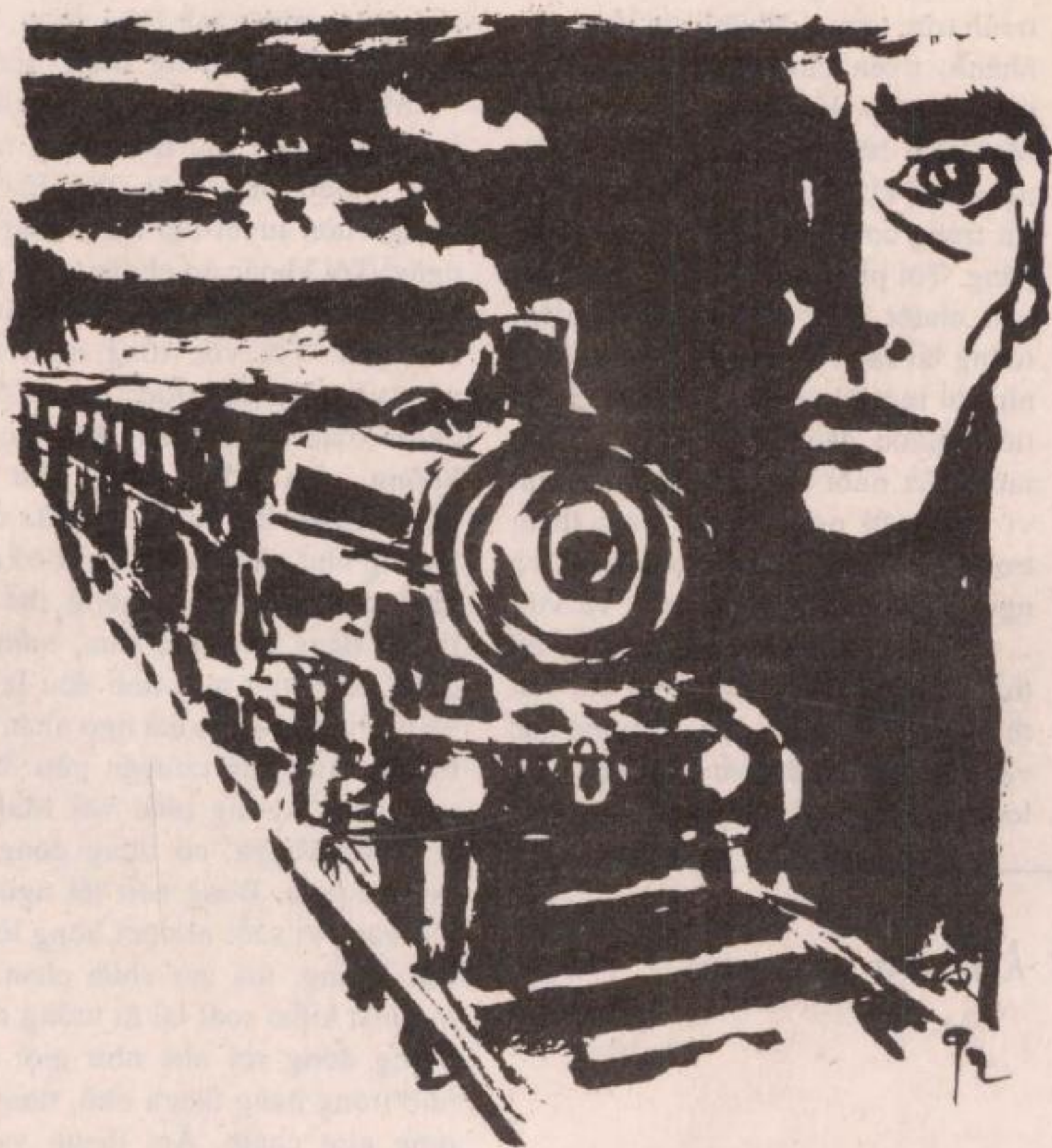
*Soi gương, tôi chợt hiểu
Hương sắc đã phai tàn
Từng vết nhăn héo úa
Ôi! Vết roi thời gian!*

*Người đuổi bắt ảo ảnh
Bơi theo những bóng hồng
Bỏ mình tôi cô quạnh
Đường về, người nhớ không?*

lê hữu minh toán

Buổi Chia Tay Cuối Năm

Phù Vân



Vĩnh cố tạo gương mặt thật bình thản khi đến nhà Huệ, lần đầu tiên, theo lời mời của nàng: buổi tiệc giã từ. Huệ được lệnh khẩn cấp chuyển công tác trở lại miền Bắc trước Tết Nguyên Đán. Ai cũng có ý nghĩ, công ty muốn hạ tầng công tác của Huệ, vin vào lý do rất đơn giản, Huệ đã tỏ thái độ và hành động đứng ngoài vòng quay bánh xe đi vào hủ hóa của cấp lãnh đạo công ty.

Vĩnh nghĩ, Huệ sẽ rất buồn, bởi vì từ ngày "giải phóng miền Nam" hầu hết cán bộ miền Bắc đều vận

dụng hết mọi khả năng, ảnh hưởng thế lực, áp lực tuổi Đảng hoặc dưới mọi hình thức mua chuộc, dút lốt các cấp lãnh đạo để được chuyển công tác vào Nam. Theo đánh giá của dân miền Bắc, miền Nam là nơi đầy rẫy nhu cầu vật chất tiên tiến của chế độ tư bản mà dân miền Bắc chưa một lần được thấy, được thụ hưởng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Miền Nam là cạm bẫy làm thoái hóa đạo đức cách mạng, làm ung thối chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhưng càng nhiều cạm bẫy lại càng nhiều quyến rũ cán

bộ vào Nam.

Tin Huệ bị thuyền chuyển đã mang đến cho Vĩnh một mối băng khuâng khó tả. Trái với ý nghĩ của Vĩnh là Huệ sẽ rất chán chường, Huệ lại rất vui vẻ khi đón Vĩnh.

Khi trao cho Huệ bó hồng để nàng cắm vào lọ hoa ở bàn ăn trong một căn phòng nhỏ thiếu tiện nghi dành cho cán bộ độc thân, Vĩnh hết sức ngạc nhiên khi thấy Huệ, lần đầu tiên sau hơn hai năm công tác chung, mặc áo dài. Dưới ánh nắng yếu ớt của chiều cuối năm, Huệ trông đẹp hẳn ra. Cung cách ăn nói và lời mời mọc của Huệ cũng rất khác những lần tiếp xúc trong công tác tại cơ quan. Trong căn phòng nhỏ của đời sống riêng tư, Huệ mới biểu hiện hết cái nét dịu dàng của một người đàn bà.

Thấy Vĩnh vẫn còn đứng ngẩn ngơ, Huệ ân cần:

- Mời anh Vĩnh ngồi. Nhà hẹp và đơn chiếc nên Huệ chỉ mời có một mình anh đến dùng bữa hôm nay. Và lại...

Huệ bỏ lửng câu nói. Vĩnh ngồi vào bàn đối diện với Huệ và tần ngần:

- Tôi không biết phải mở đầu như thế nào để nói với Huệ trước buổi chia tay và tôi cũng không biết phải dùng từ nào cho thích hợp để chúc Huệ được nhiều thành công trong nhiệm vụ mới...

Huệ đưa tay ngăn lại và nhìn thẳng vào mắt Vĩnh:

- Hôm nay Huệ muốn tiếp anh với tất cả chân tình. Hãy gạt bỏ những ràng buộc của công việc hay với tư thế của một cán bộ. Nếu anh cho phép thì Huệ sẽ hầu tiếp anh như một người bạn hoặc giả...

Huệ lại buông thông câu nói và chờ đợi câu trả lời của Vĩnh.

- Cho đến nay tôi vẫn coi Huệ như là một người bạn hơn là một đồng nghiệp. Vĩnh nói.

Mắt Huệ thoáng vẻ vui mừng:

- Mong rằng đây không phải là lời đầu môi chót lưỡi, dù sao Huệ cũng rất vui và xin giữ niềm vui này trong hành trang giã từ Saigon.

Hầu như cả hai đều có tâm sự riêng, nên dù bữa tiệc rất ngon, được Huệ sửa soạn rất khéo, nhưng họ lại ăn rất ít. Huệ cũng nhấm một chút rượu để mời khách. Còn Vĩnh thì lại thích được nâng ly để có dịp nhìn đôi mắt Huệ long lanh qua lớp thủy tinh và đôi má Huệ hồng hào lên trong ráng chiều.

Hình như chút men rượu khiến Huệ thêm dạn dĩ, nàng hỏi:

- Ngày mai Huệ ra đi, mong rằng trong dịp này chúng ta thành thật kể cho nhau nghe những gì đã qua. Anh Vĩnh, anh nghĩ gì về Huệ?

Thật là khó, để chỉ với một vài câu mà có thể nói rõ tâm trạng của Vĩnh. Cuốn phim dĩ vãng quá dài của một cuộc đời - một phần đời còn lại từ ngày Vĩnh đến nhận việc tại Phòng Kế Hoạch thuộc Công ty Xuất Khẩu Thành Phố. Cái nhãn hiệu "sĩ quan cải tạo" và những danh từ "ngụy quân, ngụy quyền" chưa mờ phai trong những đôi mắt nghi ngờ của những người cán bộ cộng sản dù Nam hay Bắc, khi Vĩnh được Ba Trung, Trưởng Phòng giới thiệu. Người cán bộ đồng nghiệp tiếp cận hàng ngày trong cùng công tác là Huệ. Như tất cả những nữ "đồng chí" khác, Huệ cũng áo cụt, quần đen, dép nhựa và đi xe đạp đến cơ quan.

Hơn ba năm ở các trại cải tạo, cuối cùng Vĩnh cũng được ra khỏi trại với lý do "học tập cải tạo tốt", nhưng thực sự không phải vì lòng "khoan hồng nhân đạo", mà vì nhà nước đang gặp nhiều khó khăn về việc điều hành các cơ sở sản xuất mới tiếp thu của chính quyền cũ làm trì trệ công tác sản xuất. Vì vậy một số chuyên viên khoa học kỹ thuật "ngụy" được trở về làm việc.

Cái nhãn hiệu "sĩ quan cải tạo" của Vĩnh cũng đã nhiều lần bị Huệ nghiêm khắc phê phán trong các buổi sinh hoạt kiểm điểm của Phòng với đủ mọi danh từ "thụ động, hèn kém, không biết đấu tranh"...

Đấu tranh? Tại sao Vĩnh phải đấu tranh như Huệ? Đấu tranh để được công ty xét phân phối cho mua nửa ký thịt heo, phụ tùng xe đạp, hay để

được bầu làm "tiên tiến"? Tất cả những loại đấu tranh này không bao giờ hiện hữu trong đầu óc của Vĩnh!

Đấu tranh như Huệ để mỗi lần sau buổi họp của Chi (tm)y xét về sự phân phối những tiện nghi cho cán bộ, Huệ trở về gục mặt vào bàn giận hờn, tủi thân. Những ưu tiên về quyền lợi không bao giờ đến với Huệ - với những loại cán bộ không có chức vụ! Đấu tranh phê phán mãi rồi cuối cùng Huệ cũng chuốc lấy những thua thiệt và càng bị công ty chèn ép nhiều hơn.

Vĩnh cảm thấy thống khoái khi chứng kiến những hoạt cảnh xáo trộn nội bộ của những con người mới xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên Vĩnh cũng thường tự hỏi tại sao anh lại không có một chút may mắn thương hại những người như Huệ - những cán bộ đã hiến dâng tuổi trẻ phục vụ cho đảng, cho nhà nước, mức độ hy sinh có thua kém gì các cán bộ cao cấp...

- Anh Vĩnh, ngày mai Huệ rời xa thành phố này, xin anh cho Huệ biết, anh đã nghĩ gì về Huệ?

Câu hỏi của Huệ nhắc nhở Vĩnh trở về thực tại, anh chậm rãi:

- Chúng ta công tác với nhau đã hơn hai năm, thời gian đủ để tôi đánh giá về tư cách, tác phong của Huệ. Thành thật mà nói, Huệ không giống với các cán bộ ở công ty, cũng rất khác biệt với các tầng lớp cán bộ miền Bắc vào Nam công tác. Huệ có lý tưởng, có nhiệt huyết. Huệ đi, tôi rất buồn...

Huệ hóm hỉnh:

- Anh nói thật lòng không đó anh Vĩnh? Hay là khi nghe tin Huệ bị chuyển công tác, anh mừng thầm là "con nhà Huệ đáo để đã đi rồi. Từ nay chẳng còn ai chỉ trích, theo dõi làm mình khó chịu nữa!". Phải vậy không nào?

Vĩnh bật cười và chợt thấy nụ cười của Huệ thật tươi, hàm răng thật trắng và ánh mắt của Huệ - người con gái Sơn Tây - không còn u uẩn nữa.

Vĩnh không đo lường được tình cảm của mình đã dành cho Huệ - điều mà từ trước đến nay anh chưa

hề nghĩ tới. Cái ý niệm trả thù từ ngày anh ra khỏi trại tập trung thường hiển hiện trong tâm trí anh. Vĩnh đã hứa, phải trả thù! Đối tượng và phương cách trả thù? Chờ thời cơ hay phải tạo cơ hội!

Ngày Vĩnh được trả tự do chính là ngày anh được hung tin do bà cô kể lại, cha mẹ anh đã mất trong thời gian anh bị giam cầm trong tù cải tạo. Bà cô Vĩnh đã giấu anh, vì sợ anh không thể chịu đựng nổi sự đau đớn và mất mát to lớn này. Gia đình Vĩnh bị xếp vào loại tư sản mại bản. Tài sản bị kiểm kê, cha mẹ anh bị đẩy lên vùng kinh tế mới. Phần tuổi già, bệnh tật và không quen chịu đựng với cuộc sống kham khổ, nên cha mẹ Vĩnh lần lượt qua đời. Trước mộ song thân, Vĩnh đã hứa, phải trả thù. Nhưng thủ phạm đích thực là ai? Là chủ nghĩa cộng sản phi nhân! Đối tượng là ai? Có phải là cán bộ cầm quyền các cấp đầy rẫy chung quanh Vĩnh?

Một lần qua công ty Heo Giống Thành Phố, Vĩnh ghé thăm Hùng - thành bạn cũ. Cũng chẳng khác gì các lần trước, Hùng đang ngồi ngáp ruồi chờ giờ cơm trưa. "Cơm đùm, gạo bới" là phong cách tiến bộ của cách mạng. "Sáng vác gô đi, tối vác về". "Gô" là tên gọi tắt lon sữa bột Guigoz của trẻ em thời "ngụy", nay là một món thời trang của cán bộ, công nhân viên nhà nước dùng chứa thức ăn trưa từ nhà mang theo. Cái cung cách phung phí tiêu tư sản cơm hàng cháo chợ bữa trưa phải bỏ đi, mà phải biết dùng bữa tại cơ quan hoặc tự túc hoặc ăn cơm tập thể cho quen.

Thấy Vĩnh lấp ló ngoài cửa, Hùng gọi:

- Ê Vĩnh! Vào đây cậu!

Vĩnh cười:

- Thấy mày hiền ngang ngồi trước lon "gô" trong một căn phòng rộng thênh thang, tao đâm ngán không dám vào!

Hùng - thú ý sĩ, thụ huấn quân sự 9 tuần nên khỏi phải đi "tu nghiệp" ở "Đại Học Máu", xưa nay vốn ngổ ngáo, rứt đôi chân xuống

bàn, nói:

- Tụi cán bộ ở đây lo đi móc ngoặc cả, giao văn phòng cho tớ làm chủ nhân ông. Sư bố nhà anh! Ngọn gió nào đưa nhà anh tới đây? Lâu không gặp, tưởng nhà anh “đột” rồi!

Vĩnh với tay kéo học bàn và cất lon “gô” của Hùng, bảo:

- Hôm nay tao đãi mày một chiều. Thích phở gà Hiền Vương hay bún mọc ở Ngã Tư Bảy Hiền?

- Dịp gì thế? Bộ nhà anh định vượt biên hả?

- Chưa tới giai đoạn đó. Cái mồm mày chẳng khác gì cái loa của nhà nước. Vạ miệng vạ mồm nghe con! Thú thật hôm nay tao đến đây nhờ mày giúp tao một việc...

Hùng nặng nề ngồi trở lại ghế, vớ cái điều cày, “chơi” liền một bi thuốc lào, vừa nhả khói vừa xua tay bảo:

- Có chuyện gì xin nói trước. Coi bộ ăn được một bữa của nhà anh thật khó nuốt trôi quá!

- Chuyện trong tầm giải quyết của mày. Mày có thể ký cho tao một phiếu phân phối heo giống được không?

Hùng trợn mắt nhìn Vĩnh thật lâu, rồi phá lên cười:

- Chúa ơi hãy nhìn xuống mà coi! Cái thằng bạn Casanova trời đánh của con ngày nay lại bày trò nuôi heo! Mà nuôi “heo nái” hay “heo nọc” đó Vĩnh?

Vĩnh cười phân trần:

- Tao đâu có nuôi! Tao cần trao đổi... À không, tao muốn làm vui lòng một cô bạn đồng nghiệp cán bộ miền Bắc...

Hùng lác đầu, tặc lưỡi:

- Chán mày quá! Ngày trước chán chỉ em ở Saigon mê mết, đeo đuổi mà mày không thèm! Bây giờ lại giờ chứng cảm con cháu bác Hồ là thế nào?

- Chính tao còn không hiểu tao, thì làm sao mày hiểu tao nổi! Nhưng không phải là vì tình yêu...

Tự nhiên Hùng nổi nóng ngang xương:

- Không phải vì tình yêu? Chắc vì chút “tình còm”? Liệu hồn đó

Vĩnh ạ!...

Vĩnh không còn nghe những gì Hùng nói thêm, cũng như không để ý đến cái phiếu phân phối heo giống mà Hùng nhét vào túi anh. Vĩnh đang nghĩ đến Huệ, đến nhan sắc của Huệ... điều mà từ lâu Vĩnh không quan tâm tới. Vĩnh chỉ nghĩ đến cách mua chuộc, làm vui lòng Huệ trong một tiến trình của mưu tính trả thù trầm lặng...

Huệ lại đưa Vĩnh trở về thực tại bằng một câu hỏi lững lờ:

- Anh Vĩnh, anh nghĩ thế nào về sự đối xử của công ty dành cho anh. Phải chăng...?

Vĩnh ngơ ngác:

- Thú thật tôi chưa hiểu rõ câu hỏi của Huệ. Trong thời gian ở công ty, tôi đã phấn đấu làm việc để hoàn thành công tác do cấp trên giao phó...

- Anh Vĩnh, anh có nghĩ rằng công ty đặt trọn niềm tin ở anh, ở các anh - những người cán bộ miền Nam, nhất là những người có quá trình học tập cải tạo như anh - trong việc nhất tâm đứng vào hàng ngũ của những người cán bộ xây dựng xã hội chủ nghĩa?

Vĩnh băng khuông suy nghĩ đến chính sách vắt chanh bỏ vỏ. Họ còn sử dụng những thành phần như Vĩnh nữa hay không, khi họ đã học hết những kinh nghiệm về kỹ thuật do lớp người cũ truyền lại hay họ đã đào tạo được những chuyên viên mới để thay thế!

Trong khi Vĩnh đắm chiều không trả lời, Huệ tiếp:

- Anh Vĩnh à, đường lối, chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước, anh chỉ mới học được ở cấp sơ đẳng, cái vỏ bề ngoài. Thực trạng xã hội thì anh chỉ mới chứng kiến vài năm. Cái lối và thời gian chuyển hóa theo các dòng thác cách mạng chẳng mấy ai hiểu nổi. Tuy nhiên có một điều liên hệ đến anh mà anh không rõ và không ngờ tới là ngoài mặt ban lãnh đạo công ty tỏ ra hoàn toàn tin tưởng ở anh, nhưng bên trong thì lại cử người bám sát theo dõi hành động

và tư tưởng của anh. Điều đáng buồn là công ty đã giao phó Huệ theo dõi kiểm soát anh bởi chúng ta cùng phòng và cùng chung công tác...

Vĩnh giật mình. Anh không nghĩ rằng bên cạnh anh qua mấy năm trời có Huệ giám sát từng lời nói, từng việc làm. Vĩnh có đề phòng thì cũng chỉ đề phòng những người lạ... Vĩnh dọ dẫm:

- Huệ đã báo cáo những gì về tôi cho Ban Giám Đốc và tại sao Huệ lại nói cho biết về điều bí mật này?

Huệ trầm ngâm nhìn màu chiều đỏ xuống ngoài sân. Nàng chậm rãi nói:

- Huệ đã báo cho Ban Giám Đốc biết hầu hết về những việc của anh, nhưng chỉ là những công việc do anh phụ trách, về những người anh liên hệ và ngay cả những sở thích cá nhân của anh nữa...

Dừng lại một chút để dò xem phản ứng của Vĩnh, Huệ tiếp:

- Thế nhưng anh đừng vội lo, Huệ đã không báo cáo hành động chủ yếu của anh - những hành động này nếu bị phát hiện thì anh sẽ bị kết tội phản động, phản cách mạng, phá hoại chế độ!

Vĩnh cố giữ bình tĩnh, không lộ vẻ hốt hoảng trong khi Huệ vẫn nhẹ nhàng, chân tình:

- Ngày mai đi rồi, Huệ sẽ không còn dịp nói chuyện với anh nên báo trước để anh đề phòng. Huệ không ăn hận khi đã không làm tròn nhiệm vụ được giao phó... Huệ biết rõ tư cách của cấp lãnh đạo, tham ô, bẻ phái, cửa quyền bao che cho nhau. Anh Vĩnh, anh không cần phải tiếp tay phá hoại. Chế độ này rồi cũng đến ung thối thối! Huệ rất buồn phải nói đến sự thật của chế độ mà Huệ đã dần thân từ tuổi thanh xuân. Nhưng Huệ không hiểu tại sao anh lại căm thù chế độ này đến vậy?

Vĩnh choáng váng cả người. Anh tránh nhìn vào đôi mắt của Huệ, ngập ngừng:

- Tôi... tôi...

- Anh không cần phải dè dặt. Nếu Huệ là người có quyền và là con người sắt máu thì Huệ đã ra lệnh bắt

nhốt anh ngay. Nhưng Huệ đã cân nhắc, đắn đo, ưu tư; cuối cùng Huệ không báo cáo những hành động có dự mưu của anh. Vì sao?

Huệ ngưng nói, vói tay sửa lại một cành hoa, rồi ngập ngừng:

-...vì tình cảm, vì yếu lòng! Đây là một nhược điểm, nhưng vì Huệ là đàn bà... Còn anh, anh Vĩnh, anh thâm trầm mang ý niệm trả thù, tạo nhiều cơ hội đẩy đưa cán bộ cách mạng vào con đường bất chính... Thế nhưng anh lại nặng tình cảm, cả tin. Sự cả tin này có thể gây tai hại cho cuộc đời anh...

Vĩnh cố phân trần:

- Tôi không hiểu Huệ muốn ám chỉ đến những trường hợp nào?

- Huệ mời anh đến dùng bữa cơm chia tay này với tư cách của một người bạn như anh cho phép, nên Huệ cần phải nói sự thật. Huệ cũng mong anh đối xử với Huệ như vậy. Vì ngày mai Huệ đi rồi, công ty sẽ cử một người khác thay thế Huệ để bám sát anh. Họ sẽ tìm cơ hội để bằng mọi cách tiêu diệt anh, diệt nhân chứng để không còn ai có thể tố cáo những đường dây làm ăn bất chính của họ nữa... Sống trong chế độ cộng sản là sống trong hoả mù gian dối xảo trá. Họ trông lên đầu

anh một hào quang tín nhiệm, nhưng họ cũng sẵn sàng trông vào cổ anh một dây thòng lọng...

Vĩnh ngẩn ngơ tưởng như Huệ đã có mặt trong hầu hết những việc làm âm thầm của anh. Vĩnh không ngờ lâu nay anh giao tiếp với một đối thủ hết sức nguy hiểm mà anh chẳng hề hay biết gì cả!

Huệ trầm ngâm thật lâu, chợt nhìn thẳng vào mặt Vĩnh, hỏi một câu tưởng chẳng ăn nhập gì vào vấn đề cả:

- Anh Vĩnh, hình như giữa anh và đồng chí Việt, Giám đốc Xí nghiệp công ty có vấn đề gay gắt phải không? Anh có thể kể cho Huệ nghe được không?

Vĩnh bồi hồi nhớ lại...

Việt ném khẩu K.54 trước mặt Vĩnh, nét mặt giận dữ, giọng lẽ nhẹ hơi men:

- Này Vĩnh, ông có vấn đề với tớ đấy nhé! Nói thật, mười mấy năm chiến đấu, tớ chưa ngán một tên nào cả. Ai chơi xỏ tớ, thì tớ có cách trả đũa thật đẹp!

Quay qua bà chủ quán đang ái ngại vì không khí căng thẳng, Việt gọi lớn:

- Này bà chủ cho xin thêm vài

xì để nữa đi!

Trong khi bà chủ chưa biết có nên hay không nên nghe lời khách đã có mồi say sưa, thì Vĩnh nhẹ nhàng:

- Đồng chí Việt...

Việt to tiếng:

- Không ai đồng chí với ông cả!

- Vâng, thế thì... anh Việt! Tôi nghĩ, giữa anh với tôi là cán bộ cùng công ty, dù có vấn đề gì đi nữa chúng ta cũng nên từ tốn nói chuyện với nhau. Nể lời anh mời, ngay sau khi tan sở, tôi theo anh. Tưởng là anh em chúng ta nhậu với nhau bằng tấm thân tình, bằng niềm vui. Chứ nếu với tình huống này, thì tốt hơn chúng ta chia tay và hẹn lại một dịp khác, tỉnh táo hơn chúng ta sẽ nói chuyện lại. Chẳng hiểu anh buồn tôi về chuyện gì, chúng ta còn có nhiều dịp gặp nhau để tỏ bày. Tôi không nghĩ là anh mượn rượu để to tiếng với tôi. Tôi cũng không nghĩ là anh dùng vũ khí để hăm dọa đàn áp tinh thần tôi...

Vĩnh dừng lại, nhìn thẳng vào mắt Việt để đo lường phản ứng. Cặp mắt đỏ ngầu của Việt dần dần dịu lại. Hắn bỏ khẩu súng trở lại bao bên hông và nói, giọng nhẹ nhàng hơn:

- Không! Tớ vẫn muốn nói chuyện với ông bây giờ!

Vĩnh gật đầu, giọng vẫn dịu dàng nhưng nghiêm khắc hơn:

- Vâng, anh Việt. Tôi sẵn sàng nghe anh nói!

Trước thái độ trầm tĩnh của Vĩnh, Việt trở nên e dè:

- Tôi muốn hỏi ông... anh Vĩnh, ngày hôm qua anh và Huệ chờ nhau đi đâu đến tối mới về? Tôi muốn biết, tôi muốn biết... giữa anh và Huệ có liên hệ... tình cảm như thế nào?

Sự thay đổi cách xưng hô và sự ngập ngừng khi đặt câu hỏi đã tỏ thái độ yếu kém của Việt. Vĩnh vừa thương hại vừa chán ghét, tuy vậy anh vẫn thẳng thắn trả lời:

- Tưởng có gì mà anh làm to chuyện. Vâng, hôm qua chúng tôi phải đi công tác khẩn từ huyện Bình Chánh rồi trở về Thủ Đức. Chúng tôi di chuyển chung bằng xe Honda để tiết kiệm nhiên liệu. Công tác kiểm

thơ nguyên văn cường

hoa môi

ghép môi em cơn khát
vào môi tôi đang khô
ơn đời thấm cơn mưa
nụ hồng nở tươi thắm.

hương dột

đường vào tình mộng hương giăng
xuân em hoa áp hồn trắng nồng nàn
mùi hương chảy xuống trần gian
thơ anh trắng dột hương vàng nên thơm.

dấu đôi

biết bao kỷ niệm quê nhà
ngõ trắng đầu cũng đậm đà dấu đôi.
nay ta xa cách nhau rồi,
trăng chia hai ngã đường đời nhớ thương.



tra trọng điểm của hai xí nghiệp này, với nhiều phân xưởng cách xa nhau, chúng tôi phải cần nhiều thì giờ để làm việc. Tuy thế vẫn chưa hoàn tất công tác và chúng tôi còn phải tiếp tục...

- Còn vấn đề liên hệ tình cảm?

- Thú thật tôi chẳng hiểu lý do tại sao và từ đâu anh lại đặt nghi vấn này? Công tác và tình cảm là hai vấn đề khác nhau xa...

Việt, hai tay khuỳnh lên bàn, hơi chồm tới sát Vĩnh:

- Chắc anh đã rõ, trước đây tôi và Huệ có chút liên hệ. Lâu nay, tôi thấy Huệ trở nên lạnh nhạt, không muốn liên lạc với tôi nữa. Anh có yêu Huệ không?

Vĩnh cảm thấy bức bối. Việt đã trưởng thành, phải biết chuyện riêng tư của hân cũng như của kẻ khác cần được tôn trọng. Tuy vậy Vĩnh vẫn trả lời:

- Liên hệ tình cảm giữa anh và Huệ từ trước thì tôi không rõ, mà tôi cũng không có quyền xen vào. Bây giờ giả dụ Huệ có thay đổi thái độ với anh, thì trước hết anh hãy tự xét, anh có khuyết điểm nào và sau đó anh hãy trực tiếp nói chuyện với Huệ. Điều này tôi cũng không có quyền biết tới vì đó là chuyện đời tư của mỗi cá nhân. Cũng như anh không nên hỏi chuyện riêng tư của tôi, nhất là về mặt tình cảm. Yêu ai là quyền của Huệ. Còn tôi yêu ai cũng là quyền của tôi...

Vĩnh ngưng kể để theo dõi thái độ của Huệ. Huệ nửa khuất lấp, nửa hiện hữu qua bình hoa hồng đặt giữa bàn.

Huệ rót thêm rượu cho Vĩnh:

- Nhưng anh vẫn chưa trả lời đúng vào câu hỏi của đồng chí Việt!

Lần đầu tiên Vĩnh thấy Huệ có vẻ bồn chồn. Má nàng phớt một chút màu hồng bên lên và mắt nàng mở lớn chờ đợi.

Vĩnh thành thật:

- Vâng, lần đó tôi đã không nói rõ với đồng chí Việt. Tôi cố tình lấp lửng để cho Việt đau khổ...

Huệ dù muốn che giấu, nhưng

vẫn để lộ nỗi thất vọng trong ánh mắt, nàng nói, giọng thật buồn:

- Hình như Vĩnh muốn diệt hết mọi tình cảm, ngay cả tình cảm của riêng mình để cố đạt cho được mục đích trả thù. Anh Vĩnh, có lúc nào anh tư duy để nhận định rõ đối tượng thù địch của anh là ai không? Huệ cũng là một đối tượng của anh, phải không anh Vĩnh?

Câu hỏi của Huệ vô tình như một nhát dao đâm sâu vào niềm đau thâm kín của Vĩnh. Nhiều lần Vĩnh tự hỏi, Huệ có phải là đối tượng để trả thù không? Điều này đến nay Vĩnh vẫn chưa trả lời được. Rồi Vĩnh nhớ đến những biến chuyển tình cảm mà Huệ đã dành cho anh - từ những buổi đầu nghiêm khắc, theo dõi, phê phán dần dần trở thành những nụ cười, ánh mắt dịu dàng...

Trước đây Vĩnh vẫn chủ trương phải trả thù bất cứ đối tượng nào, dù nam hay nữ, bằng bất cứ thủ đoạn nào. Với Huệ, Vĩnh áp dụng những sẵn đón ân cần, giúp đỡ Huệ mọi mặt, bởi vì Vĩnh quan niệm, Huệ chỉ là một người con gái, dù được tôi luyện đến mức độ nào dưới lò nung Mác-Lê, thì cái nhân tình cảm của một người đàn bà cũng không thể cháy hết thành than được. Vĩnh tìm mọi cách để cung phụng cho nàng. Anh có nhiều cơ hội để gặt gắm, dẫn dắt Huệ vào đường ái dục. Nhưng Vĩnh không đành tâm, bởi trong anh lương tri vẫn còn, tình người vẫn sống. Bên cạnh đó còn len lỏi một chút tình cảm nhẹ nhàng của Vĩnh dành cho Huệ.

Vĩnh kể lại tâm trạng của anh cho Huệ nghe, thay vì phải trả lời câu hỏi của nàng. Huệ trầm ngâm ngồi nghe Vĩnh kể. Câu chuyện chấm dứt từ lâu mà cả hai vẫn ngồi lặng yên trong bóng đêm cho đến khi phải chia tay...

Chiều hôm sau, ba mươi Tết, sân ga Bình Triệu nhộn nhịp hẳn lên trong chuyến tàu cuối năm đi Hà Nội. Giữ lời hứa, Vĩnh đến để tiễn Huệ. Anh bồn chồn, trông ngóng. Với Huệ, Vĩnh không dám khẳng

định mức độ tình cảm, hay anh lại tự dối lòng mình.

Dù hành khách, con buôn, hàng hóa ngổn ngang, Vĩnh vẫn nhận ra Huệ dễ dàng. Trông nàng nhàn nhã như một du khách với chiếc va li nhỏ. Tuy nhiên, Vĩnh chẳng hiểu tại sao trong chuyến hành trình xa xôi, trên một con tàu bản thủ, Huệ lại mặc chiếc áo cánh màu hồng phấn, khoác thêm chiếc áo len màu trắng làm nổi bật lên giữa đám đông lam lũ đang chen lấn lên tàu.

Gặp Vĩnh, Huệ cười thật tươi:

- Cảm ơn anh đã nhớ để đến tiễn đưa Huệ lần cuối!

Vĩnh cũng cười, nhưng nụ cười của anh phảng phất nỗi buồn ly biệt:

- Dĩ nhiên là tôi không thể quên được...

Huệ nhìn sâu vào mắt Vĩnh, dò xét:

- Nhưng rồi sẽ có một ngày Vĩnh sẽ quên... phải không?

Vĩnh nhìn vào mắt Huệ:

- Không, nhưng dù sao...

Vĩnh bỏ lửng câu trả lời, vì thật ra anh cũng chẳng biết nên nói gì thêm. Màu chiều tím thẫm. Nắng đã biến mất trên những đám mây thấp. Vĩnh nói băng quơ:

- Có lẽ trời sắp mưa...

- Mưa cuối năm, mưa buồn, mưa chia biệt phải không Vĩnh. Vĩnh có nghĩ là vào một lúc nào đó chúng mình sẽ có dịp gặp lại nhau không?

- Tôi cũng mong như vậy...

Đột nhiên Huệ nắm tay Vĩnh, bên lên hỏi thật nhanh:

- Này anh Vĩnh! Huệ muốn nghe Vĩnh trả lời thực lòng và thực đúng câu hỏi của anh Việt hỏi Vĩnh trước đây!

Vĩnh cũng nắm chặt tay Huệ:

- Câu hỏi thế nào? Huệ nhắc lại thử coi?

Mặt Huệ đỏ bừng, quay vội đi hướng khác:

- Vĩnh còn nhớ mà! Vĩnh không thể quên được!

- Vâng tôi không quên... nhưng tôi không dám yêu Huệ đâu. Huệ lợi hại quá! Chưa yêu Huệ mà Huệ đã làm cho tôi khốn đốn thế này; lỡ yêu

rồi thì Huệ còn hành hạ tôi đến cỡ nào nữa...

Huệ mỉm cười, tha thiết nhìn Vĩnh. Chợt tiếng còi tàu thét lên báo hiệu sắp sửa khởi hành. Huệ chen lấn lên tàu. Bóng dáng Huệ biến mất trong toa tàu chật cứng hàng hóa và hành khách. Còi tàu lại thét lên lần nữa, dần dần chuyển bánh.

Vĩnh vẫn đứng đợi ở sân ga chờ vẫy tay chào Huệ lần cuối. Nhưng anh vẫn không nhìn thấy Huệ. Có lẽ Huệ không thể chen lấn đến gần cửa sổ để nhìn nhau vẫy tay chào? Hay Huệ không muốn Vĩnh nhìn thấy giọt nước mắt ly biệt của nàng?

Con tàu với làn khói mịt mù dần dần khuất khỏi tầm mắt. Màu hoàng hôn trùm kín không gian. Sân ga vắng vẻ, nhưng Vĩnh vẫn còn lặng yên đứng đó, tâm tư trống rỗng, lòng buồn vơi vợi. Huệ với chiếc áo cánh màu hồng phấn, chiếc áo len màu trắng là hình ảnh cuối cùng trong trí nhớ của Vĩnh.

Trong miền man vô tận của nỗi buồn, Vĩnh chợt nghe một giọng già nua :

- Thưa cậu, cậu làm phúc chỉ cho nhà cháu đường về Gia Định được không ạ?

Vĩnh quay lại nhìn bà già lom khom mặc áo tứ thân màu nâu, đầu chít khăn mỏ quạ, tay xách một túi

lát tả tôi. Vĩnh ân cần hỏi:

- Thưa cụ, cụ về Gia Định nhưng ở đường nào ạ?

Vẫn giọng Bắc quê mùa, bà cụ nói:

- Nhà cháu của lão... hình như... hình như ở phố Lê Văn Duyệt thì phải!

Tình cờ thấy bà cụ này cũng ở cùng đường với mình nên Vĩnh vui vẻ:

- Cháu có thể đưa cụ về nhà. Mời cụ theo cháu!

Vĩnh đỡ túi xách tay cho bà, chàng ngạc nhiên khi thấy bàn tay của bà cụ mềm mại, tươi nhuận, trắng trẻo như bàn tay con gái. Vĩnh ngẩng lên nhìn mặt bà cụ - từ trước vẫn che khuất trong chiếc khăn mỏ quạ. Vô tình hay hữu ý bà cụ mỉm cười quay đi hướng khác. Vĩnh sững sốt:

- Cô là, cô là... bà cụ!

Bà cụ liếc nhìn chung quanh rồi mỉm cười, nói nhỏ, giọng trong trẻo quen thuộc:

- Anh Vĩnh, Huệ đây mà!

- Huệ! Huệ... em Huệ! Vĩnh ngạc nhiên reo vui.

- Huệ ở lại với anh. Chúng ta cứ đóng trò như cũ. Bọn tay chân của ban lãnh đạo chắc chưa đi khỏi nhà ga. Chúng cử người theo dõi xem Huệ đã lên tàu ra Hà Nội hay chưa.

Vì thế Huệ mặc áo màu rực rỡ để cho chúng dễ nhận diện và ngay sau khi lên tàu, Huệ cải trang thành bà lão rồi xuống tàu và núp kín sau sân ga. Huệ biết chuyển đi này lành ít dữ nhiều. Bọn lãnh đạo công ty không đại gì để yên cho Huệ mang hồ sơ tham ô của chúng ra Hà Nội. Chúng sợ Huệ tố giác nên thế nào chúng cũng tìm cách thanh toán Huệ trên đường...

Vĩnh một tay xách túi, một tay dẫn "bà cụ" ra chỗ đậu xe. Huệ vừa đi lom khom, vừa thì thầm:

- Cứ thư thả để tụi nó giải tán. Đợi trời tối rồi hãy về...

- Nhưng mà về đâu thưa "cụ"?

Huệ cũng đùa, quên mất lo lắng:

- Cho nhà cháu về... ở nhà cậu một đêm được không ạ?

- Một đêm hay mấy đêm cũng được! "Cụ" càng ở lại nhiều đêm thì nhà cháu càng thêm... sung sướng!

Bỗng Vĩnh kêu nhói lên vì đau. Huệ đã cắn vào bàn tay Vĩnh đến rướm máu. Huệ cười nói:

- Để cho Vĩnh chữa cái tội nham nhở đi. Càng đau, càng nhớ dai!

Sau Tết Nguyên Đán người ta không còn gặp Huệ và Vĩnh ở thành phố Saigon nữa. Có người cho rằng, Huệ và Vĩnh đã vào bụng theo một tổ chức kháng chiến phục quốc. Người khác lại bảo rằng, thân nhân của họ ở nước ngoài viết thư về cho biết, Huệ và Vĩnh vượt biển trên một chiếc thuyền nhỏ, được tàu ngoại quốc vớt ngoài hải phận quốc tế và hiện đang định cư tại một quốc gia tự do.

đi tìm

Bởi vì người giấu trái tim
Để ta luẩn quẩn đi tìm quanh năm.
Có khi... bên cạnh chỗ nằm
Xoay lưng phút chốc... xa xăm nghìn trùng!

Người cho ta chữ thủy chung
Người cho ta, buổi lạnh lùng giá băng.
Người đi mang nửa vầng trăng
Người về làm mủ vết hằn trái tim.

Cuộc đời ta mãi đi tìm
Một nơi an nghỉ trong tim của người.

nguyễn hiền tài

đóa hoa lòng gửi người cách bẽ

Nghe thoáng bên trời anh lặn dần
Với loài diều thú bội quê hương
Thì đây trong lúc người xung trận
Gửi đóa tâm hoa gắn súng trường.

n.h.



Hồn Mãi Theo Một Người

Dương thị Vành Khuyên



Đầu đá. Không đầu. Sa tăng. Diêm Vương. Blue Devil. Red Skin. Địa ngục môn. Ruồi bu. Nguyên soái. Đường Tăng...

Những ngón tay đưa ra, gấp vào. Anh lẩm bẩm đếm, rồi thở dài, một cách bất lực. Lóng ngóng đi tới, đi lui, trông đứng, trông ngồi. Ruột gan còn cào. Đầu óc căng thẳng. Rõ ràng, mình cứ nhớ đến con nhỏ. Nhớ đến phát khùng. Tính sao bây giờ? Tìm nó? Nó đã giao hẹn đang ngồi thiền, tự bế môn, không được quấy rối. Cái miệng cong lên như một quả ớt sừng, cương quyết. Khi con người

ta biết, rằng mình đã ngu. Thì hãy tự dừng lại. Đừng để cho ngu sa đà. Ngu triền miên. Ngu quá trớn. Vậy, hãy để nó đóng cửa, sám hối tội lỗi của mình. Chừng đủ một trăm hiệp kinh cầu, sẽ gặp lại. Nhớ đừng đi đâu, khi nó tìm, không thấy, thiên linh chuỗi của nó không ứng nghiệm, sẽ phải bồi thường theo luật lệ hiện hành.

Ai biết được, "luật lệ hiện hành" con nhỏ đưa ra, sẽ như thế nào. Bởi, nó ngang ngược, không giống ai, từng nói một đằng, làm một nẻo. Anh đã năn nỉ đến hết lời. Yêu

không phải là tội lỗi. Nó vẫn giữ nguyên lập trường, lì lợm. Nhưng yêu này là yêu lắm, là yêu lắm, là yêu ma, yêu tinh, yêu quái quỷ. Anh đã từng thấy con nhỏ bướng bỉnh. Không ngờ nó lại dữ dằn và độc miệng như lần này. Ma quỷ và thánh thần, con người nó quả trộn lộn giữa hai nẻo chánh, tà, khiến anh không thể nào phân biệt, để ứng phó cho kịp lúc. Gặp nhau lần đầu, anh nhớ nó hiền lành, đúng về con gái, với quần ống rộng, tóc dài, khép nép vòng cả hai tay, bối rối chào. Con nhỏ đi diện bảo lãnh, nhưng người anh có vợ Mỹ, khó săn sóc chu đáo cho em mình nên đưa cô nhỏ tới, nhờ anh đón về sau mỗi bữa tan học. Đạo đó, là mùa đông. Cô nhỏ thường chui vào xe anh với linh kính áo, mũ, găng tay và im thin thít ngoại trừ hai lần "chào anh", "cám ơn anh". Cô bé mới qua, nên còn nhát, anh định bụng, sẽ từ từ gọi chuyện. Nhưng chỉ độ dăm ngày, cô nhỏ đã báo, thôi không đi nhờ xe nữa. Người anh gọi điện thoại cảm ơn. Tự trách mình và than thở không chu toàn cho em gái. Nó là cục vàng của ba má tao. Không ngờ nó lì và nhiều tự ái. Tưởng để nó học sinh ngữ cho rành, dè dặt, chỉ hai tuần là có người bảo trợ mượn nhà, kiếm job. Giờ nó ra riêng rồi, không thêm ngó mặt tao nữa.

Tội nghiệp cho mày lấy vợ Mỹ, phải cong lưng cày bừa chí chạp, để nó tiêu xài phung phí. Anh nghĩ thầm, thừa thớt gặp người bạn đã "Mỹ hoá", rồi với thời gian, cũng quên bằng cô nhỏ cận thị im lìm mà lì kia, cho đến lúc gặp lại.

- Chào nguyên soái, ông cần gì?

Câu chào hỏi nghiêm chỉnh làm anh ngớ người, vì không ngờ cô nhìn ra anh là Việt Nam, lại tự nhiên phong chức.

- Có gì lạ đâu. Ông là Bạch Hải Đường, bạn của anh Thơ Tứ.

Cô nhỏ lại làm anh ấp úng. Đầu có ai gọi tên anh kỳ cục như vậy. Rồi cái miệng cười. Đôi mắt cười. Cả khuôn mặt hồng hào sáng rạng cũng ánh nét cười, khiến anh thêm bối rối,

bởi, không biết cô là ai.

- Tôi là Thì Là, người quen cũ của ông.

Anh về, moi óc tìm một người quen cũ. Nhưng rõ ràng và chắc chắn, cô nhỏ đó lạ hoắc với cái tên như treu người. "Thơ Tứ, mày có quen ai tên Thì Là?" Người bạn có vợ Mỹ cao giọng "What?". Anh lúng túng, là con gái, họ biết mày. Người bạn chợt cười sảng khoái. "Ôi, đó là nhỏ lì, em tao. Hồi trước mày chờ nó đi học." Chàng thốt kêu "đâu có giống". "Thì lâu lắm rồi còn gì. Nếu mày quen được nó, hãy để ý săn sóc giùm, tao rất cảm ơn. Con gái gì mà lì lợm, tự lo lấy mọi điều không thèm đếm xỉa đến tao. Nó nói tao đem em bỏ chợ..." Người bạn tâm sự nhiều điều và anh bắt đầu quần quanh nghĩ đến cô nhỏ. "Lì và nanh nọc. Nó có gai. Nó giống trái ớt hiểm. Nó giống hạt tiêu sọ. Vậy mà hồi nhỏ nó hiền như cục bột, ít nói, cái miệng lúc nào cũng có nụ cười. Bây giờ nó la, tao lấy vợ Mỹ mà không cho ba má biết. "Nối dõi tông đường là Mỹ lai. May cho Ba chết sớm khỏi phải ngậm ngùi." Mày biết, tao chỉ còn có nó là em. Giờ nói đến, nó la um sùm, không cần bận tâm, tuy lì nhưng nó chưa có liều, nếu muốn tiêu đời thì nó đã tiêu từ lâu. Tao nặng nề vì nó lắm. Chỉ sợ nó gặp bất trắc trong cái xã hội phù phiếm này. Nó sống lạnh lùng, khép kín. Không giao thiệp với bất cứ một ai, vì cho rằng quanh đây đều là bạn bè quen biết của tao. Hồi đó nhờ mày đưa rước, nó kêu đâu cần đàn ông, mới qua tao đã sợ nó ế, nên gán ghép này nọ với đồ đầu trâu mặt ngựa..."

Anh nhớ ra rồi. Đạo ấy là mùa đông. Hắn cô nhỏ bọc mấy lớp áo nỉ. Thêm mũ trùm đầu, khăn quấn cổ, bao tay dày cộp. Bây giờ tháo ra, thấy nhỏ xíu, ốm nhách như một đứa con nít. Lại nữa, không cặp kính cận thị cùng mái tóc dài, càng trông lạ ngắt. Mặt mày lúc xưa xanh tái vì lạnh, kín bung, sưng sứa. Khác hẳn khi điểm trang với một môi cười rất yêu đời bây giờ. "Được rồi cô nhỏ. Để xem, tại sao dám cho ta là đồ đầu

trâu mặt ngựa, là tướng cướp, là nguyên soái dỏm." Không những chỉ tự ái, mà anh còn có chút tò mò với cô nhỏ có cái tên Thì Là kỳ cục cộng thêm biệt danh "lì" kia.

Khó khăn lắm, anh mới làm quen được với cô nhỏ. Lúc đầu, nó e dè nhưng dần dần, thẳng thừng. "Trong vòng năm mươi dặm quanh đây, đều là tai mắt của anh Thơ Tứ. Cho nên, tôi không muốn nói chuyện với ông". "Làm ơn nói với anh Thơ Tứ, tôi chán sứ giả hoà bình của anh lắm rồi". Ngậm cái môi cười xán lạn chào khách lại, quả con nhỏ nanh nọc quá đối chùng. Anh từ tốn. Rằng không biết gì về sứ giả hoà bình. Thơ Tứ là bạn quá lâu không gặp lại và anh nhất định chưa hề có người quen nào tên Thì là. Cho nên, cô nên giữ chút lịch sự, đừng nặng nề, to tiếng với anh. Không ngờ, nhỏ lì biết đo mặt tía tai, nhưng cũng kịp thời đổi phỏ. "Không biết, tức là không có lỗi. Vậy, anh Tiểu Đường à, ở đây không có ai tên gọi Thì Là". Cô giận dỗi quay đi. Anh cố dấu nụ cười vì cái tên cô mới đặt cho anh, thầm nghĩ, có giận, tức là còn có cơ may.

"Cơ may" đến, sớm hơn anh mong chờ. Tình cờ, anh "bắt gặp" cô nhỏ bị cảnh sát "hạch hỏi", khi đang mua gói thuốc lá trong trạm xăng. Dù lo âu, nhưng anh không dám lộ diện, sợ cô nhỏ "ề càng". Qua hôm sau, anh gặp cô nhỏ, làm vẻ vô tình, cố nhớ. "Hình như, tối qua tôi thấy cô". Sợ cô nhỏ mất lòng, anh chưa vội nói ra, thấy cô đứng dưới ánh đèn màu xanh đỏ chớp chớp của xe cảnh sát. Ngờ đâu, cô cười hiền lành "Đêm qua, tôi bị cảnh sát hú." "Không bị ticket sao cô cười?". Cái miệng cười ngậm lại để phun lời cay đắng, líu lo đông dài như muốn không kịp thở: "Này ngài Charles Bronson nhiều chuyện và lắm lời. Đêm qua, quan cảnh sát hù tôi vì, tại sao cái xe tôi bay bay trên đường, hãy bước xuống xe trình bằng lái cho quan xem - Cô bùm miệng, hách xì, xin lỗi - Quan nghi, rằng tôi quá chén, nên chắc định bắt tôi biểu diễn vài đường đi ngược, đi ngang cho

quan coi. Dè đâu, tôi nói, Sir ơi, tôi bị ách xì nước mắt, nước mũi tùm lum phải mở cái *glove department* lấy miếng tissue, chứ xe tôi đâu phải máy bay mà bay trên đường. Quan mặc cười quá, bèn xin lỗi rồi tiễn tôi đi cho lẹ. Vì, nếu để tôi đứng đấy ách xì thêm vài cái, quan sợ bị lây lan - Có lại bùm miệng, xin lỗi, hách xì - vừa lòng chưa ngài thám tử vườn. Tôi vốn có duyên nợ với cảnh sát nên đâu sợ bị ticket. Ngài đừng trù ẻo tôi. Nếu có mệt với anh Thơ Tứ thì làm ơn nói thêm, rằng tôi vẫn an toàn vô sự, chưa thấy quan tài nên chưa đổ lệ. Hách xì, hách xì, hách xì. Ôi...

Miệng nói, chưa đổ lệ. Nhưng nước mắt cô nhỏ ngấn dài trên khuôn mặt đỏ bừng "tôi đã uống bao nhiêu là thuốc cảm, thuốc cúm mà ngày nào cũng ách xì, ách xì. Chẳng lẽ ách xì tiền miên, cho đến thiên thu, hay sao". Anh thấy buồn cười với cách nói chuyện của cô nhỏ, nên quên bằng ý định "phục thù". "Bệnh của cô gọi là dị ứng, rất thường xảy ra ở xứ này. Hãy mua thuốc *allergy*, đừng để lâu quá sẽ thành kinh niên, mãn tính". Không ngờ, lòng tốt của anh được trả lại bằng một cái bĩu môi. "Diêm Vương, tôi còn yêu đời, đừng hỏi thăm chi tôi, cho ông hay, tôi chỉ dị ứng với Việt Cộng nằm vùng, với đồ chỉ điểm tôi tẹ. Phấn hoa, hương lá, cỏ thơm, gió ngát, đối với tôi là bạn bè, không bao giờ có chuyện *allergy*".

Nhưng rồi, cô nhỏ đã bằng lòng để cho anh "kê toa" mua thuốc dị ứng, sau đó. Rồi không biết từ bao giờ, bộ mặt khó đăm đăm đã thư giãn, khi thấy anh xuất hiện. "Tuồng ông là mặt vụ của anh Thơ Tứ". "Bộ cô là phòng nhì của Thơ Tứ hay sao?" Anh giả vờ ngơ ngẩn. Cô há hốc miệng, giương đôi mắt kính hoàng nhìn, rồi chợt cười thành tiếng. "Tôi là chị Hai của anh. Hồi mới qua, tôi đi học, được ông đưa giùm về nhà. Bởi, không nhìn mặt tôi, nên ông đâu nhớ. Anh vờ ngạc nhiên. "Ừ há. Vậy sao cô nhớ tôi? Vì cô cũng đâu có nhìn tôi". "Vì hàm

râu tướng cướp". Câu trả lời thẳng băng, nhưng anh không còn cảm thấy bị mích lòng nữa. "Vậy tên cô đầu phải Thì Là" "Thì là tên Thi Ca"...

"Tướng cướp ơi, em rất muốn nhìn rõ bộ mặt thật của người". Con nhỏ đã từng đưa những ngón tay thon dài, rờ rẫm khuôn mặt già nua của anh, kêu lên như vậy. Anh bật cười, thì đầu phải Bạch Hải Đường trên sân khấu có phần son mà bôi rữa. "Đó là em muốn nói, râu ria này che mất cái gian tà của anh". "Cục vàng ơi, đừng nhiều chuyện". Anh ôm cứng con nhỏ. Râu gian tà làm con nhỏ la làng, chịu thua. Nó gọi anh là cửa địa ngục, vì đã biến nhỏ "lì" thành nhỏ "liều". Anh không ngờ, cô nhỏ khó khăn, lì lợm và nanh nọc đến như vậy, lại yếu xù như một cọng bún, khi bị anh tấn công. Cô nhỏ không khóc, chỉ giấu mặt để tuyên bố "bụng làm dạ chịu, chớ có kêu ca". Nhưng sau đó, đã đóng cửa nằm nhà đến mấy ngày liền, không cho anh gặp mặt. Gọi điện thoại, nó trả lời nhào nhẹt. Té ra, nhỏ ta một mình khóc lóc vì xấu hổ, vì tự ái, "vì thất thế, sa cơ". Anh năn nỉ, vì "lost control", chứ không hề có ý định "hại" nó. Lúc bấy giờ, nhỏ mới chịu cười, thôi đi, em đâu có đổ lỗi cho ai. Là tự em đùa giỡn quá trớn, tự em chơi với lửa, nên bị lửa đốt thành than. Nhưng, nó húc đầu vào ngực anh, chưa phải thành tro tàn đâu mà mừng.

Bây giờ, nó thành cục than hồng. Lửa của anh đã kết tinh trong nó, luyện nó nóng bỏng, "cao minh" hơn anh gấp mấy lần. Đụng đến nó, là bỏng tay, bỏng chân, bỏng cả mặt mày, mình mẩy. Nó hành hạ anh ngất ngư vì hai chữ lost control, chứ chẳng phải là thương yêu, thiết tha gì nó. Nó ngoe nguẩy, búng rầy, điệu bộ làm anh chóng mặt, khó thở. "Đừng lo, em chỉ muốn thử, cho biết". Nó thản nhiên nói như vậy. Cái đầu nghèo một bên. Đôi môi méo một phía. "Biết rồi, thì thôi. Sư huynh có thể dang ra chỗ khác, em cảm ơn nhiều". Ruột gan anh lộn

tùng phèo, khi nhìn đôi môi giấu cợt trên khuôn mặt sầu thảm, héo úa. Anh thấy rõ, cô nhỏ đang che đậy, đang nguy tạo để "coi thường" sự việc đã xảy ra. "Em nói thật mà. Vì em bị lậm tiểu thuyết. Em bị ảnh hưởng của con nhỏ Justine trong "Les oiseaux se cachent pour mourir". Có vậy thôi".

Ba tiếng "có vậy thôi" của con nhỏ từng làm anh tức anh ách, nhiều lúc muốn kéo mũi nó một cái cho đau điếng, mới hả. Nhưng, anh chỉ vừa đặt tay lên đấy, hơi thở nóng bỏng của nó đã khiến anh xiêu lòng và rụng rời. Người anh lại dính chặt với nó, như có phết keo. Nó cũng ôm cứng lấy anh, im lìm, nhưng tỉnh táo. "Sư huynh à, một lần thôi, em đã đủ xấu xa. Thật lòng, em chỉ muốn biết, một người đàn ông độc thân sống như thế nào. Bây giờ, em đã có kinh nghiệm. Có vậy thôi".

Anh bức tức, tìm mua cho được quyển "Những con chim ẩn mình chờ chết" để biết con nhỏ Justine đã làm những gì mà "con nhỏ Thì Là" phải nghe theo. Nó từng kể cho anh nghe. Bây giờ ở đây, một thân một mình, em chỉ có sách vở làm tri âm. Bên nhà, em có bạn bè dễ thương, phố xá cũng thân thuộc. Ở đây, em sống mệt mỏi và hao hụt từng ngày. Chỉ cần đừng có cái chế độ ngu ngốc đó, em bên nhà vui vẻ hơn. "Bây giờ, nhỏ có anh" - Anh an ủi như vậy. Nhưng cô nhỏ đã bước bình lắc đầu, "Anh là đồ đầu đá". Anh sưng sồ, "Đầu đá là sao?" Cái miệng há to, hai chiếc răng cửa dài như răng thỏ. "Ôi, xin lỗi, xin lỗi, đầu đá là cứng đầu. Còn anh là không đầu".

"Không đầu". Là vì không chịu đọc sách. Trong sách có biết bao nhiêu điều hay ho, bổ ích mà ông để cái đầu trống không. Nếu sợ tốn tiền mua sách thì hãy mượn ở thư viện. Em sợ nhất là những người không có đầu. Biện học mệnh mông mà đời người thì hữu hạn. Tiền bạc là của phù du, cái đầu mới là quý giá...

Con nhỏ chê bai anh đủ điều, nhưng không hề khiến anh phật lòng, khi say sưa kể cho anh nghe

những chuyện xảy ra trong tiểu thuyết. "Một bà già bảy mươi hai tuổi đi yêu ông cha mới ba mươi lăm. Bên trong cái thân xác quái đản này, tôi vẫn còn trẻ..." Em đọc truyện này đã lâu lắm, hồi còn ở bên nhà và cảm thấy sợ hãi, bởi điều đó thật kinh khủng - Ông Cha đó lại yêu cô Meggie thua ông mười tám tuổi, nhưng luôn luôn tránh né tình yêu, vì đã thề hiến đời mình cho Chúa. Em yêu Meggie vì cô rất can đảm, nhưng tình yêu của Meggie cứ làm em suy nghĩ và chóng mặt... Còn con nhỏ Justine thì ngu ngốc kể gì, khi đại dốt quyết định cho không..."

Khi đọc gần đến chương cuối cùng của quyển truyện, anh mới thật sự biết, nàng Justine đã một lần "cho không" chỉ để tìm kinh nghiệm sống, hốt hoảng nghĩ đến trò tai quái của con nhỏ, nghĩ đến con nhỏ dùng anh để thí nghiệm, để thỏa đáng óc tò mò, để có vốn sống. "Anh yêu em". Thành khẩn và trang trọng, anh nói với cô nhỏ lời thiêng liêng đó. Nhưng nó ôm lấy anh, cười. "Địa ngục môn ơi. Nếu mình yêu người khác, người khác sẽ huỷ diệt mình. Em không bao giờ để bị khổ lụy vì một người đàn ông. Bởi em sinh ra chẳng phải để ở nhà nấu cơm, giặt giũ, dọn dẹp". Cô tuyên bố ngon ơ. "Em có thể đi làm kiếm tiền, tự mình chăm sóc lấy. Cần chi đến một người bên cạnh để vớ tay, vớ chân, bận bịu, làm gì cũng phải lệ thuộc, đi đâu cũng phải bám, thừa". Anh nói, thời xuất giá tông phụ, đã qua rồi. Anh sẽ cùng cô nấu cơm, giặt giũ, dọn dẹp. Anh sẽ để cho cô tha hồ đọc sách, tự do làm bất cứ điều gì cô ưa thích... Ừ, cô ngăn bàn tay trên môi anh. Đó là lời ngọt ngào, dụ dỗ. Nghe đây, ở trong sách nói: "Sáu tháng đầu vợ nói, chồng nghe. Sáu tháng kế tiếp, chồng nói thì vợ nghe. Sau một năm thì hai vợ chồng cùng nói cho hàng xóm nghe. Nhìn thử mặt em xem, đâu có chữ ngu nào. Nói tóm lại, em không thích hầu hạ đàn ông. Em có nhiều bạn bè thân ái, dấu thương, buồn vui chia xẻ, là quá đủ "Vậy tất cả bạn em đều

chưa lập gia đình hay sao?" - Anh cay cú. Cô nhỏ nhăn mày, "Đâu phải là ế. Bạn bè em đều đẹp hơn em. Cho ông hay, đầu óc đừng méo mó nói rằng em bị "đồng tính". Em ở vậy, là vì đợi anh Tú bảo lãnh. Anh bảo lãnh lâu đến đổi ba qua đời, rồi má cũng qua đời. Lúc đó em đã trở thành một cô gái già, trơ trọi, muốn ở lại chăm sóc mộ phần cho ba má cũng không thể, vì công an cứ gửi "lệnh trục xuất" em ra khỏi nước để chiếm giữ cái nhà. Thế là em phải *nuốt lệ trèo lên một chiếc xe hoa*, của một chiếc phi cơ". "Nếu bạn bè em đều lập gia đình thì ai chia xẻ với em, vì bạn bè em đã có "người chia xẻ?" - Anh bắt bẻ. Con nhỏ chỉ cười, "Đừng lo. Em có rất nhiều bạn bè. Hôm nọ em gửi tiền cho nhỏ kia, chồng nó viết thư cảm ơn em nữa kìa. "ng nói, chừng em về lại Việt Nam, sẽ đích thân nấu những món ăn mà em thích - Cô nhỏ nhấm nhát lại, nuốt nước miếng. Anh cố nhịn cười, "Anh cũng biết nấu ăn, em thích gì, cứ nói". Đôi mắt lập tức mở ra nhìn, thật? Rồi lắc đầu, không được đâu, đó là những món ăn tình nghĩa, ở trên nước Mỹ này ăn thứ gì cũng không sao thấm thía bằng bên nhà. Ở bên nhà, miếng muối tiêu cũng thơm lòng, trái me dốt cũng hết ý. "Đó chỉ là nhớ nhà thôi, nhỏ ơi". Anh ôm cái đầu của cô nhỏ, và rối mái tóc ngắn ngắn, thấy thương nó một cách lạ lùng. Nhưng nó vùng ra, nghiêm khác, cái đầu em là để thờ ông bà cha mẹ. Em không thích thứ đàn ông làm tàng. Anh chưng hửng ngó cô trong khi cô vẫn cay chua tiếp tục. Đừng làm vẻ người lớn, tội nghiệp em. Em quen với ông chỉ để đỡ buồn chút thôi, đừng hống hách. Đừng tưởng ông là cục Đường, nên ruồi bu. Còn lâu lắm, em mới làm một thứ ruồi bu. Anh bật cười với lời ví von của con nhỏ. Có cái tên mà nó chọc ghẹo anh đủ điều. Đầu tiên là Bạch Hải Đường, tướng cướp cải lương. Sau đó thì là trăng giang đại hải những đường là đường, đường phèn, Đường Minh Hoàng, Đường Thi, đường giới nghiêm, tiêu tán

đường, bệnh tiểu đường, đường ngọt mắc cổ. Năm học lớp 8, em ngồi kế nhỏ Giang Múi người Tàu, nó dạy em nhiều lắm, *xức tắc* là ăn mì, *xức bển* là ăn bánh, *nhấm xà* là uống nước, *nhấm liêu* là uống nước đá, *ngộ tả nị sẩy* là đánh chết cha mày. *Mãi ngộ sập mánh thoòn* là bán cho tui mười đồng đường. Khi em chạy ra đầu hẻm nói như vậy, thì ông Ba Tàu hỏi "mé thoòn", đành phải há miệng ra cười vì chưa học tới đó, ông hỏi đường gì thì phải trả lời là đường cát, hay đường cục. Anh còn đang cười, con nhỏ đã kết luận. Vậy, từ nay gọi anh là "chú Thoòn", làm cái miệng anh ngậm lại lập tức. "Chú Thoòn ơi, ở trên nước Mỹ này, điều em nhận thấy trước tiên, là đàn ông đều lên chức một cách nhanh chóng. Anh có thấy như em không?" Còn ngại sợ mắc bẫy thì con nhỏ đã giảng bẫy liền. Nhìn anh là biết, đúng không, "nguyên sói". Nó nở nụ cười thân thiện chưa từng. Hồi đó mới gặp, em lấy làm ngộ, ở giữa đầu ông có một khoảng trống. Anh cay đắng nhìn nhận, con nhỏ nói đúng. Càng gọi đầu, tóc càng thưa. Ác liệt thay, tóc không rụng nơi nào khác, mà chỉ từ từ "ra đi" ngay đỉnh đầu. Nguyên sói ơi, em nghĩ, nếu đem một cái bông hoa trồng lên chỗ đó, chắc là đẹp lắm. Con nhỏ các cơ hay nghĩ ra lắm trò và đặt nhiều câu hỏi oái oăm. Cửa sổ nhà bếp của em trông ra một cái giàn nho. Đến mùa nho xanh lá có con chim đến làm tổ. Đứa chồng nó khi đứng im lìm ở đầu giàn, khi ríu rít nói chuyện trong lúc nó im lìm ủ trướng. Em thương hai đứa tụi nó lắm, chiều nào cũng ra bỏ chút gạo. Vậy mà khi tụi nó bỏ đi, em chẳng hay. Năm này lại có một tổ chim ngay chỗ cũ. Ông có thể nói cho em biết, đó là cô chim năm ngoái, hay đứa khác? Có thắc mắc, thành khẩn chờ câu trả lời, nhưng anh thường khiến cô thất vọng. Làm sao anh có thể trả lời được, trên nước Mỹ này có con thần lùn hay không, vì anh chưa từng thấy bao giờ. Em thích được nhìn lại mấy con thần lùn bò trên trần nhà, lúc gặp nhau vẫy

đuôi lên một cái để chào, thật ngộ. Người ta bảo thần lùn, tắc lưỡi vì tiếc của, vì thiếu cái mẻ kho. Em nghĩ, đây là tiếng nó gọi bạn. Giống như đàn kiến khi đi ngược nhau, hai cái đầu cũng chụm lại chào một cái rồi mới đi tiếp. Mấy năm qua em chưa thấy con kiến nào. Còn con sâu róm thì bữa kia đang chạy xe trên đường, em thấy nó lóm róm băng qua, đen thui làm em sợ bắt chết. Nhưng ngay tức thì, em nghĩ đến hàm râu của ông... Nói tới nói lui, rồi cuối cùng mục tiêu của cô nhỏ vẫn là châm chích anh. Đúng nó là hạt tiêu sọ, như anh của nó đã nói. "Đời này đầy rẫy những xấu xa, tồi tệ. Cho nên mình phải tập thiền, phải biết vô vi, phải biết im lặng. Vì vậy, em không thích có một người đàn ông bên cạnh mình. Vui lòng hãy tránh xa em". Miệng nói vậy, nhưng bàn tay nó miết lấy những sợi râu gian tà của anh, khiến anh gồng mình, chịu đựng. "Cảm ơn ông đã chịu làm em bé, để cho em được tự do khám phá, tìm tòi. Bây giờ thì em đã biết hết những bí mật. Vậy ông còn chờ gì mà không ra khỏi đời em". Anh thấy mình xính vính, nhưng đôi môi ớt hiểm lại thăm dò, lục lạo, cục đường ơi, ngọt ơi là ngọt, ngộ ơi là ngộ. Nó đã giỏi hơn anh, điệu nghệ hơn anh trong cách cư xử, nhưng chừng như nó có vẻ giấu cợt, hơn thành thật. Vừa ngây thơ, vừa thạo đời, môi cười làm mềm lòng người, nhưng lời nói nó vô cùng hóc hiểm, cay đắng. "Không có gì ràng buộc giữa em và ông. Tự em đã mở-mắt-đưa-chân, nên sẵn sàng chấp nhận thương đau và chấp nhận xa nhau". "Anh sẽ nói chuyện với anh Thơ Tú". Anh cố thuyết phục nhưng nó chẳng hề xiêu lòng mà lại cau mày, bậm môi. "Ai biểu anh khai báo. Em đâu phải họ Đỗ tên Thừa. Chuyện em làm, tự em chịu". "Là anh muốn tiến tới hôn nhân". Anh trang trọng. Vậy mà con nhỏ bật lên cười "cho anh hay, em không muốn chết trong vòng tay đàn ông". Có điều gì rất mâu thuẫn giữa lời nói và hành động. Anh thấy rõ ràng, nếu lâu một chút, không gặp,

nó sẽ ôm riết lấy anh, không rời. Nó nín thở, im lìm. Anh cũng bất động, cảm nhận. Chắc chắn là nhớ anh. Nhưng rồi nó lấy lại khí phách - Blue Devil ơi, đủ rồi. Em không muốn bị thiêu huỷ.

Không muốn bị thiêu huỷ. Mà nó lại ngoan ngoãn rúc đầu vào nách anh, kể lể, thắc mắc. “Có thật là thoải mái lắm không, khi shopping có một người đi bên cạnh xách đồ giùm? Em thật thấy khó chịu khi nhìn một người đàn ông đứng trước phòng thử quần áo chờ vợ ra để quyết định ừ, hay không ừ. Có thật đó là hạnh phúc? Tại sao phải lệ thuộc vào họ? Em sẽ tự quyết định mọi chuyện của riêng mình. Thí dụ như hán lắc đầu mà em thích, thì chẳng lẽ không mua, theo ý hán? Sai lầm và phiền phức”. Anh nhẹ nhàng “Anh không phải thứ đàn ông đó”. Cô nhỏ cười khan. “Thì lúc đầu ai chẳng nói như vậy. Mỗi miếng và đẩy đưa. Ngọt ngào và chiều chuộng. Đó là mảnh khoé của đàn ông. Khi “được rồi”, thì mọi lời hứa đều là quá khứ. Bởi vậy mới có câu “như gông đeo cổ” đấy thôi”. “Sao em cay đắng với đàn ông dữ vậy? Thử đi rồi biết”. Anh thăm dò. Con nhỏ hạ giọng “Thì em đang thử”. “Vậy thử làm đám cưới nha?”. Con nhỏ cau mày một cái đau điếng. “Đâu có ngu!”.

Có lẽ, cô nhỏ là một ngoại lệ. Bởi, anh chưa hề nghe người con gái nào từ chối hôn nhân, khi đã dính dáng sâu xa, mật thiết với cuộc tình. Vậy mà, cô nhỏ cười dòn tan. Nhìn anh sẫm soi, ngấm nghĩa. “Ông đã già lắm rồi, sao cứ ở vậy?” “Chắc trời bắt anh ở vậy, để chờ đến lúc gặp em”. Con nhỏ ngoe nguẩy “nói như tiểu thuyết” rồi lần đếm xương sườn của anh, kêu lên. “Em không phải là chiếc xương sườn cụt đi lạc của anh đâu. Vì khác mã số đó. Cho nên, đừng lầm lẫn mà gây ra tai hại để phải ăn năn hết cả cuộc đời”. “Anh thề không ăn năn, hối hận”. Con nhỏ lại cười “Thôi đi, đừng đầu môi, chót lưỡi. Lời thề của con trai như nước đổ lá khoai, ai mà không

biết”.

Cứ thế. Nó từ chối hết mọi đề nghị của anh. Đi chung ra đường, cũng không. Đi chơi xa, lắc đầu. Đến nhà anh một lần, cũng không nốt. “Sa tăng ơi, con gái mà tìm đến nhà con trai, là hết thuốc chữa đó, biết không? Em đã hư hỏng hết mức, nhưng chưa muốn làm một người hèn hạ”. “Ai nói em hư hỏng? Anh thật lòng. Cô nhỏ kiên cường “Chứ không? Em là thứ đem gọt đầu bôi vôi, đóng trắng phôi nắn”. “Thời đại bây giờ đâu còn cổ hủ, lạc hậu”. Cô nhỏ cay đắng đáp lời “Đừng an ủi. Em biết tội lỗi của mình”. Mỗi tuần một lần, anh đến gặp nó, không cần hẹn ngày giờ lời thôi, rắc rối. Nó đón anh với môi cười như chấp nhận tuyệt đối nhưng là để thay đổi bất thường không thể nào biết trước. Khi thì cuồng nhiệt, bão tố. Lúc lại thâm trầm, ủ ẻ. Có lẽ trái tim nó yêu anh, nhưng cái đầu lại âm ỉ phản kháng. Dường như nó cứ tìm mọi cách để anh ghét bỏ, xem nó xấu xa để chia lìa. Nhưng, làm sao để anh có thể lìa xa. Khi nó đã ăn sâu trong anh, tới tận cùng xương tuỷ. Khi nó đã thấm đẫm trong từng hơi thở, từng giấc ngủ, từng bữa cơm, mỗi buổi sáng thức dậy của anh... đều tràn ngập những nó là nó. Nó cười khúc khích. Nó giận hờn. Nó châm chích. Nó bắt bẻ. Nó nhạo báng. Nó chê bai. Rồi cũng chính nó cuồng giông, mê ngợp, đất trời cũng điên say. Đôi môi ớt hiểm của nó thốt lời cay độc nhưng chân tay, mình mẩy nó dịu mát, thơm lừng. Không được. Phải đi gặp nó. Bận này cương quyết bắt nó phải gặt đầu. Nếu nó không ừ cũng tiến hành nghi thức. Đối với kẻ lì, mình phải lì hơn. Cùng lắm, mình lì lợm ở chung với nó rồi cũng sẽ xiêu lòng, nghe theo. Đàn ông, con trai phải biết cứng rắn và quyết định. Anh đứng bật dậy, ra khỏi nhà, lao xe đi, gặp nó.

Tự bấy đến giờ, đã hai năm. Hai năm ròng rã, anh không hề ngừng nghĩ kiếm tìm và chờ đợi, chờ đợi mê mồi và thất vọng cay đắng. Tưởng sẽ là đôi vòng tay nhỏ nhắn

ôm riết công lấy anh với cái mặt thơm tho dụi sâu vào bờ ngực nóng. Nhưng, con nhỏ đã lặng lẽ biến mất, không để lại một dấu vết nào. Nó giao hẹn không được quấy rối, là để âm thầm ra đi, biệt vô âm tín. Anh điếng ruột, tưởng phát cuồng. Không ngờ con nhỏ giở trò tai quái như vậy. Dò la tin tức, anh trai nó. Không biết gì, mà anh thì không dám khai sự thật giữa anh với nó, sợ nó nổi trận lôi đình tuyệt giao luôn. Âm thầm tìm kiếm trong những nỗi nhớ dần vật đến xót xa, đau đớn, anh thấy mình càng yêu con nhỏ điên cuồng hơn, khi xa cách. Mãi rất lâu sau, một lần Thơ Tứ cãi nhau với vợ, đến tìm anh mượn rượu giải sầu. Vừa khóc, vừa cười một cách tan tác, Thơ Tứ kể với anh, chuyện tình đẹp như thơ mà Thơ Tứ đã để cho dở dang một cách ngậm ngùi. Người yêu bỏ lại quê nhà là bạn học của em gái Thơ Tứ. Tứ đã hẹn hò, thề hứa từ lúc nàng hãy còn thơ dại, hồn nhiên, bé bỏng lắm. Hiền, ngoan, dịu dàng, ngây thơ, khép nép, nàng trong sáng đến nỗi Tứ bụi đời mà vẫn ngại ngần không dám ghé môi hôn. “Khi nào bé lớn lên, anh sẽ cưới bé làm vợ”. Lời nói mang tính cách đùa nghịch đối với cô học trò tiểu học, không ngờ vẫn được cô trân trọng gìn giữ theo đời. Vận nước đổi thay, phận người trôi nổi tứ tán, thất lũng. Tứ lưu lạc trên xứ người. Gia đình ở quê nhà di chuyển mấy lượt, có lúc tưởng đã bật tin, lấy đâu tìm ra tin tức của những người quen cũ. Đến khi hồ sơ được cứu xét thì ba má đã không còn. Mười mấy năm xa cách, lúc đoàn tụ, ôm em gái trong vòng tay cứ ngỡ ngỡ thấy khác lạ bởi nhiều đổi thay kể cả môi cười thân thuộc thuở nhỏ.

“Trời đất ơi, mày biết không, nó im lìm và lạnh nhạt, tránh né trong phòng riêng. Đến chừng con vợ Mỹ của tao đi vắng, nó bôi hết phấn son, bỏ cặp kính cận thị, xoã tóc dài, đẹp đôi sạp một tác hai ra, đến đứng trước mặt tao, cười cay đắng. Nhìn kỹ xem, em đâu phải là Thi Ca. Lúc đó, tao mới điếng hồn nhận ra nó.

Thì ra, Thi Ca và nó đã liêu lĩnh qua mặt lẫn dút lót công an, chơi trò đối người. Nó đi, để đoàn tụ với tao, còn Thi Ca ở lại với người yêu và chăm sóc mả mồ cha mẹ. Lỗi tại tao là chưa bao giờ nói cho ở nhà biết, đã lấy vợ Mỹ. Con nhỏ bị chơi với, nhưng rất cứng cỏi tuyên bố. “Đừng lo cho em. Em chỉ tiếc đã phung phí đời xanh, chịu làm phận gái già để chung thủy với một người không xứng đáng”. Mày thấy đó. Nó dùng dùng ra khỏi nhà, thề không bao giờ nhìn lại mặt tao, chỉ yêu cầu đừng cho bất cứ một ai biết thân phận của nó. Xem như giữa tao với nó chưa hề có chuyện thề hứa yêu thương. Tao tìm gặp, nó kiêu hãnh cười “có lẽ em yêu mối tình của em, hơn là yêu con người anh. Em đã thần thánh anh, tôn thờ anh và đã làm lần khi quyết định tìm gặp lại. Nhưng nhìn thấy sự thật, vẫn tốt hơn cho em một đời đợi chờ. Nhớ đừng cho Thi Ca biết, công lao của nó lớn lắm, em mới được đến đây.” Tao không dám tìm gặp nữa, nhưng vẫn thường hay đi qua chỗ nó làm, nhìn thấy chiếc xe để yên tâm. Bây giờ, nó bỏ đi thiệt rồi. Lỗi làm của tao bao giờ mới chuộc được. Mày là bạn tốt, nhưng nó đã mặt sát tao hết lời, cho rằng tao hèn hạ đem nó bán rao. Khi xưa nó hiền biết bao nhiêu, ăn nói nhỏ nhẹ, dịu dàng. Tại tao mà nó thay đổi. Tóc dài đẹp vậy, cũng cắt đi. Thi Ca cận thị, nó thì không, nhưng phải tập đeo kính cho giống. Nó lùn, Thi Ca thì cao. Hai đứa thiệt là gan cùng mình mày thấy không. Có lần tao nghe nó lẩm bẩm chửi rủa một mình, yêu anh vượt chết, hừ, đồ ngu. Mấy năm qua lòng tao nặng nề như đeo đá, cứ mong mỗi nó lập gia đình để đừng nghĩ nhớ về tao nữa, cho đỡ chút ăn năn...”

Anh chết điếng, chết đuối với cái bí mật vô cùng của con nhỏ. Thì ra, nó đã không chịu lấy anh làm chồng, dù đã nguyên thủy trao tặng cho anh. Nó không tin đàn ông có thủy chung nên thà rằng chẳng vương bận, ràng buộc. Nó tự phá phách đời mình để trả thù Thơ Tứ, để chống đối với mối

tình vương mang từ thời thơ ấu. Anh nghiên ngẫm mọi điều, nát óc với nhiều dấu chấm hỏi trong khi vẫn miệt mài dò kiếm hành tung của con nhỏ. Mò mẫm, dò dẫm trên computer, trong danh bạ điện thoại cho đến các sở tìm người, cái mục nhắn tin, anh vô vọng trong hàng hà sa số cái họ Nguyễn mà biết đâu con nhỏ đã thi quốc tịch, đã lấy lại tên tuổi của chính mình. Nó chung tình với Thơ Tứ nên trốn chạy anh? Vừa yêu, vừa chống đối với cái bản ngã của mình vì chính nó chỉ cợt đùa nên đã bỏ anh mà đi. Vậy sao nó cuồng nhiệt, đam mê và tham lam, nóng bỏng mỗi phút giờ bên anh. Tại sao có môi hôn nồng cháy và những đối xử ân cần dù cũng có đôi lần giả vờ lạnh nhạt, băng giá.

Hai năm. Anh như già đi hai chục tuổi. Sống dật vờ trong nhớ nhung và chờ đợi, anh lần lần nhớ lại từng chút một của cuộc tình. Cho đến lúc cái đầu anh vỡ ra, trước khi đóng cửa ngôi thiên, nó đã từng ngồi đầm chiêu, mơ màng, khi nào em có được một Tiểu Đường Tăng, em sẽ cho Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh một mình, Tiểu Đường Tăng là của riêng em, của riêng một mình em...

Ồi, một đứa con. Sợi dây thiêng liêng ràng buộc, cho nên anh cứ đau thất nghĩ đến nàng. Nhỏ li ỏi, chuyện gì cũng giấu giữ riêng mình. Đừng tự ái. Anh sẽ đi cùng em đến một nơi tận cùng trời đất. Sẽ không có Thơ Tứ và Thi Ca. Chỉ có Phù Trầm và Đường Tăng, cùng Tiểu Đường Tăng. Có gì đâu, nếu xin được địa chỉ của em gái Thơ Tứ bên nhà, là tự khắc sẽ biết, bây giờ Phù Trầm yêu dấu của anh đang ở đâu. Ngu ngốc. Anh đâm vào ngực mình mà không hề biết đau, khi lái xe như bay đến nhà Thơ Tứ. Nắng rực rỡ nhảy nhót trên những hàng cây vút qua. Trái tim anh lao xao, choáng ngợp. Nó đã từng bắt anh gọi Phù Thủy. “Em là Phù Thủy, tâm địa em xấu xa, em đi mê hoặc Đường tăng”. Nhưng em đùa với lửa, chắc chắn em sẽ bị lửa thiêu huỷ. Cho nên, Đường tăng ơi, anh đường anh, tôi đường

nhớ một người

Anh về nhật cộng cỏ khô
Thấy em ngồi khóc
bên bờ suối xưa.
Rừng buồn
giữa đám lau thưa,
Nghe trời đổ
những cơn mưa
cuối mùa.

nguyễn tư

tôi, tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi...” Đó chỉ là những lời nói đùa, để che giấu tình cảm chân thật của nó. Phù Trầm, cái tên dễ thương, vậy mà bắt anh kêu Phù Thủy - Phù Trầm, Phù Trầm. Anh thì thầm, nghe lòng mình rộn lên thương nhớ. Đúng mình là đồ không đầu, mình ngu ngốc kể gì khi không biết phương kế kiếm tìm mộ Phù Thủy đáng yêu đó. Nếu bây giờ, đôi môi ốt hiêm quý quyết ấy hiện ra, xia xói. Sa tăng ơi, có một đứa con mà cũng không biết. Tôi không thể ở lại đó, vì không muốn bị anh Thơ Tứ cười mũi, cho rằng tôi cũng dễ bị lung lạc như ai, qua đến đất Mỹ thì cũng tối tăm mảy mạt đem trái tim vung vãi. Nhưng tôi yêu anh, đồ không đầu. Phải nhìn thấy là tôi yêu anh không thể thốt nên lời...

Anh tưởng ra đôi mắt cười, đôi môi tươi thắm, vòng tay cồng riết, bầu chặt của con nhỏ. Hơi thở nó thơm tho, nóng bỏng. Không cần nói yêu anh. Loang loáng những bóng nắng đập vào mắt anh là hình ảnh của nó, hai cái răng hở nhe ra rồi cắn bờ môi dưới, cúi xuống cười, cục Đường ơi, ngọt ời là ngọt, ngộ ời là ngộ...

Anh cũng thấy mình cười trong mê man. Rồi anh bỗng thấy, cái khối sắt đen dứa và to lớn sừng sững đập mạnh trước mũi xe mình. Đầu anh gục xuống tay lái, ngất lịm. Nắng đẹp vẫn chan hoà trên khắp cùng cây cỏ, lá hoa.

Người Bán Thuốc Lá Ở Bá-Linh

Trương Xuân Triệu



Thu lu đứng trong sương lạnh bên cửa chợ từ tám giờ sáng, đang buồn vì chưa bán mở hàng, Tùng bỗng sáng mắt khi thấy mấy người phụ nữ bản xứ đi tới, chàng liền tập trung thị giác, chuyển ánh tươi tắn trao nhìn đối tượng, miệng nhanh nhẹn mời họ:

- Bitte schún! Xin mời!
- Drei Stangen. Ba cây thuốc lá.
- Wie bitte? Loại nào?

- Marlboro.

Nhanh nhẹn trao ba cây thuốc lá cho cô mua hàng trạc 30 tuổi, Tùng nhõn miệng tươi cười:

- Neuzig Mark, bitte! Chín mươi Mác, xin mời!

Cô khách hàng mở bóp, trao Tùng tờ giấy bạc một trăm Mác. Tùng nhận tiền và thối lại tờ giấy bạc mười đồng cho cô gái, thân mật:

- Danke schún! Cảm ơn đẹp.

Cứ ờ ạt như vậy, Tùng như gặp son từ lúc bán mở hàng cho cô gái, và chỉ trong vòng có 20 phút sau Tùng đã bán một thời gần ba chục cây thuốc các loại mà hai tay: một thì đưa hàng, một thì nhận tiền; trong khi một mắt thì nhìn khách, một mắt thì canh chừng cảnh sát Đức và nhóm thanh niên đầu trọc (Phúi).

Khi gần hết số thuốc đang bán, tranh thủ chưa có khách mua, Tùng nhanh nhẹn tạt ra mấy lùm cây gần đó, dè chừng nhìn quanh, giả vờ đứng tè trong khi chân giầy đã thành thạo ủi một hốc đất mùn, vút cuộn tiền giấy đã vo gọn, bọc kín giấy pô-ty-len xuống hốc và dùng chân xoa nhẹ cho phẳng lớp đất, rồi lại kịp thời nhoáng cúi, nhanh tay hóa trang lại cho hiện trường trở lại nguyên vẻ hoang sơ. Sau đó, lại nhanh như vậy, Tùng rẽ thêm dăm mét, cúi xuống một lùm cây, cầm túi thuốc lá giấu ở đó, khăn trương quay lại cổng chợ, tiếp tục đứng bán.

Đúng vào lúc đương quan sát khách khứa ra vào trong chợ và đang nhằm đoán sẽ bán thêm được bao nhiêu thuốc lá, thì thị tuyến báo cho Tùng biết tại khúc đường vòng cách chợ khoảng 200 mét, một xe hòm cảnh sát đang phóng lại. Như vận động chiến, Tùng nhanh như cắt cầm túi thuốc lá, chân bước sải đến sau góc tường nhà, rồi vụt một cái, chạy từ góc khuất đó biến vào sân sau của cụm chung cư, và mất hút luôn trong những rặng cây xanh um tùm cuối hè.

Chiếc xe phanh kết trước cửa chợ, hai cảnh sát viên nhảy nhanh xuống, chạy truy tìm, nhưng sau góc khuất chỉ còn dăm tờ giấy bản đang xoáy trong gió vì vu. Họ bỏ thêm công ngó tìm hai hướng mà tuyệt vô âm tín bóng dáng con người khả nghi luôn luôn kịp thời vượt thoát khỏi những cuộc săn tìm gắt gao của họ.

Đồng lúc ấy, rất bình tĩnh, Tùng đang nhanh nhẹn bước theo những đường mòn đi dạo phủ bóng cây xanh giữa những khu chung cư, mồm huýt sáo, mắt sáng tươi, óc phần

khích trước nguy hiểm vừa trải.

Gần nửa giờ sau, bằng sự thận trọng của người có thừa kinh nghiệm trong mọi hoạt động nguy hiểm mà từ tám bé vốn đã từng trải, Tùng kịp có mặt ở tại cổng chợ để tiếp tục cung cấp thuốc lá giá rẻ cho người bản xứ. Và, cứ nhịp độ bán khi thưa khi mau trong ngày như vậy, khoảng 17 giờ chiều là hai túi to khoảng 50, 60 cây thuốc lá Tùng mang ở nhà đi từ sáng đã hết sạch nhẵn.

Hết thuốc lá, chỉnh trang áo quần một chút, rồi thận trọng như khi đi cất giấu, Tùng nhanh chóng thu gom những cuộn tiền hàng nằm rải rác trong những lùm cây. Xong khâu thu hồi, kiểm kê tiền hàng, Tùng lên xe chở khách đi một chặng dài, rồi chuyển xuống tàu điện cao tốc, đi ngược vào trung tâm thành phố. Sau bốn mươi phút tàu chạy, Tùng đã có mặt ở một khu buôn bán sầm uất có tên là đại lộ Frankfurt Alle ở Đông Bá-Linh. Tại hiện trường mới, miệng nhai ổ bánh mì kẹp thịt, tay cầm lon bia, tay lẻ mề xách túi thuốc căng phòng khoảng hai chục cây, Tùng tranh thủ vừa ăn uống, vừa bán hàng; đồng lúc, mắt và mọi giác quan của Tùng tập trung canh chừng nguy hiểm, dù rằng vào giờ này rất hiếm khi có cảnh sát, hay bọn đầu trọc cướp thuốc. Lần phục vụ cho dân bản xứ vào chiều tối này là để tăng thêm thu nhập trong ngày. Nhiều hôm, cộng cả hai nơi, sau khi nhăm trù chi phí về nhà ở, ăn tiêu, Tùng kiếm được tới 300 Mác. Nhưng với độ dài lao động miệt mài cả ngày như vậy, thì cứ phải khoảng mười một giờ đêm, có hôm mười hai giờ, một giờ sáng, Tùng mới về đến chung cư. Về, nhưng không phải thành thoi về không, mà trên hai vai Tùng còn đeo nặng trĩu một hay hai túi du lịch cỡ lớn, đầy các loại thuốc cho buổi bán hàng hôm sau. Bước vào nhà ở, dù mệt bã, Tùng vẫn hào hứng sởi lởi đón tiếp những hàng xóm của mình đang lao nhao dò hỏi việc mua bán trong ngày.

Sau khi kể thoả những việc bán mua, thu nhập trong ngày, Tùng

nhANH chóng đi vào nhà tắm. Mất khoảng mười phút tắm tấp, Tùng đã khoác xong bộ đồ ngủ. Vào phòng, nhưng Tùng chưa thể nằm nghỉ cho thân thể giải tỏa bớt những ê ẩm khó nhọc cả ngày, mà còn phải vừa kiểm, vừa xếp gọn số thuốc mới mua dành cho ngày mai. Cứ vậy, nhanh thì một giờ đêm, có hôm hai giờ Tùng mới lên giường đi ngủ, và ngủ rất ngon lành. Để rồi, hôm sau, nếu chưa đủ thuốc thì 5 giờ sáng Tùng đã thức dậy, đi bấm chuông các nhà giao thuốc buôn, mua nốt số hàng còn thiếu. Mua xong số thuốc lá cần thiết, không cà phê, không ăn sáng như các đồng nghiệp, vào bảy giờ hai mươi phút Tùng đã khoác hai túi thuốc lá căng phòng, lên xe chở khách, ung dung và đàng hoàng đến chợ như các công nhân bản xứ đi đến nhà máy, nhưng bụng dạ thì đầy toan tính, xốn xang...

Tùng có hoàn cảnh thế nào mà cam nhận những việc đáng chê như vậy?

Theo lời Tùng qua câu chuyện xã giao với những đồng hương cùng tá túc thì chàng từ một trại tị nạn ở miền trung nước Đức đến Đông Bá-linh vào một chiều đầu hè năm chín hai, sau khi đơn tị nạn của Tùng bị từ chối. Còn qua tâm sự với những người quen thân cùng trại tị nạn, thì hoàn cảnh tị nạn của Tùng tóm gọn như sau: Chàng vốn là con của một gia đình khá giả trong một tỉnh lỵ nằm bên sông Hồng, nhưng đã bị đảng đánh kiệt quệ kinh tế trong cuộc “cải tạo tư bản tư doanh” năm xưa. Do vậy, từ trẻ Tùng đã biết rằng chẳng thể trông chờ vào cái chế độ đang cường bức mình và toàn dân Việt ban cho hạnh phúc, mà phải tự thân len lỏi tìm lấy. Từ bất tín nhiệm chế độ và khẳng định hướng sống như vậy, luôn nhiều năm Tùng đã tập trung quan sát, suy nghĩ và phân tích chính sách cai trị của thể chế phá hoại dân tộc, quốc gia này.

Tối cuối năm 1989, khi thấy đảng để dãi cho phép nhân dân xuất cảnh du lịch Đông Âu thì Tùng liền

khuyến vợ dôn hết tiền trong nhà để Tùng du lịch và tìm lối thoát. Gia tài của vợ chồng Tùng dành dụm dồn lại, được khoảng hơn ba lượng vàng. Tùng bỏ một chỉ vàng mua xuất hộ chiếu sang Nga (quy định cho phép lúc đó), cùng hai chỉ vàng tiền vé máy bay sang thủ đô Mạc Tư Khoa. Sang đó rồi, Tùng quyết định bằng mọi giá phải chạy ngay sang phương Tây, xin tị nạn.

Ngày đặt chân xuống Mạc Tư Khoa, Tùng không ngạc nhiên trước hình hài ảm đạm của đô thành, về tiêu tụy nghèo túng của cư dân tại đó. Thản nhiên như vậy, là do Tùng đã biết cách thu nhận thông tin từ nhiều năm trước nên đã biết được một phần sự thật của Liên Bang Xô Viết, dù chẳng mục kích bao giờ. Trước cảnh khốn khó hèn mạt của đám cư dân “tổ quốc xã hội chủ nghĩa”, Tùng đã cảm thông với họ, đã rộng lượng mời những chàng lái xe tắc xi những xuất ăn, và tặng vài cảnh sát Nga những điều thuốc ba số năm thơm phức mang đi từ nhà. Khi mời thuốc lá họ, Tùng ái ngại trước sự giành giật nhau bao thuốc của đám người mặc quân phục cảnh sát tại sân bay khi Tùng đến, và lúc đi ra khỏi cái xứ đang vờ mình sau gần thế kỷ đi tìm đời sống hạnh phúc mà không thấy! Vậy mà khi trình tờ khai qua cửa kiểm soát hải quan sân bay để sang Đông Đức, Tùng vẫn bị những người xin thuốc lá thơm kia lột mất một ngàn mỹ kim duy nhất trong người. Bị cướp công khai, tuy lo âu vì hết tiền tiêu cho lộ trình chạy trốn, nhưng Tùng lại nghĩ: Công-tư “minh bạch” như vậy mới hay! Thế rồi, chẳng biết có phải do có đại lượng trong suy nghĩ với cánh cướp ngày ấy không, mà như có phép lạ trong chuyện dị đoan “của đi thay người”, Tùng đã gặp cái may lớn hơn, đó là dù hộ chiếu không cho phép Tùng bay thẳng sang Đức mà Tùng cũng vẫn được xuất cảnh khỏi xứ “thiên đường xã hội chủ nghĩa”, và nhập cảnh vào Đông Bá-linh thuận lợi.

Ra khỏi sân bay thủ đô Đức rồi,

Tùng đứng ngơ ngác giữa phố phường sáng trắng ánh đèn cao áp về đêm mà chẳng hề biết đường sá ra sao mà đi, hỏi thì lại không biết tiếng Đức. Đang trong cảnh bỡ ngỡ không biết về đâu, Tùng gặp được hai đồng hương đi bán hàng về. Họ không dám giúp đỡ gì hơn cho Tùng, ngoài việc vẽ cho hướng đi và chỉ dẫn cho cách đi xe lửa lậu về tới một thành phố cách đó ba trăm cây số, để Tùng tự tìm đến nơi cư trú của người bạn đang làm thợ khách.

Vào 4 giờ sáng hôm sau, Tùng theo người lái xe tắc-xi vào phòng trực của chung cư. Người thường trực viên trao đổi với người lái tắc-xi, sau đó chỉ cho ông ta và Tùng đi lên tầng ba, tìm phòng số 12. Sau tiếng gõ cửa của Tùng, người bạn đi ra mở cửa và rất sững sốt khi nhìn thấy Tùng như ma đứng trước cửa nhà. Và, anh bạn đã trả xuất tiền tắc-xi cho người lái xe, rồi đón Tùng vào phòng.

Tùng đã ở lại ba ngày để nghe bạn kể về tình hình nước Đức sau ngày thống nhất tiền tệ. Tùng cũng kể cho bạn nghe nguyên nhân ra đi của mình, cũng như không quên bảo bạn: “Mười năm rồi, quê hương chúng ta vẫn chưa thay đổi mức sống! Còn chính trị ư? Mờ mịt!” Vậy mà bạn Tùng không chịu hiểu ra thảm họa đất nước trong đó có anh, bởi anh đã yên tâm với số tiền hai chục ngàn Mác kiếm được trong mấy năm lao động, nên đã quyết định hồi hương vào ba tháng sau, khi hợp đồng lao động chấm dứt.

Sang ngày thứ tư, sau khi không thể thuyết phục được ai tại chung cư đó đi tìm tự do cho có bạn, Tùng đành vay bạn một trăm Mác, nhấn lời và ký thác bạn sợi giây chuyền mang về cho vợ làm kỷ niệm, nhận tấm vé xe lửa bạn mua tặng, đi xéo lại thủ đô Bá-linh, tìm đường sang phía Tây, nhập trại tị nạn.

Vào đăng ký tị nạn tại Trung tâm tị nạn Tiểu bang Niedersachsen, Tùng được cơ quan công quyền gọi đi thẩm vấn. Được chuyển về một

thành phố nhỏ tạm cư, Tùng yên tâm và hào hứng sống cùng với các đồng hương, bao gồm những người lao động ở Đông Đức, Tiếp Khắc chạy sang xin tị nạn trước đó.

Sau gần một tháng sống cùng đồng hương, khi cảm giác vui mừng sau chuyến vượt biên đơn côi thành công đã tan đi, Tùng thấy chán ngất trước những con người trống rỗng về nhận thức sống, hay dù có nhưng đang bị những khát vọng tiền bạc choán lấp tâm hồn. Nên trong suốt sáu tháng đầu của đời tị nạn, Tùng luôn đóng cửa và vùi đầu vào những tờ báo chính trị Việt Nam hải ngoại, thường có tuổi xuất bản trước năm, hoặc mới nhất cũng phải năm tháng mà Tùng xin được và cốp nhặt tích lại. Nuôi dưỡng niềm tin cuộc sống tương lai của bản thân, gia đình bằng theo đuổi và ủng hộ chính trị đối lập với đảng Cộng sản như vậy, nhưng cảm thấy vẫn còn chưa đủ, Tùng còn tin tưởng theo lễ nhà thờ với một mục sư Việt Nam; rồi lại biết cả giảng tin lành của Chúa Cứu Thế cho các đồng hương tị nạn ở tỉnh và các nơi khác.

Được yên tâm vui sống với hai giá trị mới: một của tâm linh, một của hiện thực cuộc đời như vậy, Tùng đã nhanh chóng tự đổi mới tư tưởng. Và theo ngày tháng, qua các môn học chính trị, xã hội, triết, văn, sử học, tôn giáo... mà tự thân nghiên cứu, Tùng đã bổ sung lỗ hổng kiến thức của mình, và tăng tiến rất nhanh nhận thức. Có vốn hiểu biết mới, sau sáu tháng tị nạn Tùng đã thuyết phục được hơn hai chục đồng hương, lập ra một tổ chức chính trị, với hai mục đích: một nhằm lo tị nạn, một đào tạo cho nhau kiến thức và bồi đắp tâm huyết góp cho việc nước.

Ngoài việc thuyết phục người tị nạn tham gia chính trị, Tùng còn đưa những người mới gia nhập vào một đoàn thể chính trị lớn hơn, nhằm tạo thế liên minh giữa những người có quá khứ không cùng một phía. Phải nói, do đã được học và biết tích góp kiến thức từ lâu, Tùng có đủ luận lý để gieo vào lòng người nghe những

hăng hái về một cuộc sống mới, cuộc sống đấu tranh để giành nhân phẩm và tự do đang bị đảng cướp đoạt. Với tính chất xây dựng như vậy, môn chính trị Tùng giảng cho các đồng hương ở mọi lứa tuổi nghe dễ hiểu và quyến rũ.

Chỉ tiếc cho một tâm huyết như Tùng, bởi sau hơn một năm Tùng mới biết ra: đoàn thể mà Tùng đi theo giả trá quá chừng; đồng thời, tuyệt đại đa số những người tị nạn Đông Âu mà Tùng những tưởng có thể giác ngộ được, thì chỉ hư lòng! Tùng rất thất vọng khi biết những đồng bào Tùng tuy nghe Tùng giảng giải tội ác và bộ mặt giả trá của Đảng CS, nhưng họ đều không muốn hiểu để mà biết cách thay đổi nếp nghĩ, chứ đừng nói gì đến đóng góp nhiệt tâm cho cuộc phục hưng giống nòi.

Biết không thể làm được gì hơn khi chỉ có chút tâm, trong lần họp mặt bàn giao cơ sở cho đoàn thể đó, Tùng đã nói khi chia tay với mọi người: “Nghe và nhìn thái độ anh em, hiểu nhân thế, tôi biết rằng phải năm hay mười năm nữa, các bạn mới hiểu sẽ phải làm gì cho mình, và cho đất nước!”

Tạm ngừng sinh hoạt đoàn thể vì phát hiện thấy thực lực yếu kém, không có tầm sâu chiến lược, và còn thi hành đường lối tuyên truyền gian trá với dân chúng của họ, Tùng chuyển sang thu thập những thông tin khả dĩ có thể giúp Tùng đánh giá thời cuộc, nhằm đổi phương hướng hành động cho phù hợp. Chưa tìm thấy giải đáp chính xác, Tùng gấu lo toan, gắng lắng tâm mình trong những lời kinh, lấy giáo đường nhà thờ Tin Lành và những sinh hoạt, lễ lạt trong hội thánh Đức-Việt làm cứu cánh. Nhưng, cũng chính từ đây, Tùng lại thấy ra mặt trái sự việc - những thứ khiến một tâm hồn khát khao chân lý bị thất vọng, cay đắng, chán chường. Sau hiểu biết chính xác về những cái rất đời trong đạo ấy, Tùng đành ngồi nhà và suy tưởng...

Thế rồi, khi đang vật mình với

những đơn còi, bế tắc và đổ vỡ trong niềm tin, thì như bị thử thách thêm, số phận lại bồi thêm cho Tùng một đòn khá nặng: Tùng nhận được quyết định từ chối đơn xin tị nạn của Chính phủ Đức.

Ở trại tị nạn, ai cũng ngạc nhiên cho sự gian truân của Tùng. Họ thắc mắc, Tùng hiểu biết khá, có bằng chứng đứng ra tổ chức những cuộc biểu tình chống Đảng, có báo chí Việt ngữ đăng hình, tên tuổi, có nhiều buổi thuyết giảng chính trị cho các đồng hương, và có những bài báo kêu gọi mọi người đoàn kết đấu tranh đòi dân chủ, vậy mà sao anh vẫn bị chính quyền Đức từ chối quyền tị nạn? Hơn thế, chính Tùng đã ký giấy chứng nhận tham gia tổ chức chính trị cho các thành viên và vài người đã được hưởng quyền tị nạn, nhưng riêng anh ta lại không được công nhận! Có số phận chăng?...

Mất hơn chục hôm tê buồn và chán ngán vì bất hạnh đó, Tùng nhận lời mời sang Đông Bá-linh thăm bạn. Đến đây, nhìn cảnh sinh hoạt kiếm ăn của các đồng hương, Tùng đã không cảm lòng trước cảnh người cảnh mình: bên được an toàn chính trị thì cứ kiếm ăn tự do, lại rất dư dả đồng tiền; kẻ đây nguy hiểm gian nan thì lại trắng tay!

Cám cảnh ấy, Tùng đã dần thân đi bán thuốc lá lậu. Thấy Tùng làm vậy, bạn quen hỏi Tùng: "Anh có thấy bằng lòng trước những hành vi đó không?" -Tùng bảo: "Thẹn lắm! Nhưng..." và thôi không nói nữa, mặt rõ nét buồn. Không những chỉ trả lời cho người hỏi mình như vậy, Tùng còn trăn trở, đón đau vì phải phản bội lại những tín điều mà lòng coi trọng. Tùng thẹn, vì biết mình đã dẫm lên niềm tin đang theo đuổi, đã buông bỏ sự an lạc có từ những lời ca, trong lời kinh thánh, đã phản lại thệ ước khi cầu nguyện, hành lễ, và trước mỗi bữa ăn hàng ngày.

Trước niềm tin đang bị nhạt nhòa trước thực tế cuộc sống phũ phàng, Tùng gắng tỉnh táo và nghĩ cách chui lủi cảnh sát, tránh né những nhóm thanh niên trọc đầu, tận dụng cơ hội và tranh thủ thời gian bán hàng. Dám làm như vậy, là do Tùng bị hoàn cảnh thực tế buộc phải thừa nhận: số tiền kiếm được hàng ngày 200-300 đồng Mác (nếu không bị bắt) tạm thời như là một cứu cánh cho bản thân và gia đình của Tùng đang chờ ở quê.

Trong cảnh làm ăn bon chen, giành giật như vậy, dù biết hoạt động tảo bạo và khoa học, Tùng cũng chỉ gặp thuận lợi trên thương trường đen được có ba tháng, rồi sau

đó là những cảnh tranh chấp giữa những người cùng cảnh như Tùng bắt đầu xảy ra đôn dập tại những cửa chợ. Trước những bất an ấy, Tùng đã suy đoán: "Kiếm ăn kiểu này sẽ chẳng còn được bao lâu, ba bốn tháng nữa là cùng, rồi nhất định khó khăn và thậm chí đông bão sẽ nổi, quét tới phũ phàng!"

Đúng! Chỉ hai tháng cuối năm 1992, các đồng hương của Tùng tràn từ Việt Nam sang Đông Bá-linh. Nhóm người này đói khát tiền bạc nhiều hơn cả Tùng và lớp người sang trước. Họ cướp bóc, chém đâm, bắn giết nhau mỗi ngày mỗi gia tăng. Khi chuyện đó xảy ra, Tùng bỏ Bá-linh quay về trại tị nạn cũ.

*
* *

Những ngày yên tĩnh ở trại tị nạn, vốn nặng vấn tâm, giàu nét quan hoài Tùng đã nhìn thấy kỹ hơn nội tâm: ở cõi sâu đó dội lên những kỷ niệm buồn, pha nổi hột hắc! Nhưng điểm may cho Tùng, vượt lên trên hết những khổ đau, ân hận, là ánh sáng của nhận thức mới được nảy sinh từ cái giá cuộc sống mà Tùng đón nhận.

Nó đơn giản bằng những lời đúc kết: "Hãy biết vượt khỏi lỗi lầm để làm lại và sống tốt hơn!"

nửa...

Kiểm cung một nửa gãy rồi
Nửa đau đớn, nửa ngậm ngùi chia xa
Nửa khuya, nửa mảnh trăng tà
Nửa trang vô tự, nửa ta nhạt mờ
Nửa đời sông núi như mơ
Nửa ta còn đó những giờ thăm thương
Tối đây ở đâu, nửa đường
Nửa toan chấp cánh, nửa đường ngại. Thôi!
Cuộc chơi lỡ. Nửa thua rồi
Trách ta một nửa, trách người một phần
Nửa chiều tắt nắng. Bâng khuâng
Nửa đêm còn lại một vầng trăng soi...

t.t. mây trên ngàn

đổi đời

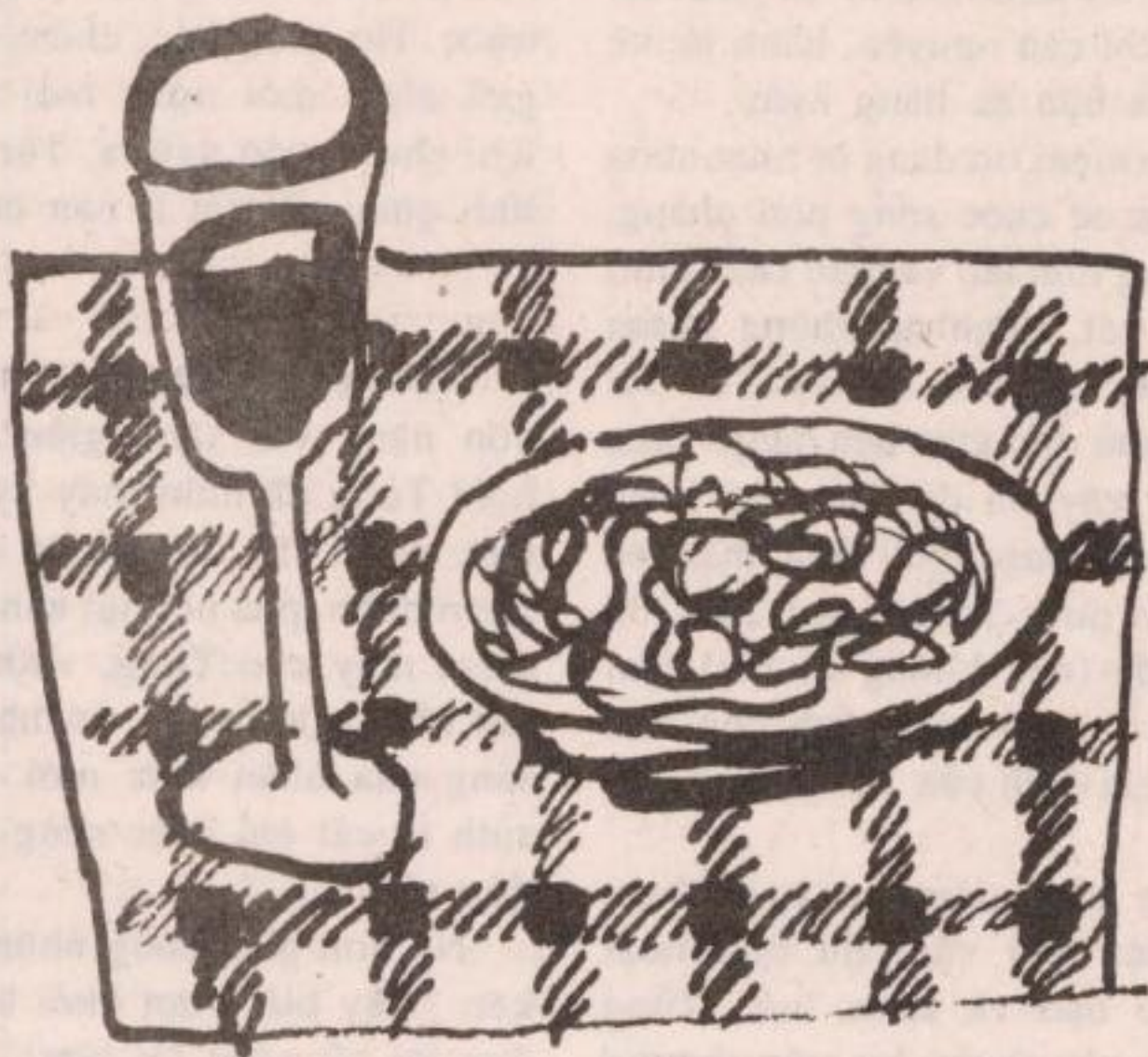
Bếp tàn tro lụn buồn reo
Nến tắt mấy chập còn theo đợi người
Riêng ta môi cần nụ cười
Đêm thâu trí nhớ, ngày bồi lũng sâu.
Hồn khua vụng tiếng kinh cầu
Buồn riêng ta giữ cho nhau cuối đời
Một mai sao lạc giữa trời
Ta nghe tình cũng đổi đời trong em.

nguyễn đức thanh



Thử Tìm Hiểu Món Ăn Phổ Thông Của Mỹ

Phan Long Yên



Gần đây có nhiều người đặt vấn đề người Mỹ có hoặc không có món ăn truyền thống. Để tìm ra câu trả lời, chúng ta thử tìm hiểu tên và lịch sử của những món ăn thông dụng tại Mỹ sau đây có phải là món ăn truyền thống không:

I- Bánh pizza:

Nguồn gốc của chữ pizza được biết do từ cổ của người Ý, có nghĩa là "a point", về sau trở thành chữ "pizziare", có nghĩa là "to pinch" hay "pluck". Tiên khởi từ này chỉ là một tiếng địa phương của người Neapolitan - picea hay piza - circa một ngàn năm trước công nguyên, có lẽ căn cứ làm bánh patê nóng lấy ra từ lò nướng. Pizza là món ăn căn bản thường nhật của người Ý từ thời đại

đồ đá.

Pizza của người Ý suy ra từ hai quan niệm của hai nền văn hoá: Etruscans ở miền Bắc và Greeks ở miền Nam đã góp phần tạo nên. Hai quan niệm xa xưa này đã mang tới phía bắc Ý do người Etruscans từ vùng Levant của Asia Minor. Hình thức đầu tiên của pizza là một miếng bánh mì thô (sống) đem nướng trên đá nung nóng. Sau khi nướng, bỏ gia vị trên mặt tùy theo sự thay đổi khác nhau. Người ta không cần đĩa, chén hay dụng cụ nấu ăn, cầm nó chấm vào nước luộc thịt hay nước sốt. Quan niệm về bánh mì gia vị này như là loại bánh focaccia của Ý - loại bánh mì có chất béo được gia vị một cách tượng trưng với rau thơm và dầu

ô liu.

Khoảng vài trăm năm sau khi Greeks chiếm một phần miền Nam nước Ý làm thuộc địa thì quan niệm thứ hai được thấy rõ. Người Greeks quan niệm bánh mì như là một món ăn không độc của thời trước người Etruscans. Họ không thích lớp mặt của bánh mì sau khi nướng mới thêm gia vị. Họ nướng gia vị một cách trực tiếp trên bánh mì, vì vậy lớp mặt của bánh mì bấy giờ trở thành nguồn gốc chính của sự thay đổi. Cuối cùng người Romans noi theo hai quan niệm của Etruscans và Greeks. Họ tiếp tục sáng tạo những món ăn theo cái mẫu tiên khởi này. Sự kết hợp với lối chinh phục và quan niệm của họ đã lan rộng khắp nước Ý ngày nay. Dù có nhiều thay đổi về hình thức pizza ở nhiều vùng hay nhiều thành phố khác nhau, hầu hết người dân Ý vẫn hãnh diện bánh pizza là do người Ý phát minh. Để chứng minh điều này: Cato một chính khách Roman (234-149 B.CE) đã viết: "Flat rounds of dough dress with olive oil, herbs, and honey baked on stones" (Miếng bột bánh tròn dẹp với dầu ô-liu, gia vị và mật được nướng trên đá).

Ở thế kỷ 17, pizza đã nổi tiếng ở địa phương. Những người khách đến Naples đều muốn tới các khu vực dân nghèo để thưởng thức món ăn bình dân này. Những người đàn ông sản xuất bánh này thường được gọi là pizzaioli. Pizzeria đầu tiên khai trương trong vùng Naples vào năm 1830. Pizza được giao tận nhà đầu tiên vào năm 1889 do sáng kiến của ông Raffaele Esposito, chủ nhân của một pizzeria Pietro il Pizzaiolo danh tiếng ở Naples.

Những người thưởng thức món ăn này có vua Umberto và hoàng hậu Margherita của Savoy là những người đang trú ngụ với gia đình nữ hoàng trong Capodimonte Park. Từ chỗ phủ nhận đi đến chỗ ưa thích pizza, bà ra lệnh mang đến đây đủ các thứ gia vị và làm thử ba loại pizza. Trong ba loại này, nữ hoàng Margherita chọn được kiểu bánh bà ưa thích nhất, làm bằng cà chua mozzarella và rau húng

quế tươi (basil). Bà đặc ý vì kiểu bánh mới này có hương vị lạ, lại có màu đỏ, trắng, xanh như lá cờ của người Ý. Do đó pizza Margherita là một trong những loại pizza thông dụng từ đó đến nay. Tiệm pizza đầu tiên ở Port's Alba tại Naples khai trương năm 1830 và vẫn tiếp tục hoạt động cho đến nay.

Từ thế kỷ 19, pizza bán tại các đường phố ở Naples cho thực khách dùng điểm tâm hay ăn trưa, ăn chiều. Nó được cắt ra từng miếng để sẵn trong khay, trên mặt có một lớp mỏng nấm và cá trổng (anchovies) mới lấy từ lò nướng ra. Tuy nhiên người ta thường thấy lớp mặt pizza thay đổi tùy theo sáng chế từng nơi về món gia vị, chẳng hạn như cà chua đến từ Tân thế giới, lúc đầu dân địa phương ngần ngại sử dụng, nhưng sau trở thành món gia vị đại chúng.

Các pizzeria phát triển sớm ở những nơi trống trải, thuận tiện cho dân chúng đến nhóm họp, ăn uống và trò chuyện. Bánh cung cấp cho thực khách dọn thẳng từ các lò than đá ở nhiệt độ 750 độ F. Những nơi này dần dần biến thành tiệm ăn của thực khách pizza mà hiện nay hiện diện khắp nơi trong nước Mỹ, và pizza cũng đã trở thành thức ăn nhanh đầu tiên.

Người di dân từ Naples vẫn duy trì cái quan niệm xưa, cũng như cái tính chất cao lương mỹ vị của nơi chôn nhau cắt rốn khi họ vượt Đại Tây dương đến định cư dọc bờ biển miền Đông Hoa Kỳ. Những gia vị mà người di dân tìm trong xứ sở mới này có khác hơn xứ sở cũ của họ, chẳng hạn như Cow's milk mozzarella được thay thế bằng buffalo milk cheese; sweet marforam được dùng thế oregano, ngay cả cà chua, bột và nước cũng đều có sự đổi khác.

Người di dân dần dần có đủ điều kiện mua sắm vật liệu và thiết lập lò bánh riêng của họ và bắt đầu bán những khay bánh focaccia - loại bánh mì Ý, béo, gia vị một cách tượng trưng bằng rau thơm và đầu ô liu - Chúng gồm bột nhồi, cà chua nghiền, kinh giới hoang, húng quế và những

miếng pho mát Romano. Đây là chiếc bánh pizza đầu tiên bán ra tại Mỹ.

Đầu thế kỷ 20, những người Ý kinh doanh về nghề làm bánh dần dà có đời sống khá hơn. Lò bánh mì đầu tiên của di dân Ý tên là Gennaro Lombardi tại đường 531/2 ở thành phố New York vào năm 1905 chính là xưởng làm pizza đầu tiên tại Hoa Kỳ. Đến thập niên 30, các quán pizza có sáng kiến thêm bàn và ghế để thực khách có thể ngồi thưởng thức pizza một cách thoải mái. Thập niên 40, pizza được đón nhận tại các thành phố miền Đông Hoa Kỳ. Chiến tranh thứ II kết thúc, tiếp theo những năm sau đó tính chất đại chúng của nó được phổ biến và mùi vị của nó được gia tăng do những người Hoa Kỳ sống lâu ở Ý thu thập và rút kinh nghiệm chế biến. Đến năm 1943, pizza đĩa sâu kiểu Chicago xuất hiện, bán tại Pizza Uno do Ike Swell và Ric Riccardo chế biến. Loại pizza này là một cách phổ biến những đồ gia vị của Ý mang tên là mùi vị Hoa Kỳ. Ngày nay, loại pizza này chiếm chừng 20% trên tổng số loại pizza được khách hàng ưa thích. Năm 1948, lần đầu tiên xuất hiện trong thương trường loại pizza - pie mix, "Roma Pizza Mix" do ông Frank A. Fiorello sản xuất ở Worcester, Massachusetts. Thời thập niên 50-60, tính đại chúng của nó lan rộng khắp Hoa Kỳ, và tạo nên một chỗ đứng vững chắc. Năm 1957, pizza được đưa vào thị trường thực phẩm đông lạnh do sáng kiến của anh em nhà Celentano.

Tóm lại, nghiên cứu lịch sử đồ gia vị của bột nhồi (dough), ta thấy sự khác biệt về văn hoá: người Pháp có pissaladier, các xứ trung đông có pita bread, Trung quốc có bánh bao, người Spain dùng dough in pastries, thì người Ý có pizza. Như vậy, pizza không phải là món ăn truyền thống của người Hoa Kỳ như chiếc bánh bao của người Trung quốc, món bánh chưng, bánh dày của người Việt Nam.

II- Hot dog:

Là món ăn đại chúng của người Hoa Kỳ hiện nay. Như vậy, nó có

phải là món ăn truyền thống không?

Tài liệu cho biết: tại Đức quốc, hot dog có tên là Frankfurter, được sản xuất tại thành phố Frankfurt. Frankfurter bán đầu tiên tại Hoa Kỳ năm 1860. Người Mỹ thường gọi Frankfurters là "Dachshund sausages". Dashshund là một loại chó của Đức, có thân hình dài và bốn chân cụt. Dachshund sausages được xem là một cái tên tốt hơn frankfurters và trở nên thông dụng đối với người tiêu thụ.

Dachshund sausages thoát tiên phổ quát tại thành phố New York, đặc biệt trong các sân bóng chày. Tại đây, những người bán thức ăn này luôn luôn giữ nóng nó trong lò hấp. Họ đi lên, đi xuống giữa các hàng băng người ngồi xem và rao bán: "Dachshund sausages đây, mua đi!" Người ta mua loại sausages này và bỏ vào trong ổ bánh mì xẻ hai, một loại bánh mì đặc biệt để ăn với nó.

Năm 1906, một nhà vẽ hí hoạ tên là Tad Dorgan đến sân bóng chày, thấy những người đàn ông rao bán "Dachshund sausage", bèn nảy ra một ý hài hước. Ngày hôm sau, tại toà soạn, ông vẽ ổ bánh mì xẻ hai với con Dachshund nằm ngửa trong đó - Không phải là Dachshund sausages - Dorgan không biết làm thế nào để gọi Dachshund, ông bèn viết dưới bức hí hoạ mấy chữ: "Hãy mua 'hot dog' của anh!".

Dòng chữ dưới bức hí hoạ ấy về sau trở nên phổ biến và người ta quên dần tên Dachshund sausages. Như vậy, căn cứ nơi phát sinh, thời gian hiện diện và sự có mặt tại Hoa Kỳ thì hot dog cũng không phải là món ăn truyền thống của người Mỹ.

III- Bánh Hamburger:

Chiếc bánh này không dính dáng gì với thịt "ham". Tên của nó lấy từ tên của một thành phố Đức là Hamburgs. Nó được nổi danh do món thịt xay. Những người di dân Đức đến Hoa Kỳ đã giới thiệu bánh "Hamburger steak".

Tại hội chợ thế giới năm 1904 ở San Louis, Hamburger steak được bỏ

vào bánh mì tròn nhỏ, loại đặc biệt. Hamburger bỏ vào loại bánh mì này rất tiện lợi và gia tăng mùi vị. Bởi vậy, hamburger trở thành món ăn quen và thông thường.

Làm thế nào hamburger đã trở thành món ăn đại chúng, hầu như tiêu biểu cho nền ẩm thực của người Mỹ ngày nay?

Sự xuất hiện và giới thiệu loại bánh mì tròn nhỏ (buns) là một phần quan trọng. Phần quan trọng khác là các quán ăn McDonald và các quán ăn phục vụ nhanh chóng.

Quán McDonald đầu tiên khai trương tại San Bernadino, California năm 1949. Hamburger là món ăn chính trên bản thực đơn. Người ta ưa thích những quán ăn phục vụ nhanh chóng - thời gian là vàng ngọc trong các nước kỹ nghệ - Do đó, năm 1960 đã phát triển rất nhiều quán ăn McDonald. Các quán ăn này thường mở trong các cộng đồng người Hoa Kỳ và rải rác trong các cộng đồng khác.

Hôm nay, dĩ nhiên các quán McDonald đã có mặt trên khắp thế giới, bán những món ăn được xem là tiêu biểu của người Hoa Kỳ. Mặc dù các quán McDonald có bán thêm nhiều món khác, nhưng món chính trong bản thực đơn luôn luôn vẫn là hamburger.

Tóm lại, nói đến món ăn truyền thống là nói đến nơi phát sinh, thời gian hiện diện hay sự lưu truyền lâu đời qua phong tục, tập quán của một dân tộc và tiêu biểu cho nét đặc thù của dân tộc ấy. Hoa Kỳ là một nước mới hình thành gần 300 năm nay, lại là một quốc gia đa chủng, bởi vậy, cái gì cũng do các dân tộc khác mang đến. Các món *pizza*, *hot dog*, *hamburger* tuy phổ biến thật đấy nhưng nếu gọi chúng là các món ăn truyền thống của người Hoa Kỳ thì có lẽ còn quá sớm!

Phiếm Luận Về Cái Hay Trong Thơ

Tiểu Đăng

Trong những năm ở tù cộng sản, có một dạo tôi nằm gần một người cùng thích Truyện Kiều. Anh thuộc lòng gần hết thi phẩm, chỉ đọc không suôn sẻ những đoạn tự sự không được hay. Tôi hơi ngạc nhiên, vì lúc bấy giờ anh còn khá trẻ, chỉ ngoài ba mươi, mới từ Mỹ du học trở về với cấp bằng về kinh tế học, trước khi Miền Nam mất vài năm. Tôi vẫn có định kiến một người như vậy không thể thích Truyện Kiều. Nhận xét của anh về chữ nghĩa và triết lý Truyện Kiều cũng có nhiều điều đặc sắc, tôi không đồng ý hết, nhưng cũng phải chịu là anh có để tâm nghiên cứu.

Một đêm khoảng đầu năm 1979, tôi sắp ngủ thì anh đến. Dạo ấy, anh đã bị chuyển sang tổ khác, không còn nằm bên cạnh tôi như trước nữa. Anh nói thăm vào tai tôi: Ngày mai, tôi được về, anh có nhắn gì cho gia đình không? Tôi bảo không. Anh về Nha-Trang, mà gia đình tôi ở Sài-Gòn, nhắn sao được. Anh dúi vào tay tôi ve thuốc đa sinh tố, nhóm lên định đi, nhưng lại nằm xuống, thì thăm: Nói chuyện với anh nhiều lần về Truyện Kiều nhưng chưa hỏi anh thích nhất câu nào. Anh em mình chưa biết bao giờ gặp lại, tiện đây anh nói cho tôi biết, được không? Tôi cãi: Sao lại chưa? Tôi đã đọc cho anh nghe cả trăm câu tôi thích rồi mà. Anh nhấn mạnh: Nhưng một câu thôi, một câu thích nhất! Tôi đọc một câu chợt nhớ: *Lặng nghe lời nói như ru, chiều xuân dễ khiến nét thu ngai ngùng*. Anh nói: Câu ấy hay thật. Nó dẫn Thúy Kiều đi vào cuộc đời chìm nổi sau này. Nhưng câu ấy không thấu tóm được

triết lý Truyện Kiều. Tôi thích câu này nhất: *Đã không biết sống là vui, tấm thân nào biết thiệt thòi là thương*.

Trong ánh điện mờ mờ, tôi thấy dường như anh ứa nước mắt. Rồi anh cầm tay tôi bóp mạnh, tỏ ý từ biệt. Tôi ngồi dậy, nhìn anh đi trở về chỗ nằm. Từ đó, chúng tôi không bao giờ được gặp nhau nữa. Khi trở về nhà, tôi nghe anh vượt biên và tàu lâm nạn ngoài khơi.

Năm ngoái, khi đưa in cuốn *Đọc Kỹ Truyện Kiều*, tôi đã định cho in ở bìa sau câu thơ anh thích hơn hết, để tưởng niệm một người tri kỷ. Đáng tiếc, khi tôi gởi mẫu chữ Nôm tới, thì bìa đã in xong. Tuy nhiên, người bạn của tôi không bao giờ cô đơn trong việc thưởng thức văn chương. Mỗi lần nghĩ đến Truyện Kiều, đến Nguyễn Du, lúc nào tôi cũng nhớ anh.

Thật khó tìm thấy hai người cùng sở thích văn chương với nhau, theo nghĩa thu hẹp.

Có thể bạn cũng thích thơ Đường như tôi, nhưng không chắc bạn cùng thích với tôi bài *Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ* của Trương Nhược Hư. Hơn nữa, cũng có thể bạn thích bài ấy, nhưng không chắc bạn cũng nghĩ như tôi rằng câu cuối của bài (*Lạc nguyệt dao tình mãn giang thụ*) là tuyệt tác. Có thể bạn và tôi cùng thích đọc Stendhal, cùng thích cuốn *La Chartreuse de Parme* của ông, nhưng không chắc bạn đồng ý với tôi rằng cuốn ấy hay ở tính chất lãng mạn.



Tuy nhiên, nói như trên là nhầm vào chỗ bất đồng. Mà văn chương vốn không nhầm vào chỗ bất đồng. Văn chương là chuyện nhân sự, tác giả viết cho con người, bạn và tôi là hai người khác nhau, nhưng vẫn có thể gặp nhau ở một tác phẩm. Có thể chúng ta cùng thấy nó hay.

Nhưng, văn chương như thế nào là văn chương hay? Điều này hơi khó nói. Nhận thấy hay, cảm thấy hay, thì được, nhưng chỉ rõ ra hay ở điểm nào, tại sao mà hay, thì dường như không được. Văn chương cũng giống như dung mạo một người đàn bà. Hề đẹp thì ai cũng nhận thấy đẹp, nhưng không thể nói vì sao, không thể nói tại cái gì. Bà kia đẹp là nhờ gương mặt trái xoan, đôi mắt bồ câu, chiếc mũi dọc dừa ư? Có chắc không? Thử nhìn riêng từng món của bà ấy xem có còn đẹp không? Ngược lại, bà nọ gương mặt không trái xoan, mắt không bồ câu, mũi không dọc dừa, nhưng vẫn đẹp, có khi còn đẹp hơn bà trước. Một cuốn truyện hay là nhờ cốt truyện được dựng khéo, kết thúc bất ngờ ư? Cũng không nhất thiết! Có những cuốn chẳng có cốt truyện gì cả, kết thúc lửng lơ hoặc không kết thúc,

muốn đem kể lại cho người khác nghe thì không biết gì mà kể, nhưng đọc vẫn thấy hay, có khi còn rất hay nữa là khác.

Vậy là “văn chương vô bằng cứ”? Cũng không phải. Bằng cứ khó trưng ra, nhưng vẫn có đấy! Nếu không có, thì làm sao người Việt chúng ta có thể thích những gì mà người Tây phương vẫn coi là danh tác? Nếu không có, thì làm sao người Trung-Quốc đời sau còn thưởng thức những tác phẩm ngày trước Kim Thánh Thán gọi là “tài tử”? Nếu không có, thì làm sao người bạn trẻ của tôi có thể cùng thích Truyện Kiều như tôi? Cái chỗ gặp nhau ấy là cái hay của văn chương.

Bây giờ, xin nói riêng về thơ. Chắc cũng như tôi, các bạn đã được nghe nhiều nhận định về thơ, hoặc về một bài thơ hay. Mơ hồ như “thơ là tâm hồn”, “thơ là trái tim”, “thơ là một thoáng”, “thơ là thiên thu”...; cụ thể như “thơ cần vần điệu”, “thơ phải trau chuốt”, “thơ là khuôn phép”, “lẽ luật giết chết tứ thơ”... Một bài thơ hay “phải có ý tứ tân kỳ”, “phải có âm điệu hợp nội dung”, “phải rung động người đọc”, “phải là thơ”... Đáng tiếc, không ai nhận định một bài thơ dở phải như thế nào, để có mặt phản diện mà so sánh.

Không biết các bạn thế nào, chớ riêng phần tôi, nghe nhiều cái ít giống nhau như thế, tôi cũng đâm ra hoang mang. Không biết ai nói đúng để nghe theo. Tôi suy nghĩ: Chẳng lẽ đọc bao nhiêu chữ nghĩa mà không học được điều gì sao? Tôi bèn tổng hợp và thêm ý của mình: Thơ là tất cả những cái đó, mỗi thứ một chút. Còn một bài thơ hay thì phải “hay”, hay đối với người đọc, người nghe đã đành, mà còn phải hay đối với cả tác giả nữa.

Bây giờ, chúng ta hãy bỏ qua câu hỏi thơ là gì, vì đó không phải là chủ đề. Chúng ta chỉ tìm hiểu cái hay trong thơ thôi.

Xin nhắc lại “thơ hay” phải hay, và phải hay đối với cả người làm

nữa.

Với ý đâu, chắc có bạn vặn lại: Tất nhiên rồi, ai không biết thế. Nhưng như thế nào là hay? Xin trả lời văn bằng một chữ “hay” mà thôi, vì không còn chữ nào đúng và rõ hơn nữa. Nói dài, vấn đề sẽ trở nên mơ hồ. Xin dùng thí dụ để luận: Một hôm, ngẫu nhiên bạn đọc được một bài thơ in ở đâu đó, chưa coi đến tên tác giả, hoặc có coi nhưng không biết là ai, và bạn thấy hay. Bạn đọc lại lần nữa, rồi lần nữa, đặc biệt để ý những câu thú vị. Đó là một bài thơ hay. Chắc chắn như vậy. Nếu có một người sành thơ, thậm chí một nhà phê bình danh vọng nào nhận định khác, bạn cũng đừng tin. Bạn cứ vững lòng tin ở chính bạn, ở cái cảm nghĩ tự nhiên của bạn. Cái gì là tự nhiên thì không đánh lừa. Cái hay của một bài thơ cảm thấy ngay khi đọc cũng chân thực giống như vẻ đẹp của một người đàn bà không son phấn. Nó không đánh lừa.

Nhưng nói như vậy phải chăng là muốn loại bỏ vai trò hướng dẫn của những nhà phê bình thơ? Không phải. Sự nhận xét qua phân tích của họ rất hữu ích cho văn học, cho những người đang và sẽ làm thơ, cho sự dạy và học thơ ở nhà trường, cho những người muốn viết sách luận về thơ. Nhưng không cần cho bạn. Bạn chỉ thưởng thức thơ cho riêng bạn, không cần thuyết phục ai đồng ý với mình. Ý tôi muốn bạn làm cũng giống như khi coi một bức tranh: Đừng coi tên họa sĩ, đừng để ý đến giá bán. Những cái đó thường khiến cho nhận định của bạn không còn là của bạn nữa. Biết người vẽ là Van Gogh, biết giá bán là mấy chục triệu mỹ kim, bạn khó lòng mà nhận thấy bức tranh không đẹp.

Bạn không cần phải mất công tìm hiểu cái gì của bài thơ khiến bạn thấy hay. Bạn không cần thuyết phục mình, nên không cần phân tích. Đã thấy hay rồi, thì cứ giữ nguyên cái cảm tình đầu tiên ấy. Nghe thiên hạ nói là hay, mà chính bạn thấy không hay, thì cũng không nên nghe theo thiên hạ mà tự nghi ngờ.

Người đầu tiên thường thức một bài thơ, một thi phẩm, chính là tác giả. Làm ra rồi tự thưởng thức, có được không? Được lắm, với một ít thuận lợi và bất lợi mà người khác không có. Không ai có đủ điều kiện hiểu đúng tác phẩm bằng tác giả. Chữ ấy được dùng theo nghĩa nào, câu kia có nghĩa bóng gì không, tại sao chỗ kia dùng vần trắc, tại sao ngắt nhịp ở chỗ này... tác giả biết hết. Xa hơn, bài thơ là tâm sự thật, hay chỉ là "tưởng ra như thế", thì tác giả cũng biết hết. Nhưng thơ là thơ của mình, nên khó đánh giá. Có người nói tính chủ quan đã ngăn không cho tác giả nhận ra cái dở của mình. Tôi gọi cái đó là tính "tự yêu". Một người đàn bà soi gương, nhận thấy mắt của mình mờ màng (dù không được sáng), mũi của mình gọn (dù không được cao), miệng của mình có duyên (dù môi hơi dày)... Bà nhớ tới những người bạn đã đi mỹ viện... và yên tâm tin tưởng. Tình cảm của tác giả đối với tác phẩm của mình cũng giống như vậy. Chúng ta phải thông cảm.

Nhưng ở trên kia, tôi lại nói một bài thơ hay, trước hết phải hay ngay với tác giả. Như vậy, những bài thơ được phổ biến đều là hay đối với tác giả hay sao? Nguyên tắc là như vậy, nhưng trong thực tế có khác. Chúng ta thử hình dung con đường đi của một bài thơ, từ bước đầu sáng tác đến bước cuối thưởng thức. Tác giả nghĩ ra, ghi lên giấy, sửa chữa (hoặc không sửa chữa gì cả), và bài thơ thành hình. Tác giả cẩn thận chép lại để gởi đăng báo, hoặc chờ in thành tập. Không là nhà thơ, nhưng chúng ta cũng có thể đoán được không phải cứ làm ra được bài thơ nào là các nhà thơ gởi đi đăng báo, hoặc gom hết để xuất bản. Thế nào cũng có một số bị dạt ra. Những bài được giữ lại là những bài hay, ít nhất là đối với tác giả. Nhưng cũng có khi tác giả không khó tính với mình, không quý hồ tinh, mà quý hồ đa. Đây là trường hợp của những tập thơ tự xuất bản, tác giả là người làm thơ không dễ dàng, số bài thơ không được nhiều

để lựa chọn. Chọn kỹ thì không đủ thành tập. Thôi thì có bài này bài khác. Lúc sinh thời, Lý Bạch không quý bài *Trường Can Hành*, nhưng thời nhân lại coi đó là danh tác. Hãy để cho độc giả thẩm định.

Vâng, thì độc giả thẩm định. Nếu thích thơ, bạn có thể đọc được rất nhiều trong các tạp chí văn học. Bạn có đồng ý với tôi là những bài thơ ấy đều là hay hoặc khá? Không có bài nào dở. Là vì tất cả đều đã qua hai lần chọn lựa, một của tác giả, một của tòa soạn. Nếu bạn đã có lần để ý mục thông báo về "bài nhận được" và "bài sẽ đăng" của các tạp chí, bạn tất nhận thấy số bài thơ không được đăng cũng không ít. Vậy, nếu bạn nhận thấy một bài thơ nào đó không hay, thì nên hiểu là "không hợp khẩu vị" đối với riêng bạn. Còn nếu bạn nhận thấy bài thơ không dở, chỉ không đồng ý với quan điểm của tác giả, hoặc vì biết rõ tác giả ở ngoài đời nên nghi ngờ cái tâm sự trong bài thơ, thì xin bạn hãy nghĩ lại. Chúng ta không nên đòi hỏi quá nhiều ở một bài thơ, ở một người làm thơ. Người làm thơ có thể giả, nhưng bài thơ luôn luôn là thật. Nó rung cảm được chúng ta, nó gợi được những tình ý cao đẹp trong chúng ta, là đủ. Đừng đòi hỏi gì thêm nữa.

Có những tập thơ, một độc giả bình thường đọc xong, liền muốn bỏ đi một số bài. Độc giả này làm thơ giỏi hơn tác giả chăng? Chắc là không phải. Chẳng qua người này không có cái nhu cầu muốn có một tập thơ xuất bản như tác giả. Vả lại, làm thơ thì khó, nhưng chê thơ thì không khó chút nào, nhất là chê theo kiểu không cần cho biết tại sao. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng là lỗi của người đọc. Quý vị đã có thơ in thành tập, thử đọc lại tác phẩm của mình, xem có muốn bỏ đi một số bài không?

Hồi còn trẻ, trong một lần nói chuyện văn chương với một người bạn người Huế, tôi được anh đọc cho nghe một câu thơ mà anh cho là hay.

Anh nói đại ý thơ hay thì anh gặp đã nhiều, của các nhà thơ nổi danh, những bài những câu mà ai cũng nhận là hay. Nhưng của những người không phải là thi sĩ, cũng có những câu thật hay, có khi còn hay hơn những câu đã được truyền tụng. Tôi bảo anh đọc cho nghe cả bài. Anh bảo anh chỉ nhớ câu ấy thôi, và kể: Lúc bấy giờ, anh đang học ở trường Quốc-Học, Huế. Một hôm, với một người bạn cùng lớp đứng chơi trên cầu Trường-Tiền. Nói là đứng chơi, nhưng dụng ý là để nhìn mặt các nữ sinh trường Đồng-Khánh nhà bên tả ngạn, đi bộ qua cầu. Khi một nhóm nữ sinh áo dài phát phối, nón lá che nghiêng, đi qua, người bạn của anh cất giọng ngâm một bài thơ ngắn, trong đó có câu anh cho là hay và nhớ mãi: *Nón rộng mà che chỉ một người*.

Tôi nghe một lần, cũng nhớ mãi tới bây giờ. Câu thơ hay thật, phải không các bạn? Muốn tỏ tình, muốn tán tỉnh, nói một câu như vậy là đủ. Nói bao nhiêu câu nữa, chung qui cũng không ngoài cái ý muốn được đôi chung nón với người ta mà thôi.

Tác giả câu thơ về sau có thành thi sĩ hay không, bây giờ ở đâu, tôi không được biết. Từ ngày ra ở nước ngoài, cũng có đôi lần điện đàm với người bạn kể chuyện, nhưng tôi không nhớ để hỏi. Thế mới biết, cái chuyện văn chương dù có thú vị đến đâu, cũng chỉ là chuyện trà dư trong đời sống còn nhiều hệ lụy.

Phần tôi, tôi cũng có một lần được người bạn người Huế kia khen làm thơ hay. Nhưng cũng chỉ khen một câu thôi. Khoảng ấy, chúng tôi đang bị giam tại trại Thanh-Cầm, Thanh-Hóa. "Tức cảnh sinh tình", tôi có làm một bài thơ dài gần tám chục câu, đại ý phản nản về chuyện mất tự do của mình. Tôi chép bài thơ ra giấy, trao cho người bạn. Anh giữ tờ giấy mấy ngày mới trả lại, bảo tôi xé đi. Tôi chờ đợi anh bình phẩm, nhưng qua nhiều ngày không thấy anh nói gì, tôi không dám hỏi nữa, sợ phải nghe những lời không thích. Đêm ba mươi Tết năm ấy, trong khi

xung quanh các bạn đồng từ ồn ào đánh bài ăn thua bằng quẹt lọ, anh nằm bên cạnh tôi thở dài mãi. Đột nhiên, anh nói: Trong bài thơ của anh, có một câu rất hay. Câu này: *Trời khung cửa, màu xanh lên bát ngát*.

Từ đó cho tới bây giờ, người bạn của tôi không bao giờ nhắc tới bài thơ. Nhưng phần tôi, tôi nhớ mãi câu thơ được khen là “rất hay”. Nhớ là vì đó là câu thơ được khen duy nhất trong đời. Như thế, trong nền thi ca của ta, có hai người làm thơ mà chỉ có một câu thơ được khen là hay. Ít quá, phải không các bạn?

Từ cái mặc cảm có được quá ít này, tôi kể rộng ra, cho “có bạn đồng cảnh”.

Nhà thơ Pháp Alexis Félix Arvers (1806-1850) đã viết được nhiều thơ và kịch thơ, nhưng chỉ có một bài thơ ngắn được truyền tụng. Đây là một bài “sonnet”, trong tập *Mes heures perdues*, xuất bản năm 1833. Nói rằng bài sonnet này là tuyệt tác thì e quá lời, nhưng phải nhìn nhận đây là một bài thơ được nhiều người nhắc tới. Từ điển *Larousse du vingtième siècle* của Pháp, ở mục từ Arvers, đã chép trọn bài thơ. Những từ điển khác ít trang hơn, cũng chép câu đầu: *Mon âme a son secret, ma vie a son mystère*. Vinh dự này không phải nhà thơ nào cũng có.

Cứ theo lời đồn trong giới văn học Pháp, lúc bấy giờ Arvers đang thầm yêu Marie Nodier, con gái của nhà văn Charles Nodier, nhưng trước sau vẫn chưa một lần dám tỏ tình, vì người đẹp đã có chồng. Bài thơ là một biểu tượng “tình thống thân ngầm”.

Trong 14 câu thơ, tôi thích nhất 2 câu này:

Elle ira son chemin, distraite et sans entendre

Ce murmure d'amour élevé sous ses pas.

(Nàng đi con đường của nàng, vô tâm nên không nghe thấy tiếng nói thầm của tình yêu cất lên từ mỗi bước chân. Khái Hưng dịch: Đường

đời lặng lẽ bước lên, nào hay chân đạp lên trên mối tình). Câu thơ hay nhờ tình ý chân thật.

Đọc những tập thi tuyển của Trung-Quốc, thấy tập nào cũng chỉ chép của Thôi Hộ (không rõ năm sinh năm mất, chỉ biết đỗ tiến sĩ năm Trinh-Nguyên thứ 12, đời Đường Đức-Tông, tức năm 796) có một bài *Đề Tích Sở Kiến Xứ* (Đề ở nơi đã từng thấy):

*Khứ niên kim nhật thử môn trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.*

Đường Thi Kỷ Sự chép: Thôi Hộ một ngày đi chơi xuân, ghé ngôi nhà bên đường xin nước uống, tình cờ gặp được một cô gái tuyệt đẹp, về nhà nhớ mãi. Năm sau, cũng vào ngày ấy, chàng trở lại chốn xưa, mong gặp lại người đẹp, nhưng chỉ thấy cụm hoa đào ngày cũ. Chàng đề lên cổng bài thơ kia, rồi ra về. Nhưng người đẹp của chàng vẫn còn đó, từ lâu vẫn nhớ mong chàng. Đọc bài thơ, nàng buồn rầu bỏ ăn, rồi chết. Nghe được tin, chàng đến ôm xác nàng khóc lóc thảm thiết. Nàng sống lại, và hai người nên duyên.

Câu chuyện là huyền thoại, nhưng bài thơ thì tuyệt tác. Những từ điển văn học của Trung-Quốc, ở mục từ Thôi Hộ, đều có chép trọn bài thơ kia. Và bốn chữ “nhân diện đào hoa” đã trở nên một thành ngữ dành cho nam nhân dùng than thở cho việc ly cách với người tình.

Theo tôi, câu cuối của bài thơ là một câu cực hay. Tình ý của người làm thơ rất chân thành: Mong được một sự đồng cảm, nhưng hoa vẫn vô tình.

Giống như Thôi Hộ, Trương Kế (đỗ tiến sĩ năm Thiên-Bảo thứ 12 đời Đường Minh-Hoàng, tức năm 753) cũng chỉ có một bài thơ được truyền tụng, nhưng có ảnh hưởng lớn hơn. Đây là bài *Phong Kiều Dạ Bạc* (Đêm đậu thuyền ở bến Phong-Kiều).

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên;
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.*

*Cô-Tô thành ngoại Hàn-Sơn tự;
Đạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*

(Tản-Đà dịch: Trăng tà, tiếng qua kêu sương; lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ. Thuyền ai đậu bến Cô-Tô; nửa đêm, nghe tiếng chuông chùa Hàn-Sơn).

Đường Thi Kỷ Sự chép: Đêm ấy, thuyền của Trương Kế đậu tại bến Phong-Kiều. Ông ghi nhận những gì nghe và thấy được lúc bấy giờ: Sương đầy trời, trăng hạ xuống, hàng cây phong bên bờ, những ánh đèn thuyền câu trên sông, và tiếng qua kêu... Và cuối cùng là tiếng chuông chùa từ xa vẳng đến, vào lúc nửa đêm, trong khung cảnh hoàn toàn im lặng...

Cả bốn câu thơ đều hay, nhưng câu cuối hay hơn hết. Câu thơ kết thúc bằng một sự giải tỏa: Ba câu thơ trước xô đẩy nhau như làm nín thở; câu thơ cuối mở ra như một tiếng thở dài.

Bài thơ này đã được chép đi chép lại ở nhiều tuyển tập, với tựa khác nhau. Trong *Trung Húng Nhân Khí Tập*, bài thơ có tựa là *Dạ Bạc Tùng Giang*; nhưng trong *Văn Uyển Anh Hoa*, thì tựa đổi ra *Phong Kiều Dạ Bạc* như ngày nay. Có thể tựa trước là do chính tác giả đặt chăng?

Trước hết, xin nói về mấy cái tên trong bài thơ: Phong-Kiều là tên một cây cầu trên sông Tùng-Giang chảy qua Ngô-Huyện tỉnh Giang-Tô; bến sông bên cạnh cũng lấy tên Phong-Kiều. Cô-Tô là tên một ngọn núi thuộc Ngô-Huyện. Tương truyền ngày xưa Ngô Phù-Sai đã cho xây cung điện trên núi ấy để Tây-Thi ở. Chùa Hàn-Sơn cũng nằm trong phạm vi Ngô-Huyện. Sở dĩ chùa được gọi tên như thế, vì đầu đời nhà Đường, danh tăng Hàn-Sơn đã tu ở đó. Tất cả những địa danh vừa kể đều nằm trong phạm vi thành phố Tô-Châu bây giờ.

Chùa Hàn-Sơn vẫn còn cho đến ngày nay, và đã nhiều lần được trùng tu. Lần gần đây nhất là vào năm 1982. Bên trong chùa, trên vách có gắn một bức đá đen chạm lõm (trăm

điều) chép bài *Phong Kiều Dạ Bạc*, chữ khá lớn. Những người yêu thích văn chương, kể cả người ngoại quốc, đến Tô-Châu, đều được nhìn tận mắt ngôi chùa mà trên một ngàn năm về trước, từ đó tiếng chuông đã vọng ra, bay đến thuyền của Trương Kế ở bến Phong-Kiều, kết thúc bài thơ. Và cây cầu và cái bến cũng trở thành di tích văn học, để cho những ai yêu thích văn chương đến viếng thăm. Đây đúng là trường hợp một bài thơ đã tạo nên một nơi danh thắng.

Ôi, viết thiên chương vạn thủ mà làm gì! Làm được một bài tứ tuyệt như Trương Kế cũng đủ thỏa chí làm thơ một đời.

Trong các tập hợp tuyển, thơ của Thôi Hiệu (đỗ tiến sĩ năm Khai-Nguyên thứ 11, đời Đường Minh-Hoàng, tức năm 723) cũng có khi được trích hơn một bài, nhưng được kể vào số “cổ kim tuyệt xướng”, thì chỉ có bài *Hoàng Hạc Lâu* (Lầu hạc vàng).

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản;
Bách vân thiên tải không du du.
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán-Dương thụ;
Phương thảo thê thê Anh-Vũ châu.
Nhật mộ, hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.*

(Trần Trọng San dịch: Người xưa cuối hạc bay đi mất, riêng lầu Hoàng-Hạc vẫn còn đây. Hạc đã một đi không trở lại; man mác muôn đời mây trắng bay. Hán-Dương sông tạnh, cây in thắm; Anh-Vũ bờ thơm, cỏ biếc đầy. Chiều tối, quê nhà đâu chẳng thấy; trên sông khói sóng gợi buồn ai).

Xét về mặt hình thức, bài thơ nguyên tác có hai câu thực (3 và 4) đối không chỉnh: “không du du” không chỉnh với “bất phục phản”. Nhận thấy điểm này, khi dịch ra thơ Việt, Trần Trọng San cũng cố ý cho cặp thực không chỉnh.

Nhưng xưa nay, ai cũng phải công nhận *Hoàng Hạc Lâu* là một bài thơ cực hay. Điểm đối không chỉnh kia giống như một vết tàn nhang nhỏ trên một gương mặt tuyệt

mỹ, không ai để ý tới nữa.

Cả tám câu thơ đều hay. Hay cả về ý lẫn nhạc điệu. Chủ đề của bài thơ còn có lợi thế gây sự đồng cảm với người đọc: Trong cuộc sống, ai lại chẳng có lần đến thăm một cảnh cũ không còn nguyên vẹn như trong ký ức, để rồi nhìn lên trời vẫn thấy mây trắng bay? Ai lại chẳng có lần đứng nhìn ra dòng sông nào đó trên đất khách trong lúc chiều xuống để nhớ nhà?

Hoàng Hạc Lâu thuộc huyện Vũ-Xương, tỉnh Hồ-Bắc. Hai câu đầu của bài thơ nhắc lại tích một vị tiên tên là Tử An (có sách ghi là Phí Văn Huy) thường cưỡi một con hạc lông vàng đến chơi trên lầu, nên lầu có tên như thế.

Như trên đã nói, bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu được truyền tụng là vì bản thân nó hay, không vì có gì khác. Nhưng cũng nên nhắc lại giai thoại này, để thấy người xưa trọng tài nhau như thế nào: Bộ *Đường Tài Tử Truyện* của Tân Văn Phòng đời Nguyên chép rằng Lý Bạch một lần đến chơi lầu Hoàng-Hạc, định làm thơ, nhưng đọc được bài *Hoàng Hạc Lâu* của Thôi Hiệu đề ở đấy, thôi không làm nữa, chỉ viết: *Nhân tiền hữu cảnh, đạo bất đắc; Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu* (Trước mắt có cảnh đẹp nhưng không vịnh được, vì Thôi Hiệu đã đề thơ ở đây rồi).

Lý Bạch và Thôi Hiệu sống đồng thời; Lý qua đời năm 762, Thôi năm 754. Nhưng trên thi đàn đương thời, danh vọng của Lý Bạch lớn lắm, chỉ có Đỗ Phủ gần sánh được, chớ Thôi Hiệu thì thua rất xa. Về sau, trong những tập hợp tuyển phổ thông, người ta thường trích của Lý Bạch gần 40 bài, của Đỗ Phủ gần 30 bài, còn của Thôi Hiệu trước sau cũng chỉ có một bài *Hoàng Hạc Lâu*. Nhưng chỉ một bài mà nên danh. Lý Bạch tài cao nên tính rất kiêu, sinh thời ít khi tỏ ý phục ai. Thế mà gặp bài thơ kia của Thôi Hiệu là phải nhường. Người ta còn đồn rằng về sau Lý Bạch làm bài *Đăng Kim-Lăng Phụng-Hoàng Đài* (Lên chơi đài

Phụng-Hoàng ở Kim-Lăng), cốt là để “kình địch” với bài *Hoàng-Hạc Lâu*. Lời đồn không có gì chắc, nhưng nếu quả thật Lý Bạch có ý đó, thì cũng không thành công. Ông có nhiều bài thơ hay, nhưng bài định đưa ra tranh, thì rõ ràng là thua đối thủ.

Trong cuốn *Đường-Thi Tân-Tuyển* của nhóm Hồ Quốc Thụy chủ trương, Sơn Biên Xã ở Hương Cảng xuất bản năm 1985, có 304 bài thơ của 84 nhà thơ sống đời nhà Đường. Kiểm riêng phần từng người, được trích nhiều hơn cả là Lý Bạch và Đỗ Phủ, thứ đến là Lưu Vũ Tích (17 bài), Lý Thương «n (16 bài), Bạch Cư Dị (15 bài), Lý Hạ (14 bài), Đỗ Mục (12 bài), Liễu Tông Nguyên (11 bài).

Căn cứ vào số lượng, thì ở đây, Lưu Vũ Tích và Lý Thương «n có nhiều bài được trích hơn Bạch Cư Dị. Nhưng nói chung về danh vọng trên thi đàn đời Đường (kể cả 4 thời kỳ Sơ, Thịnh, Trung và Vãn-Đường), thì Bạch Cư Dị vẫn lớn hơn những người kia. Ông được văn học sử Trung-Quốc xưng tụng là “Đường-đại thi-hào” cùng với Lý Bạch và Đỗ Phủ.

Bây giờ, nếu cần nêu một bài thơ hay của ba thi hào, thì nghĩ cũng dễ như vào rừng kiếm củi. Vì nhiều quá. Nhưng nếu bảo nêu một câu hay nhất bài, thì thiết tưởng không dễ. Vì những câu thơ nương vào nhau mà tạo thành một bài thơ hay, tách riêng ra không chắc vẫn còn hay.

Nhưng riêng với bài *Tì Bà Hành* của Bạch Cư Dị, đọc nhiều lần, tôi vẫn thấy hai câu dẫn dưới đây hay hơn cả:

Đây là đoạn thuật chuyện nghe đàn. Tiếng đàn du dương trầm bổng qua nhiều bài, ngưng lại một lúc, cất lên như đột phá, rồi bổng ngưng hẳn. Mọi người nhìn ra bên ngoài, thấy bóng mấy con thuyền, và mảnh trăng thu dưới lòng sông. Tất cả im lặng. Nhưng trong cái im lặng mênh mông, tiếng đàn như vẫn âm vang.

Xin trích một đoạn:

*Thử thời, vô thanh thắng hữu thanh.
Ngân bình xạ phá, thủy tương bính;
Thiết kỵ đột xuất, đao thương minh.
Khúc chung, trầu bát đương tâm
hoạch;*

*Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch...
Đông thuyền tây phảng, tiểu vô ngôn,
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.*

(Lúc bấy giờ, không nghe tiếng đàn, người nghe lại càng cảm thấy hay hơn. [Bỗng] chiếc bình bạc vỡ, nước tràn ra; đàn ngựa sắt xông tới, tiếng đao thương sát phạt. Khúc nhạc hết, người đàn dùng miếng gậy gạt vào giữa cây đàn, bốn dây cùng phát ra một tiếng như lụa xé... [Nhìn ra] phía đông thuyền, phía tây cũng thuyền, tất cả đều lặng thinh; chỉ thấy dưới sông một mảnh trăng thu trắng).

Nhà thơ đã dùng cái “vô thanh” để cực tả cái hay của tiếng đàn. Hai câu cuối của đoạn thơ trích là hai câu tuyệt tác. Chuẩn bị cho hai câu này, là câu đầu đoạn.

Phan Huy Vịnh dịch đoạn ấy như sau: *Tiếng tơ lặng ngắt, bây giờ càng hay. Bình bạc vỡ, tuôn đầy mạch nước; ngựa sắt giong, sà sát tiếng đao. Cung đàn trợn khúc tiêu tao; tiếng buông xé lụa lụa vào bốn dây... Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt; một vầng trăng trong vắt lòng sông.* Lời thơ dịch rất xứng với nguyên tác, nhất là hai câu cuối.

Tôi thích thơ của Bạch Cư Dị, thuộc nhiều bài của ông, cả hai bài *Trường Hận Ca* và *Tì Bà Hành* này. Bài trước cũng có nhiều câu rất hay, nhưng tôi chỉ thích một thời gian (vài chục năm) rồi không thích nữa. Chẳng hạn, những câu: *Phù dung như điện, liễu như mi; đối thử như hà bất lệ thủy* (Tản-Đà dịch: *Phù dung đó! mặt ai đâu tá? Mây liễu đâu? cho lá còn như!*). *Ngọc dung tịch mịch lệ lan can; lệ hoa nhất chi xuân đối vũ* (Tản-Đà dịch: *Lệ giàn mặt ngọc lưa thưa; cành lệ hoa chút hạt mưa xuân dầm*). Một bài thơ dài 120 câu, mà chỉ chọn được có 4 câu để thích, thì cũng đã là khó tính. Nhưng vài chục năm sau, lại không

thích nữa, thì còn khó tính tới đâu! Nhưng thích hay không là chuyện tự nhiên, biết làm sao?

Riêng hai câu: *Đông thuyền tây phảng, tiểu vô ngôn; duy kiến giang tâm, thu nguyệt bạch*, tôi cảm thấy hay từ ngày còn trẻ, và cho đến bây giờ vẫn còn thấy hay. Có đôi khi tôi cũng muốn đem cái triết lý “vô thanh” để thuyết phục bạn nào không thích hai câu thơ ấy. Nhưng tôi đã kịp dừng lại. “Vô thanh” là lặng im. Vậy, cũng đừng nên dùng cái “hữu thanh” mà giảng.

Chúng ta đã làm một chuyến du lịch từ Pháp sang Trung-Quốc. Bây giờ tiện đường, xin trở về Việt-Nam. Và cũng xin nêu ra ở đây cái phạm vi thời gian: Những danh phẩm xưa của ta, như *Truyện Kiều*, *Chinh Phụ*, *Cung Oán*, có nhiều câu rất hay. Nhưng ở đây, chúng ta sẽ không trích dẫn, vì e có sự trùng lặp với nhận định của người khác. Chúng ta chỉ chú trọng vào phạm vi thơ Việt thời tiền chiến, những tác phẩm mà mọi người đều biết.

Những bài thơ được Hoài Thanh giới thiệu trong cuốn *Thi Nhân Việt Nam* đều là những bài thơ có thể được coi là hay. Trong số đó, tôi đặc biệt chú ý bài *Ông Đồ* của Vũ Đình Liên, và bài *Tống Biệt Hành* của Thâm Tâm. Tôi vẫn giữ cái tính thiên ái, quý cái gì ít.

Ai có một chút lòng hoài cổ, đọc xong bài *Ông Đồ*, chắc phải nhăm mắt lại, để tâm hồn đi ngược thời gian về những ngày tàn của mực Tàu giấy bản. Ôi, bao nhiêu năm đèn sách, bây giờ chỉ còn mong đem nét chữ ra bán, mà cũng không có người mua. Tôi đọc bài thơ, tự hỏi sao Vũ Đình Liên lại có thể nhìn thấy rõ cái ngậm ngùi của cuộc sống nhân sinh đến như vậy:

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng,
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thấm;
Mực đọng trong nghiên sầu...
Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay.
Lá vàng rơi trên giấy;*

Ngoài trời mưa bụi bay.

...

Tôi đọc đi đọc lại mấy câu: *Giấy đỏ buồn không thấm; mực đọng trong nghiên sầu... Lá vàng rơi trên giấy; ngoài trời mưa bụi bay*. Lần nào cũng thấy thấm thía buồn. Và tôi nghiệm ra một chân lý: Thơ hay lâu là thơ chân thành. Thơ lạ, thơ hoa mỹ, cũng có thể là thơ hay, nhưng cái hay không giữ được lâu trong tình cảm của người đọc.

Bài *Tống Biệt Hành* của Thâm Tâm là một bài thơ hay do hai điều, ý ngang, mà âm cũng ngang. Với ý, “ngang” là ngang tàng (coi giang hồ là lý tưởng); với âm, “ngang” là ngang cung (những chữ vần bằng đều tránh âm trầm bình).

Theo tôi, bốn câu đầu của bài thơ là những câu thật hay:

*Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thấm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?*

Nhà thơ nghe được tiếng sóng của lòng mình, và nhìn thấy hoàng hôn trong mắt người. Tiếng sóng trong lòng và bóng hoàng hôn trong mắt là những gì âm thầm, nhưng xôn xao. Cố nén đi mà không nén được. Cố giấu đi mà không giấu được. Tất nhiên, phải có một tâm hồn rất thơ, thì mới nghe mới thấy được.

Có những ý thơ rất hay, cũng cảm được người đọc, nhưng người đọc biết chắc là do tưởng tượng mà có. Ở đây, tôi nghĩ có lẽ Thâm Tâm đã có lần thực sự nghe được tiếng sóng trong lòng mình, và nhìn thấy nhiều bóng tối trong đôi mắt trong nào đó thật. Nếu không, ông đã không viết được những câu thơ hay như vậy.

Duy có một điều: Lần nào đọc lại đoạn thơ kia, tôi vẫn muốn đổi chữ “thấm” của câu thứ ba ra chữ “úa”. Như vậy, thích hợp hơn với chữ “hoàng hôn” của câu tiếp theo. Nhưng chắc Thâm Tâm có cái lý của ông. Tôi không sống trong buổi chiều ấy, không nhìn vào đôi mắt trong kia, biết sao mà nói? Hãy cứ đọc nguyên như thế, phải hơn. ●

TRUYỆN CỦA MỘT TÁC-GIẢ
ĐI TỪ MIỀN BẮC

những mảnh đời

PHƯƠNG LIÊN

(khởi đăng từ số 173)



Chương 38

Đến giờ ăn trưa của ngày thứ tư ở trạm đón tiếp, những người được đi lao động hợp tác với nước ngoài ai cũng được đọc một bản thông báo viết bằng phấn to cỡ cò trên cái bảng tin tức dựng ở đầu nhà ăn. Nội dung của cái bản thông báo ấy như sau:

Thông báo:

Đúng mười bốn giờ chiều nay, ngày... tháng... năm... mời toàn thể số công nhân đi Tiếp đợt này tập trung tại hội trường của trường công nhân kỹ thuật xây dựng để nghe phổ biến quy định của cục hợp tác lao động với nước ngoài và tìm hiểu, làm quen với một số phong tục tối thiểu của nước bạn.

Ghi chú:

- Khi đi nhớ mang theo lệ phí 10000 đồng một người và 1000 đồng tiền chụp ảnh làm thẻ lao động.

- Lưu ý, vì buổi học tập rất quan trọng nên không cá nhân nào được phép vắng mặt. Ai tự ý không đến dự sẽ bị ban kỷ luật của cục xét xử lý thích đáng. Hình thức cao nhất là hoãn chuyến bay và trả về địa phương.

Thay mặt ban quản lý trạm

Ký tên.

Bên cạnh mấy dòng thông báo ngắn ngủi nhưng đầy những răn đe ấy là mấy tờ giấy đánh máy danh sách số 150 người được đi Tiếp đợt này.

Vợ chồng Khánh đứng đọc mãi mới thấy tên Phạm Thị Hồng Đào

sinh ngày... tháng... năm... tại..., là công nhân nhà máy liên hợp dệt Nam Bình ở tận mãi gần cuối bảng. Cả hai đều hơi hoang mang về cách xếp số thứ tự kỳ quặc không theo quy luật nào của cái bản danh sách này. Nó không xếp theo vần A. B. C... vì như thế tên Đào phải ở ngay gần trên cùng, mà cũng chẳng xếp theo thứ tự người ghi danh trước ghi danh sau khi đến cái trại này, vì như thế tên thị cũng phải ở quãng giữa... đến sau thị còn cả dăm bảy chục người chứ chẳng ít, cũng chẳng theo địa phương, Nam Bình lẫn với Thái Ninh, Hoàng Liên Sơn lẫn với Hòa Bình... nói chung là hết sức tùy tiện. Mà cái sự tùy tiện này thì vô cùng nguy hiểm. Chỉ những ai may mắn được xếp vào khoảng đầu bảng phía trên còn có thể tạm thời gọi là yên tâm được, còn những người nào phải xếp vào cuối bảng thì cứ gọi là lo ngay ngáy. Đến ngày đi, vì một lý do nào đấy, thí dụ như phải ưu tiên nhét mấy đứa thuộc thành phần "5 C" vào chuyến bay thì tự nhiên những ai thuộc số cuối bảng này sẽ bị loại ra trước nhất. Máy bay của nước nào thì sức chứa cũng như số chỗ ngồi cũng chỉ có hạn, thừa một người một cân cũng không thể cất cánh được, trong khi đó thì bọn "Con - Cháu - Các - Cụ - Cả" gửi gắm thì lại không bao giờ phải chịu cảnh ở lại bay chuyến sau.

Anh Nạc với cả xấp xỉ chục người khác nữa cùng chung số phận cuối bảng với vợ Khánh cũng hoang

mang không kém. Lập tức anh họp mấy người lại xì xầm bàn cách giải quyết.

- Mấy thằng này là đều lắm. Tôi biết. - Anh nói vậy - Chúng nó định làm kiểu nhập nhèm đánh lộn con đen để gạt cánh mình ra đây. Phải tìm ngay cách đối phó các vị ạ.

- Tất nhiên là phải tìm cách để đối phó rồi. Nhưng mà là cách nào đây?

Khánh nói. Vì đã có cả một tối ngồi với anh ngoài quán nước nên Khánh tự cho mình cái quyền góp ý một cách nhiệt tình như chính gã là người trong cuộc.

Anh Nạc bốp trán:

- Tôi sẽ vào văn phòng của nó làm âm lên một chuyến xem thế nào. Mấy thằng chó chết chưa học hết lớp bảy chỉ biết đếm tiền là giỏi.

Mấy chú bộ đội biên giới xăm mình xăm mấy đồng ý ngay:

- Vâng đúng đấy anh ạ. Mấy anh em mình cứ xông thẳng vào phòng của nó làm cho ra ngô ra khoai một phen đi. Thằng quản lý này có cái mặt gian lắm. Chắc chắn là nó nghĩ ra cách này để làm tiền mấy anh em mình đây.

Anh Nạc suy nghĩ thêm một chút nữa:

- Vậy thì mấy chú chuẩn bị khí thế để đi với anh ngay.

Và thế là ba bốn anh em kéo nhau đi. Nhưng đúng lúc Khánh hăm hở định bước theo thì gã bị vợ giật giật áo nháy mắt bảo đứng lại.

Thì ra thị thuộc số những người lừng chừng. Đám này gồm có thị, hai bà sồn sồn nữa và hai thằng đi Tiếp quay. Vợ chồng Khánh ở nhà thuộc vào dạng hay nói nhưng đến đây lại trở nên ít mồm ít miệng. Cả hai chỉ biết khoanh tay đứng nghe mấy người kia bàn tán. Đầu tiên là một thằng Tiếp quay nói trước:

- Cái nhà ông ấy - Nó ám chỉ anh Nạc - chỉ được cái hăng máu vịt. Làm sao mà âm ỉ với nó được. Cãi nhau với nó xong, có thắng thì máy bay cũng bay từ đời tám hoánh nào rồi.

Xong nó khạc ra một bãi dờm to

tướng nhỏ toẹt xuống đất. Một thằng Tiệp quay nửa đồng tình luôn:

- Làm chó gì mấy cái đồng bạc! Nó đã muốn thì cho con mẹ nó đi cho xong việc. Làm chó gì mà phải âm ỉ!

Rồi nó quay sang hỏi hai bà sồn sồn và vợ chồng Khánh:

- Mấy chị và anh thấy thế có đúng không? Mình đã nôn kính thưa các kiểu nôn rồi... Bây giờ, đến phút cuối cùng còn một vài chục nghìn nữa chẳng lẽ lại không ọe nốt được hay sao?

Vợ chồng Khánh chưa có ý kiến gì nhưng hai bà sồn sồn thì hưởng ứng. Một bà nói:

- Cái nhà ông ấy chỉ được cái ghế góm! Âm ỉ lên làm cái gì? Tôi đã có kinh nghiệm chán ra rồi. Đấu với chả đá. Chờ được vạ thì má đã sưng. Không đi được chuyến này là mất cả gần cây vàng của người ta. Tôi cũng nghĩ như mấy chú, mình đã ọe được bao nhiêu lần còn lần này nữa là quyết định làm sao lại điên mà không ọe nốt ra.

Bà sồn sồn còn lại cũng chép miệng bồi tiếp:

- Cái nhà ông Nạc này ở cùng công ty tôi, tôi còn lạ gì? Ở công ty tôi ai cũng gọi ông ta là ông Nạc Hâm đấy. Kỹ sư kỹ sọt quái gì mà quanh năm đi cái xe tòng tọc không có chấn bần chấn xích... Mà làm ở phòng kỹ thuật hẳn hoi đấy. Mỗi lần xuống công trường cũng hét ra lửa hẳn hoi. Tôi nghe người ta nói vì ông ta hâm quá, lại hay đâm bì thóc, chọc bì gạo, dám xỏ xiên lòi mảy ông giám đốc ra mà đấu nên mới bị đẩy đi làm lao động xuất khẩu.

Rồi bà lắc đầu:

- Ai theo ông ta mà chịu vạ thì cứ việc theo. Tôi thì không. Nó đã thích ăn tiền thì cho nó ăn. Bỏ ra mấy chục nghìn mà được việc không muốn lại muốn nhiều sự. Đấy, còn tôi với còn các cô các chú đây. Để rồi xem ông ta với mấy chú kia có làm lên trò lên trống gì không?

Mỗi người một câu, quanh đi quẩn lại mãi rồi cũng đến nước tất cả chung nhau góp một khoản tiền

để đưa cho ông trưởng ban quản lý trạm. Vợ Khánh cũng móc hầu bao ra hai chục nghìn đóng cho bà sồn sồn rồi cùng nhập vào đoàn đi tìm để đưa cho ông ta.

Nhưng họ tìm mãi không thấy. Người này nói rằng thấy ông ta đạp xe ra phía cầu Đuống, chắc là về Hà Nội có việc gì, người khác lại nói thấy ông ta đi với cô bồ về phía chợ ở phố huyện, người khác nữa lại bảo thấy ông ta đi với hai ba ông nào ấy chắc là đánh chén ở đâu đó.

Thời giờ những lúc chờ đợi càng sốt ruột càng lê thê dằng dặc bao nhiêu thì đến lúc có những việc trọng đại cần phải xử lý như thế này lại càng vùn vụt trôi đi như ma đuổi bấy nhiêu... Hai giờ chiều đến nơi rồi nhưng vợ chồng Khánh cùng hai bà sồn sồn và hai thằng Tiệp quay vẫn chưa tìm thấy ông trưởng ban quản lý trại ở xá xinh nào. Rồi khi tiếng keng báo giờ phải sang hội trường của trường công nhân kỹ thuật bên cạnh để học nội quy, thì mặc kệ công việc còn bời bời thấp thỏm, cả mấy người vẫn cứ phải bỏ đấy mà đi cho xong chuyện. Dù có nông nổi đến mấy thì ai cũng vẫn còn nghĩ được một điều là không đi học mấy tiếng buổi chiều này thì chúng nó lại càng có cớ để gạt mình lại một cách hợp lý.

Đoàn người rờn rần đi bộ mất khoảng hai mươi lăm ba mươi phút thì đến chỗ học. Đây là một cái hội trường chứa được khoảng trăm rưởi đến hai trăm người tối om om vì thiếu ánh sáng và bàn ghế thì được sáng tạo làm bằng bê tông cốt sắt vừa thô thiển vừa nặng trịch trịch đúc liền một khối với sàn nhà dộc tuồn tuột.

Vợ Khánh tìm được một chỗ bên lối đi. Thị ngồi xuống cái ghế bằng bê tông thô ráp còn hẳn nguyên những vết bay dối trá rồi theo thói quen ngồi chợ cả chục năm trời lại nhìn ngả nhìn nghiêng được ngay. Những bức tường ghẻ lở sần sùi như cóc găm với những hình vẽ tục tĩu đủ các kiểu khắp nơi ở đây quả là xấu hơn cái hội trường phân xưởng

nhuộm của thị ở nhà máy liên hợp dệt Nam Bình rất nhiều. Những khuôn cửa gỗ với những cánh cửa bằng cốt ép thì long lay, cái tuột bản lề, cái long mộng. Cũng có mấy thứ giống. Đó là hai khẩu hiệu kẻ bằng chữ vàng trên nền tường đỏ ở hai bên phải và bên trái. Một cái ca ngợi Bác Hồ: "Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta". Một cái ca ngợi đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam, người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của dân tộc Việt Nam muôn năm". Phía trên sân khấu và chỗ bục của diễn giả cũng hơi giống ở chỗ có một bức tượng nửa người to tướng bằng thạch cao trắng tinh của Bác Hồ và một lá cờ đỏ sao vàng khá lớn sơn ngay vào tường.

Ông thầy hôm nay là một người đàn ông trạc năm nhăm sáu mươi tuổi nhỏ thó, đóng khuôn trong bộ đại cán chật cặng và có khuôn mặt hết sức trịnh trọng. Đứng trên bục, ông giương cặp mắt kính trắng nhìn xam xoi vào mặt từng người có mặt trong hội trường. Nhìn cái nhìn dăm dăm của ông, vợ Khánh chẳng cảm được tí nào về tình thương yêu giai cấp, thị cũng chẳng cảm được chút nào sự quan tâm của Đảng, của lãnh đạo đối với những đứa con sắp phải xa Tổ Quốc. Trái lại, cặp mắt ghẻ lạnh, khinh miệt của ông như muốn nói với thị rằng thị chỉ là một đứa trong bọn khố rách áo ôm hèn hạ sắp sửa lên đường đi ăn mày, một trong những đứa vô ơn nhất, sắp sửa vì miếng bơ thừa sữa cặn nơi quê người mà quên đi công lao trời biển của Đảng, của Bác Hồ, của những người như ông đây suốt đời tận tụy cống hiến cho sự nghiệp của dân tộc.

Ông thầy cứ đứng giương cặp mắt nhìn trân trân xuống đám người khổ sở ở dưới như vậy chừng hơn chục phút mới cho họ ngồi xuống. Rồi, gọi là giảng giải mà chẳng phải giảng giải tí nào. Ông mở cặp lấy một tờ giấy ra đọc. Đầu tiên ông đọc đến chính sách mở cửa rộng rãi của Đảng và Nhà nước ta. Có cái chính sách cởi mở ấy thì giai cấp công

nhân và quần chúng nhân dân lao động mới có ngày hôm nay được vinh dự xung vào đội quân đi lao động hợp tác với nước ngoài. Ông đọc rất nhiều về truyền thống quật cường chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, truyền thống cần cù chịu khó cũng như bản chất thông minh nhanh nhẹn, ham hiểu biết của con người Việt Nam, nói chung là những nét tốt cần phải phát huy... Sau đó ông nói tới phần kỷ luật:

- Các anh các chị nên nhớ rằng: Đất nước ta còn rất nhiều khó khăn. Để một ngày các anh các chị được ra đi như hôm nay xương máu cũng như công sức, của cải của bao nhiêu người, bao nhiêu thế hệ đã đổ xuống... Vậy nên, các anh các chị phải có trách nhiệm đóng góp với đất nước một cách rất thiết thực.

Rồi ông đưa ra một bản hướng dẫn về vấn đề tự nguyện đóng góp xây dựng đất nước cho mọi người truyền tay nhau mà ký vào.

- Tất nhiên phải hiểu là ai vắng mặt hoặc không ký tức là không tự nguyện đóng góp. - Ông tiếp - Và như thế đất nước cũng chẳng phải có trách nhiệm gì với họ nữa.

Nhưng chẳng cần phải có câu răn đe ấy thì số người ngồi trong hội trường cũng vẫn đã nhắm mắt nhắm mũi mà ký. Sau khi thu lại mấy tờ giấy đã đầy chữ ký nham nhở ngoằn ngoèo, ông thầy, mà bây giờ vợ Khánh mới biết là ông chuyên viên của cục, mới chuyển sang phần nói về tập quán của nước bạn. Đại để, thị tiếp thu được rằng: Ngày còn đánh nhau với Mỹ thì người Việt Nam mình sang đây được dân bản xứ tiếp đón nồng nhiệt lắm. Họ rất quý mến và coi trọng những người đại diện cho một dân tộc quật cường, dám anh dũng đứng lên đương đầu với tên đế quốc đầu xỏ, hùng mạnh nhất thế giới. Nhưng từ ít lâu nay cái tình cảm tốt đẹp ấy không còn nữa. Người ta phát chán khi nhìn thấy những cái bóng đầu đen. Chung quy cũng chỉ tại người mình không có ý thức, làm nhiều việc tồi tệ quá đáng để mất cả thể diện quốc gia... Vậy

nhên, từ giờ mình phải hết sức cố gắng để gỡ lại những cái thể diện ấy. Bằng cách là, không được tụ năm tụ bảy nói cười hô hố ngoài đường, khi ăn không được ăn thành tiếng kêu nhóp nhép, không được vừa nói chuyện vừa ăn, khi đi mua sắm hàng hóa cũng phải giữ ý tứ người này ra rồi người kia mới vào không chen lấn xô đẩy giành giật như đi ăn cướp... Và cái đặc biệt quan trọng nhất là không được sử dụng một tí nước mắm nào. Người Tiệp rất sợ mùi nước mắm của ta, chỉ cần có một tí mùi mà nhiều khi nó báo động cả một khu phố đấy.

Buổi học kết thúc suôn sẻ khi mọi người xếp thành một hàng dài để nộp tiền lệ phí và tiền để chụp một kiểu ảnh trước khi về bên trạm đón tiếp. Ngoài một khoản chắt chắt nộp cho mấy tay thợ ảnh lằng xằng lằng lúc nào cũng con con cháu cháu ngọt xớt với ông chuyên viên, vợ Khánh cũng như chẳng một ai biết rằng số tiền hàng triệu đồng thu lệ phí buổi chiều ngày hôm nay bao nhiêu đồng vào công quỹ nhà nước còn bao nhiêu thì rơi vào túi của ông nữa.

Buổi học và chụp ảnh vậy mà cũng phải kéo dài đến bốn năm giờ đồng hồ. Lúc hai vợ chồng Khánh về đến nhà ăn công cộng thì trời đã nhá nhem tối. Hai người ăn quáng ăn quàng cho xong bữa rồi ra sân đứng.

Để ý nhìn quanh nhìn quẩn khắp nơi nhưng vẫn không thấy bóng anh Nạc và mấy chú trong nhóm muốn tìm ông quản lý trạm đấu tranh về việc lập lại danh sách cho đúng thứ tự đầu, Khánh mới lần ra quán nước tối hôm qua mà gã cùng anh ngồi tán gẫu để nghe ngóng tình hình.

Vừa nhìn thấy Khánh ông chủ quán hỏi ngay:

- Cả buổi chiều nay chú ở đâu?

Khánh thật thà đáp:

- Chẳng nói giấu gì bác, cháu phải ngồi canh mấy cái túi cho vợ. Vốn liếng của hai vợ chồng có bao nhiêu đều gom góp cả vào đấy, mất là trắng tay luôn... Lại còn của người ta gửi nữa.

Ông chủ quán lại hỏi tiếp:

- Thế đúng là chú chưa biết việc gì hả?

Khánh hồi hộp:

- Việc gì cơ bác?

- Cái chú gì Nạc Nạc Mỡ Mỡ cả buổi tối hôm qua ngồi với chú ở đây vừa bị công an bắt đi rồi.

Khánh hấp tấp:

- Anh Nạc bị công an bắt? Bị bắt với ai? Làm sao mà bị?

Ông chủ quán nước vẫn bình tĩnh:

- Thì chả cái nhà chú Nạc thì còn ai vào đây nữa. Bị bắt với hai ba người nữa.

Khánh nghĩ thầm trong bụng: "Thế đúng là số mấy người định tính việc tranh đấu với tay quản lý trạm này rồi". Xong gã hỏi tiếp:

- Thế bác có biết làm sao mà họ bị bắt không?

Ông già đáp:

- Không! Làm sao mà tôi biết được. Chỉ thấy vào khoảng 4 giờ, mấy chú ấy gõ cửa vào phòng tay quản lý trại này. Thấy ở trong ấy có tiếng ầm ầm rồi một lúc sau thấy có xe của công an huyện chạy vào còng tay cả ba bốn ông điệu lên chở đi đâu mất rồi.

Khánh ngây ngô:

- Chắc mấy tay này lại có chuyện gì với ông quản lý trạm phải không bác?

Ông cười:

- Thì chắc chắn là phải có rồi. Mà các ông ấy đâu có biết rây với nó là rây với hủi đầu. Sút đầu mẻ trán, mất làm mất ăn với nó là cái chắc chắn. Đấy rồi chú xem. Tôi nói cấm có sai đâu.

Chương 39

Đúng là ông chủ quán nói không có sai. Mấy ngày hôm sau, trong khi mọi người bận bịu tíu tít với mấy ông hải quan sân bay vào kiểm tra hàng hóa xem thứ nào cho mang đi, thứ nào nhiều quá số lượng hoặc thuộc dạng quốc cấm phải để lại, người ta vẫn không thấy bóng dáng anh Nạc và mấy chú bộ đội chống

Tàu phục viên xuất hiện. Cho đến ngày thứ năm, khi toàn trại tập trung để nghe danh sách xem cuối cùng ai được bay ai phải ở lại thì vợ chồng Khánh biết chắc chắn là mấy người đã bị gạt ra rồi. Tất nhiên thay vào đó phải là mấy thằng khác mà chỉ cần nhìn qua bộ tịch xác xược không coi ai ra gì thì ai cũng phải biết rằng chúng phải thuộc dạng "5C" Con - Cháu - Các - Cù - Cỏ.

Đêm cuối cùng chờ ra sân bay là đêm hết sức hồi hộp. Mà không phải chỉ còn những băng khuâng nhớ nhung vì những năm tháng xa cách sắp đến, không phải chỉ còn những dằn dồ thề thốt, những ngậm ngùi nước mắt ngấn dài giữa người đi kẻ ở. Những chuyện ấy tất nhiên phải xảy ra. Nhưng lại còn nhiều chuyện khác mà người ta chẳng ai muốn cũng vẫn cứ xảy ra nữa. Và trong số hơn một trăm con người đang nằm ngồi ngả ngớn trong cái nhà chờ chật như nêm cối cùng với người thân của họ để chờ đến sáng ngày mai này vẫn còn có những người phải nặng lòng canh cánh vì những sự việc đột xuất không hề mong muốn mà vẫn cứ xảy ra ấy chưa được giải quyết xong.

Đây là chuyện của hai tay kỹ sư xây dựng cũng ở thành phố Nam Bình mà Khánh biết. Tay nhiều tuổi chừng ngót nghét tứ tuần, còn tay ít thì khoảng chừng ngoài băm một vài nhát. Cái tay trẻ này thuộc dạng quá quen với Khánh. Hầu như ngày nào cũng vậy, cứ ra đến đường là hẳn phải ghé ngang chỗ gã vì cái xe đạp trần truồng cà khổ, không là để bơm hơi, vá xăm, buộc lốp thì cũng là vắn vẹo cái này cái kia. Còn tay già thì ở một huyện ngoại thành cũng đã từng ghé thăm thừng dụng cụ đồ nghề của gã vài ba lần vào những dịp có công có việc phải vào thành phố.

Mấy hôm trước đây, hai tay này có vẻ nhớn nhớn lắm. Nhất là tay già. Lúc nào lão cũng chắc mẩm rằng ai sa sẩy thì sa chứ không bao giờ đến lượt lão. Lão gọi tay trẻ là thằng em, và nói cái gì với ai cũng dùng một cụm từ ghép dài dằng dặc là hai anh

em chúng tớ.

Khánh đã gặp nhiều tay ba hoa và thấy cái lão kỹ sư già này là một. Cái gì lão cũng bảo là biết và ai lão cũng kêu là quen. Mấy tay anh chị khét tiếng hoành hợc làm tiền ở phòng tổ chức của cục lao động hợp tác với nước ngoài này nghe đâu cũng là người quen của lão. Thì mới cách đây mấy hôm, lúc ngồi quán nước chuyện trò tào lao với nhau Khánh còn nghe lão kể mà như khoe rằng:

- Hai anh em chúng tớ đợt này gọi là đi ké máy bay của cánh các cậu.

Lúc ấy, Khánh nghe một chú thắc mắc:

- Sao lại là đi ké hở anh? Em nghĩ là anh đi cùng thì sang đấy cũng đi cày cùng đoàn với bọn em chứ?

Lão cười khà khà ra cái vẻ rất ta đây:

- Đi bốc vác như các cậu ấy à? Không bao giờ anh em chúng tớ lại đi theo cái kiểu ấy. Đoàn của chúng tớ bay từ tháng trước. Còn hai anh em chúng tớ vì bận phải ở lại để giải quyết một số công việc nên đến đợt này mới đi được.

Thấy chuyện lão nói có vẻ khó tin, nhưng một chú vẫn hỏi trêu:

- Thế ă? Thế đoàn anh sang đấy làm gì ă?

Lão không biết nên vẫn cứ bô bô:

- Thì cũng làm xây dựng như ở nhà mình thôi, nhưng chỉ lĩnh tráng làm, còn anh em chúng tớ thì theo dõi, chỉ đạo về mặt kỹ thuật. Hai anh em chúng tớ chỉ bay cùng các cậu đến Praha thôi là phải chia tay rồi. Tớ về đoàn của tớ còn thằng em đây cũng về đoàn của nó.

Một hôm khác lão không ăn trưa dưới nhà ăn mà lĩnh đi đâu đấy đến tận chiều mới về, tay trẻ hơn mới hỏi:

- Anh đi đâu vậy?

Lão trả lời rất tự đắc:

- Có việc này rất quan trọng, hay lắm, nhưng lúc ấy thằng em ở đâu anh tìm mãi không thấy, cuối cùng đành phải đi một mình.

Tay trẻ tò mò:

thao thức



Vàng trắng thức trọn đêm rằm
Còn ta thức cả những lần ngủ sâu.
Cửa mình trong cuộc bể dâu
Thản nhiên ta bước qua cầu thế gian.

việt thao

- Thì em cũng chỉ loanh quanh mấy cái quán nước, không cái này thì cái kia. Nhưng có việc gì mà anh bảo là hay với quan trọng?

Lão đáp với vẻ tự hào:

- Lúc trưa có mấy thằng bên phòng tổ chức của tổng cục sang đây tìm anh. Anh định rủ chú đi uống bia nhưng không thấy.

Thấy tay trẻ có vẻ không hào hứng lắm với chuyện được đi uống bia với mấy ông này, lão rút trong túi ra mấy cuốn sổ màu nâu có hình quốc huy nho nhỏ huơ lên:

- Các chú đã nhìn thấy mấy cái này bao giờ chưa?

Cả bọn ngồi quán chưa ai nhìn thấy của ấy bao giờ. Chỉ trừ có lão chủ quán. Lão nói:

- Mấy cuốn hộ chiếu chứ cái gì nữa? Nhưng sao người ta đưa cho các chú sớm vậy? Thường thường cứ phải trước khi lên ô tô ra sân bay các ông các bà ấy mới phát cơ mà?

Lão lại càng tự đắc:

- Thế mới có chuyện chứ, ông? Mấy thằng bạn tôi bảo đây là loại hộ chiếu công vụ, có thể đi được các nước luôn. Còn mai kia, trước khi ra sân bay tụi này chỉ được phát loại hộ chiếu phổ thông đi được có một nước thôi.

Rồi vừa cất mấy cuốn hộ chiếu "công vụ" ấy vào túi lão vừa nói:

- Đây là loại dành riêng cho hai anh em chúng tôi. Chỗ quen biết mấy thằng bạn bên cục mới làm giúp

cho. Mấy hôm nữa, chúng tôi lại cũng vẫn được một cuốn như của các anh em ở đây nữa. Thế là có hai hộ chiếu. Mất cái này còn cái khác. Tha hồ mà bay nhảy.

Và vì chủ quan là sẽ được phát thêm một cuốn hộ chiếu nữa mà hai tay làm một việc cẩn thận đến ngớ ngẩn. Thay vì chỉ đút vào túi áo rồi cài kim băng lại như người ta thường làm thì cả hai lại đem giấu trong đồng hàng cho hải quan kiểm. Khi tất cả hàng hóa đều đã được niêm phong kỹ càng và đã cho hết lên ô tô chở ra sân bay rồi, hai tay vẫn còn nhờn nhơ lăm. Tay nào cũng chắc mẩm là sang Tiệp lại có thêm một cuốn nữa. Mãi đến tối qua, lúc mấy ông mấy bà bên tổng cục mang hộ chiếu sang phát hết lượt rồi mới không thấy có của tay nào thì tay ấy mới lo hết hồn hết vía. Ngày mai, ra đến sân bay, không có nó thì dừng có hồng mà đi đến đâu. Đêm nay cả hai tay này đều nằm đây mà lo. Không biết mấy ông mấy bà người nhà ở ngoài lo lốt, dàn xếp tốn kém thế nào, chứ đến sáng mai mà vẫn không nhìn thấy hai cuốn hộ chiếu cũ thì đúng là xôi hồng bông không.

Thao thức mãi rồi cũng đến sáng. Năm giờ. Một hồi keng lạnh lạnh vang lên ở đầu nhà lão quản lý. Không ai bảo ai, hàng trăm con người bó giò trong mấy gian nhà chờ nhất loạt thức dậy. Rồi người thì cuốn chiếu, người thì gấp chăn gấp màn, lịch kịch mang trả cho xong chuyện để còn làm việc khác trước xe ô tô của sân bay tới đón.

Những việc khác ấy là cuốn đồ vào người. Bình thường vợ Khánh còm nhom, có cân kẹo kỹ càng, cẩn thận lắm thì cũng chỉ bốn hai bốn ba ki-lô gam là nhiều, nhưng hôm nay sau khi độn thêm mấy cái quần bò, áo bò, áo len, áo Nato, và nhồi nhét cho chật những cái túi của mớ quần áo ấy thì thị trông giống như một nhà du hành vũ trụ nặng ít nhất cũng dư bảy chục ký.

Mặc quần áo xong, vợ Khánh loạng choạng như có vẻ muốn ngã. Khánh lại phải xốc nách dìu cho thị

tập đi. Mà đâu phải chỉ có một mình vợ gã là công kênh đột xuất như vậy. Hơn một trăm con người ở đây ai cũng thế cả. Có phải là ai cũng gặp dịp đổi đời như thế này đâu. Vậy nên, ai cũng cố cuốn cho đến chật ních lại như bó giò, không thể cuốn tiếp cái gì nữa mới thôi.

Bảy giờ sáng, hai chiếc xe buýt dài loằng ngoằng loại một trăm chỗ ngồi đến để chở số hành khách đặc biệt ra sân bay. Vì số người đưa tiễn quá đông nên ban quản lý trạm và mấy ông bà đoàn trưởng đoàn phó phải đưa ra một quyết định là chỉ một số người tối thiểu được lên xe của sân bay. Số còn lại thì tự túc. Trạm đón tiếp ở đây đã chu đáo mượn được mấy cái xe tải của trường công nhân kỹ thuật bên cạnh để làm dịch vụ này. Giá rất hữu nghị. Mười ngàn đồng một suất ngồi thùng xe.

Khánh may mắn mà chen lên được cùng cái xe của vợ gã. Và cái xe này cũng may mắn hơn cái xe kia là không bị chết máy dọc đường.

Tới sân bay rồi, ngồi chờ cả tiếng nữa mới thấy những người ngồi trên chiếc xe thứ hai đến. Khánh và mấy người khác nữa tò mò chạy đến hỏi xem lý do tại sao thì được nghe người ta nói:

- Chẳng hiểu sao đang chạy ngon lành thì ông tài phanh khựng lại bảo máy nóng không chạy tiếp được nữa. Thế là những người đưa tiễn ngồi trên thùng mấy cái xe tải lại phải nhường chỗ.

Trong sân bay, vì chỉ những ai được gọi là hành khách mới được mời vào trong nhà kính nên cũng như hầu hết những người đưa tiễn khác Khánh đành phải chia tay để vợ đi theo đoàn còn mình thì đứng ngoài mà nhìn vào. Từ lúc ấy trở đi Khánh chỉ được chứng kiến những gì mà người ta bắt vợ gã làm qua những bước tường kính.

Khánh thấy vợ gã được đưa vào phòng khám lại hành lý một lần cuối cùng xem có mang theo vũ khí hoặc chất dễ cháy, dễ nổ gì lên máy bay không. Thấy từng cái túi quần bò, áo bò, từng cái túi của cái áo Na Tô vợ

gã khoác trên người bị người ta lộn trái ra để những phần sấp cùng son mất son môi độn vào trong đó là tả rơi xuống. Tuy không thấy rõ nhưng Khánh vẫn đoán được chắc mặt vợ gã lại đỏ rựng lên khi khó nhọc cúi xuống, khó nhọc nhét từng thứ nhét lại vào mấy cái túi ấy.

Rồi Khánh lại thấy vợ mình được người ta dẫn vào phòng ký thị thực xuất cảnh. Tay công an biên phòng nhìn chăm chăm vào mặt vợ gã như không tin con người bằng xương bằng thịt đen nhẻm đang đứng trước mặt gã đây là Phạm Thị Hồng Đào như cái ảnh dán trong tấm hộ chiếu. Gã phải gọi một người khác đến xem. Và sau một hồi chắc là để so sánh những vân tay, nốt ruồi và nghe lời giải thích là hôm đi chụp ảnh làm tấm hộ chiếu này thị trót dùng ít phấn để che bớt phần da bị cháy nắng, ông người nhà nước này mới ký cho phép thị đi ra.

Mãi rồi Khánh cũng thấy vợ gã trong đoàn người tập trung ở phía trong sân bay. Thấy hai cái xe buýt khác đến chở thị cùng những người khác nữa ra chỗ cái máy bay sơn màu trắng to tướng ở phía cuối đường băng.

Khánh dán mắt vào cửa kính mà nhìn, nhưng không thấy một lần nào vợ gã quay mặt lại. Bao nhiêu thử thách, bao nhiêu cạm bẫy đang rình rập chờ từng bước chân vợ gã, Khánh biết vậy. Chắc là thị phải hết sức tập trung cảnh giác, và có lẽ vì thế mà quên khuấy mất rằng có gã còn đang đứng ngoài này căng mắt ra mà trông vào chằng.

Cuối cùng rồi Khánh cũng thấy vợ gã trong cái hàng dài dằng dặc bước từng bước lên cầu thang máy bay... ít hôm nữa rồi gã sẽ được đọc thư là thị ngồi với ai, ngồi ở chỗ nào, chuyến bay tạm dừng lại những đâu trước khi hạ cánh ở sân bay Praha... Còn hôm nay, chỉ khoảnh khắc nữa là gã thấy cái máy bay khổng lồ này rùng mình cất cánh rồi lao vút lên không trung để chỉ vài phút sau là biến mất dạng.

(còn tiếp)

quê nội quê ngoại

XUÂN VŨ
(khởi đăng từ số 173)



Chương VI

Giữa đồng lúa chín, ông Bầu lại bị đám thanh niên đòi nợ:

- Bác kể cái vụ “thiến đối” nghe đi bác Ba!

Ông Bầu được “đậu giàn” đêm hát ở nhà ông Cai nên vui vẻ bảo:

- Kể thì kể, nhưng có mấy con “đào lộn hột” ở đây tao kể không có mạnh miệng. Tụi bây xua tụi nó đi rồi tao kể nhiều chuyện còn hay hơn nữa. Chuyện thiến đối mà ăn thua gì!

Một anh chàng đứng dậy ra oai với đám con gái:

- Tụi bây có nghe không? Đứa nào còn ở nán lại nghe thì tao thay mặt ông Bầu thâu một lít gạo nghe!

Một cô “đào lộn hột” vênh váo:

- Nghe thì nghe, nhưng đóng thì không đóng.

Chàng trai nói:

- Ông Bầu cứ kể đi, đứa nào lì lăm, tới khúc “ác xiêm lai” thì cũng chạy trốn chứ gì.

- Nó trốn ở dưới gió để nghe cho dễ! Hé, hé!

Ông Bầu hỏi:

- Hôm trước tao đã kể tới đâu rồi?

- Tới chỗ anh chàng Lao Ái lao yết gì đó đem cái bàn ra đặt ở giữa đám đàn bà con gái rồi leo lên tuột quần nằm ngửa... phơi phơi ra.

Cả bọn cười rần. Đám con gái nguyền trời muốn sập, một cô bảo:

- Lãng đang. Đàn ông gì làm kỳ

cục vậy.

Đám thanh niên giục:

- Kể tiếp đi Ông Bầu!

Ông Bầu thanh minh:

- Chuyện này là do tụi bây đòi, chứ không phải tao muốn kể đa nghe, đừng có đứa nào mét bà Bầu rồi bả nói tao là thằng cha già đâm hơi đa nghe.

- Rồi! Đứa nào mét bà Bầu cho Tổ vật nó lộn giò không đi hát được nữa!

Ông Bầu móc thuốc rê phì phà và nói:

- Thằng đó tên là Lao Ái. Nó chờ cho tới hội Xuân để làm cái trò của nó. Nó nằm ngửa rồi lấy một cái bánh xe bằng gỗ vòng đã tiện sẵn ở nhà, rồi xỏ cái trụ sắt của nó vô mà quay.

Ông Bầu kể ngay vô chính chuyện nhanh nên đám con gái không chạy kịp nên đành ngồi rụt xuống đám lúa mà giấu mặt vào lưng nhau. Một cậu trai chơi các cớ, hỏi:

- Cái trụ sắt gì ở đâu mà anh ta xỏ vô vậy Ông Bầu?

Ông Bầu gạt cái tàn thuốc vào lỗ nẻ rồi bảo:

- Cái trụ sắt của nó chớ ở đâu.

- Sao lúc nãy bác không có nói mà ở đâu nó xuất hiện bất ngờ vậy?

- Thằng Lao Ái nó mang trong mình có lúc nào rời đâu. Lúc hữu sự thì nó thành sắt còn lúc bình thường nó dẻo dẻo như roi da.

Một cậu nói:

- Nó biến hoá tài vậy hả ông Bầu?

- Ờ, cũng đâu đó à?

Ở phía mấy đứa con gái có tiếng phản đối:

- Đồ mắc dịch đâu không hà!

- Số là ở trong cung - Ông Bầu tiếp: - Có một bà hoàng hậu rất xinh đẹp mới ba mươi ngoài mà nhà vua lại băng hà.

- Ủa sao rui ro vậy, ông Bầu.

- Chuyện dài lắm, bữa nào tao sẽ kể tiếp. Còn bây giờ tạm bỏ màn xuống ngang lớp này đi.

- Hồng được. Bỏ màn vậy, khán giả tức dỗi, họ đòi lít gạo lại đó ông Bầu à!

Một cậu lên tiếng:

- Khán giả không có đòi lít gạo lại đâu ông Bầu, nhưng ông phải hí hí màn cho họ xem tiếp một chút xíu nữa thì về nhà họ mới ngủ được.

Đám gái lại cầu nhàu:

- Đồ mắc ôn đâu không hà!

Một cậu thanh niên giả giọng con gái, nói khao khao:

- Khán giả đực rựa xin đóng thêm một lít nữa, còn chị em chúng tôi xin đóng hai lít chẵn, ông Bầu cho xem cái...ái “khúc sắt” chút nữa thôi.

Ông Bầu cười lấy trớn, và tiếp:

- ... Cái bánh... xe quay tít mù, không biết mấy chục vòng không biết mấy chục phút làm cho mấy người đàn bà vá chổng mặt phải chạy tháo ra ngoài kiếm chỗ trốn. Hì hì... trốn thiệt kín, nhưng lén dòm trở lại.

- Xí đàn bà nào dòm kỳ vậy.

Ông Bầu kể tiếp:

- Tuy cái bánh xe quay vun vút như vậy mà cái “trục” không hề hấn trầy trụa gì hết mà nó vẫn còn muốn quay tiếp cái bánh xe... Sau cái trò đó, cả trăm đàn bà vá đến tận nhà tìm anh ta để làm quen, xô đẩy suýt đánh nhau. Quan huyện sở tại thấy vậy không biết làm sao vẫn hồi trật tự trong vùng bèn bắt tên Lao Ái tống ngục. Tưởng vậy là đã giải quyết vấn đề rồi loạn tận gốc, nào ngờ đám đàn bà kia càng nổi loạn hơn nữa. Họ kéo nhau đến cổng huyện đường đòi phải thả Lao Ái ra.

Ông Bầu ngưng kể:

- Rồi Quan huyện giải quyết cách nào, ông Bầu?

- Đã nói là trong cung có bà hoàng hậu trẻ vì vua mới băng hà nên ông thừa tướng rất mừng rỡ mà bảo Quan huyện chuyển tên tội Lao Ái về trên kinh đô.

- Ủa, có vụ đó nữa sao ông Bầu?

- Có chứ, người có quyền thế bao giờ cũng phồng tay trên dân chúng mà không bị tội tình gì hết! Rốt cuộc đám đàn bà con gái tranh giành cho mệt mà cái "trụ sắt" lại lọt vào tay ai.

Chương VII

Cậu Tám đến gặp ông Bầu năn nỉ để nhập gánh.

Con nít người lớn chạy theo coi rần rần. Con ông thầy Cai mà đòi theo gánh "Bầu Rệp". Bầu Lúa cũng được bà con gọi là "Bầu Rệp", mặt rệp ấy mà!

Nó có hai nghĩa: một là "mặt rệp", hai là hia mao khô giáp cũ mềm, mỗi lần đào kếp mặc vào, quơ múa, rệp văng ra đầy sân khấu, bỏ lênh ngênh. Một gánh hát như vậy mà con ông Cai Tổng xin gia nhập được sao. Thiệt là khó xử cho ông Bầu.

Ông từ chối khéo:

- Các vai tuồng có đủ đào kếp cả rồi cậu à!

Cậu Long nói:

- Đủ vai thì tôi khiêng bàn dọn lớp, kéo màn.

- Ồi, mấy việc đó để cậu làm coi sao phải, cậu thương tui dùm chút, cậu Long.

- Tại sao tôi không làm được chứ?

- Cậu như vậy mà đứng kéo màn, khiêng bàn dọn lớp, ai coi cho?

- Tôi không có ăn lương của gánh hát đâu mà ông Bầu sợ.

- Hồng phải tui sợ chuyện đó! Tui sợ là sợ ông Cai bảo tui rù quên cậu rồi đâm ra tai tiếng cho gánh hát tui chứ!

- Tôi bảo kê hết thầy, ai nói gì tôi chịu hết.

- Người ta đâu có nói trước mặt mình. Người ta xâm xì sau lưng mới mệt chứ.

- Ông Bầu cứ để tôi vô thử coi ai nói gì?

- Họ không nói cậu mà họ đâm hông tôi khổ lắm.

Mặc dầu ông Bầu nói ráo nước miếng, cậu công tử vẫn không lọt lỗ tai được tiếng nào. Chiều chiều hễ có tiếng trống rao bảng của thằng Tý thành Sứ thì cậu Long tới. Cậu đứng xó xó ở trước rạp ngó trời ngó đất, thấy không ai sai bảo chuyện gì thì cậu đi vô trong rạp coi sơn thủy và áo mao. Mấy chú quân chạy hiệu thấy vậy cũng thương nhưng không dám nhờ cậu làm gì hết. Tuy vậy cậu cũng kiên tâm bền chí ở cho tới mãn đêm hát mới về.

Bữa nọ, bà Nhựt thấy tội nghiệp bèn, hỏi:

- Cậu muốn đi vô gánh Bầu Lúa thiệt sao cậu?

- Dạ phải!

- Trả "gia" cho cậu đó. Đừng có xưng hô vậy tội chết. Tôi hông dám nhận đâu. Cậu liệu đóng được vai gì?

- Vai nào tôi đóng cũng được.

- Vậy để tôi coi, tuồng còn trống vai nào tôi giao cậu vai nấy.

Cậu Long mừng mà bà Nhựt còn mừng hơn.

Tuồng "Mạnh Lệ Quân thoát hài" bị ông Cai tổng chê (vì Hoàng Phủ Thiếu Hoa có ba vợ, sợ diễm bất tường cho con gái ổng) thì sẽ cho diễn ở buổi lễ ăn Thượng thọ cho thân mẫu của ông Cựu Hương cả. Từ đây đến ngày diễn cũng còn xa. Bà Nhựt ngắm nghía coi cậu công tử này thủ được vai nào? Vai Hoàng Phủ Thiếu Hoa do thằng Khánh (con trai ông Bầu, anh con Lệ) đóng. Anh em ruột không mùi tình được, do đó vở tuồng bớt phần lời cuốn khán giả. Bà định cho thằng Khánh chuyển sang vai phụ là Lưu Khuê Bích, để cho cậu Long làm Hoàng Phủ Thiếu Hoa. Mặc tình cho cậu liếc háy mùi mẫn với con Thần Nữ vốn là vai của con Lệ xưa nay. Nhưng thằng Khánh không chịu. Nó nói Lưu Khuê Bích là vai phụ. Hơn nữa ở cuối tuồng

Lưu Khuê Bích và cả nhà bị chết chém - như vậy xui lắm.

Cũng may, bà Nhựt chưa nói cho Long hay nên Long khỏi mừng hụt. Một bữa thằng Sứ thằng Tý và thằng Mão đi rao bảng bằng cộ trâu vô tới chợ. Vừa cần mĩ lộ đá thì cho quay về. Vừa lúc đó gặp cậu Long. Cậu thấy gánh Bầu Lúa thảm thương quá, bèn kêu ba đứa bé dừng cộ lại chờ ở mé lộ đá. Ba đứa không hiểu chuyện gì, nhưng chúng ngỡ là cậu Long đã nhập gánh và có quyền hành của ông Bầu giao cho, nên chúng không dám cãi. Một chập cậu Long trở lại. Cậu đứng trên chiếc xe của ông Ba Xồi. Chiếc xe ngựa sang trọng nhất ở chợ làng này mà chúng chỉ thấy thoáng qua chứ không bao giờ dám mơ ước ngồi trên đó. Cậu Long nhảy xuống bảo ba đứa đem trống lên xe và buộc tám bảng sau thùng xe. Xong rồi Long bảo:

- Mấy đứa bây đánh trâu về đi, để tao rao bảng cho.

Rồi cậu bảo người chủ xe cho ngựa chạy. Cậu đi rao bảng khắp các ấp. Đêm đó khách đến coi hát bể rạp. Nhưng cậu Long không chỉ rao bảng bằng xe ngựa, cậu ra tay vẽ thêm bảng quảng cáo rồi thuê cả xe hơi đi rao bảng.

Chiếc xe của ông Ba xồi, độc nhất ở chợ này. Từ đó có thêm một mối lợi. Cứ mỗi buổi chiều nghe kèn te te và tiếng trống inh inh là bà con biết gánh Bầu Lúa đang rao bảng.

Đường làng có nhiều khúc đứt hoặc yếu xe hơi không chạy được. Các vị hương chức thấy cậu công tử thuê xe rao bảng, còn ông Hương Quán thấy gánh hát do vợ mình là bà Nhựt đang lên chum cho nên cả ban Hội tề đều đồng tâm kêu dân làng sửa đường cho xe chạy.

Trước đây dân xóm ấp muốn đi lên quận phải cuốc bộ vô chợ thì mới leo được lên xe hơi. Bây giờ xe chạy ra tới chót ấp, cũng nhờ gánh Bầu Lúa. Tiếng đồn cậu công tử đi theo hát bội vì mê đào bay khắp trong vùng. Kể khen, người cười.

Người khen thì nhắc lại công ơn của gánh Bầu Lúa. Nhờ nó mà bà

con trong mấy làng gần quanh đây được coi tuồng. Cha coi đã đời rồi tới con coi. Hễ buồn buồn thì rủ nhau đi coi hát. Không coi cũng rủ nhau đi, đi riết rồi ghiền. Nam thanh nữ tú thì coi đó là chỗ hẹn hò. Nghề hát cũng sang trọng chứ phải nghèo hèn gì hay sao mà xấu mặt cậu công tử. Trông kìa, quan Chủ Quận bắt tay và thưởng tiền cho ông Bầu. Còn ông Cai Tổng thì hứa sẽ trùng tu rạp hát cho ông Bầu. Thiếu gì con quan lấy con dân.

Vừa rồi gánh hát Thổ tới chợ hát tuồng "Thạch Sanh Chém Chăn" và hai ba tuồng nữa. Tiếng thổ ai có nghe ra cái giống gì, nhưng mà đào kép đóng hoàng tử công chúa thiệt đẹp. Cho nên khi nó nhỏ sào lui ghe thì con gái của chủ tiệm Chệt lớn nhất chợ làng đi theo thằng hoàng tử. Người ta không coi đó là chuyện lạ. Bồn ơi! Bồn ơi! Đầu gà dít vịt đẻ con ngộ lắm. Thế rồi cũng qua đi. Xăm theo Thổ có gì là lạ? Nhưng có người thêm thốt: Cái nghề hát xướng có thờ Tổ. Con đào thằng kép ra tuồng đều có tổ đái. Trước khi ra tuồng nó đến xá bàn thờ tổ. Nghề này có ma. Con đào mặt rõ vậy mà đóng Lưu Kim Đính ra đèn đẹp như sao sa. Thầy chú mê như điên điên. Còn mấy thằng kép mắt tét ghèn, chân đi khắp khiêng mà đóng Dịch Thanh, mấy bà bán cá cũng khen đẹp trai. Hồng chừng con Thần Nữ cho cậu ta ăn bữa ngải gì cũng nên. Cha chả con nhỏ mà vô nhà ông Cai thì không phải chiêm núi Phụng Hoàng làm tướng cướp để bắt khách nạp tiền mãi lộ nữa.

Người ta bàn tán đủ phách ở khắp các nơi ngoài ruộng trong vườn, ở những buổi nhậu. Và người ta chờ xem phen này con "Thần Nữ" có trời được cậu quý tử nhà ông Cai không.

Gánh Bầu Lúa khá lên ngó thấy. Rạp hát được lợp bằng lá tươi. Những cái băng lung lay như rừng rụng được thay bằng những tấm ván mới. Hàng đầu có một dãy ghế để dành cho chức việc ngồi. Ông Bầu còn dự tính sẽ làm nóc che trên đầu khán giả để phòng những đêm đang

hát nửa chừng bỗng trời đổ mưa.

Nhưng quan trọng nhất là sự tiến bộ bên trong sân khấu. Một tấm sơn thủy lớn dùng làm "phông" cho mọi tấn tuồng đã được thay. Ông Bầu đã mượn thợ vẽ "cải tử huồn sanh" cho nó. Chả là nó đã được treo ở đây từ ngày con "Thần Nữ" mới oe oe khóc chào đời. "*Tiết Cương chống húa, Giang tả cầu hôn Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu Thành*", "*Địch Thanh Thoại Ba*", tuồng nào cũng lấy nó làm cảnh được hết. Cũng mây cũng núi đó, cũng rừng cũng vườn hoa đó. Bất cứ tuồng tích xảy ra như thế nào thì cũng có một cảnh đó mà thôi.

Bây giờ ông Bầu không thể mượn vẽ nhiều đề - có đề mỗi màu đều thay cảnh mới như các trung ban đại ban được, nhưng ít ra tấm sơn thủy cũng mới hơn. Rồi còn mua sắm hia mào khôi giáp nữa chớ. Ba cái thứ này đâu phải dễ tìm. Đa tốt nhờ lựa, lúa tốt nhờ phân. Đào đẹp nhờ kim tuyến lông công. Con Thần Nữ làm cậu Long mê mẩn là vì ba cái áo giáp chóp chóp của nó chớ đâu phải chỉ vì nhan sắc mà thôi.

Nhưng có một điều hơi buồn là ông Bầu đã già. Năm mươi mấy tuổi còn lên sân khấu. Vai Quan Công Tào tháo, Uất Trì, Nhạc Phi, Đồng Trác và bất cứ vai nào, hễ đêm diễn tuồng khuyết kép thì ông đều thay được hết! Ông là kẻ đã tạo ra các vai ấy mà.

Mà cái chuyện kép vắng mặt vì làm ruộng mệt mỏi, vì đau ốm, vì vợ đẻ, con đau đối với gánh Bầu Lúa là chuyện thường.

Nhưng sau khi diễn tuồng "*Tiết Ứng Luông*" thì bà con muốn xem cho tận gốc vì sao có cái bà Nữ Soái Phàn Lê Huê tác oai tác quái, ông Nguyên Soái họ Tiết vốn là dòng dõi danh tướng Tiết Nhơn Quý là người đã đem vua Đường vượt cả biển Đông sang đánh nước Tây Phiên tiểu quốc?

Số là Phàn Lê Huê là con của một viên võ tướng trấn thủ ải địa đầu của nước Phiên. Ông tướng này có đứa con gái tên là Phàn Lê Huê (ngoài Bắc gọi là Phàn Lê Hoa). Lê Huê

được tiên đem lên núi dạy phép thuật cao cường. Trước khi hạ san, thầy có dặn rằng nàng có duyên nợ tiền khiên với tướng trẻ nhà Đường là Tiết Đình San. Khi vua Đường sang Phiên Quốc thì Tiết Đình San xuất trận đầu tiên, khiến xui cho Lê Huê cũng ra trận. Hai bên so gươm giữa trận tiền. Lê Huê thấy tướng nhà Đường diện mạo khôi ngô oai võ phi thường thì hỏi ra tên tuổi:

- Tướng kia tên họ là chi, hãy xưng ra để ta đưa hồn về chín suối? Đình San bèn xưng tên:

- Ta là Thế tử Đường Bang, Đình San, họ Tiết.

Lê Huê nghe tên tướng giặc bèn xuôi tay suýt rớt gươm không đánh được nữa, bèn khai thiết rằng Sư mẫu có dặn rằng ta với chàng có duyên tiền định. Nhưng Đình San lại khinh miệt gái Phiên lăng loàn nên không đếm xỉa lời tỏ tình của Lê Huê. Chàng cứ hươi kích chém tới. Lê Huê lui ngựa, đưa gươm lên đỡ và cười tươi như hoa.

- Xin chàng đừng đánh. Em yêu chàng!

Nhưng Đình San cứ việc chém bừa. Năm lần bảy lượt, Lê Huê can không được mới phải ra tay, quăng dây "khổn thiên" lên trời Đình San nằm queo dưới đất và kê gươm vào cổ quát: "Người chịu thua chưa?" Thua nữ tướng, Đình San xấu hổ không chịu thua nhưng còn làm gì được nữa nên đành nghe lời "nữ tướng" mà nhận làm "chồng nàng ta" để giải vây trước rồi sau sẽ tính chước khác.

Nhưng Lê Huê đời nào chịu thả hổ về rừng mà không buộc dây trên cổ để đề phòng nó sống mất? Nàng bắt Đình San thề thốt. Đình San không thể từ chối bèn quì xuống chỉ trời vạch đất mà rằng: "Nếu ta sai lời, thì cả nhà đều bị chết chém!"

(Ngày xưa lời thề rất linh ứng, chớ không phải như bây giờ, ký hiệp ước rồi phản ngay sau đó. Về sau cả dòng họ Tiết bị chết chém 500 mạng vì lưỡi gươm của Võ Tắc Thiên) Đình San thề xong, Lê Huê tha cho về. Bố Lê Huê thấy con gái tha tướng

giặc bên cách hỏi. Lê Huê thưa thật. Ông via nổi giận rút gươm chém “đứa con gái lằng lộn”. Lê Huê cũng vung gươm ra đỡ, chẳng dè quá đà, lưỡi gươm vô tình xuyên ngực cha. Hai người anh của Lê Huê thấy vậy bèn xông vào nhưng cũng bị cô em gái “lỡ tay” luôn. Thành ra có tích “Lê Huê tru huynh sát phụ”.

Xong rồi Lê Huê dâng ải cho Đường Bang và qui thuận Đường triều, để thành thân với Đinh San. Nhưng Đinh San không nhận Lê Huê là vợ. Lê Huê bèn bỏ về quê và chống lại binh Đường. Tiết Đinh San không giải vây nổi phải đi cầu Phàn Lê Huê xuống giúp. Nhưng để được chắc chắn Lê Huê giúp cho, Tiết Đinh San phải tay bưng khay trà rượu, mỗi bước phải quì xuống lạy một lạy, gọi là “nhút bộ nhút bái” trên một đoàn được vài chục “mao”. Hai đầu gối Đinh San chảy máu đầm đề vì cái tội bội ước.

Bà Nhưn cho thằng Kinh đóng vai Đinh San. Sau vai này Kinh ta biết bà Nhưn còn ác độc hơn Lê Huê, nên chàng ta giải nghệ luôn. Cũng vì cái tật lấu tấu mà mất “job” và cái dấu ấn không bao giờ phai trên mặt với cái tên “Uốn Lưng”.

Bây giờ xin trở lại việc cậu Long và Thần Nữ. Mặc dù cha mẹ, anh em, bạn bè, Ông Bầu và bà Nhưn đều không tán thành cho cặp uyên ương đó, nhưng Long vẫn cứ chạy xe trên đường một chiều. Miễn sao cậu được “gần” Thần nữ thì thôi! Long tìm hết cách. Đêm nào có hát, Long cũng đến, mong có một vai kép khuyết để được bà Nhưn bắt trám vào. Một bữa Long được bà Nhưn cho Long đóng vai cộc (con cộc) trong tuồng “Liễu Kim Huê chờ chồng”. Số là trong tuồng này, Tiết Nhơn Quý chinh Đông mất mười năm. Liễu Kim Huê ở trong một túp lều tranh vẫn chờ chồng về. Tiết Nhơn Quý đã là Đại Nguyên Soái Đường bang, nhưng ông hồi hương êm ru không kèn không trống, không quân hộ vệ cũng không có lính tùy thân. Ông mặc đồ thường dân để bất ngờ về nhà thử lòng vợ.

Ông về gần đến nhà thì mệt lả, nằm tựa vào gốc cây rồi ngủ thiếp đi. Tướng tinh của ông là con cộc bạch (Bạch hổ tinh) xuất ra. Ông chộp giựt mình thì thấy con cộc kia đang vỗ một đứa bé. Ông vội rút tên lấp vào cung bắn ra một phát, nhưng cộc tinh liền chụp lấy mũi tên chạy tới cắm vào ngực đứa bé. Chẳng ngờ đứa bé đó là Tiết Đinh San, lúc ông ra đầu quân thì vợ có bầu, nay Đinh San đã 10 tuổi. Thế là cha ‘ai giết con. (Con cộc kia là hồn ma của Cáp Tô Văn bị Tiết Nhơn Quý giết nên theo báo thù, giết cha không được thì hại con!)

Bà Nhưn cho cậu con ông Cai Tổng đóng vai “cộc”. Chỉ có bấy nhiêu thôi mà Long rất sung sướng. Nay mai chắc bà Nhưn sẽ cho cậu đóng vai cao hơn. Chuyện không đáng gì mà cậu đi khoe khắp xóm, cậu ăn ngủ không được. Cứ mong cho có rao bả để cậu ra tay “tế độ” mấy đứa bé bằng một chuyến xe hơi. Cậu đi vòng vòng ở ngoài rìa rồi sẽ đột nhập vào trung tâm chẳng khó gì.

Một bữa thằng Thành con út của ông Bầu giữ “vai” kéo màn. Thằng Thành rất rành các lớp các màn. Nhưng rủi thay, bữa đó Bà Bầu cho nó ăn chè đậu. Đang đứng thủ sợi dây trong tay nó nghe chột bụng. Nó thấy cậu Long đứng bên cạnh, nhưng nó không dám mượn. Ai lại mượn con ông Cai Tổng kéo màn, mặc dù cậu lại rất thích được làm bất cứ việc gì trong gánh hát.

Thời may có thằng nhỏ con chú Tiều làm rầy, thấp thoáng trước rạp. Thằng chệt con không biết cách nào vô xem hát được, thấy thằng Thành ngoác thì nhảy một phát lên, luồn vô cánh gà. Thằng Thành bảo:

- Mày cầm dùm sợi dây này, hễ tới lúc ông Râu hết rằm rằm thì buông dây cho màn sập xuống. Tao đi “đáy” chút rồi trở vô liền.

Thằng chệt nhận ngay và nắm sợi dây, mắt nhắm nhắm nhìn ông Râu đang diễn võ dương oai ngoài sân khấu. Chả đó là tuồng “Đương Dương Trường Bản”. Quân Tàu đang

đuổi gấp quân Lưu bị. Trương Phi (ông Râu) cản hậu làm cho khán giả xem mê mải với những đường đao múa vun vút. Thêm vào đó quân Tàu đang đuổi riết la ó vang vầy. Thằng chệt con xem không nháy mắt. Đến lúc nguy khốn Trương Phi giờ cầm nang của Khổng Minh ra xem quân sư dạy điều gì để thoát nguy. Chẳng ngờ trong cầm nang không có lấy một chữ. Trương Phi nổi giận la hét lên một tiếng như sấm. Con Cù nằm tu dưới đáy sông lâu năm, nghe sấm dậy, tưởng là trời nổi sấm rước nó về thiên đình, nên vùng bay lên làm sập chiếc cầu, quân Tàu chết chìm vô số.) Nhưng trên sân khấu không có chiếc cầu Trường Bản, cũng không thể làm con Cù bay được nên phải hạ màn cho lấp qua, nhưng thằng chệt con xem say mê mà quên mất “vai tuồng bỏ màn” nên Trương Phi hét hai ba lần mà nó vẫn đứng trơ trơ không chịu buông sợi dây cho màn hạ. Trương Phi bèn hét to và đưa tay nhắc nhở:

- Tức chết đi Quân sư. Bỏ màn! Thành...!

Nhưng thằng Chệt con không còn nhớ nhiệm vụ của nó, cứ đứng như trời trồng. Trương Phi càng hét to, nó càng thích chí, cười vang. Nó che tay trả lời:

- Thằng Thành!

Trương Phi không nghe gì nhưng thấy màn không hạ thì nhảy tung lên vùng đao đá giáp hét liên tục và nhắc: “Bỏ màn”.

Thằng chệt quay lại thấy cậu Long thì nhờ nắm dùm sợi dây và nghênh nghênh bước ra sân khấu rí tai Trương Phi:

- Thằng Thành li...ia... đôi!

- Ài ài! Trương Phi càng nổi cáu hét to hơn nữa.

Thằng chệt quay lại nói to:

- Kêu kêu hoài! Đã pảo là ló li i... đôi!

Cậu Long biết sự tình nên vội vàng buông dây hạ màn. Khán giả không biết “nội tình” của gánh Bầu Lúa, tưởng Trương Phi diễn thật hay nên vỗ tay nhiệt liệt. Chẳng ai ngờ được rằng chính cậu Long đã cứu

được màn hát khỏi “chảy”. (Nếu không bỏ màn thì Trương Phi cứ hét mãi hay sao?)

Nhờ cái “tài” buông màn đó, bà Nhậm cất nhắc cậu lên đóng “vai” quân chạy hiệu cho Thần Nữ. Được vậy cũng đã quới lắm rồi. Đây chẳng khác nào một phần thưởng. Cậu được cấp giáo đứng dưới trướng Thần Nữ, được Thần Nữ sai việc nọ việc kia. Bất đầu từ vài tuồng này, cậu được coi như đã nhận gánh Bầu Lúa.

Chương VIII

Chuyện cậu Long nhập gánh Bầu Lúa rồi cũng êm dân. Người ta không bàn tán xôn xao trong các bữa tiệc, đám giỗ và ở ngoài đồng ruộng nữa. Cái bất thường nào rồi cũng trở thành bình thường. Người ta coi việc cậu nhập gánh là lẽ tất nhiên. Trai mê đào hát, xưa nay cũng đã từng xảy ra ở chốn này.

Kịp đến ông Hương Bộ mời gánh hát đến hát một chiều giúp vui. Không rõ lý do gì, ông chưa tới tuổi thượng thọ, cũng không đăng quan tiến chức, vậy lẽ gì mời gánh hát đến. Người ta hiểu ngầm rằng ông mới o được một bà. Ông đã ngoài ngũ tuần mà bà mới ba mươi, thì ông ăn mừng là phải. Nhưng thói đời cái gì nói ra thì mất hay, cứ để hiểu ngầm mới hay.

Ông Bầu chọn tuồng “*Giang Tả cầu hôn*”. Người xưa đã vậy mà người nay càng vậy. Ông thì thích bà chính chuyên phụ xướng phụ tùng nhưng lại cho mình cái quyền múa lăng ba trên trường tình ái.

Lưu Bị ngày xưa có hai vợ nên có tuồng “*Quan Công phò nhị tẩu*”, đây là một tấm gương hết sức rực rỡ tự cổ chí kim. Chỉ có Liễu Hạ Huệ đời Châu và Quan Vân Trường đời Hán mà thôi, còn các đấng tu mi nam tử thì đều lem nhem trong vấn đề nữ sắc không có trường hợp ngoại trừ. Trong *Giang Tả cầu hôn*, không phải vì Lưu Bị thiếu chất tươi mà vì lão ta muốn món lạ. Đàn ông như mèo, đàn bà như mỡ. Mèo đi tìm mỡ

thì có tiếng “mèo mỡ”.

Sự tích này khá dài gồm trong ba lần Khổng Minh lừa Châu Do (Khổng Minh tam khí Châu do). Xin kể tạm như sau. Thời Tam quốc, nước Tàu chia ra làm 3 nước (Tam Quốc) không ai chịu ai, bạn không phải bạn cũng không hẳn là thù. Chơi với nhau nhưng vẫn tìm cách hại nhau (cũng như Tàu-Mỹ-VC ngày nay) cho nên chơi thì chơi mà vẫn đề phòng. Nhưng mặc dù đề phòng mà vẫn bị hại như thường. Đông Ngô do Tôn Quyền làm chúa. Đất Tây Thục thì do Lưu Bị xưng vương cai quản, còn Bắc Ngụy vốn là của nhà Hán lại nằm trong tay quyền thần Tào Tháo. Lúc bấy giờ có mảnh đất nhỏ gọi là Nam Quận do Tào Tháo chiếm giữ. Sau trận Xích Bích quân tào mất 80 vạn binh, nên Nam Quận đã trở thành một yếu điểm giữa 3 nước, cả ba anh đều dòm ngó và muốn thôn tính. Quân Đông Ngô vừa mới thắng trận Xích Bích muốn thừa thắng xông lên chiếm Nam quận. Khổng Minh biết rõ bụng Châu Do bèn lập kế “ký hiệp ước” với Đông Ngô và hứa rằng: “Thục nhường cho Ngô lấy trước, nếu Ngô lấy không nổi thì bảy giờ mới tới phiên Thục lấy”. Châu Do (Ngô) nghe vậy mừng rỡ bèn kéo quân đi đánh Nam Quận nhưng rốt cuộc bị Khổng Minh lừa và bị thương. Đó là *nhất khí*.

Tam khí là Khổng Minh xúi Châu Do đi lấy Tứ Xuyên, một vùng đất hiểm trở khó hành quân, nên Khổng Minh hứa sẽ tiếp tế cho quân Ngô. Châu Do nghe vậy khắp khởi mừng thầm, định bụng khi đi ngang nước Thục sẽ trở mặt mà lấy luôn nước Thục, cũng y như VC mượn đất Miên để lập căn cứ đánh Sài Gòn vậy. Đánh xong Sài Gòn sẽ quay lại làm cỏ Cao Miên, nhưng Sihanouk ngày thơ chớ Khổng Minh đâu có khờ vậy.

Được Khổng Minh hứa hẹn, Châu Do kéo binh đi lấy Tứ Xuyên. Khi sang tới đất Thục thì thấy thành trì vắng hoe, chúa tôi nhà Thục chẳng có ma nào ra đón tiếp cả. Đã

thế lại bị phục binh Thục ủa ra đánh giết tới bời. Châu Do biết mắc kế Khổng Minh nên uất ức, nhào xuống ngựa vết thương cũ xé ra và học máu mà chết, lúc mới có 37 tuổi. Trước khi chết, Châu Do than một câu để đời: “Trời đã sanh Do sao còn sanh Lượng?”.

Nhưng trong ba lần bị lừa, thì lần thứ hai là vui vẻ và lâm ly nhất. Số là lúc đó Lưu Bị chết vợ. Trước dinh treo cờ trắng. Quân Ngô trông thấy bèn vào báo cho Châu Do. Châu Do bèn nảy ra một kế để bắt nhốt Lưu Bị. Nhân dịp vợ Lưu Bị mất phần, Châu Do bèn gợi ý cho Tôn Quyền gả em gái là Ngô quận chúa (lúc bấy giờ mới tuổi trăng tròn lẻ) cho Lưu Bị. Nếu Lưu Bị ưng chịu mà lò mò sang đây thì sẽ bắt giết ngay. Nước Thục sẽ không còn vua ắt rối loạn. Mưu kế xếp đặt xong, bèn cho người sang đánh tiếng với Lưu Bị.

Khổng Minh nghe vậy thì biết ngay âm mưu của Châu Do bèn OK liền. Lưu Bị bèn sửa sang sính lễ sang Đông Ngô hỏi vợ. Tuồng tích gọi là “*Giang tả cầu hôn*” (không hiểu sao gọi là Giang tả. Phải là Giang hữu mới đúng vì nước Ngô ở phía Nam. Bắt từ nguồn đi xuống thì Ngô Bang nằm bên phải: hữu ngạn Trường Giang).

Trước khi đi, Khổng Minh giao ba cảm nang cho Triệu Tử Long theo hộ vệ và dặn rằng khi gặp nguy cơ, giờ ra xem ắt có kế thoát thân. Xong rồi tôi chúa xuống thuyền sang Đông Ngô. Việc đầu tiên cảm nang dạy là mua tất cả hàng hoá rượu trà dê lợn ở nội thành để làm lễ ra mắt Kiều Lão, rồi tung tin toáng lên rằng “Lưu sứ quân” sang cưới “Ngô quận chúa”. Kiều Lão nghe tin này thì bán tín bán nghi, nhưng xem lại thì quả có Lưu Bị sang thật với lễ vật rườm rà khiêng vác khắp thành ai cũng thấy.

Kiều Lão là ai? Đó là một người có thế lực nhất Đông Ngô. Ông có hai đứa con gái. Đại Kiều thì gả cho Tôn Quyền, Tiểu Kiều thì gả cho Châu Do.

(còn tiếp)

vạch mặt

TỔNG MINH
LONG QUÂN

phóng-tác

(khởi đăng từ số 187)



Chương 12

Nhìn qua khung cửa sổ, bên ngoài trời đang đổ tuyết. Đầu óc Brian làm việc dữ dội. Tay vẫn nắm ống nghe, ông hồi hộp hỏi:

- Những điều chị kể có thật không vậy hờ chị Nora?

Nora không mím miệng về câu hỏi của người bạn chồng, giọng nàng vẫn vui vẻ:

- Chuyện gì dính dáng đến giới điện ảnh thì không che giấu được ai và cũng không ai có thể thêm thắt hoặc bịa đặt. Theo giới thân cận thì lúc đó Teri đang sống với một ông giám đốc một hãng phim lớn nhưng nàng vẫn lén lút tư tình với một anh phụ trách sản xuất, bỏ tiền ra nuôi tình nhân. Đến một ngày nàng khám phá ra tình nhân của nàng đã dối gạt, lấy tiền của nàng để bao một em bồ khác thì nàng nổi cơn ghen lên mà đâm anh chàng sản xuất đến chết. Ông chồng giám đốc của Teri phải tốn nhiều tiền để bịt miệng mọi người, cho vụ án đó chỉ là tai nạn. Ông ta phải dàn xếp với bao nhiêu nhân vật có uy tín để xếp hồ sơ lại nhưng với một điều kiện là Teri phải rời bỏ điện ảnh và không bao giờ được trở lại Hồ Ly Vọng. Kể từ đó nàng bật tâm luôn... Nhưng tại sao anh có vẻ tò mò về đời tư của một cựu minh tinh vậy?

- Không có gì, chỉ hỏi chơi vậy thôi. Cảm ơn chị nhiều nghe, cho tôi gọi lời thăm Peter.

Nói xong Brian cúp máy. Thì ra Teri đã phạm tội giết người nhưng

nàng không hề tiết lộ điều này với bác sĩ Brian! Biết đâu nàng đã giết người một lần rồi thì không ngần ngại gì mà không phạm một lần thứ hai, thứ ba? Brian cầm bút viết lên một mảnh giấy tên của Teri.

Điện thoại reo vang lên khiến Brian giật nảy người. Ông nhắc ống nghe lên.

- Bác sĩ Brian đó hả? Trung sĩ Angeli đây. Tôi chỉ điện thoại hỏi thăm xem bác sĩ vẫn mạnh, không có chuyện gì lạ chứ?

Giọng của Angeli vẫn còn khàn ở cổ họng giống như người đang bệnh.

Brian cảm thấy vui mừng vì được có người quan tâm đến. Ông thầm cảm ơn anh chàng cảnh sát có tình. Ít ra cũng còn kẻ lo lắng cho tính mệnh của ông.

- Có chuyện gì đặc biệt xảy ra không? Angeli nôn nóng hỏi.

Brian ngần ngừ. Anh chàng thám tử Norman dặn chàng đừng tiết lộ vụ có người đặt bom ở xe ông nhưng Brian tự nghĩ, chuyện này không hại gì nếu ông kể cho anh chàng cảnh sát dễ thương này biết. Brian kể hết sự việc cho Angeli nghe rồi kết luận:

- Tội nó đã cố tình muốn chơi tôi. Anh phải rán giải thích cho trung úy Andrew hiểu để ông tin những lời tôi nói là thật.

Giọng của cảnh sát Angeli có vẻ khích động:

- Vậy chứ trái bom hiện ở đâu rồi?

- Trái bom được gỡ ra rồi.

- Ông nói cái gì? Gỡ rồi? Ai gỡ?

Angeli có vẻ không tin những gì nghe thấy.

Brian thấy không biết mình có nên nói về việc ông muốn thám tử tư tên Norman để lo việc điều tra riêng cho ông hay không. Nhưng không thể giấu được, Brian kể hết mọi việc, kể cả tên của anh chàng thám tử hột mít.

Giọng Angeli có vẻ khó chịu:

- Tại sao ông không điện thoại báo cho cảnh sát biết để chúng tôi đến điều tra? Biết đâu nhìn trái bom mà chúng tôi biết thủ phạm là ai? Mấy ông cho cảnh sát chúng tôi chỉ là ngồi chơi xơi nước hay sao? Nếu tội sát nhân làm không được lần này thì tội nó sẽ làm lần khác. Mình phải chặn tội nó ngay từ đầu.

- O... Tại anh thám tử dặn tôi đừng báo cho cảnh sát biết để anh ta tự điều tra.

Đầu giây bên kia Angeli im lặng có vẻ suy nghĩ:

- Ở đâu mà bác sĩ muốn người thám tử này vậy?

- Tôi chỉ kiếm tình cờ trong quyển điện thoại niên giám mà thôi.

Angeli nuốt nước bọt có vẻ khó khăn, ngập ngừng trước khi hỏi:

- Như vậy là bác sĩ không biết tí gì về anh ta trước đó?

- Vâng. Nhưng tôi tin tưởng anh ta hoàn toàn. Anh ta làm việc coi bộ đàng hoàng có vẻ nhà nghề lắm.

Angeli buông thông một câu khô khan:

- Kể từ bây giờ ông không thể tin tưởng ai hết cả.

Brian phản đối:

- Tôi thấy thám tử Norman không có lý do gì để hại tôi hoặc liên hệ gì về mấy cái chết trước. Tôi chỉ chọn tên anh ta một cách ngẫu nhiên mà thôi.

Angeli nói với vẻ khó chịu:

- Tôi không cần biết ông kiếm ở đâu ra hán nhưng tôi đánh hơi chuyện này có gì không ổn. Hán ta nói đặt bẫy để chờ kẻ sát nhân vào trông nhưng không cho ông biết hán đặt bẫy cách nào. Hán ta khám phá ra trái bom đặt ở xe hơi ông. Biết đâu chính hán ta đặt rồi làm bộ đổ hồ cho

người khác để ông tin tưởng hẳn?

- Ông muốn nói gì thì nói... nhưng...

Angeli cắt ngang:

- Có thể ông bạn Norman của ông đang dàn cảnh để cho ông vào tròng. Ông phải bình tĩnh làm như không chút nghi ngờ để mình điều tra hẳn thử coi.

Trời ơi, cả Norman cũng muốn hại Brian? Thật là khó tưởng tượng nổi. Lúc đầu tiên Brian cũng có tư tưởng này thoáng qua trong đầu nhưng sau đó nghĩ lại, Brian thấy mình vô lý vì ông chỉ bốc đại một tên trong quyển điện thoại mà thôi chứ có phải anh ta tự ý đến xin làm việc điều tra đâu? Brian nói yếu xìu:

- Vậy anh muốn tôi phải làm gì?

- Ông nghĩ thế nào nếu tôi đề nghị ông rời khỏi thành phố này. Rời xa thật sự, đi chỗ khác một thời gian?

- Nhưng tôi không thể bỏ thân chủ của tôi nửa chừng được. Hơn nữa, có thật sự là tôi đi khỏi nơi này sẽ giải quyết được mọi vấn đề hay không? Mà tôi phải chạy trốn ai? Nếu tôi vắng mặt một thời gian, đến khi tôi trở lại đây thì mọi việc lại như cũ, lại những cái chết không nguyên do, lại những kẻ theo hại tôi mà tôi không biết vì lý do gì...

Cả hai im lặng không nói thêm một tiếng nào. Angeli lên tiếng phá tan bầu không khí nặng nề:

- Bác sĩ nói cũng có lý lắm. Vậy chừng nào bác sĩ mới liên lạc lại với tên thám tử Norman?

- Tôi cũng không biết nữa. Anh ta nói anh ta nghi ngờ là có một người, nào đó đứng đằng sau mấy vụ này.

- Ông có nghĩ rằng kẻ nào đứng đằng sau đó sẵn sàng trả tiền cho tên thám tử nhiều hơn ông không? - Angeli nói bằng giọng hấp tấp - Khi nào hẳn ta điện thoại đòi gặp bác sĩ, ông hãy điện thoại cho tôi gấp nhé. Ngày mai tôi vẫn còn ở nhà. Nhớ đừng có đi gặp tên thám tử này một mình, nguy hiểm lắm.

Brian cố bênh vực cho anh chàng thám tử ông địa:

một sáng mù sương

Sáng mù sương! Sáng mù sương! Los Angeles ôi buồn quá em! Sáng rồi mà tưởng còn đêm, hết nghe tiếng dế bên thềm gọi khuya. Mùa đông đã đến, không dè; mới thu phơ phất, mới hè đó thôi...

Đèn đường, những đốm ma trời, giống như sao rụng nửa vời âm ti! Tay tôi còn rẽ đường đi, mà chân cứ muốn quay về kiếm ai. Tối lui, cũng một đường dài, đi đâu rồi cũng bên ngoài núi sông! Los Angeles mệnh mông. Quê hương chút nhớ trong lòng bao la...

Sương bay, ô sương đang sa. Tôi đưa tay hái cành hoa, ghen ngào. Sương là nước mắt tôi sao? Hối, không nghe đáp tiếng chào bình minh! Tôi đang thức, vẫn giật mình. Giọng em thẳng thốt, hoà bình, ôi chao! Ở đây không đạn bom gào, sương giăng trắng, nhớ những rào kẽm gai!

Sương mù ơi, sáng hôm nay. Đi thêm thì sợ xa ai, thôi về. Mà về... thì vẫn xa quê, em ơi nghe chút tiếng gì như thơ?

trần văn lệ

- Anh đặt nghi ngờ không đúng chỗ. Chỉ vì anh ta tháo trái bom trong xe tôi mà anh cho anh ta là thủ phạm?...

Angeli lên tiếng lấp liếm:

- Còn nhiều điểm lắm chứ không phải chỉ một. Tôi có linh tính là ông chọn lầm người rồi đó.

Brian hoang mang, cảm thấy sợ hãi trong lòng. Brian hứa với Angeli khi nào anh chàng Norman điện thoại liên lạc thì ông sẽ báo cho Angeli biết liền.

Gác điện thoại xong, Brian ngồi chờ người ra ghế. Chàng cảnh sát Angeli này coi bộ nghi ngờ quá độ, gặp ai cũng có thể đặt nghi vấn. Có thật là Norman đã đặt trái bom trên xe Brian rồi tự tháo ra để khiến Brian phải đặt tin tưởng ở anh ta? Nếu sự thật là vậy thì mạng sống của Brian như trao vào tay chàng này. Chỉ cần anh ta điện thoại hẹn gặp Brian ở một địa điểm vắng vẻ nào, Brian lò dò đến thì anh chàng sẽ thủ tiêu

Brian dễ ợt. Nghĩ đến đó Brian rùng mình. Brian nhớ lại lúc gặp Norman lần đầu, Brian có cảm tưởng anh chàng này giống như hề, không có vẻ gì thông minh, cười cười, giỡn giỡn như đồ khùng nên ông định bỏ về. Nhưng cá tánh khôi hài này cũng đâu thể nghi ngờ anh ta là kẻ sát nhân?

Vừa lúc đó có tiếng gõ cửa ở phòng tiếp tân phía ngoài. Brian liếc nhìn đồng hồ. Đúng là Anne đã tới. Brian vội vàng thu mấy cuốn băng bỏ vào tủ khoá lại rồi mở cửa bước ra.

Anne đang đứng ở hành lang. Hôm nay nàng mặc một bộ đồ màu xanh dương đậm, thêm chiếc nón trắng trông nàng có vẻ xinh đẹp và sang trọng như một mệnh phụ phu nhân. Trông nàng có vẻ lo nghĩ chuyện gì, đôi mắt nhìn lên trần nên không để ý đến Brian đang đứng ngấm nàng. Brian hắng giọng lên tiếng:

- Chào bà.

Anne giật mình quay lại, mỉm cười chào Brian. Brian đưa tay mời nàng bước vào phòng khám bên trong. Anne đi ngang Brian, đôi mắt tím thẫm nhìn ông có vẻ thân tình:

- Người ta tìm ra thủ phạm đựng ông rồi bỏ chạy chưa?

Brian thấy rung động trong lòng khi thấy nàng có vẻ để ý đến tai nạn xảy đến cho ông. Brian nôn nao muốn kể hết mọi chuyện đã xảy ra mấy ngày qua cho người đẹp nghe nhưng suy nghĩ lại, Brian thấy mình không thể gọi lòng thương hại của một người đẹp, hơn nữa rủi có gì nguy hiểm đến nàng thì Brian không thể chịu được.

Brian vừa đưa tay chỉ chiếc ghế vừa lắc đầu:

- Chưa ạ.

Anne vẫn nhìn Brian dăm dăm có vẻ ái ngại:

- Bác sĩ không sao chứ? Trông bác sĩ có vẻ mệt mỏi. Thế bác sĩ có định nghỉ ngơi một thời gian trước khi làm việc trở lại hay không?

Trời đất. Brian thấy rướm rướm nước mắt nhưng ông phải cố nén cơn bão trong lòng. —t ra cũng có kẻ thương hại cho những sự khốn khổ mà Brian đã trải qua trong mấy ngày qua. Nhưng Brian không thể nhận sự thương hại từ Anne.

- Cảm ơn bà, tôi không sao. Tôi đã điện thoại huỷ mọi cái hẹn với bệnh nhân ngày hôm nay nhưng chỉ riêng bà tôi không thể liên lạc được nên tôi phải đến đây đợi bà.

Mặt Anne có vẻ lo lắng. Nàng có vẻ ân hận khi biết chỉ một mình nàng mà ông bác sĩ đã đến phòng mạch trong khi đáng lý ra ông ta đã nghỉ ngơi ở nhà. Nàng nói nhỏ:

- Xin lỗi... Phải chi tôi cho bác sĩ số điện thoại...

Nhưng Brian đã hấp tấp cắt ngang:

- Không, chính tôi cũng thích ra đây để gặp bà đó chứ.

Brian đã thốt ra những lời nói không kiềm giữ được. Ông biết hôm nay là cái hẹn chót Anne đến đây nên ông cũng muốn gặp nàng lần

cuối cùng. Biết đâu rồi đây nàng sẽ như bóng chim tăm cá biết khi nào mới gặp lại người trong mộng?

- Bà vẫn khoẻ chứ?

Anne ngập ngừng muốn nói một điều gì nhưng sau đó nàng chỉ nhẹ nhàng:

- Cảm ơn tôi vẫn thường, chỉ hơi phiền muộn một chút.

Nói câu này, Anne nhìn thẳng vào mắt Brian như muốn nói một điều ẩn ức trong lòng nhưng không thể thổ lộ được. Brian thấy tất cả sự dịu dàng trong đôi mắt. Tự dưng ông cảm thấy một hơi nóng lan khắp người ông, trái tim ông rung động như một sinh viên thời còn ở đại học nên ông đành đánh trống lảng:

- Chùng nào bà mới đi Âu châu?

- Dạ trước Giáng sinh một ngày.

- Bà đi chung với chồng hả? - Brian thấy mình ngu ngơ khi hỏi câu này nên nói tiếp - Bà sẽ đi nước nào?

- Khắp nước Âu châu, nay Pháp, mai Bỉ... Không biết trước được.

Nói xong Anne nhìn xuống đất nói nhỏ:

- Đây giống như tuần trăng mật thứ nhì của chúng tôi...

Brian nhìn khuôn mặt của người đẹp. Nói câu này nhưng khuôn mặt nàng không có vẻ gì vui tươi hạnh phúc mà trái lại có vẻ u buồn, giọng nói bình thản như một người cam phận. Nếu như một người đàn bà đang yêu và được yêu, đi du lịch thế giới với chồng thì còn gì sung sướng bằng, chứ không thể như Anne. Giọng nói của nàng có vẻ gượng gạo như để che giấu một sự căng thẳng nào đó, hay chỉ do trí tưởng tượng của Brian?

- Bà đi... đi bao lâu?

Anne mỉm cười nhẹ:

- Tôi cũng không biết nữa. Tony, chồng của tôi hoạch định mọi việc không thể nào định trước được.

- À ra vậy.

Brian nhìn xuống đất, trong lòng hơi thấy buồn. Anne phải theo chồng là đúng rồi. Hôm nay là buổi hẹn chót ở phòng mạch. Brian cố nuốt nước bọt nói giọng bình thường.

- Đáng lý ra tôi không làm hẹn

cho bà ngày hôm nay vì tôi không có gì để chữa bệnh cho bà. Tôi chỉ muốn gặp bà lần chót để chào giã biệt.

Anne nói nhẹ như hơi thở:

- Tôi biết. Chính tôi cũng muốn đến để từ giã bác sĩ.

Giọng nói của nàng dâng đầy cảm xúc khiến Brian phải nhìn vào đôi mắt nàng để dò xét. Anne đứng dậy như sửa soạn từ giã. Hai đôi mắt im lặng nhìn nhau. Tình cảm trong lòng Brian dâng lên rạt rào. Ông tiến lên vài bước nhưng vội dừng lại. Không, ông không thể biểu lộ cảm xúc của mình được. Có thể gây nguy hiểm cho Anne. Tình cảnh của Brian mấy ngày qua với kẻ thù rình rập ngày đêm không cho phép ông nghĩ đến chuyện gì khác hơn. Nghĩ như thế, Brian cất giọng bình tĩnh nói xã giao:

- Chúc bà đi chơi vui vẻ. Nhớ gửi bưu thiếp những nơi bà đi qua cho tôi nhé.

Anne im lặng nhìn Brian một hồi lâu mới nhỏ nhẹ nói:

- Vâng. Bác sĩ nhớ giữ gìn sức khoẻ nhé.

Brian gật đầu, không dám thốt lên tiếng nào sợ tình cảm lại dâng trào lên. Anne giơ tay bắt và xoay lưng đi ra cửa.

Chuông điện thoại reo mấy tiếng Brian mới nghe và chạy vội lại bốc máy. Có tiếng của chàng thám tử Norman ở đầu giây bên kia:

- Ông đốc đang ở nhà một mình đó hả?

- Vâng.

Giọng nói của anh ta có vẻ hấp tấp, nôn nao cách khác lạ và Brian không thể phân biệt được là anh ta đang sợ hay vừa khám phá ra chuyện bí mật gì đây.

- Ông đốc... ông có nhớ là tui có nói với ông đốc tôi nghi ai là thủ phạm ở đằng sau mấy vụ này không?...

- Có...

- Mối nghi của tui đúng chóc đó ông đốc.

Brian nghe lạnh ở xương sống,

ông lấp bắp:

- Nói vậy là anh biết ai đã giết ông Hanson và Carol?

- Phải. Và nạn nhân kế tiếp sẽ là ông đó bác sĩ!

Brian đâm ú ớ:

- Nói cho tôi biết...

Norman hấp tấp cắt ngang:

- Tui không thể nói qua điện thoại. Chúng mình nên hẹn một chỗ nào vắng vẻ để tui kể mọi chuyện cho ông đốc biết. Nhưng ông đốc phải đi một mình đến.

Brian nhìn trừng trừng vào máy điện thoại. *Đến một mình!* Cảnh sát Angeli đã dặn ông là đừng mắc mưu Norman mà gặp gỡ một chỗ riêng tư nào.

Norman nghe Brian im lặng không nói gì bèn giục giã:

- Ông đốc có nghe tui nói không?

- Có. Brian hấp tấp lên tiếng. Trong đầu Brian văng vẳng tiếng của Angeli. *Bất cứ chuyện gì ông định làm, nhớ là đừng đi gặp anh chàng thám tử này một mình, nguy hiểm lắm.* Brian cố câu giờ:

- Tại sao anh lại muốn gặp một mình tôi.

- Bởi vì tui nghĩ là tui đang bị theo dõi. Tui đang nằm tận hang hùm. Tui kêu cho ông đốc ở hăng thịt đông lạnh Ngũ Sắc ở đường thứ 23, gần bến tàu đó.

Đầu óc Brian suy nghĩ dữ dội. Brian không tin những lời cảnh sát Angeli cho là thám tử Norman đang đặt một cái bẫy để hại ông nhưng ông cũng cố thử một bài toán:

- Để tôi đi đến với cảnh sát Angeli nhé.

Giọng của chàng mập cắt lên khó khăn:

- Không. Ông đốc phải đến một mình.

Brian tưởng tượng đến khuôn mặt ông địa ở đầu giây bên kia. Thật khôi hài nếu hán ta tính tiền công Brian mỗi ngày một trăm rưỡi để đặt cái bẫy hại chính Brian. Ông cố lấy giọng bình thản:

- Được rồi, tôi sẽ đến đó. Nhưng anh có chắc là anh biết thủ phạm mấy vụ sát nhân này không?

hà tất

*Nếu một mai thơ cao rượi lớn
Ngắm băng nguyên tuyết đảo phương tây
Hà tất đã bình sinh hảo hớn
Cho trăm năm phần hận lưu đây.*

cao hoàng nhân



- Chắc chắn một trăm phần trăm. Ông đốc có nghe cái tên Don Vinton không? Nhưng để một lát gặp mặt tui sẽ nói cho ông nghe. Nói xong Norman cúp máy.

Brian ngồi yên lặng như trời trồng, suy nghĩ dữ dội. Ông nên nghe theo lời của Angeli hay là Norman? Cuối cùng, Brian nhắc điện thoại quay số nhà của cảnh sát Angeli.

Chuông reo 5 lần mà không ai nhắc máy. Brian hồi hộp cầu mong Angeli có nhà để giúp ý kiến là ông có nên đi đến chỗ hẹn hay không. Brian sắp sửa cúp máy thì có tiếng Angeli. Brian nói ngay:

- Angeli đó hả. Bác sĩ Brian đây. Thám tử Norman vừa mới gọi cho tôi.

Giọng của Angeli có vẻ kích thích hẳn lên:

- Vậy hả? Hán ta nói gì?

Brian ngần ngại. Ông thấy mình hơi bất công khi nghi ngờ ông địa thám tử này là thủ phạm theo như lời kết án của Angeli. Nhưng đã lỡ điện thoại rồi chẳng lẽ Brian lại chối quanh.

- Anh ta kêu tôi đi đến hăng thịt "Ngũ sắc" gặp anh ta một mình ở đó.

Angeli cười gằn ở đầu giây bên kia:

- Tôi đã đoán trước là thế nào hán cũng đòi bác sĩ đến một mình đó mà. Ông nhớ đừng đi đâu hết, ở tại văn phòng, để tôi gọi cho trung úy Andrew rồi cả hai chúng tôi sẽ chạy đến đón ông đi cùng.

- Vâng.

Đặt máy xuống. Brian tự dưng cảm thấy buồn. Ông vẫn tin tưởng anh chàng thám tử ông địa này không thể nào là thủ phạm. Anh ta nói năng cà giỡn nhưng làm việc có hiệu quả. Brian thấy mến anh ta nhưng đám cảnh sát lúc nào cũng gieo ý tưởng nghi ngờ cho tất cả mọi người. Chẳng lý nào Norman đặt cái bẫy cho Brian đến rồi giết ông?

Chương 13

Hai mươi phút sau Brian nghe có tiếng chuông bấm cửa, ông vội vã khoá cửa phòng mạch đi ra ngoài. Angeli mặt mũi đỏ ngầu chứng tỏ người đang bị cơn cúm hành hạ. Trung úy Andrew chỉ gật đầu chào Brian với khuôn mặt lạnh lùng cố hữu. Angeli lên tiếng:

- Tôi điện thoại cho trung úy biết là thằng cha thám tử Norman có điện thoại để hẹn bác sĩ đến một địa điểm có thể nguy đến tính mệnh của bác sĩ.

Trung úy Andrew nói giọng nhất gừng:

- Bây giờ mình đi ngay đến đó để coi chuyện quái quỷ gì đây.

Cả ba người leo lên chiếc xe cảnh sát số dân sự, nhắm hướng bờ sông chạy. Angeli lái xe. Tuyết vẫn lất phất rơi trong khung cảnh xám xịt. Angeli chạy đến địa chỉ mà Norman đã hẹn với Brian. Gần đến hăng thịt, trung úy Andrew giơ tay ra hiệu cho Angeli dừng xe lại, quay đầu hỏi Brian:

- Hán ta có nói là sẽ gặp ông ở

chỗ nào nhất định không?

- Dạ không, anh ta chỉ nói là gặp ở hăng thịt đông lạnh Ngũ Sắc.

- Vậy thì mình đậu xe chỗ này và đi lại đó. Andrew ra lệnh.

Lúc này mưa tuyết rơi xuống làm đường phố lầy lội dơ dáy. Andrew móc cây súng lục giấu sau lưng ra, bỏ vào túi áo khoác. Ông ra lệnh cho Brian:

- Ông hãy theo sát sau lưng chúng tôi.

Ba người thận trọng tiến tới tòa cao ốc cũ kỹ cách đó không xa. Đến gần cổng, có một tấm bảng hiệu đã phai mờ nước sơn: "Công ty đóng gói thịt Ngũ Sắc". Khung cảnh xung quanh yên lặng như tờ, không bóng dáng một chiếc xe tải hay xe du lịch nào cả. Hai người cảnh sát tiến đến cạnh cổng đóng kín mít được khoá bên trong. Họ không tìm thấy chuông bấm chỗ nào cả. Andrew và Angeli đứng bên cánh cổng nghe ngóng động tĩnh phía bên trong. Angeli phát biểu:

- Coi bộ cơ xưởng đóng cửa rồi. Hôm nay là thứ sáu, tuần lễ trước Giáng sinh nên mấy cơ xưởng hay đóng cửa sớm cho nhân viên đi về.

- Có thể lắm. Andrew đồng ý.

- Nhưng ít ra cũng phải có một cửa hậu nào chứ?

Brian hồi hộp bám sát theo hai người cảnh sát đi vòng phía sau tòa cao ốc. Họ tìm thấy cửa nhỏ bên hông dùng để chuyển hàng hoá, phía trước có một chiếc vận tải trống rỗng không có hàng. Cả ba người ló đầu vào nhìn xuống tấm ván gỗ kê dẫn xuống kho hàng bên dưới. Cảnh vật im vắng, không một tiếng động, không một bóng người nhưng tại sao cửa lại mở vậy cả?

Hai người cảnh sát lần theo chiếc thang gỗ chuyển hàng vào bên trong. Brian không rời họ nửa bước. Trung úy Andrew quay lại Brian ra lệnh:

- Bây giờ ông lên tiếng cho anh chàng thám tử của ông biết đi.

Brian thoáng chút ân hận vì đã nói dối với Norman, không đến đây một mình, lại dẫn theo hai ông cớm. Nhưng rồi Brian cũng cất cao giọng

lên:

- Norman, tôi đến rồi nè!

Brian lên tiếng gọi mấy lần cả thảy nhưng vẫn không thấy bóng dáng anh chàng thám tử hoặc tiếng trả lời. Trung úy Andrew nhanh nhẹn tiến đến cánh cửa ăn thông vào kho hàng. Angeli chạy đến kê vai đẩy mạnh và cánh cửa mở toang ra không có khoá. Mọi người đưa mắt nhìn nhau. Kho hàng không làm việc tại sao người ta lại sơ ý để cửa mở như thế này?

Phòng bên trong tối om. Andrew quay lại hỏi người nhân viên của mình:

- Cậu có đem theo quẹt lửa không?

- Không.

Andrew buông ra tiếng chửi thề nhỏ. Ba người vịn vách lần mò tiến vào bên trong. Brian lại lên tiếng:

- Norman đâu, bác sĩ Brian đây...

Vẫn không tiếng động ngoại trừ tiếng chân của ba người. Andrew lục túi trên túi dưới và moi ra được mẩu diêm giấy. Ông bật lửa và cầm giơ lên cao nhưng ánh sáng vàng vọt không đủ soi sáng cảnh vật chung quanh, ông nói to lên:

- Kiểm công tác đèn nhanh lên. Chỉ còn mấy que diêm mà thôi.

Angeli quờ quạng lần vách tiến vào bên trong. Sau một phút ngẩn ngui, chiếc diêm tắt ngúm. Brian tiến tới phía trước nhưng khung cảnh chung quanh tối đen như mực, ông không biết hai người cảnh sát ở đâu, chỉ nhắm theo tiếng của họ mà bám sát. Brian kêu to lên:

- Norman! Anh đâu rồi?

Brian nghe tiếng của Angeli ở cuối phòng:

- Tìm ra công tác điện đây rồi.

Mọi người nghe tiếng "clic" nhưng cảnh vật vẫn tối đen. Angeli lâu bầu:

- Chắc họ tắt cầu chì nên mở mà không cháy đèn.

Brian đụng đầu vào vách đau điếng. Tay ông sờ soạng trên vách và đụng phải nắm cửa. Brian nắm hột xoài và giơ tay kéo mạnh. Cánh cửa mở cùng lúc một làn hơi lạnh từ

bên trong toả ra. Brian mừng rỡ nói lớn:

- Tôi kiếm ra một cái cửa đây rồi.

Brian nghe tiếng chân dò dẫm đi về phía ông. Ông thận trọng bước vào bên trong phòng lạnh. Tim ông đập thình thịch. Đây là phòng lạnh ướp thịt để cho vô bao. Phòng này cũng tối đen như mực. Brian nghe có tiếng cửa mở và đóng lại thì biết là hai người cảnh sát đã theo ông vào trong nên đỡ lo ngại. Brian lại cất cao giọng:

- Norman! Norman!..

Bầu không khí im lặng đến nặng nề cộng thêm khí lạnh khiến Brian run mình. Trời ơi, anh chàng thám tử ông địa đâu rồi. Anh chàng đã điện thoại kêu Brian đến chỗ hẹn nơi đây mà? Nếu anh ta không đến thì thật Brian không biết phải ăn nói làm sao với ông trung úy hắc ám Andrew đây? Lần này chắc ông ta nổi nóng và cho là Brian bịa đặt để giỡn mặt với nhân viên công lực. Trong bóng đêm nhưng Brian vẫn nghe mùi tanh của thịt tươi, mùi của máu đông lạnh. Brian đụng vào mấy tảng thịt heo, thịt bò treo lủng lẳng từ trên trần nhà xuống để chờ vô bao. Một chiếc diêm nữa vừa được Andrew đánh lên, leo lét soi một vùng ánh sáng nhỏ ở góc phòng. Brian thấy mờ mờ đàng xa có một cánh cửa nhỏ. Brian lại cất giọng:

- Norman, anh có ở đây không?

Brian nghe tiếng lâu bầu của hai người cảnh sát đàng sau lưng. Brian thầm nghĩ, nếu anh chàng Norman mà trốn trong này thì thiệt tình anh chàng có máu tếu và khùng tận mạng mới chọn phòng đông lạnh mà chui vào đây.

Dò dẫm đi gần lại cánh cửa, Brian đụng phải một vật gì ẩm treo từ trên trần nhà xuống khiến ông ngã nhào xuống đất. Andrew tiến đến bật que diêm cuối cùng. Ánh sáng vàng vọt soi rõ một cảnh tượng ghê rợn. Xác một người đàn ông mất trợn trừng bị treo trên móc thịt bò. Brian vừa nhận ra xác của thám tử Norman thì que diêm cũng vừa tắt ngúm.

(còn tiếp)

dấu chân trên cát

NGUYỄN PHONG

(phóng-tác)



(tiếp theo)

Ngay lúc đó Akhenaten quay ra nói với Horemheb:

- Ta phải trở về Memphis ngay, người hãy cho gọi Mekere đến gặp ta. Chuyện này phải giải quyết cấp tốc chứ không thể để lâu được.

Quan Thiên Giám vội vã lên tiếng:

- Xin Pharaoh hãy bảo trọng, sự việc sắp xảy ra lành ít dữ nhiều...

Akhenaten thần nhiên gật đầu:

- Người hãy yên chí, ta biết giữ mình.

Sau khi Akhenaten và Horemheb đi khỏi, vị quan Thiên Giám già ngồi trầm ngâm, suy nghĩ một lúc rất lâu rồi lên tiếng:

- Dù Pharaoh có đề phòng cẩn thận nhưng ta vẫn thấy có điều chi không ổn. Ta thường quan sát sự thay đổi biến chuyển của các bầu tinh tú rất kỹ và bàn với Pharaoh. Mọi lần chúng ta thường đi đến một kết luận chung, nhưng lần này ta thấy Pharaoh có vẻ chủ quan hơi nhiều. Đây Sínuhe, từ ngàn xưa, nhờ nghiên cứu về khoa Chiêm tinh, người Ai Cập đã biết ba động lực quan trọng phát xuất từ ba hành tinh thuộc chùm sao Thần Nông (Orion) có ảnh hưởng rất lớn đến những thay đổi trên mặt địa cầu. Vào những ngày giờ nhất định, ba bầu tinh tú này thường rơi xuống địa cầu những luồng thần lực rất mạnh, do đó các bậc trưởng lão Ai Cập đã cho xây cất ba Kim Tự Tháp nằm ở ba vị trí tương ứng với ba bầu tinh tú kia, để chiêu cảm các động lực thiêng

liêng đó. Từ ngàn xưa, người Ai Cập đã thực hành các buổi lễ điểm đạo huyền bí cho những bậc đạo trưởng trong những Kim Tự Tháp này. Đến thời Pharaoh Narmer, người đã thống nhất Ai Cập và thành lập một chính quyền trung ương, thì ông đã dựa theo qui tắc của ba nguồn thần lực kia mà tổ chức một guồng máy điều hành quốc gia gồm ba động lực chính: Pharaoh, vị lãnh đạo tối cao của dân Ai Cập; các giáo sĩ lo việc tinh thần và thờ phụng thần linh; các võ quan, chỉ huy lực lượng quân sự có bốn phận gìn giữ an ninh, luật pháp trong nước. Sự liên hệ và hỗ tương của ba động lực này sẽ giúp đỡ cho việc phát triển nền văn minh Ai Cập. Trải qua hàng ngàn năm nay, việc tổ chức quốc gia theo qui tắc này vẫn không thay đổi nhưng hiện nay ta thấy giữa Pharaoh và giới giáo sĩ đã có những rạn nứt, càng ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Ta lo rằng việc này sẽ đưa đến những hiểm khích và một biến chuyển lớn sẽ xảy ra.

- Pharaoh có biết như thế không?

- Hiển nhiên Akhenaten có chủ trương riêng, do đó lần này chúng ta không đồng ý với nhau. Theo sự nhận xét của ta thì Ai Cập đang bước vào một giai đoạn thoái hoá bởi những ảnh hưởng hắc ám nên việc phục hồi nền minh triết của thời đại hoàng kim là điều không thể xảy ra được.

- Phải chăng Pharaoh Akhenaten không đồng ý với ông?

- Đúng thế. Ông cho rằng đã đến

lúc phải thay đổi toàn diện để đưa Ai Cập bước vào một thời kỳ mới. Hẳn người cũng biết Akhenaten là một con người khác thường. Ông rất thông minh và có một cái nhìn bao quát, vượt xa những nhà thiên văn như ta. Ông cho rằng những kẻ như ta chỉ thấy những sự kiện xảy ra trong một giới hạn chứ không thấy rõ hoàn toàn tiến trình biến hoá của vạn vật. Tuy cùng quan sát thiên văn nhưng sự nhận xét của ông về việc di chuyển và ảnh hưởng của các bầu tinh tú lại khác hẳn ta. Ông chủ trương phải vượt lên trên những giới hạn thông thường để hiểu được cái trật tự thiêng liêng của tạo hoá. Đây là điều mà ta không thể hiểu nổi...

Vài hôm sau tôi đang nghiên cứu học hỏi bỗng nhận được lệnh gọi phải trở về Memphis ngay vì Thái hậu Taiya đang lâm bệnh nặng. Lệnh này do một tên nô lệ thân tín của công chúa Baketamon cầm đến nên tôi không nghi ngờ gì, vội vã lên đường ngay. Đến Memphis thì trời đã về khuya. Thay vì đi bằng cửa chính, tên nô lệ đưa tôi vào cung qua một đường hầm bí mật được quân sĩ canh phòng rất cẩn thận. Căn phòng của Thái hậu Taiya vắng vẻ, không có cung nữ hầu cận như mọi khi mà chỉ có công chúa Baketamon đang đứng chờ mà thôi. Thái hậu Taiya ngồi trên chiếc ghế bành quen thuộc, một tay bà cầm ly rượu lớn, tay kia đặt lên trên miếng chân đan bằng loại sợi Phalon.

- Đã lâu lắm ta không gặp người, nghe nói người bị trừng phạt phải đi đến các đạo viện học hỏi thì phải...

Tôi vội bước đến chần bệnh nhưng không thấy bà có triệu chứng gì bất thường như lời ghi trên tờ giấy mà tên nô lệ cầm đến. Thái hậu Taiya bật cười:

- Ta cần gặp người vì có việc muốn nói riêng với người nên ra lệnh như thế đó.

- Thái hậu nói gì, thần không hiểu?

- Người không cần phải hiểu trong lúc này. Hẳn người vẫn biết ta xuất thân là con nhà thuyền chài ở làng

Phalon. Năm xưa Pharaoh Amenophis đi dạo sông, thấy ta đang giăng lưới bắt cá nên gọi ta vào hầu. Ta tuy xấu xí chẳng thể so sánh với các phi tần cung nữ nhưng vì khoẻ mạnh, ta làm Pharaoh vui lòng nên được đưa vào cung. Chỉ vài hôm ta đã thấy cuộc sống huy hoàng long lẫy trong cung chỉ là một bãi chiến trường với các nhóm phi tần, cung nữ tranh giành ảnh hưởng để được ơn mưa móc của Pharaoh. Phần lớn những người này được tuyển chọn từ các gia đình quyền quý, những người trong hoàng tộc. Họ được nuôi dưỡng, huấn luyện từ nhỏ để trở thành phi tần, cung nữ nên ít ai biết gì về các thủ đoạn gian trá ngoài đời. Họ chỉ biết ghen tuông, đố kỵ, nói xấu lẫn nhau mà thôi. Phần ta là con gái dân giả nghèo hèn, va chạm thực tế đã nhiều, kinh nghiệm giang hồ nên chỉ một thời gian ngắn, ta đã mua chuộc hầu hết các nô lệ trong cung. Ta bành trướng thế lực qua việc giao thiệp với các giáo sĩ, nhất là các giáo sĩ thờ Amun và hứa hẹn cho họ rất nhiều quyền lợi. Chẳng mấy chốc các phe phái phi tần, cung nữ trong cung đều bị ta thu dụng; những kẻ chống đối bị ta bỏ thuốc độc cho chết dần mòn, có kẻ bị tà thuật của các giáo sĩ làm cho điên loạn. Sau đó các quan trong triều từ nhỏ đến lớn cũng ít nhiều bị ta mua chuộc. Trong khi Pharaoh lo việc chinh chiến khắp nơi thì trong triều đình ta cũng bành trướng thế lực không kém. Năm sau ta có thai nhưng lúc đó Hoàng hậu Ptelomy cũng đã có thai vài tháng trước. Dĩ nhiên là con của một phi tần, con ta không thể tranh ngôi vị với con của hoàng hậu được nên ta âm mưu tráo đứa con mới sinh của bà bằng xác một con mèo chết. Ta muốn giết đứa bé này nhưng trong cung dễ gì mà giấu xác một đứa bé nên ta đành mang nó bọc vào chiếc chăn mà ta đã tự tay đan lấy, rồi bỏ vào giỏ thả trôi trên sông như những đứa trẻ vô thừa nhận khác. Năm Sinuhe, đó là một ngày trăng tròn cách đây gần ba mươi năm... Sở dĩ ta làm thế vì nếu ai bắt gặp thì cũng nghĩ rằng nó chỉ là một giọt máu vô

thừa nhận của một cô gái làng Phalon nào đó mà thôi...

Thái hậu Taiya ngừng nói rồi nhìn thẳng vào mặt tôi. Tôi bàng hoàng, chân tay rụng rời, mồ hôi toát ra đầy áo, lấp lấp:

- Thái hậu... Thái hậu... bà không đùa đấy... chứ...

- Không, ta không nói đùa đâu. Chiếc chăn lót nôi của người được đan bằng sợi Phalon chỉ là một phần của chiếc chăn ta vẫn giữ bên mình này. Ta chắc người nhận ra nó...

- Tôi... tôi... không tin.

Thái hậu Taiya nghiêm trang:

- Năm Sinuhe, phải chăng ở dưới của người có một vết bầm rất sâu?

- Sao... tại sao bà biết?

- Ha ha ha, ta phải biết chứ vì chính tay ta đã làm dấu vào đó. Năm Sinuhe, ngay từ khi gặp người, nghe kể chuyện về thân thế mơ hồ của người, ta đã biết người chính là con của Hoàng hậu Ptelomy.

- Nếu thế... mẹ tôi... mẹ tôi hiện nay ra sao?

- Ha ha ha, như vậy hẳn người đã nhận rằng người chính là con của Hoàng hậu Ptelomy chứ gì? Hay lắm! Hay lắm! Một hoàng hậu của Ai Cập lại đẻ ra một con mèo đen thì còn ra thể thống gì nữa. Các giáo sĩ bèn thưa với Pharaoh rằng chắc hẳn hoàng hậu có liên hệ với các loài ma quái nên mới đẻ ra một con mèo như thế. Pharaoh bèn ra lệnh thắt cổ Ptelomy và đốt xác bà ra tro bụi ngay. —t lâu sau, ta sinh hạ một hoàng nam và được phong là hoàng hậu. Năm sau ta còn sinh thêm một công chúa nữa, củng cố địa vị mình đến ngày nay. Năm Sinuhe, người có biết tại sao ta lại kể chuyện này ra cho người biết không?

- Tại sao?

- Vì ta muốn người biết rằng trong mình người có mang dòng máu thiêng liêng của hoàng gia.

- Để làm gì?

Ngay lúc đó có tiếng ồn ào xôn xao bên ngoài. Thái hậu Taiya bình tĩnh nói:

- Năm Sinuhe, có những việc mà

lúc này người không thể hiểu đâu nhưng theo thời gian, người sẽ hiểu.

Một tên nô lệ bên ngoài bước vào nói nhỏ với Thái hậu Taiya. Bà bình tĩnh phát tay ra hiệu cho tên nô lệ lui ra rồi nói với tôi:

- Năm Sinuhe, người và Baketamon hãy tạm lánh mình vào căn phòng nhỏ kia. Bằng mọi giá, người chớ xuất đầu lộ diện vì nếu không, tính mạng người khó mà bảo toàn.

Tôi còn đang hoang mang thì công chúa Baketamon đã kéo phát tôi vào căn phòng nhỏ cạnh đó. Tôi đứng trong phòng nhưng đầu óc quay cuồng bởi hàng trăm ngàn câu hỏi. Tôi đang ôm đầu suy nghĩ thì nghe có tiếng quân sĩ võ trang đi lại rầm rập ở ngoài hành lang rồi có tiếng hô lớn:

- Pharaoh đã đến!

Có tiếng chân người bước vào phòng rồi tôi nghe Akhenaten đang háng:

- Thừa mẹ, con được biết chính mẹ đã ra lệnh giết Ptah, giáo sĩ trưởng phái Amun và hơn hai mươi vị quan trong triều.

Thái hậu Taiya thản nhiên trả lời:

- Đúng thế, những đứa nào muốn làm phản, ta cho giết ngay.

Akhenaten im lặng một lúc rồi nhẹ nhàng:

- Hiện nay không phải như xưa để một cá nhân có quyền sinh sát như thế. Việc này không thể chấp nhận được...

- Tại sao lại không? Hẳn Pharaoh cũng biết đây không phải là lần đầu ta ra lệnh giết người.

- Nhưng đây sẽ là lần cuối vì từ nay con sẽ ra lệnh cho khoá chặt cửa cung điện này lại. Kể từ nay, đây sẽ là nơi bất khả xâm phạm, không ai được ra vào nữa. Bây giờ con mới hiểu tại sao khi phụ vương vừa qua đời, chú Kira lập tức cho người đến giết mẹ và em Baketamon...

- Khá lắm! Bây giờ Pharaoh mới biết quyền hành Ai Cập thực sự nằm trong tay ai hay sao? Phải đấy, chính ta là người nắm quyền chỉ huy Ai Cập trong bao năm nay. Cha của người chỉ

là một lão già mệt mỏi, bệnh hoạn vì chinh chiến; chính ta mới là người thực sự cai trị xứ này... Akhenaten phải biết, ta làm thế chỉ vì muốn giữ ngôi vị cho người nhưng từ nhỏ người chỉ là một đứa bé mơ mộng, không hợp với lòng mong đợi của ta. Baketamon còn xứng đáng hơn người...

Akhenaten im lặng không nói gì nên Thái hậu Taiya tiếp tục:

- Người bỏ vào sa mạc rồi mất tích trong bao năm, ta tưởng người đã chết nên muốn Baketamon tiếp nối công trình xây dựng của ta. Tiếc thay Mekere lại tìm ra người nên tình hình đổi khác. Từ khi lên ngôi Pharaoh, người đã thay đổi mọi việc, làm xáo trộn triều chính, đảo lộn trật tự vẫn có từ trước đến nay và làm phiền lòng ta không ít. Đã thế người còn liên kết với bọn Hittites và Nubia, đặt ra những thứ tôn giáo kỳ quái, tôn thờ chiếc đĩa tròn tượng trưng cho ngôi Thái Dương. Tại sao người lại làm những việc kỳ quặc đó?

Akhenaten im lặng một lúc rồi thông thả đáp:

- Vì con đã tiếp xúc được với chân lý và từ đó cuộc đời con hoàn toàn đổi khác. Qua công phu tu tập, con biết được những chuyện đã xảy ra trong cung, những bí mật đằng sau những đẹp đẽ, mỹ lệ của triều đại văn minh, huy hoàng này. Con đã ý thức rất rõ những tham vọng điên cuồng của những người chỉ huy, lãnh đạo quốc gia, những người đầy mưu mô xảo trá nên quyết định đã đến lúc phải thay đổi tận gốc rễ.

- Người quả là một kẻ ngu xuẩn, thật uổng công ta và cha người đã xây dựng cho người...

Akhenaten không trả lời, chỉ cho gọi viên quan lo việc ghi chép:

- Đây là lệnh của ta, từ nay cung điện Memphis được niêm phong cẩn thận. Không ai được phép ra vào nơi đây nữa. Phần ta cũng sẽ không trở lại đây nữa. Từ nay việc triều chính sẽ đưa hết về Tell Al Amarna.

Sau khi Akhenaten bước ra khỏi thì công chúa Baketamon mới giận dữ lên tiếng:

- Người đã thấy chưa? Anh ta điên loạn mất rồi! Đã đến lúc chúng ta phải hành động gấp.

- Công chúa muốn gì?

- Còn gì nữa? Đã đến lúc ta phải tranh ngôi Pharaoh với anh ta. Ta đã chuẩn bị sẵn sàng.

Tôi đang trở mặt kinh ngạc thì Thái hậu Taiya đã lên tiếng:

- Hiển nhiên Baketamon không thể làm Pharaoh được, nhưng nếu người và Baketamon làm lễ thành hôn thì người sẽ trở thành Pharaoh của Ai Cập. Dù sao người cũng có giòng máu hoàng tộc trong người.

- Cái gì kỳ lạ vậy?... Tại sao lại có thể có chuyện như thế được?

Baketamon tức giận:

- Hiện nay cớ đã đến tay mà người không muốn phát hay sao? Chúng ta đã chuẩn bị từ lâu, vì biết người có giòng máu thiêng liêng nên ta mới để ý đến người. Nay Sinuhe, một công chúa cảnh vàng lá ngọc như ta đâu thể lấy một kẻ tầm thường được.

Tự nhiên mọi việc trở nên sáng tỏ hơn bao giờ hết. Thì ra thế! Việc Horemheb quyến rũ Nefer cũng do lệnh của công chúa Baketamon. Nguyên nhân Thái hậu và công chúa để ý đến tôi chỉ vì phát hiện ra tôi chính là người xứng đáng thừa kế ngôi vị Pharaoh. Tôi đứng sững ra đó, đầu óc quay cuồng không biết phải phản ứng như thế nào. Baketamon bật cười:

- Chúng ta đã tính toán từ lâu rồi nên để tâm theo dõi người. Người bỏ đi đâu mấy năm trời làm chúng ta lo muốn chết.

Ngay khi đó, tên nô lệ ở bên ngoài bước vào. Công chúa ra lệnh:

- Người hãy chuẩn bị cẩn thận. Sau khi anh ta chết thì người phải ra tay ngay không được chậm trễ. Phải giết Mekere và Horemheb ngay để tránh hậu họa.

Tôi lưỡng cuống nói không ra hơi:

- Công chúa... công chúa... dám giết... anh ruột ư?

- Nay Sinuhe, khi xưa ta đã nói với người rằng một người lãnh đạo phải có mưu lược và thủ đoạn. Phải dám làm những việc không ai dám làm, nếu cần giết người thì phải giết

gửi bông tuyết nhỏ



*Trắng như bông và êm như hoa
Nhẹ như mây, buồn như sương sa
Rơi xuống đời anh, ngày cóng lạnh
Tinh-thể quện tròn những tiếng ca.*

cung vũ

người, nếu cần hy sinh tất cả thì phải sẵn sàng hy sinh để đạt mục đích. Có như thế mới làm được việc lớn.

- Nhưng... nhưng công chúa làm thế nào để giết Pharaoh?

Baketamon thần nhiên:

- Người sẽ làm việc đó cho ta.

- Cái gì?

- Anh ta vẫn tin tưởng ở người. Hẳn người cũng biết anh ta thường hay lên cơn động kinh vào những ngày trăng tròn, chỉ cần người chữa sai đi một chút, gia tăng liều lượng thuốc làm sao cũng được. Sau đó thì ngôi vị Pharaoh sẽ về tay người...

Thì ra tất cả đã có kế hoạch từ trước và tôi sẽ là người thi hành việc này. Tôi muốn đứng yên nhưng hai đầu gối run lên như muốn ngã. Thái hậu Taiya nói:

- Ta biết Pharaoh đang chuẩn bị mở một trung tâm giáo dục tại Amarna và người sẽ được giao phó trọng trách trông coi trung tâm này.

- Tại sao việc gì bà cũng biết vậy?

- Ha ha ha... Từ bao năm nay, có việc gì mà qua được mắt ta. Tuy ta chỉ ngồi trong cung mà vẫn nắm vững tình hình khắp nơi. Chúng ta có một lực lượng thám tử ở khắp mọi nơi nên chuyện gì mà ta chẳng biết.

(còn tiếp)



Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khố hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

12 ngày lễ Giáng-sinh

Hỏi: 1) Lễ Giáng-sinh bắt đầu từ bao giờ?

2) Ở đây có bài hát *Twelve Days of Christmas*, trong khi trên thực-tế, dân-chúng chỉ được nghỉ có hai ngày! Vậy "12 ngày" đó là 12 ngày nào?

3) Tại sao ba nhà thông-thái trong truyện kể ngày Giáng-sinh lại có tên là "Magi". Trong Kinh Thánh không hề có tên này.

Nguyễn Thị Duyên
Ottawa

Đáp: 1) Lễ Giáng-sinh của Chúa được các nhà thờ bắt đầu cử-hành vào thế-kỷ thứ tư.

2) Lễ Giáng-sinh (Christmas) của Công-giáo La-mã cử hành vào ngày 25 tháng 12; và lễ Hiện Xuống (Feast of the Epiphany) của Chính-

thống-giáo cử-hành ngày 6 tháng 1. Nối hai ngày lễ lại, ta có *Twelve Days of Christmas*, 12 ngày lễ Giáng-sinh, bắt đầu từ 25 tháng 12, kéo dài 12 ngày cho đến hết ngày 6 tháng 1 năm kế.

Các nhà thờ Tây-phương tưởng niệm ngày Chúa hiện xuống trong hình tượng người ngoại đạo, biểu hiện bằng ba nhà thông-thái.

Theo nghi-lễ Đông-phương, nhà thờ làm lễ tưởng-niệm ba lần Chúa hiện xuống: Giáng-sinh, chịu phép rửa tội và làm phép lạ lần đầu-tiên ở Cana, biến nước lã thành rượu nho.

3) Tên "Magi" xuất-hiện trong Kinh Thánh ấn-bản chữ la-tinh. "Magi" được dịch ra tiếng Anh là "wise men." Các nhà thông-thái này thời cổ Ba-tư là các nhà chiêm-tinh và đạo-sĩ.

Trong Kinh Thánh cũng không nói rõ là "ba người", nhưng theo truyền-thuyết, thì họ đã mang đến dâng Chúa hài-đồng ba món quà, gồm vàng, hương và trầm.

Cây Giáng-sinh

Hỏi: 1) Người Gia-nã-dại dựng cây Giáng-sinh từ bao giờ?

2) Trong các truyện kể về "ông già Noel", người ta hay viết câu "có một cô bé tên là Virginia đã một lần thắc-mắc rằng ông già Noel có thật không". Vậy nhân-vật Virginia này có thật không? hay người ta chỉ đặt ra một cái tên để gợi chuyện vậy thôi?

Lê Vạn An
Vancouver

Đáp: 1) Cây Giáng-sinh xuất-hiện lần đầu tiên tại Gia-nã-dại năm 1781, do ông Baron Friedrich von Riedesel ở Sorel (phía bắc Montréal) dựng lên.

2) Virginia là nhân-vật có thật, có thắc-mắc thật, và thường được nhắc tới vì lúc viết thư "đặt vấn-đề" với tờ *New York Sun* về ông già Noel, cô mới được 8 tuổi! Virginia O'Hanlon là người New York, sinh năm 1889, sau này lớn lên thành cô

giáo và là hiệu-trưởng.

Năm 1897, sau khi tranh-luận với các bạn trong lớp về "ông già Noel có thật không", cô về nhà hỏi bố, bố không trả lời rõ-ràng; hỏi bác-sĩ gia-đình, bác-sĩ chỉ ậm-ừ; cô bèn viết thư cho báo *New York Sun*. Bức thư tới tay ông chủ-bút Frank P. Church. Ông này đã dành trọn một ngày lục tìm tài-liệu và viết một bài trả lời độc-giả tí-hon Virginia rằng: "Có. Có một ông già Noel, là người có lòng, rộng lượng và yêu trẻ."

Nhậu bao nhiêu thì vừa?

Hỏi: Lễ Giáng-sinh, rồi tết tây, tết ta, bao nhiêu là tiệc tùng, họp mặt lớn có, nhỏ có, chỗ nào cũng bia cũng rượu, không uống thì bạn bè buồn mà uống vô rồi lái xe thì mấy thầy cảnh-sát không vui. Bác Bút Chì với kinh-nghiệm đầy mình trong cuộc đời nhậu-nhẹt của bác, xin bác cho biết:

Nhậu bao nhiêu xị thì vừa

Cụng bao nhiêu cốc thì chưa nhau ra?

Cảm ơn bác!

Thần Men 2000
Alberta

Đáp: Cụng bao nhiêu cốc cũng vừa, Miễn là cách quăng để lừa men ra!

Trước hết là tùy theo chiều cao, sức nặng, tuổi-tác, phái tính mà "đong" rượu vào người cho đúng "đô".

Theo các thầy đội thì rõ-ràng, một ly là một ly, đã nhậu, đừng lái - nếu lái, đừng nhậu! Đó là cách an-toàn nhất!

Còn cách an-toàn ...nhi?

Theo luật (Ontario): 80 miligrams rượu trong 100 mililitres máu, đủ làm cho một bác tài bị giam bằng lái ba tháng.

Luật thì thế, nhưng theo các thầy đội, nhiều vị tài-xế, nhất là các bà các cô, chỉ cần 1/4 từ-lượng đó thôi (tức .02 blood-alcohol content), đã đủ lạng-quạng ngồi xa-lô rồi! Và độ .05 đủ làm cho một người

khỏe mạnh bình-thường khật-khừ trong 12 giờ.

Như vậy, muốn an-toàn hơn, các bà các cô nên giữ lượng rượu trong máu dưới .02, và các ông, dưới .05 là tốt ... nhì!

Nếu ông cao 1,63 mét (5 foot 4 inches), nặng 68 kí (150 pounds), mỗi "drink" sẽ thêm vào thân thể ông 34 miligrams trên 100 mililitres máu. Muốn giữ lượng rượu dưới .05 trong một bữa tiệc kéo 3 giờ, mỗi 30 phút, ông chỉ nên uống 1/2 "drink". Nếu tiệc kéo dài 5 giờ, ông chỉ nên uống 1/2 drink mỗi 40 phút; và không uống thêm giọt nào trong một giờ trước khi ngồi vào tay lái.

Trước khi lái xe chừng 15 phút, nên uống một ly nước chanh hay một ly cà-phê và đi tới đi lui cho máu chạy đều.

So sánh lượng rượu: 1 chai bia 12 ounce loại thông thường (5 độ) tương đương 1,50 ounce rượu mạnh (40 độ).

AM & FM

Hỏi: 1) Làng Văn đã làm đài phát-thanh khá lâu rồi, vậy xin cất nghĩa giùm tôi tại sao lại gọi là đài AM và đài FM? Tại sao đài AM lại mạnh hơn đài FM, và đài FM trong hơn đài AM? Kỹ-thuật nào mới hơn?

2) Tại sao đồng-phục lính thủy ngày xưa lại có quần ống loe? Và "cái yếm ngược" là mảnh vải hình chữ nhật thật lớn ở dưới cổ áo phía sau, để làm gì?

3) Tôi đọc quảng-cáo trên báo, đi tìm tiệm để mua quà Noel thật là khổ. Có tiệm treo bảng số, có tiệm không, có khi đi cả trăm tiệm mới thấy một số để từ đó tìm ngược trở lại! Có luật-lệ gì về bảng số nhà ở Toronto không?

Huỳnh Văn Thành
Toronto

Đáp: 1) "AM" và "FM" đều thuộc về kỹ-thuật truyền-thanh, một dạng làm mạnh làn sóng (nên đi xa hơn, sóng mạnh hơn), một dạng làm mạnh tần-số (tiếng trong hơn, rõ

khói sương

Nhớ người con nằng vàng phai
Vàng trắng lạc bóng hiên ngoài hắt hiu
Buồn rơi đầy ấp khung chiều
Ta từ luân lạc dệt xiêu bóng đời.

Nhớ người miên viễn xa khơi
Mai rồi cũng lỡ đoạn đời trăm năm
Giấu trong tim giọt lệ thầm
Gửi về quê cũ phút đầm ấm xưa.

Nhớ người, nỗi nhớ dong đưa
Tóc xanh thuở ấy điểm vừa phong sương
Âm vang khúc hát đoạn trường
Ta, người khuất cách, quê hương biệt mù...

vạn giá



hơn).

"AM" viết tắt từ *Amplitude Modulation*: khuếch đại cường-độ.

"FM" viết tắt từ *"Frequency Modulation"*: khuếch-đại tần-số.

Kỹ-thuật khuếch-đại tần-số (FM) mới hơn, được phát-minh từ thập-niên 1930.

2) Quần ống loe (hay ống *chân voi*), cốt để dễ xắn lên cho gọn khi cần-thiết.

Cái cổ áo hình vuông mà ông gọi là mảnh "yếm ngược", để khi cần, thủy-thủ kéo trùm lên tóc, cột lại, giữ cho đầu chải tóc khỏi lấm-quá những thứ khác.

Ngày xưa, tân binh lính thủy bị cạo trọc để tránh chấy (con chít). Sau đó, họ được để tóc trở lại nhưng phải bôi dầu, giữ tóc cho gọn và cũng để chống chít. Có thể vì thế ở Mỹ ngày xưa lính thủy còn bị gọi là bọn "tar" (theo tự-điển Oxford, *tar* do chữ *tarpaulin*, tiếng cổ, có nghĩa là lính thủy).

3) Đại-thành-thị Toronto trước kia gồm 6 thành-phố hợp lại thành Metropolitan of Toronto nên có 6 bộ luật địa-phương (bylaws) khác nhau. Nay tuy 6 thành phố đã hợp nhất, nhưng chưa áp-dụng chặt-chẽ luật chung, dân-chúng vẫn quen theo luật

cũ ở địa-phương:

- Các vùng North York và Etobicoke cũ, nhà và tiệm bắt buộc phải treo bảng số.

- Các vùng East York, Scarborough, York và Toronto (city) cũ, chính-quyền địa-phương có cấp số nhà và tiệm nhưng không bắt buộc phải treo, "để tránh bị theo dõi và xâm-nhập" (!)

Sắc áo màu cờ

Hỏi: Lá cờ Mỹ có ba màu xanh trắng đỏ, ý nghĩa của mỗi màu ra sao, thưa bác?

Nguyễn Hồng Liên
California

Đáp: Quốc-hội lục-địa Mỹ khi chọn màu cờ cho quốc-gia vào năm 1777, trong văn-bản không ghi ra ý-nghĩa của mỗi màu. Tuy-nhiên, nghị-quyết được thông-quá năm 1782, ghi rõ ý-nghĩa các màu trong quốc-huy (great seal) như sau:

- màu đỏ: sự cứng-rắn và dũng-cảm.

- màu trắng: sự tinh-khiết và ngay thật.

- màu xanh: phong-hoá, kiên-tâm và công-bằng. ●

QUẠT MO

Thằng Bờm



Người sợ người, ma sợ ma Cái tôi lại sợ cái ta của mình?

Thằng Bờm (rên rĩ):

- Chú Tễu ơi, cả làng mình ai cũng sợ Phú Ông. Phú Ông sợ Phú Bà. Trong khi ấy Phú Bà lại sợ... ma. Thế chú có biết ma nó sợ gì không?

Chú Tễu (cười):

- Ma sợ ma!



Chú Tễu, tranh dân gian khắc gỗ

Thằng Bờm (vội vã):

- Sao thế?

Chú Tễu (đùng đùng):

- Vì người sợ người!

Ông Ba Bị (gật đầu):

- Đúng vậy. Loài nào sợ loài đó. Thứ nào sợ thứ đó. Tôi là Ông Ba Bị nên sợ nhất Ông Chín Bị.

Chú Tễu (cát nghĩa):

- Sau đây là cảnh người sợ người được Chu Văn ghi lại trong bài tựa cuốn Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh do nhà xuất bản Văn Học Hà Nội in năm 1996: "... Thế rồi hòa bình lập lại. Chúng tôi lao vào công việc đấu tranh lở đất long trời: giảm tô và cải cách ruộng đất. Hạ phóng, ba cùng bắt rẽ xâu chuỗi, xóa bỏ toàn bộ giai cấp địa chủ. Những buổi vạch mặt, những đêm tố khổ. Những con người thành phần trong sạch đột nhiên trở thành thần thánh, những con người bỗng trở thành giun dế, cỏ rác mà không biết là tội lỗi từ đâu. Thiêng liêng là tình cha con, vợ chồng, bè bạn...

Bà La Sát (rùng mình):

- Khiếp!

Chú Tễu (kể tiếp):

- ... Tất cả những tình cảm cao đẹp ấy sợ run lên trước những khảo đả nhục hình, những tòa án mọc lên giữa chợ, dưới ánh lửa đèn đùng đùng

của ngàn ngọn đuốc khói mờ loà mây. Quan tòa không cần biết chữ, luận tội dựa trên tố khổ, bị cáo chỉ có quyền nhận tội, không có luật sư bào chữa, không được thanh minh. Thốt ra nửa lời kêu oan, lập tức bị át đi bằng những đợt sóng "đả đảo". án hình phán quyết rất nhanh, tội chết thi hành tại chỗ: súng dân quân bắn vào những hình người, gây ồm xác xơ như tã rách. Những cái chết thê thảm, trước trăm ngàn con mắt thỏa mãn đầy ánh lửa dữ dần..."

Ông Ba Bị (hỏi thật):

- Ở cõi nào mà "Quan tòa không cần biết chữ, luận tội dựa trên tố khổ, bị cáo chỉ có quyền nhận tội, không có luật sư bào chữa, không được thanh minh..."?

Chú Tễu (kể tiếp):

- Trong cuộc lộn-thai dài dằng dặc từ VM tới VC, từ Việt Minh tới Việt Cộng, bao nhiêu người "biết chữ" từ Bắc chí Nam bị tru diệt? Chưa một sử gia nào ghi lại được sự khốc hại tột cùng của việc mã tấu, cái cày chỉ phối vận nước, đời dân, thay vì ngòi bút. Chỉ mới một số người "hay chữ" như Nguyễn An Ninh, Phạm Quỳnh, Khái Hưng Trần Khánh Giư, Vũ Hoàng Chương... được thiên hạ biết đến mà thôi!

Tạo ra một tâm lý xã hội "giấu nhau trình độ học vấn", khinh khi chữ nghĩa, miệt thị nhà trường bởi nền luân lý mới trang trọng những ai "không cần biết chữ" nhưng "cần biết vâng lời". Cái xã hội tưởng chỉ thấy trong truyện hoang đường La Sát Hải Thị của Bồ Tùng Linh, nơi mà những người dân xấu số vì "xấu xí" ở đấy đã phải nhìn nhận: "Điều quý chuộng ở nước chúng tôi, chẳng ở văn chương mà ở hình mạo. Người đẹp nhất hạng làm chức Thượng khanh, thứ đến chức Dân xã, hạng dưới chót cũng được các Quý nhân yêu, cho nên có lương bổng để nuôi con. Còn như hạng chúng tôi đây, lúc mới oa oa chào đời, cha mẹ đều cho là vật bất tường, nhiều nhà quăng đi không nuôi."

Oái oăm thay, "người đẹp nhất ở thành phố biển La Sát" đối với

chúng ta lại là người xấu nhất". Dẫu Tây Thi, Thúy Kiều, Cleopâtre... mà sinh ra ở đó sẽ bị cha mẹ quăng đi.

Ba trăm năm sau thời nhà văn Bồ Tùng Linh, Chu Văn lại kể chuyện thật về một xứ sở: "Điều quý chuộng ở nước chúng tôi, chẳng ở văn chương", mà do ở danh mạo - "Nước Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ."

Thằng Cuội (kêu lên):

- Ôi! Người với người. Sợ quá! Dăm tên cầm bút đã dạy cho bao người cầm cày cách cầm quyền. Nhưng cái cách ruộng đất, giảm tô, hạ-phóng và ba-cùng là cái quý gì?

Bà La Sát (góp chuyện):

- Ông nhà tôi có lần đã nói về "cải cách ruộng đất", đất đai đồng ruộng sẽ thuộc quyền bàn nông, tức nông dân nghèo khổ rách áo ôm được làm chủ "tư liệu sản xuất" đó là ruộng đất. "Giảm tô" tức là giảm tô-tức, là giảm địa-tô và lợi-tức, những hình thức địa chủ làm giàu bằng cách bóc lột nông dân.

Thằng Cuội (vạch mặt nạ):

- Ai ngờ đâu diệt các "địa chủ công dân" để chỉ còn độc một "địa chủ nhà nước". Đàng một mình một chợ, ra sức múa gậy vườn hoang, bóc lột nông dân đến tận xương tủy vì "nhân dân làm chủ" nhưng "nhà nước quản lý" và "đảng lãnh đạo". Ba-cùng, là cùng ăn, cùng ở, cùng làm. Hai chữ hạ-phóng, đâu chỉ là "ném xuống thật mạnh", mà còn có nghĩa là "thẳng tay" nữa cơ! Trong chính sách tập trung cải tạo của Mao, hạ-phóng có nghĩa là "xử lý hành chính vô hạn định", không án lệnh mà tù-cho-đến-chết! Nhưng ở "cải cách ruộng đất", hạ-phóng lại hàm ý "bắt phải chết ngay lập tức"!

Chú Tễu (lắc đầu và nói tiếp):

- Trong chế độ người cai trị người bằng miếng ăn và nỗi sợ hãi thì không chỉ địa chủ sợ bàn nông. Không chỉ người giàu sợ người nghèo. CS cũng sợ CS. Tác giả Chu Văn từng thấy một thời "chỉnh huấn": "Từ những cuộc đấu tranh thân ái rồi đi đến truy bức, hành hạ thật sự. Có những chuyện thường ngày - vốn là chuyện chơi đùa - bỗng

được thổi phồng thành khuyết điểm nghiêm trọng. Trong không khí muốn giữ được thể diện và tín nhiệm, muốn được nhận là con cái nhà công-nông nghèo khó, thì buộc phải giấu nhau về nguồn gốc gia đình, giấu nhau trình độ học vấn, giấu nhau chuyện tình cảm riêng tư. Nặng nề, oi ả như thế..."

Nạn chụp mũ bắt đầu từ đây. Việt gian, phản quốc, đệ tứ, hữu khuynh, trí, phú, địa, hào, tiểu tư sản, phản động... Càng to đầu càng lăm mũ. Ngày nay mỗi cái đầu người CS nước ta cũng phải đội ba cái mũ: Mũ "cộng hòa" của Washington, mũ "xã hội chủ nghĩa" của Stalin và mũ "Tam Dân" của Tôn Văn, dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Khốn thay ba thứ mũ ấy lại đúc lại thành một cái Nón Cối. (Cộng hòa XHCN Việt nam Độc lập Tự do Hạnh phúc.) Nó làm khổ cả nước và làm nhục cho người đội nó.



Nón cối

Trăm năm nón cối thời tây

Không bằng nón cối một ngày nước ta

(Hồ thua chính sự gian tà)

Người mình nó ác gấp ba người ngoài...

Ông Ba Bị (gật gù):

- Hèn chi người ta bảo "nói như Vẹm". Vẹm là tiếng nói trại ra từ hai chữ VM, là Việt Minh, tức "Việt Nam Độc Lập Đồng Minh hội". "Nói như Vẹm" cũng có nghĩa là nói

như Vẹt. Những con Vẹt nhái giọng người Nga, người Tàu, cũng "Xô Viết", cũng... vừa nói hay; vừa hay nói. Siêu việt nhất là hay nói... dối.

Bà La Sát (ra cái điều):

- Nói dối dù với ý tốt như người thiếu phụ đất Nam Xương còn chết nữa là... Mẹ dạy con nhớ đến bố là cách vợ thương chồng, đêm đêm lấy bóng làm người, lấy giả làm thật. Cuối cùng, con không nhận ra cha, chồng chẳng thèm nhìn vợ, mẹ mất con, vợ mất chồng, chỉ vì nói dối! Huống hồ khiến cho cả nước đua nhau nói dối? Gương tày liếp mà không soi. Chết là cái chắc!

Thằng Cuội (động lòng):

Không nói dối là "ty nạn chính trị" thì một số văn nghệ sĩ ngày trước làm sao mà vào được đất Mỹ? Không nói dối là "CS đã đổi mới" thì làm sao mà ngày nay họ trở về được nơi họ đã ra đi, chốn vẫn còn nguyên vẹn bao lừa mị, trí trá?

Thằng Bờm (cười):

- Lạc đề hết cả rồi! Xin Chú Tễu cho biết về việc ma sợ ma có không và sợ như thế nào?

Chú Tễu (nói có sách):

- Trước hết nên bàn sơ qua về vụ người không sợ ma: Trong truyện Liên Hương, cụ Bồ Tùng Linh cho Tang Tử Minh trả lời bạn: "Trượng phu sợ gì ma với chồn. Hễ con đục tới thì tôi có thanh gươm sắc, con cái tới thì ta còn nên mở cửa mời vào, can chi mà sợ."

Thằng Cuội (cãi ngay):

- Cụ Bồ xưa quá! Nếu như Tang sinh mắc bệnh đồng tính luyến ái thì nên mở cửa cho con nào vào?

Chú Tễu (vỗ vè):

- Từ từ. Bình tĩnh. Nghe tiếp đây: "Bạn về bàn mưu tính kế với mấy người quen rồi đêm khuya, cho một con điếm bắc thang treo vào gõ cửa. Chàng khẽ dòm và hỏi ai. Con điếm đứng loanh quanh giây lát rồi bỏ đi. Sáng sớm, bạn đến nhà chàng, chàng kể lại việc thấy lúc ban đêm, nhân dịp nói mình sửa soạn về quê quán. Bạn vỗ tay và hỏi: - Thế sao anh không mở cửa rước vào? - Chàng tỉnh ngộ là trò đùa việc giả, bèn ở yên

nhà đó như cũ.”

Sau Tang Tử Minh được gặp cả ma-nữ lẫn chồn cái. Chồn hay cáo Liên Hương thành hồ ly tinh, cũng là một loại ma quỷ, vậy mà ma này vẫn sợ ma kia. Liên Hương nói với Tang sinh về cô hồn Lý: “Thôi chàng nguy rồi. Nó chính là ma, nếu chàng còn mê sắc đẹp không sớm cự tuyệt đi, thì đường xuống âm ty gần lắm.”

Lúc đang say đắm Lý, Tang không tin nằng là ma, nên chàng mới bảo: “Tôi vốn không tin lời nói xàm, nhưng có kẻ bảo mình là chồn đấy.” Liên Hương chẹp môi ai nói. Chàng cười và đáp: “Có ai đâu! Tôi tự bốn mình thôi”. Liên nói: “Ma chồn có khác gì người ta đâu?” Chàng cãi: “Có chứ! Người mà bị chồn mê hoặc, bệnh nặng lắm thì chết, thành ra phải sợ”. Liên đáp: “... Thử xem thiên hạ bao nhiêu cái xác ho lao, con ma sài môn, dễ thường đều chết vì chồn mê hoặc đó ư? Tuy nhiên tất có đứa vạch vôi thế nào chớ chẳng không?”

Thằng Cuội (hề hả):

- Thấy chưa! Ma sợ ma, như cụ tướng đồ Trần Độ ghê sợ Đảng viết hoa. Công an văn hóa rất sợ công an hình sự. Lão Độ “đong” cho nhóm Nhân văn Giai phẩm “đấu” nào thì nay Đảng cũng “đong” cho lão ta “đấu” ấy! Rình mò, theo dõi, bêu riếu, lục lọi, tịch thu, dọa dẫm... Ôi! CS thân Nga khiếp sợ CS thân Tàu. CS thân Tàu lại chỉ sợ nhau.

Chú Tễu (thong dong):

- Tài hoa cỡ cụ Nguyễn Du mà xưa kia còn phải thốt nên lời: “Muốn yên phải biết sợ người Nương thân đất khách gặp thời loạn ly”.

Thằng Bờm (cười cười):

- Vâng, cả văn sĩ Nguyễn Tuân vốn khinh bạc đến độ, mà cũng còn biết sợ, uốn cong bút viết Sông Đà và Hà Nội Ta Đánh Mỹ Giỏi...

Bà La Sát (bực bội):

- Thế đấy! Văn với phạm. Nếu thằng “Mỹ không giỏi” có đánh không? Từ một tay chuyên xét nét từng cái chấm phết trong câu văn,

Nguyễn Tuân rất ghét ai dùng chữ “y thị” để chỉ người đàn bà. Ông nói: Y thị ư? Y là đàn ông. Thị là đàn bà. Thị có lại-cái đầu mà dùng “y thị”? Vậy mà sao Nguyễn Tuân lại không dùng “Hà Nội Ta Giỏi Đánh Mỹ”?

Chú Tễu (chau mày):

- Ngay từ đời nhà Thanh, cụ Bồ Tùng Linh đã viết loại truyện “thật ngắn”. Qua truyện ngắn Thằng Người Nhỏ, Tiểu Quan Nhân, quả thật là người ta nên sợ người... ta:

“Trong khoảng đời Khang Hy, có kẻ làm mẹo đem theo mình một cái hộp, trong cái hộp có để một thằng người nhỏ, dài chừng một thước, hễ ai cho tiền thì nó mở hộp cho thằng người ấy chui ra, hát xong rồi lại vào. Đến đất Dịch. Quan tế tướng ở Dịch bắt đem nộp vào dinh để coi. Hỏi kỹ về chỗ thằng người nhỏ ấy ở đâu mà ra, trước còn không dám nói. Cứ hỏi mãi mới chịu kể là từ ở làng nó, nguyên là đứa trẻ con đi học về, ngang đường gặp nó cho thuốc mê, bốn chân tay tự nhiên co dúm ngay lại, bèn đem đi như thế, để dùng làm trò chơi. Quan giận, giết chết thằng đầu trò, giữ đứa bé ở lại muốn chữa cho, mà chưa tìm được cách chữa.



Thằng người nhỏ trong hộp đồ chơi? Không, đây là Con Người Lớn, lúc bị tù ở Hồng Kông mới 6 tuổi đã cùng cha mẹ trên đường đi tìm Tự Do. Chú Tễu sưu tập.

Kể từ “giải phóng” tới nay
Sài Gòn nói-lái hàng ngày,
“phóng...” chi?
Cột đèn nếu có chân đi
Cũng theo người đến Hoa Kỳ định cư!

Ông Ba Bị (le lưỡi):

- Truyện ngắn rõ ghê. Chỉ khoảng 150 chữ, đủ để người đọc thời nay không còn ngạc nhiên trước các thằng-đầu-trò, to đầu nhất vẫn là CS, chúng xông thuốc mê cả bao người lớn (có học thức, không trí thức) để biến họ thành những thằng người nhỏ. Các thằng người nhỏ này không cách gì trở lại bình thường. Chúng hát và đôi khi gáy rất hay cho đám đầu trò lừa người, lấy tiền. Ai ham vui, thích nghe hát, coi chừng vô tình chỉ vì giải trí mà đồng lõa với tội ác. Nọ nay tôi cứ ngỡ cụ Bồ chuyên viết truyện “điểm nguyệt, cầu sương”, người và quỷ hề gặp nhau là “bền giao hoan cực kỳ sung sướng”. Xin cụ Bồ tha tội chết!

Chú Tễu (gật gù):

- Đó là nổi Oan Nghiệp Trường Văn, trong truyện Tư Văn Lang, một truyện ngắn khác của cụ Bồ, từng kể: “Tổng Đảng Châu, chỉ liếc qua bài văn ở những chỗ đã được bạn bè của Vương khuyên son, khen hay, cũng đủ nói với Vương Bình Dương: - Anh cũng đã sâu sắc trong nghiệp này. Song cái mệnh của bút nghiên không cầu mà được. Văn anh còn gửi gắm cái lòng cầu may, do đó đã rơi xuống mức thấp kém!”

Thằng Bờm (cười sung sướng):

- Khiếp thật! Bình văn mà đến thế... Đáng sợ... người!

Chú Tễu (lắc đầu):

- Ôi, Tổng chưa phải là một tay cự phách. Hãy nghe đây: “Tổng khen một ông sư mù mà giỏi bình văn. “Vương về nhà lấy văn, giữa đường gặp Dư Hàng dẫn nhau cùng đến. Vương lựa lời thưa với sư, sư tưởng mua thuốc liền hỏi bệnh tật. Vương nói rõ ý định. Sư cười:

Ai mà nhiều lời vậy?

Ta đã không thấy đường,

Lấy gì để bàn luận

Về chuyện rồi văn chương?

Vương xin dùng tai.

Sư bảo:

Ba bài hơn nghìn chữ,
ai mà kiên nhẫn mà nghe
Chi bằng cứ việc đốt,
ta sẽ ngồi thay nghe!

Mỗi khi đốt một bài nào, nhà sư lại hít hà rồi nhắm nháp, nói:

Ta thấy anh mô phỏng
Văn các bậc đại gia,
Tuy chưa được đúng lắm
Song gần giống và ta
Thưởng thức bằng tì vị."

Thằng Cuội (vỗ đùi):

- Đã quá! Văn chương của người An Nam phần lớn có mùi xì-dầu hoặc pho-mát, hết Tàu lại Tây.

Chú Tễu (ra dấu im lặng):

- Dư Hàng liền đốt văn mình cho sư ngồi. "Sư nói:

Ta mới thấy được một,
Chưa biết rõ hết ngay,
Sao bỗng nhiên lại có
Văn người khác vào đây?

Dư nói đồ:

- Đó là văn của bạn, chỉ có một bài này. Còn đây là văn của tiểu sinh.

Sư ngồi các bài tiếp, phát ho mấy tiếng, bảo:

Thôi xin đừng đốt nữa!
Nó cứ tắc lại rồi
Chẳng cách gì xuống được!
Bằng không, nếu đốt nữa
Thì phát chương ra thôi!

Dư xấu hổ, rút lui. Mấy ngày sau treo bảng. Dư đồ Hương cồng, còn Vương trượt. Tống và Vương đến báo với nhà sư. Sư than rằng:

Ta tuy mù mắt thật
Nhưng thính mũi và tai
Hơn khảo-quan một lũ
mù cả mũi lẫn tai."

Thằng Bờm (sợ hãi):

- Chết mất! Nhà sư mà khẩu-nghiệp còn nặng quá! Chết vì... thật!

Chú Tễu (không ngừng kể):

- "Dư Hàng đậu xong, mang văn của tám, chín người tới đốt cho sư ngồi. Sư cười trả lời:

Điều mà ta bàn luận
Là câu chuyện văn chương
chứ không nói về mệnh!
Hãy đi tìm cho được

Văn các quan chấm trường

Đốt xong, ta cho biết
ai là thầy văn chương
của chính anh, thôi nhé!

Cuộc thách đố rất ly kỳ. Hôm sau tới hẹn. "Dư đốt văn, hết một bài sư lại nói không phải. Đến bài thứ sáu, sư quay vào vách mà mưa, "đánh r..." liên hồi. Mọi người cười ầm. Sư lau mắt, quay về phía Dư, bảo:

Đúng văn thầy anh rồi,
Lúc đầu ta không biết,
Vội hít ngay một hơi,
Nó đâm vào tai, mũi
Chịu không thấu, giờ ơi,
Phải tống ra hạ bộ!

Dư Hàng giận lắm, bỏ đi còn dọa:

- Ngày mai sẽ biết tay, đừng hối, đừng hối!

Hai ba bữa sau cũng không thấy hán đến, xem lại thì hán đã dọn nhà đi rồi, lúc ấy mới biết hán là học trò ông quan chấm trường thi ấy thật."

Bà La Sát (chặc lưỡi):

- Theo tôi, về số-phận người ta nên sợ Trời (mà luôn quỳ gối cầu nguyện), còn về thân-phận nên biết sợ người (thả bom hơi độc).



Cầu nguyện mang mắt nạ tại Dhahran ở Saudi Arabia trong chiến tranh vùng Vịnh. Bà La Sát sưu tập.

Chú Tễu (gật gù):

- Thật ra, người ta không nên sợ ma, ma quỷ mà như Tống thời chán

vạn kẻ làm người còn thua:

"- Tống gạt lệ, giải bày: Lâu nay tôi có ý muốn nói, chỉ sợ anh kinh ngạc; tôi không phải là người sống mà là hồn quỷ phiêu bạt. Lúc nhỏ tuổi ôm mang ý khí tài danh, không được đắc chí nơi trường ốc, tôi giả cuồng lên thành đô, gặp người tri kỷ truyền cho các trước tác."

Cái "hồn quỷ phiêu bạt" ấy nói về một cõi khác, ngoài chốn dương gian, nơi có phủ Tử Chàng, tức phủ Văn Xương, do đế quân Trương A chủ trì, cùng hai thủ hạ là Thiên Túng và Địa á. Thiên Túng là Trời Đắc. Địa á là Đất Cầm. Phải chăng, con người cần sống trong cái cầm đắc của trời đất, các sao Văn Xương, Văn Khúc của tử-vi đời mình mới vang danh lên được? Nào ai biết!

Lúc đó phủ Tử Chàng ở hành tinh Văn Xương, ngôi sao văn học, vừa khuyết một chức quan Tư Văn Lang, ẩn triện đặt ở nhà Túng Đồng, Trê Đắc, nơi "đã làm cho văn vận điên đảo". Tống, một hồn quỷ phiêu bạt, lại hàng ước mơ: "... Vạn nhất nay được chức ấy thì sẽ gắng sức làm cho Thánh giáo minh thịnh."

Thánh giáo ấy là "văn chuyên chờ Đạo". Đạo ấy là Tình Người. Kể tới đây, Chú Tễu bỗng vỗ tay mà hát:

Vũ Trụ Ca

Tới giờ vẫn chỉ biết
Giữa đám bụi-ngôi-sao
Riêng một mình trái đất
Màu xanh tươi rạt rào
Quay đều trong lặng lẽ
Mang theo nỗi cô đơn
Cùng nụ cười, tiếng khóc
Phản bội và biết ơn.
Tới giờ vẫn chỉ biết
Giữa đám bụi-ngôi-sao
Chưa có hành tinh nào
Chở thương yêu, thù hận!

2

Người chưa hết thú tính
Cái chết của giống này
Là sự sống loài khác
Cấu xé nhau từng giây
Văn nhân danh cứu giúp
Trời đất tuy hỗn mang
Song vô cùng ngăn nắp:

Đời thật sự Bình an
Nơi những hồn Thánh thiện

3

Thần tiên và ma quỷ
Đều ở chính lòng mình
Lửa sôi ruột trái đất
Bình mặt hoa nở xinh
"Sống và giúp người khác
cùng được sống như mình!"
ý Trời như trăng tỏ
Soi bóng người lặng think?...

Thằng Cuội (hấp tấp):

- Dễ sợ!

Chú Tễu (chậm rãi):

- Cũng chẳng nên. Thầy hương-
cống Dư Hàng thời trẻ kiêu căng rất
mực, cái tài "bổng có văn của người
khác lẫn vào" văn mình rồi cũng đến
phải cuốn xéo mà thôi. Văn thơ của
Bác thầy đều như thế cả. Đành chịu.
Cứu gì nổi: "Sau có việc đi Kim
Lăng, trên đường đi (Vương) gặp Dư
Hàng. Lão kể hết nguồn cơn xa cách,
thái độ rất khiêm nhường, song đầu
tóc đã bạc trắng cả."

Thằng Bờm (sốt sắng):

- Làm người, ở đời này, tốt nhất
là đừng nên sợ một cái gì cả.

Chú Tễu (cười):

- Chỉ nên sợ Trời. Cuối truyện Tư
Văn Lang, Bồ Tùng Linh viết:
"Tống đáp: ... Còn ông sư mù ngày
trước cũng là hiện thân của quỷ. Đó
là bậc danh gia triêu trước, lúc sinh
thời hao phí giấy bút quá đà cho nên
bị phạt mù. Ông ta tự bán thuốc chữa
bệnh cho đời để chuộc lại lỗi lầm
xưa, nên mới thác cố đi khắp nơi."

Bà La Sát (nóng nảy):

- Ôi, Trời để kính, người để yêu,
ma để thương, người ư? Hãy:

Tôi sợ mình ta

Người sợ người, ma sợ ma
Cái tôi lại sợ cái ta của mình
Sợ ta trong lúc vô tình
Hại ai cố ý hoặc mình chẳng hay
Sợ mình trên trái đất quay
Để ta bất động khoanh tay ngó
trời
Mình nhìn máu đỏ cảnh người
Quen hai con mắt tiếng cười ta
reo.
Xin cho chúng con hôm nay..."

tuyết đông xứ bắc âu

Tuyết trắng mênh mông, tuyết bốn trời
Lạnh lùng khủng khiếp lắm người ơi
Tuyết trùm cây cối, trên nhà cửa
Tuyết phủ lên tôi bạc cuộc đời!

Ngàn cây trụi lá đứng trơ xương
Chẳng thấy hoa phở sắc tím hường
Riêng những rừng thông xanh nhuộm tuyết
Như bầy goá phụ đứng tư lương.

Thú hoang chồn cáo đã đông miên
Ong bướm thương ôi xuống cầu tuyết
Chim chóc thiên di xa giá buốt
Và nàng bạch chủng kiếm tơ duyên.

Những ngày mưa tuyết trắng không gian
Gió réo bay tung tuyết bạt ngàn
Tê cứng xương da người đứng đợi
Đợi hoài một bóng nẻo quan san.

Lữ hành lội tuyết mịt mù khơi
Biết đến bao giờ mới tới nơi
Bát ngát chân mây tìm mộng tưởng
Băng tuyết e trơn té nửa vơi.

Nhiệt đới từ tôi tới Bắc Âu
Mong thời hoà hợp khắp năm châu
Mong tình nhân loại dăng lai láng
Như tuyết lung linh phủ địa cầu.

lê đã sử



Thằng Bờm sưu tập, Khổ Hành Tinh 1999.

Sợ ta vừa thoát đói nghèo
Mình quay lưng vội chạy theo kẻ
thù
Sợ mình có học mà ngu
Đời ta mù chữ thiên thu kéo cày
Sợ ta làm việc chai tay
Mình không cầm đũa hàng ngày
đói ăn.



Nụ cười xe cộ

. Trên đường phố ở Mỹ và Canada thường thấy bảng "Watch for Children!" (Coi chừng trẻ con!). Nhiều người bảo, câu này còn hàm ý: "chúng lái xe rất tòi!"

. Làm sao cho máy mau nóng là nỗi lo nghĩ lớn nhất của các bác tài Canada xứ lạnh tình nguội. Sáng sớm là máy xe, chiều tối là máy ...vợ.

. Tôi có vấn-đề lớn về cái xe: máy thì đề mãi không chạy, còn tiền trả cho nhà băng thì không làm sao ngừng được!

Các bà mẹ Ý

. Các ông con Ý rất thương mẹ. Ông nào cũng để ria mép cho giống mẹ.

. Các ông con Ý cũng rất "tình" với mẹ. Ngày lễ Mẹ, các ông mang quần áo về cho mẹ giặt như mọi ngày, nhưng đựng trong một cái hộp to tướng hình trái tim.

. Ngày lễ Mẹ, tất cả các người con Ý tụ về nhà mẹ ăn cơm. Tất cả cùng vào bếp phụ mẹ làm cơm. Cơm nước xong, tất cả lại vào bếp rửa chén bát, úp vào chạn cho mẹ. Khi các con về hết, Mẹ mang bát đĩa ra rửa lại.

Ngôn-ngữ quý-tộc

Một nhà quý-tộc Ăng-lê chính

cống một hôm nổi trận lôi-đình vì bài báo của thằng ký-giả chố chết từng sống nhờ vào từ tâm của ông ta. Nhà quý-tộc bèn gửi đi một lá thư "chửi bới" như sau:

"Thưa ông,

Cô thư-ký của tôi là một người có phẩm-hạnh, cô ta không thể đánh máy một lá thư với những gì tôi cần nói với ông. Tôi là một người có tư-cách, tôi cũng không thể nghĩ ra những lời-lẽ xứng hợp với con người của ông. Ông thì không có cả hai thứ đó, chắc chắn ông hiểu thấu những gì tôi muốn nói với ông.

Chào ông."

Thi đua

Trong ngày lễ Quốc khánh mừng 2 tháng 9 ở Quảng-trường Ba-đình, người ta nghe tiếng xướng-ngôn-viên cất lên:

- Báo cáo cùng các đồng-chí và đồng-bào. Sau đây là bài diễn-văn của đồng-chí Tổng Bí-thư.

Chợt có tiếng nói chen vào nghe rõ mồn-một: "Và cuộc thi-đua ném trướng sắp bắt đầu, yêu-cầu đồng-bào khẩn-trương chuẩn-bị."

Hủi

Một tay anh chị sừng sỏ đá tung cửa bước vào quán rượu, hai tay lăm le hai súng, miệng quát lớn:

- Đíu mẹ mấy thằng hủi, cút ra khỏi đây mau!

Cả quán rùng rùng bỏ chạy hết, trừ một ông Ăng-lê vẫn điềm-nhiên ngồi nhâm nhi tách trà.

Tay anh chị gắt:

- Này! Ông già diếc kia, nghe rõ những gì tôi nói chứ?

Ông Ăng-lê nhìn cái quán trống-trơn, thông-thả trả lời:

- Nghe rõ! Chà, té ra trong này có lắm thằng hủi nhỉ!

Xin .. vô tư!

Đoàn tàu Thống-nhất nổi tiếng chạy chậm hơn rùa, và câu chuyện dân gian sau đây thể hiện điều ấy:

"Anh cán-bộ trưởng đoàn tàu gỗ lợc-cọc vào mấy vi-âm, báo tin cho hành-khách khi tàu bắt đầu rời ga Hà-nội:

- Báo cáo, báo cáo! Nhà ga Sài-gòn vừa cháy rụi. Nhưng xin đồng-bào... vô-tư! Nhà ga mới sẽ xây xong khi tàu vào đến miền Nam."

Hề nói thì đối

Hai cán-bộ quát mặt nhau:

- Đồng-chí Bí-thư! Đồng-chí nói đối!

- Bằng-chứng đâu?

- Chính mắt tôi trông thấy mồn đồng chí động đậy rõ-ràng!

Mắt chống mắt

Thầy giáo (măng học-trò):

- Này lũ lười! Lúc bằng tuổi chúng bây, Tổng-thống Abraham Lincoln đi bộ đến trường hàng ngày, 7 dặm đi và 7 dặm về!

Dưới cuối phòng chợt có tiếng nhại lại nho nhỏ:

- Này cụ dốt, lúc bằng tuổi cụ, ông Abraham Lincoln đã làm tổng thống!

Cẩn-thận

Trong giờ thi trắc-nghiệm với hai câu trả lời "đúng" và "sai", giám-thị chợt hỏi trò Bê:

- Sao không làm bài đi, lại ngồi nghịch với đồng bạc các?

Bê thưa:

- Dạ thưa thầy, em đang làm bài đây ạ. Hình là "đúng", và chữ là "sai."

Cuối giờ sau khi cả lớp nộp bài xong, giám-thị lại hỏi Bê:

- Sao chưa nộp bài? Lại nghịch với đồng các rồi!

Bê thưa:

- Thưa thầy, em đang kiểm lại các câu trả lời trước khi nộp ạ!

Mấy con

Trong giờ toán đố, thầy giáo hỏi:

- Nếu năm ngoài thầy sinh một

trai, năm nay sinh được một gái, thầy có bao nhiêu con tất cả?

Cả lớp im phăng phắc, tiếng con ruồi bay cũng nghe. Thấy không ai giơ tay, thầy hỏi:

- Bi! Nói thầy nghe nào!

Bi lúng-túng:

- Thưa thầy ... không có đứa nào cả ạ!

Thầy ngạc-nhiên:

- Sao lại thế, này nhé, năm ngoái một đứa, năm nay...

Bi lác đầu quả-quyết:

- Thưa không ạ... Mẹ em nói, chỉ có đàn bà mới có bầu và đẻ con thôi ạ!

Còn tuỳ!

Vẫn giờ toán đố, thầy hỏi:

- Bê, thí dụ em có 3 trái cam, bạn em xin em một trái, em còn mấy trái?

Bê áp-úng hỏi lại:

- Thưa thầy, bạn em ...nhưng đứa nào ạ?

Bạn quý

Một ông nhà giàu biết mình sẽ chết, cho mời ba người bạn thân lại, trao cho mỗi người một phong bì dày cộm, bảo:

- Tôi có một điều ước, mong các bạn hết lòng giúp cho. Trong mỗi phong-bì tôi trao cho các bạn có 100.000\$ tiền mặt. Xin các bạn giữ đó, khi tôi qua đời, các bạn đặt món tiền ấy lên quan-tài của tôi trước khi lấp đất.

Ba người bạn từ thời tuổi nhỏ của ông nhà giàu nhận lời.

Ngày chia tay đã tới. Ba người bạn lần lượt ném ba chiếc phong bì xuống huyệt cho người quá-cổ.

Trên đường về, cả ba đầu đầu nét mặt. Vị mục-sư chợt lên tiếng:

- Tôi phải thú tội với các bạn. Năm nay tuyết nhiều, lạnh hơn mọi năm, quán cơm xã-hội của nhà thờ không quyen đủ tiền, tôi đã phải khấn ông bạn của chúng ta xin giữ lại 20.000\$ để mua thêm thức ăn cho người nghèo, tôi chỉ ném xuống có 80.000\$ thôi!

Nói xong ông thở dài, buồn-bã.

Đến phiên ông bác-sĩ lên tiếng:

- Tôi xin nói thật để Mục-sư nhẹ lòng. Tôi cũng chỉ ném xuống huyệt có 50.000\$ thôi. Chẩn-y-viện miễn-phí dành cho người nghèo của tôi bị hỏng cái máy quang-tuyến không sửa được. Tôi nghĩ rằng người bạn của chúng ta sẵn-sàng góp một phần vào để mua máy khác...

Ông bạn luật-sư của người quá cố lên tiếng sau cùng:

- Các bạn làm thế có phần không phải! Muốn xin thì nên xin từ trước để bạn ta còn có dịp cho biết ý-kiến. Tôi thì tôi ném trọn cả cái chi-phiếu cá-nhân, ghi đúng 100.000\$ mà ông bạn của chúng ta yêu-cầu.

Làm sao biết

Trước giờ ra trận, viên trung-sĩ bảo các tân binh:

- Chúng ta có một đội y-tế hùng-hậu và thiện-nghệ, các anh đừng sợ. Lỡ có thương-tích, sẽ có người săn-sóc chúng ta tử-tế.

Từ cuối hàng bỗng có giọng nói áp-úng hỏi:

- Trung-sĩ! Lỡ bị bắn trúng, làm sao mình biết là còn sống hay đã chết?

Viên trung-sĩ mỉm cười:

- Dễ lắm! Nếu anh cảm thấy đói bụng và hai chân lạnh thì là còn sống.

- Sao vậy Trung sĩ?

Viên trung-sĩ giải-thích:

- Còn sao nữa? Nếu đã lên Thiên-đàng, anh đâu có đói! Còn xuống tới hoả ngục, làm sao mà lạnh được!

Thực-tế phũ-phàng

Một thám-tử cảnh-sát gõ cửa một căn nhà âm-u ở ven rừng. Một đứa trẻ chừng bảy tuổi ra mở cửa, gương mặt nhìn khách lạ.

Thám-tử hỏi thằng bé:

- Bố em có nhà không?

Thằng bé lác đầu:

- Không!

Thám-tử:

- Thế bố đâu?

Thằng bé trả lời:

- Bố đi rừng.

Thám-tử hỏi tiếp:

- Mẹ em đâu?

Thằng bé đáp:

- Mẹ cũng đi rừng.

Thám-tử hỏi tiếp:

- Em dắt tôi vào rừng gặp bố mẹ được chứ?

Thằng bé đáp:

- Không!

Thám tử móc túi lấy ra tờ giấy 10\$:

- 10\$ được chứ?

Thằng bé gật đầu "Ô-kê!" và đưa tay đón tờ giấy bạc, nhưng viên thám-tử rút lại:

- Khoan đã! Gặp bố mẹ em đã, trở ra rồi hãy lấy tiền.

Thằng bé lác đầu:

- Trả trước đi! Ông sẽ không trở ra đâu!

Gõ nhầm cửa

Trong thời Cách-mạng Mỹ, ngựa rất hiếm và quý. Có một viên sĩ-quan trẻ được giao nhiệm-vụ tìm trưng-thu ngựa của dân-chúng để dùng trong quân-đội. Một hôm anh chợt bắt gặp một bầy ngựa đang ăn cỏ gần một toà lâu đài xinh-xắn. Anh cùng mấy người lính tùy-tùng tiến vào lâu-đài, thông-báo lệnh trưng-thu. Chủ-nhân toà lâu-đài là một bà cụ, đáng vẻ hiền-hậu nhưng có vẻ uy-nghi.

Bà cụ giải thích:

- Chúng tôi cần ngựa để cày đất vào mùa xuân; nhưng vì lợi-ích của quốc-gia và vì lệnh chính-phủ, tôi vui lòng nhường ngựa cho anh, chỉ xin giữ lại hai cặp để dùng tạm...

Viên sĩ-quan không bằng lòng:

- Chúng tôi phải bắt đi tất cả, đó là lệnh của Tư-lệnh.

Bà cụ hỏi:

- Tư-lệnh của anh là ai?

Viên sĩ-quan ngẩng mặt hãnh-diện:

- Là tướng George Washington, Tổng Tư-lệnh Quân-đội Hoa-kỳ.

Bà cụ mỉm cười hiền-lành, đáp:

- Không sao! Anh cứ về bảo với thằng George là mẹ nó bằng lòng hiến ngựa, nhưng cần giữ lại 4 con!

LÊ LÀNG

MUA BÁO DÀI HẠN NHANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(hiệu-lực từ tháng 12.1999, thay thế tất cả các giá trước đó)

- . **Báo gửi trong Canada:** - một năm 12 số: CA\$55 gia-kim
- hai năm 24 số: CA\$105 gia-kim
- . **Gửi đi Hoa-kỳ:** nên mua báo gửi bằng đường bộ
đường bộ: - một năm 12 số: US\$55 (CA\$82 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (157 gia-kim)
hàng không: - một năm: US\$70 mỹ-kim (CA\$105 gia-kim)
- . **Các nước khác:**
đường thủy: - một năm 12 số: US\$55 (CA\$82 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (157 gia-kim)
hàng-không: - một năm 12 số: US\$85 mỹ-kim (CA\$127)

Ghi-chú:

- CA\$: gia-kim, tiền Canada; US\$: mỹ-kim, tiền Mỹ
- Nếu trả bằng chi-phiếu/tiền địa-phương, xin theo giá sau (1 năm):
Anh: đường thủy 30 bảng / hàng-không 50 bảng
Đan-mạch: đường thủy 400 krone / hàng không 650 krone
Đức: đường thủy 100 đức mã / hàng không 150 đức-mã
Hòa-lan: đường thủy 110 gulden / hàng-không 160 gulden
Na-uy: đường thủy 450 krone / hàng-không 700 krone
Nhật-bản: đường thủy 6.000 yen/hàng-không 10.000 yen
Pháp: đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan
Úc: đường thủy 70 úc-kim / hàng-không 130 úc-kim

Độc-giả cư-ngụ tại Canada, Mỹ, Anh và Pháp, xin gửi chi-phiếu cá-nhân (personal cheque) bằng tiền địa-phương về tòa-soạn. Độc-giả tại các nước khác xin gửi ngân-phiếu bằng tiền Mỹ (money-order, mua tại nhà băng) hoặc bưu-phiếu bằng tiền Canada (postal money-order, mua tại bưu-điện).

Các văn-phòng đại-diện:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Lyster 77
44041 Dortmund	1253 Oslo	1628 Am-Hoorn-NH

Lưu ý: các văn-phòng đại-diện chỉ nhận chuyển hồ-sơ; không có dữ-kiện để giải-quyết các vấn-đề giao-dịch.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:

Địa chỉ:

mua:.....số báo; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, ON M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....số báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI, VPS, VNU,...). Tòa-soạn dùng chữ Việt chương VNU (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh đăng bài trùng. Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Khi gửi bài cho *Làng Văn*, tác-giả đương-nhiên đồng ý cho phép tòa-soạn đăng trên báo, in sách, phát-thanh, và phổ-biến trên băng.

Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng sau khi đăng báo, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng.

Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút hoặc tặng sách.

8. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (*Làng Văn* số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.



BÁO BỊ TRẢ VỀ

Xin quý độc giả có tên sau đây vui lòng cập-nhật địa chỉ mới. Tòa soạn không gửi lại những số báo bị trả về, ngoại-trừ có lời yêu cầu, kèm theo 4\$ tem (2\$ bồi hoàn tem phạt và 2\$ tem gửi lần thứ hai):

Ngô Minh Châm, NV; Lê Nguyễn, Tampa, FL; Bang The Le, Wallingford, CT; Trương Nguyệt Đạm, Warren, MI;

Anh Tăng Sở Dương, Hương cảng: Đã nhận được bốn ảnh mới. Đã chuyển cho Bếp. Nghe nói: "hay hơn các ảnh trước, gần được rồi, gắng lên!" Xin "tường thuật" như trên. Thân.

Ông Trọng Cóc, BC: Đã nhận được bài thơ chưa, xin cảm ơn. Nói ngọng trước hết, là khuyết tật của dân quê một vùng, phần lớn ở đồng bằng Bắc phần. Khi công nông lên cầm quyền, nói ngọng đôi khi bị hiểu lầm là "mốt" của giai cấp mới. NH không nghĩ đó do "chính sách" mà ra. Thực sự, nói đúng bao giờ cũng hơn. Kính.

Anh Ngy Thanh, TX: Cảm ơn đã an ủi, cầu nguyện. Người đẹp tăng viện đã tới, cảm ơn anh. Xin gửi thêm ảnh đất trời, cây cỏ. Thân.

Bà Trần Bích Loan, Áo quốc: Cảm ơn bà về sự khuyến khích và góp sức quý báu. Mong có dịp ghé thăm bà trên đường viễn du. Kính.

Nhà văn Thanh Phương, Paris: Cảm ơn đại tỷ góp sức mọi mặt, nâng đỡ tinh thần cho chúng em ngoài trận tiền. Chúng em luôn luôn cảm nhận được chân tình của đại tỷ ấm áp sau

lưng. Cho chúng em kính lời chúc lành Phạm đại huynh. Kính.

Bà Trần Thị Lan, Úc: Mục nhấn tin tị nạn chỉ miễn phí cho đồng bào còn kẹt lại Phi Luật Tân và Hương Cảng. Quý đồng-bào đã yên nơi yên chỗ, khi cần nhấn tin, xin vui lòng "cứu trợ" tòa soạn một chút phương tiện để giúp những vị kém may mắn hơn. Kính.

Đoan Vy, Rochester: Cảm ơn thiệp Thanksgiving của cháu. Riêng cái chi phiếu, cô bỏ đi, "tha phạt" cho cô học trò (nhất là khi lỗi ấy rõ ràng của Bưu điện!).

Cháu ở Rochester thì là láng giềng của cô, chỉ cách mỗi cái hồ Ontario nhỏ xíu (trên bản đồ). Khi nào có dịp đi Toronto mua sắm, nhớ ới một tiếng, cô cháu gặp nhau. Thân.

Thi sĩ Trần Văn Lệ, CA: Cảm ơn cái thiệp hoà bình với con chim thiệt bự. *Bình an dưới thế cho người thiện tâm!* (và bình an dưới ...hoả ngục cho những kẻ phản phúc dám mang Chúa ra thề ...láo! Thân.

Anh Nguyễn Hữu Tấn, AZ: Muốn có tác phẩm, trước hết phải viết ra đã, mọi chuyện khác, sẽ bàn sau. Chúc anh mọi điều tốt đẹp.

Anh Phạm Xuân Lâm, BC: Đã nhận được cái chi phiếu nặng nặng, cảm ơn anh. Cảm ơn nhất là sự cầu nguyện và lời dặn dò chí tình: "*giữ gìn sức khoẻ, dành chút ít thì giờ cho đời sống gia đình trên đường dài.*" Bếp có lúc nói: "Trời sinh ra chúng ta để ...đánh giấc, bao giờ hết giấc, chắc

đời sống tẻ nhạt lắm!" Mong chỉ là câu nói đùa. Hết giấc thối nát, độc tài, phản phúc thì tới giấc nhân phẩm, nghèo đói, chậm tiến, bất công xã hội... chả sợ hết giấc, chỉ sợ hết "lừa"! Có dịp đi BC sẽ xin làm khách nhà anh. Thân.

Anh chị Nguyễn Văn Thông, MA: Đã nhận được các thứ tiền, cảm ơn anh chị. Trong lúc hoạn nạn, vẫn để ý chia sức ra trông chừng cho nhau, chân tình ấy thật hiếm thấy ở cõi người. Xin Ông Trên đền đáp bội hậu cho anh chị và gia đình. Thân.

LS Võ Văn Quan, Florida: Mỗi lần nhận được thư ông, không khỏi nghĩ tới Cậu Út Trầu xứ Huế. Cậu Út cùng hai ông anh mồ yên mả đẹp đã 36 năm; vị luật sư của cậu cho tới giờ hãy còn bốn ba hải ngoại.

Cảm ơn ông bà về tấm thiệp hoa hồng và những lời thân ái. Bếp vẫn mong có dịp bay xuống Florida hoà đàn với cụ Quan! Thân.

Ông Vũ Huy Thục, Hoa Kỳ: Đa tạ ông quan tâm vấn đề và đã gửi cho các tài liệu tư pháp. Rất khả dụng. Kính.

Thảo Chi, San Jose: Cảm ơn về lời chúc vui tươi, phúc lộc. Con chim hoà bình của Thảo Chi ngậm tới bốn chiếc lá, chắc chắn mùa Xuân sang năm sẽ tươi tốt hơn nhiều! Thân.

BÀI NHẬN ĐƯỢC (qua bưu điện)

Văn: Trần Văn Tích, Minh Đạo, Trần Bích Loan, Tôn Nữ (2), Thanh Phương, Vũ Nam.

Thơ: Trần Bích Loan, Minh Đạo (2), Trần Văn Lệ (6), Thảo Chi.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Ba điều năm chuyện (TVT), Những mẩu chuyện (TP), Khuôn mặt Judas (TN), Những cánh chim đi (VN).

Thơ: Mùa xuân của mẹ, Bàng khuâng (MĐ), Hăm lăm mùa xuân... (TC), Bài ru đứt nhịp, Đêm mưa Los, Năm 2000 tới... (TVL).

Kính mời quý bạn đọc
mua băng ghi lại các chương-trình đã phát-thanh về VN
Giờ Văn Học Nghệ-Thuật (Làng Văn & VBC), Đài VN Tự-Do
(bán gây quỹ hoạt-động cho Đài)

Nội-dung tổng-quát chương-trình Văn Học Nghệ Thuật:

- **Phần văn-nghệ:** các ca-khúc và những bài thơ hiếm, không thể tìm thấy trên thị-trường băng nhạc thương mại.

- **Tin-tức sinh-hoạt văn-nghệ.**

- **Tâm tình với văn nghệ sĩ.**

- **Tuyển đọc tác-phẩm:** mỗi kỳ một truyện ngắn, dài ít nhất 30 phút.

Giá ủng-hộ gây Quỹ Phát-Thanh: 10\$ một băng (dài từ 90 đến 110 phút, thu hai chương-trình phát-thanh, kể cả cước phí).

Chi-phiếu xin đề và gửi về:

Làng Văn

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, ON M8Z 5P1

Canada

DANH-SÁCH

các tác-phẩm đã đọc:

. **Băng 1-2:** phát ngày 3.5.99:

Con chim khờ dại của Lưu Hải Sơn, Nguyễn Hương đọc.

và ngày 10.5.99:

Đế mèn của Quách Ngọc Trân, Nguyễn Hữu Nghĩa đọc.

. **Băng 3-4:** phát ngày 17.5.99:

Tử thư Tây-tạng của Nguyễn Phong, Nguyễn Hương đọc.

và ngày 24.5.99:

Tử thư Tây-tạng của Nguyễn Phong, Nguyễn Hương đọc (tiếp theo).

. **Băng 5-6:** phát ngày 30.5.99:

Tử thư Tây-tạng của Nguyễn Phong, Nguyễn Hương đọc (tiếp theo và hết).

và ngày 6.6.99:

Nước mình nước Mỹ của Ngô Du Trung, Nguyễn Hương đọc.

. **Băng 7-8:** phát ngày 14.6.99:

Như vết chim bay của Hoàng Nga, Nguyễn Hương đọc.

và ngày 21.6.99:

Viết về người lính Địa-phương-quân, Nguyễn Hữu Nghĩa viết và đọc.

. **Băng 9-10:** phát ngày 28.6.99:

Hành-trình về phương Đông của Nguyễn Phong, chương "Chiêm-tĩnh học", Nguyễn Hương đọc.

và ngày 5.7.99:

Hành-trình về phương Đông của Nguyễn Phong, chương "Chiêm-tĩnh học", Nguyễn Hương đọc (tiếp theo và hết).

. **Băng 11-12:** phát ngày 12.7.99:

Phận bạc của Vũ Tiến Dũng, Nguyễn Hương đọc.

và ngày 19.7.99:

Cái xe than của Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Hữu Nghĩa đọc.

. **Băng 13 & 14:** phát ngày 26.7.99:

Mẹ ngày xưa của Vi Khuê, do tác-giả đọc.

và ngày 2.8.99:

Những điều cay cực của Nguyễn Đức Lập, Mộng Lan đọc.

. **Băng 15-1:** phát ngày 9.8.99:

Những vết thương, thoại-kịch của Hoàng Huy.

và ngày 16.8.99:

Ai thêm giết hấn làm chi của Nguyễn Đức Lập, Mộng Lan đọc.

. **Băng 17-18:** Vu Lan, phát ngày

23.8.99:

Mẹ và con của Nguyễn Khanh, Nguyễn Hương đọc.

và ngày 30.8.99:

Chiếc áo dài cuối cùng của mẹ của Cỏ Xưa, Nguyễn Hương đọc.

. **Băng 19-20-21:** (phát lại chương-trình cũ, không phát-hành)

. **Băng 22-23:** phát ngày 27.9.1999: chuyện thiền *Bên kia cửa tử* của Nguyễn Phong, Nguyễn Hữu Nghĩa đọc.

và ngày 4.10: Lễ Tạ Ôn của Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Hương đọc.

. **Băng 24-25:** phát ngày 11.10.1999: *Tử-thư* của Nguyễn Phong, Nguyễn Hương đọc

và ngày 18.10: Ca-khúc *Một chia tay là suốt trăm năm*, thơ Phan Các Chiêu Hằng, nhạc Nguyễn Quyết Thắng, Cung My hát; *Cảm ơn Trời, cảm ơn người* của Nguyễn Văn Thông, tác-giả đọc.

. **Băng 26-27:** phát ngày 25.9.1999: Chương-trình Halloween của Mộng Lan.

và ngày 1.11: truyện ngắn *Nhân tâm bất cố* của Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Hữu Nghĩa đọc.

. **Băng 28-29:** phát ngày 8.11.1999:

Truyện thiền *Câu chuyện với BS Sandyo* của Nguyễn Phong, Nguyễn Hương đọc.

và ngày 15.11: Truyện ngắn *Con mồi* của Lưu Hải Sơn, Nguyễn Hương đọc.

. **Băng 30-31:** phát ngày 22.11.1999:

Tạ ơn (Thanksgiving) - Nguyễn Văn Thông viết và đọc

và ngày 29.11: Truyện thiền *Cõi giới vô hình* của Nguyễn Phong, Nguyễn Hương đọc.

Dọn kho: "Sales! Sales!"

Lưu ý: Giá sách in ở trang "Sales" này đã được bớt từ 50% trở lên, không bớt thêm cho độc-giả dài hạn hoặc "phiếu giảm giá"

HẠN CHÓT: 31.12.1999 / THƯ-TỪ, CHI-PHIẾU XIN ĐỀ VÀ GỬI VỀ: LÀNG VĂN

TRUYỆN NGẮN:

Cặp mắt quay lại
Nguyễn Đức Lập
US\$6.00 - CA\$7.00

Chôm Chôm yêu dấu
Trần Diệu Hằng
US\$5.00 - CA\$6.00

Chuông đêm
Ngô Nguyên Dũng
US\$5.00 - CA\$6.00

Cối kỷ ức trắng xanh
Hồ Trường An
US\$6.00 - CA\$7.00

Cơn mưa đầu mùa
Diệu Tần
US\$5.00 - CA\$6.00

Đêm xanh huyền hoặc
Hồ Trường An
US\$7.00 - CA\$9.00

Đôi lá khô
Nguyễn Tư
US\$5.00 - CA\$6.00

Gà thiếp về vườn
Hồ Trường An
US\$9.00 - CA\$12.00

Gia đình Cún
Ngô Nguyên Dũng
US\$6.00 - CA\$7.00

Mùa thu cuối cùng
Hoàng Chính
US\$5.00 - CA\$6.00

Người lính không vũ-khí
Nguyễn Mạnh An Dân
US\$6.00 - CA\$7.00

Người về
Diệu Tâm
US\$6.00 - CA\$7.00

Nước mình nước Mỹ
Ngô Du Trung
US\$5.00 - CA\$6.00

Quê hương trong ngăn lệ
Thanh Phương
US\$5.00 - CA\$6.00

Tạp chủng
Hồ Trường An
US\$7.00 - CA\$9.00

Tha hương
Truyện ngắn Ng. Du Trung
US\$5.00 - CA\$6.00

Thơ văn trên đất tuyết
Nhiều tác giả Văn Bút
US\$6.00 - CA\$7.00

Tiếng núi
Ngô Nguyên Dũng
US\$7.00 - CA\$9.00

Trong cơn vật vã
Nhiều tác giả Văn Bút
US\$8.00 - CA\$11.00

Trông vời quê cũ, miền Trung
US\$6.00 - CA\$7.00

Trước bến Văn Lâu
Việt Phương
US\$5.00 - CA\$6.00

Tuyển tập truyện ngắn Giải Văn-học Nghệ-thuật Làng Văn 92
US\$6.00 - CA\$7.00

15 Truyện ngắn Giải Văn-học Nghệ-thuật Làng Văn 90
US\$7.00 - CA\$9.00

Xóm cũ
Phạm Thăng
US\$6.00 - CA\$7.00

Xuôi dòng Cửu Long
Phạm Thăng
US\$5.00 - CA\$6.00

Văn Xã I - chủ-đề Xuân
Nhiều tác giả
US\$3.00 - CA\$3.00

Văn Xã III: 14 năm văn học hải ngoại
US\$3.00 - CA\$3.00

Vĩnh biệt tình em
Truyện ngắn, Bùi Tĩnh
US\$5.00 - CA\$6.00

TRUYỆN DÀI:

Bãi gió cồn trắng
Hồ Trường An
US\$9.00 - CA\$12.00

Bạn văn
Truyện dài Mai Kim Ngọc
US\$5.00 - CA\$6.00

Câu chuyện của một dân tộc
Nguyễn Hồng Hoà
US\$5.00 - CA\$6.00

Đêm
Ngô Nguyên Dũng
US\$3.00 - CA\$4.00

Ngát hương mật ong
Hồ Trường An
US\$9.00 - CA\$12.00

Những sợi sắc không
Truyện dài, Túy Hồng
US\$7.00 - CA\$9.00

Thạch Kiếm
(kiếm đạo, bộ 4 cuốn)
Tự Tĩnh
US\$30.00 - CA\$40.00

TAP BÚT, BIỂM VĂN:

Chém đá
Biểu văn, Sắc Không
US\$6.00 - CA\$7.00

Đá đổ mồ hôi
Biểu văn, Sắc Không
US\$6.00 - CA\$7.00

Đầu làng cuối xóm
Biểu-văn, Mõ Làng Văn
US\$5.00 - CA\$6.00

Ký
Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$5.00 - CA\$6.00

Phủ Tang tạp lục
Tạp ký, Vi An
US\$5.00 - CA\$6.00

Quê hương lưu đầy
Đào Trường Phúc
US\$3.00 CA\$4.00

Tại ngục vịnh Kiều
Phiếm, Hoàng Hải Thủy
US\$6.00 - CA\$7.00

Vui buồn nghề nghiệp
Phạm Thăng, An Khê, Huyền Vũ, Nguyễn Ang Ca, Năm Châu, Thanh Đạm...
US\$8.00 - CA\$10.00

TRUYỆN DỊCH:

Món quà cưới (Canada)
Truyện ngắn, Hồng Huy
US\$5.00 CA\$6.00

Bản đàn thôn dã
A. Gide - Mai Kim Ngọc
US\$3.00 - CA\$4.00

BIỂN KHẢO, NHẬN-ĐỊNH:

Dọn đường về nước
Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$10.00 - CA\$12.00

Đức Giáo-hoàng Gioan Phaolo II và những trang sử còn giấu kín của thời đại
Nguyễn Văn Thông
US\$6.00 - CA\$7.00

Hương sắc quê mình
Biên-khảo, Lăng Nhân
US\$9.00 - CA\$12.00

Kỷ yếu Văn Bút VNNH

Nhiều tác-giả
US\$5.00 - CA\$6.00

Sự muôn năm cũ
Trần Văn Tích
US\$7.00 - CA\$9.00

Những điểm nóng trên thế giới sau chiến tranh lạnh
Đào Trường Phúc
US\$7.00 - CA\$9.00

Từ Khảm Lớn đến Côn Đảo - Hồi ký, An Khê
US\$6.00 - CA\$7.00

LINH TINH:

Cỏ bông
Thơ Nguyễn Hữu Nhật
US\$6.00 - CA\$8.00

Cuộc chiến
Thơ Nguyễn Hữu Nhật
US\$6.00 - CA\$8.00

Hồn tôi cũng muốn qua cầu gió bay
Thơ Đắc Trung
US\$3.00 - CA\$4.00

Linh hồn viễn xứ
Thơ Đắc Trung
US\$3.00 - CA\$4.00

Hồng trần
Thơ Cung Vũ
US\$4.00 - CA\$5.00

Nguyệt bạch
Thơ Cung Vũ
US\$5.00 - CA\$6.00

Rừng trái sầu non
Thơ Trần Huy Phương
US\$3.00 - CA\$4.00

Thơ Nguyễn Chí Thiện
US\$4.00 - CA\$5.00

Thơ Tagore
Đỗ Khánh Hoan dịch
US\$5.00 - CA\$6.00

Tóc em dài em cài bông hoa lý
Thơ Lâm Hảo Dũng
US\$3.00 - CA\$4.00

Trên những ngậm ngùi
Thơ Việt Phương
US\$4.00 - CA\$5.00

Trở về
Thơ Kha Huyền
US\$3.00 CA\$4.00

SÁCH MỖI VỀ

Bổ-túc Thư-Mục 1999 (in trên Làng Văn 174)

10 đại hoàng-đế Trung-quốc Biên-khảo Tang Du, Phong Đảo US\$26.00 - CA\$40.00	Bí-quyết bói bài theo khoa-học Bói toán, Lê Đăng US\$6.00 - CA\$10.00	Chuyện lành Tập bút Nguyễn Văn Thông US\$12.00 - CA\$19.00	Wales A. Morton KT dịch US\$12.00 - CA\$19.00	Đoạn đường Hốt Tất Liệt Truyện ngắn Lâm Chương US\$10.00 - CA\$16.00
10 đại thừa tướng Trung-quốc Biên-khảo Tang Du, Phong Đảo US\$26.00 - CA\$40.00	Bích huyết kim thoa Kiếm hiệp (6 cuốn) Kim Đồng, Trần Ngọc US\$ 63.00 - CA\$100.00	Con gái người gác đèn biển Truyện ngắn Nguyên Nhi US\$15.00 - CA\$24.00	Dưới bóng tử bi Hồi ký của 1 người Nga trên đường đi tìm Phật pháp - Thiện Xuân US\$11.00 - CA\$17.50	Đồng bạc để nái Truyện dài Xuân Vũ US\$12.00 - CA\$19.00
10 đại mưu lược gia Trung quốc Biên-khảo Tang Du, Phong Đảo US\$22.00 - CA\$35.00	Bút khảo về xuân Tập văn, Lê Văn Lân Tập I: US\$18.-CA\$28.5 Tập II: US\$13.-CA\$20.5	Cô Rơm Truyện ngắn Trần Mộng Tú US\$12.00 - CA\$19.00	Dưỡng sinh y đạo Hoài Văn Tử US\$13.00 - CA\$20.40	Đứng ngồi không yên Phóng bút, Lê Mai Lĩnh US\$15.00 - CA\$24.00
100 năm phát-triển tiếng Việt Biên khảo, Phụng Nghi US\$10.00 - CA\$16.00	Cái dưng của thánh nhân Thu Giang Ng. Duy Cần US\$7.00 - CA\$11.00	Cõi thơ Khánh Hà Thơ, Khánh Hà US\$10.00 - CA\$16.00	Đường như ta ngại thốt lời yêu em Thơ, Nguyễn Đăng Tuấn US\$10.00 - CA\$16.00	Đường đi không đến Truyện dài Xuân Vũ US\$12.00 - CA\$19.00
40 năm nói láo Phiếm văn, Vũ Bằng US\$7.50 - CA\$12.00	Căn nhà búp bê Truyện Na Uy của Ibsen Bách Liên dịch US\$12.00 - CA\$19.00	Cồn mây Truyện dài Hồ Minh Dũng US\$17.00 - CA\$26.00	Đào thoát Truyện ngắn Ngự Thuyết US\$13.00 - CA\$20.50	Đường mây Thơ, Phan Long Yên US\$10.00 - CA\$16.00
2000 ngày đêm trấn thủ Củ Chi, tập 7 Truyện dài, Xuân Vũ US\$14.00 - CA\$22.00	Câu chuyện của Rampa Sách tâm linh Lobsang Rampa, Trần V.Anh Thi US\$15.00 - CA\$24.00	Công giáo chính sử Tài liệu Tôn giáo, Trần Chung Ngọc US\$18.00 - CA\$28.50	Đại diệp toàn bộ Bói toán, Lê Văn Nhân US\$7.00 - CA\$11.00	Giai đoạn mới trên chiến trường cũ Nhận-định chính-trị Nguyễn Hữu Nghĩa US\$10.00 - CA\$16.00
Anh-hùng Đông A Yên Tử cư-sĩ (5 cuốn) US\$80.00 - CA\$120.00	Chân mang giày số 6 Truyện ngắn, Song Thao US\$10.00 - CA\$16.00	Cùng nhau trôi nổi Hồi ký P.T. Quang Ninh US\$12.00 - CA\$19.00	Đại diệp toán số Bói toán, Lê Văn Nhân US\$8.00 - CA\$12.50	Giai-thoại về các tỉ-phú Sài-gòn xưa Thượng Hồng US\$10.00 - CA\$16.00
Ánh mắt Truyện ngắn Trương Anh Thụy US\$12.00 - CA\$19.00	Chiến tranh và tình yêu Truyện ngắn Trần Ngọc Toàn US\$10.00 - CA\$16.00	Cười Chay Cả Cười US\$7.00 - CA\$11.00	Đạo-lý cho thiên-kỳ mới Đạt Lai Lạt Ma - L.Thuỵ US\$13.00 - CA\$20.00	Giai thoại vui tiếng Anh Mỹ L. Hill, Kim Tiến US\$10.00 - CA\$16.00
Bách bệnh trẻ em Y-học, Nguyễn Đăng US\$9.00 - CA\$14.00	Cho trọn cuộc tình Quỳnh Dao - Ái Cầm US\$15.00 - CA\$24.00	Cười Mặn (dành cho người lớn) Cả Cười US\$7.00 - CA\$11.00	Để có một tâm linh lành lặn Sách tâm linh Trần Viết An Cựu US\$16.00 - CA\$25.00	Giải-thích hiện-tượng-học về kinh Dịch Trần Công Tiến US\$20.00 - CA\$32.00
Bách khoa gia đình Chu Xuân Giáo US\$15.00 - CA\$24.00	Chúng ta phải làm gì trước những tệ-nạn xã-hội Song ngữ Anh Việt Thích Tâm Quang US\$14.00 - CA\$22.00	Đấu chân xuôi ngược Truyện dài Xuân Vũ - Tập thượng: Biển lửa núi tro; - Tập trung: Nước U-minh ngày đỏ; Mỗi tập: US\$16.00 - CA\$25.00	Để hiểu đàn ông đàn bà Kiến-thức phổ-thông, Trần Viết Dương Đại US\$16.00 - CA\$25.00	Giang hồ thập ác Kiếm hiệp (5 cuốn) N.K. Thạch, Thương Lan US\$52.00 - CA\$83.00
Bên lề cuộc chiến Truyện dài N.Đ. Chương US\$12.00 - CA\$19.00	Chuyện đường rừng Hồi ký, Huỳnh Văn Lang US\$25.00 - CA\$39.00	Diana, Công chúa xứ	Đề phòng tai biến mạch máu não ở người cao tuổi Phạm Khuê US\$9.00 - CA\$14.00	Giấc mơ xưa Truyện ngắn Trần Thị Nhật Hưng US\$10.00 - CA\$16.00
			Đi Tây Truyện dài XHCN, Ngọc-Nga US\$13.00 - CA\$20.50	Gió biếc Truyện ngắn Lê M. Hà US\$10.00 - CA\$16.00
			Điểm huyết trị bệnh Sách thuốc, Cần Chánh US\$13.00 - CA\$20.00	Hải âu phi xứ Tiểu thuyết Trung Hoa Quỳnh Dao, L.Q.Nhĩ US\$10.00 - CA\$16.00

Hãy dành cho nhau một chút nhớ Truyện ngắn Dương Thị Vành Khuyên US\$12.00 - CA\$19.00	Làm sao giữ tình-yêu của chồng Kiến-thức phổ-thông, E. Kauffman Nguyễn Hiến Lê US\$8.00 - CA\$12.50	Nắng Sài-gòn, nắng Hoa-kỳ Truyện dài, P.N. Lương US\$18.00 - CA\$28.00	Những câu chuyện Việt sử, II Trần Gia Phụng US\$18.00 - CA\$28.50	Ở ngưỡng cửa thế giới bí ẩn Huyền-môn Keler - ĐQK US\$15.00 - CA\$24.00
Hiệp khách hành (4 cuốn) Kiếm hiệp Kim Dung, Hàn Giang Nhạn US\$42.00 - CA\$67.00	Luyện lý-trí Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Hiến Lê US\$7.00 - CA\$11.00	Nghệ thuật làm vợ Trần Thị Mộng Xuân US\$10.00 - CA\$16.00	Những đoá hoa thiên Truyện thiên, Tiêu Vũ Đồng, Dương Đình Hưng US\$10.00 CA\$16.00	Quê mẹ Bút ký về tỉnh Phú-yên Phan Long Yên US\$10.00 - CA\$16.00
Hoa hương dương Truyện dài, Xuân Tước US\$15.00 - CA\$24.00	Mặc niệm chiến tranh Truyện ngắn Trần Hoài Thư US\$12.00 - CA\$19.00	Nghệ-thuật o mèo Truyện ngắn Phùng Nhân US\$12.00 - CA\$19.00	Những hạt đậu biết nhảy Truyện ngắn Phật học Lâm Th. Huyền, PH dịch US\$13.00 - CA\$20.00	Quê nhà 40 năm trở lại Ký, Phan Lạc Tiếp US\$15.00 - CA\$24.00
Học đọc tiếng Việt Sách học chữ Việt Đỗ Quang Vinh US\$15.00 - CA\$24.00	Mây mù thế kỷ Nhận định, Bùi Tín US\$18.00 - CA\$28.50	Nghề hầu vua Hồi-ký của người hầu vua Phổ Nghi, VKTuông US\$18.00 - CA\$28.50	Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm Tài liệu, Vĩnh Phúc US\$22.00 - CA\$35.00	Quỷ ma và học trò Tập văn Huỳnh Văn Phú US\$12.00 - CA\$19.00
Hoàng đế nội sinh với suy đoán vận khí Y-học, Đàm Th. Mộng US\$15.00 - CA\$24.00	Mặt trời và bóng đêm Tiểu thuyết xã hội đen Tống Minh Long Quân US\$16.00 - CA\$25.50	Ngô trúc Truyện dài Minh Đức Hoài Trinh US\$15.00 - CA\$24.00	Những ngày cuối cùng của Đệ I Cộng-hoà Việt-nam Tài liệu, Ngô Đình Châu US\$12.00 - CA\$19.00	Phát súng ân-tình Truyện dài (7 cuốn) Trường sơn Lê Xuân Nhị US\$130.00 - CA\$200.00
Hồ Chí Minh tại Trung quốc Tài liệu, Tường Vinh Kính Thượng Huyền US\$18.00 - CA\$28.50	Mẹ Maria, hiền mẫu Chúa Kitô Ngưỡng Nhân US\$25.00 - CA\$40.00	Người chết vẫn sống Sách tâm linh Sherman Thích Tâm Quang dịch US\$12.00 - CA\$19.00	Những ngày cuối cùng của TT Ngô Đình Diệm Hoàng Ngọc Thành - Thân Thị Nhân Đức US\$25.00 - CA\$40.00	Sao Chúa mãi im Truyện dài Nhật bản E. Shusaku - Mặc Tĩnh US\$20.00 - CA\$31.00
Học tiếng Quảng-đông Sách và băng, Lưu Khôn US\$18.00 - CA\$28.50	Mẹ Maria, sứ-giả tình-yêu Thiên Chúa Ngưỡng Nhân US\$12.00 - CA\$19.00	Người về Tiểu thuyết Trung Hoa Quỳnh Dao, Tử Vi Lang US\$8.00 - CA\$12.50	Những món ăn quê hương Dạy nấu ăn, Quốc Việt US\$13.00 - CA\$20.50	Sau bức màn tre Biếm văn, Mỗ Làng Văn US\$8.00 - CA\$12.50
Hồi-ký một người hoạn Danshi - Nguyễn Ngọc US\$12.00 - CA\$19.00	Miêng Truyện ngắn Nguyễn Thị Xuân Sương US\$12.00 - CA\$19.00	Người Trung quốc xấu xí Nguyễn Hồi Thủ dịch US\$15.00 - CA\$24.00	Những ngày cuối cùng của TT Ngô Đình Diệm Hoàng Ngọc Thành - Thân Thị Nhân Đức US\$25.00 - CA\$40.00	Sống theo sở thích để sống lâu Học làm người Nguyễn Hiến Lê US\$8.00 - CA\$12.50
Hồi ký viết trên gác bút Nguyễn Thụy Long US\$13.00 - CA\$20.50	Một dây trâm Truyện ngắn Hoàng Du Thụy US\$10.00 - CA\$16.00	Nhạc lý căn bản Lan Đài US\$10.00 - CA\$16.00	Nói chuyện Tiểu Ngạo Giang-Hồ Thời đàm Phạm Khắc Trung US\$12.00 - CA\$18.00	Tai-biến mạch máu não Nguyễn Văn Dũng US\$10.00 - CA\$16.00
Khai quật kho tàng cổ sử Hùng Việt Biên khảo Nguyễn Xuân Quang US\$30.00 - CA\$48.00	Một đoá sen hồng (CD) (đĩa nhạc thiên) Ca khúc và tiếng hát Trọng Nghĩa, Mộng Lan US\$7.00 - CA\$11.00	Như một vết chim bay Truyện ngắn Hoàng Nga US\$12.00 - CA\$19.00	Nơi người chết mỉm cười Tập bút Nguyễn Quốc Trụ US\$10.00 - CA\$16.00	Tâm lý ái tình Phạm Cao Tùng US\$8.00 - CA\$12.50
Khổng Minh thần toán Bói toán Trần Đại Bình US\$12.00 - CA\$19.00	Mưa vẫn còn rơi Truyện ngắn Phượng Khánh US\$14.00 - CA\$22.00	Những bài văn sử Biên khảo, Tạ Chí Đại Trường US\$10.00 - CA\$16.00	Nửa chừng xuân Truyện dài Khái Hưng US\$9.00 - CA\$14.00	Tâm xa cũ bán hiệu quả Truyện ngắn Thảo Trường US\$10.00 - CA\$16.00
Khảo cứu chiêm tinh lý số Bói toán Viên Tài Hà Tấn Phát US\$10.00 - CA\$16.00	Mưu trí đàn bà Truyện dài, Xuân Vũ US\$14.00 - CA\$22.00	Những bậc thầy của tôi Ký sự, Xuân Vũ US\$15.00 - CA\$24.00	Nửa đêm kinh hoàng Truyện dài Xuân Tước US\$14.0 - CA\$22.00	Tập truyện ngắn Trần Thị Ngh US\$9.00 - CA\$14.00
		Những bí-quyết của nhà triệu-phú M. Fisher - Đào C Bình US\$10.00 - CA\$16.00		Thầy Mười Rắn Truyện dài Xuân Tước US\$14.0 - CA\$22.00

Theo chân những tiếng hát
Tập văn, Hồ Trường An
US\$20.00 - CA\$32.00

Thiên đàng nhẹ
Truyện ngắn Xuân Vũ
US\$15.00 - CA\$24.00

Thiên nga giữa cõi người
Truyện ngắn Tâm Thanh
US\$10.00 - CA\$16.00

Thơ Đỗ Phủ
Phạm Doanh biên dịch
US\$24.00 - CA\$38.00

Thung lũng tử thần
Truyện dài
Lê Đình Cương
US\$15.00 - CA\$24.00

Thuyền nhân không mộ
Truyện dài
Kiều Thanh Thi
US\$12.00 - CA\$19.00

Tinh-hoa Hà-nội
Mai Thúc Ký
US\$12.00 - CA\$19.00

Tinh sen ý huệ
Truyện dài
Hồ Trường An
US\$16.00 - CA\$25.00

Tinh trên cánh gió
Truyện dài, Phan Đình Minh và Xuân Vũ
US\$18.00 - CA\$28.50

Tôi làm ký-giả thể-thao
Hồi-ký, Huyền Vũ
US\$16.00 - CA\$25.00

Trái tim thiên tập
Sách tâm linh Salzberg
Nguyễn Duy Nhiên
US\$16.50 - CA\$26.00

Trang trí nội ngoại thất theo phong thủy
Phạm Cao Hoàng
US\$13.00 - CA\$20.50

Trong mê cung
Truyện ngắn
NT Hối
US\$13.00 - CA\$20.00

Truyện cười dân gian
Đặng Việt Thủy
US\$12.00 - CA\$19.00

Tuyển tập Văn Bút Việt-Nam Ontario 1999
Tuyển tập thơ văn,
31 tác-giả
US\$12.00 - CA\$19.00

Tuyển tập Bình Nguyên Lộc
Truyện ngắn
US\$20.00 - CA\$32.00

Tuyệt thư
Bút ký văn-nghệ
Nguyễn Hương
US\$10.00 - CA\$16.00

Tự học nhanh Microsoft 98
Nguyễn Tiến
US\$18.00 - CA\$28.50

Tự học nhanh Microsoft bằng hình
Nguyễn Tiến
US\$15.00 - CA\$24.00

Tướng tư thảo
Tiểu thuyết Trung Hoa
Quỳnh Dao,
Ngọc Linh
US\$12.00 - CA\$19.00

Tử vi nghiệm lý - Lý mệnh học
Bói toán Thiên Lương
US\$8.00 - CA\$12.50

Ứng-dụng thuật phong-thủy
Trương Huệ Dân
US\$19.00 - CA\$30.00

Vàm đất Cả Cao
Truyện dài đồng quê
miền Nam của
Phùng Nhân
US\$15.00 - CA\$24.00

Văn học Miền Nam
- *Truyện ngắn I, II, III*
nhiều tác giả (3 tập)
- *Thơ, Ký, Kịch và tùy bút* (3 tập)
Võ Phiến sưu-tập
Giá mỗi tập:
US\$18.00 - CA\$28.00

Văn phạm Anh văn
Trần Văn Điền
(bộ mới 1999)
US\$20.00 - CA\$32.00

Viên đạn cuối cùng
Tản văn
Hoàng Ngọc Liên
US\$15.00 - CA\$24.00

Việt-nam một thế kỷ qua
Nhân định
Nguyễn Tường Bách
US\$16.00 - CA\$25.50

Việt-ngữ đàm-thoại
Trần Hoài Bảo
US\$20.00 - CA\$32.00

Viết và đọc
Tiểu luận
Trần Hữu Thục
US\$13.0 - CA\$20.5

Độc-giả dài hạn Làng Văn được bớt
như thường-lệ khi mua sách ghi trong khu

"Sách Mới Về"

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

LỄ GIÁNG-SINH SẮP TỚI

**HÃY MUA SÁCH LÀM QUÀ
CHO THÂN-NHÂN, BÈ-BẠN**

**Độc-giả dài hạn Làng Văn
mua sách từ hôm nay đến hết
ngày 31.12.1999**

MUA TRÊN US\$200 (CA\$300)

**ĐƯỢC BÓT
25%***

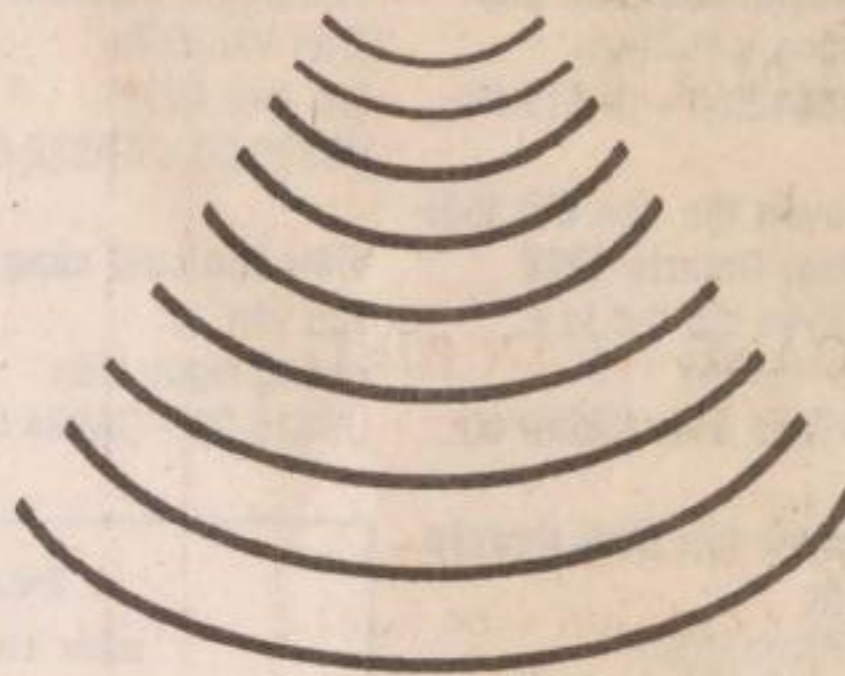
**Xin xem Thư-Mục Làng Văn 1999
(trong số 174)**

và Sách Mới Về (trong số này).

Nếu chưa có Thư-Mục 1999, xin liên-lạc toà-soạn.

* Sách "dọn kho, sales" không được bớt
* không cộng thêm với % bớt thường-lệ

24/24
phát thanh



V
P
R

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

V I E T N A M E S E P U B L I C R A D I O

Đang Phát-Thanh:

**Washington DC
Atlanta
Dallas
New Orleans
Baton Rouge
Portland
Philadelphia**

**Maryland
Virginia
Austin
Tampa
St. Petersburg
Boston**

Sẽ Phát-Thanh:

**Jacksonville
San Diego
Toronto
Montreal
Vancouver**

TIN TỨC

Sưu Tầm Tài Liệu

Học Hỏi

diễn đàn

Thơ Văn

âm nhạc

*Chúng tôi sẵn sàng trực-tiếp truyền-thanh
đến địa-phương của quý vị*

*Tiếp vận
các đài*

Xin vui lòng liên-lạc:

tel **(703) 533-0011** toll-free **1-888-264-1528**

fax **(703) 533-0111** email **VPR@erols.com**

900 South Washington St, Suite 302
Falls Church, VA 22046, USA

VOA

BBC

Á CHÂU
TỰ DO

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ quả phụ **HOÀNG XUÂN BIỂU** khê danh **Vũ Thị Chuông**

Thân mẫu của Tiến sĩ Hoàng Xuân Hào,
Được sĩ Hoàng Ngọc Giao (hội viên hội Lê
Tộc Hải Ngoại) và ông Hoàng Tùng Lâm,
đã qui tiên ngày 4 tháng 11 năm 1999
(tức ngày 27 tháng 9 năm Kỷ Mão) tại Sài
gòn, hưởng thọ 83 tuổi.

Thành kính chia buồn cùng ông bà Hoàng
Xuân Hào/Phạm Thị Chi Hương, ông bà
Hoàng Ngọc Giao/Lê Ngọc Trâm, ông bà
Hoàng Tùng Lâm/Nguyễn Thị Ngọc Tuyết
và tang quyến.

Nguyên cầu hương linh cụ Vũ Thị
Chuông sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

Lê Tộc Hội Hải Ngoại

Tác-phẩm của những kẻ yêu nhau

HÃY DÀNH CHO NHAU MỘT CHÚT NHỎ



Giá 12 mỹ-kim (19 gia-kim)
Hỏi tại các nhà sách hoặc "Làng Văn"

Thế Giới Mới

PHÁT HÀNH 2 TUẦN MỘT LẦN VÀO NGÀY THỨ SÁU (817) 265-6356
Vietnamese Bi-Weekly Magazine P. O. Box 121212 Arlington, TX 76012

Bán-nguyệt-san Văn-hoá, Thông-tin, Thương-mại
của Trương Sĩ Lương và Diệp Thực
với sự cộng-tác của:

Ngọc Anh, Nguyệt Ánh,
Cô Bảy, Cô Diệu, Phượng Khánh, Hoàng Liên,
Phạm Nguyên Lương, Trường sơn Lê Xuân Nhị,
Tông Minh Long Quân, Đoàn Văn Thông,
Trần Ngân Tiêu, Phạm Trần, Hà Nhân Văn,
Ngô Tịnh Yên, Nguyễn Mạnh An Dân,
Lê Mai Linh, Lê Phát Minh, Đào Trường Phúc,
Lê Thành Quang, Đàm Trung Pháp,
Tạ Quốc Tuấn, Bách Việt

cùng nhiều cây bút tên tuổi và có lập-trường
tại hải-ngoại

Giá báo dài hạn
(một năm 26 số):

- Tại Hoa-kỳ: 65 mỹ-kim
- Các nước khác: 105 mỹ-kim

Chi-phiếu trả cho:

Thế Giới Mới

P.O. Box 121212 Arlington, TX 76012, USA

Báo Trào Phúng

Tin Tức

Song ngữ Việt Pháp

email : tintuc@club-internet.fr

Tị nạn Cộng Sản, Trần Trường lại treo cờ VC và
ảnh Hồ Chí Minh. Ba vạn người biểu tình phản đối



Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất
thế giới, tờ báo lớn Le Monde và nhiều báo chí
Việt và Pháp đã từng trích Scoop của Tin Tức :
nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu
Mua dài hạn : ■ 30 US dollars/1 năm

Tin Tức, 67 rue Saint Jacques 75005 Paris France
Phone : 33 1 69 81 75 81 Fax : 33 1 69 53 03 41

Phòng Nha-khoa Scarborough và vùng phụ-cận

Nha-sĩ

**VŨ HOÀNG HẢI, D.D.S.
LÊ HOÀNG OANH, D.D.S.
NGUYỄN MINH VIỆT, H.B.Sc.,
D.M.D.**

Kennedy	* Địa-điểm thuận-lợi * Parking miễn phí
	2347 ● Sheppard
	Hwy 401

NHA-KHOA TỔNG-QUÁT VÀ THẨM-MỸ

2347 Kennedy Rd., Suite 300
(góc đường Sheppard và Kennedy)
Scarborough, Ontario, M1T 3T8
Tel: (416) 754-4584

Xin vui lòng điện-thoại lấy hẹn trước



HomeLife Realty Centre Corp.

2579 Hurontario St., Mississauga, Ont., L5A 2G4



**Steven
KIEN TRONG DAO**
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Res: (905) 566-5234
Pager 24/24 qua văn-phòng

Chuyên môn phụ trách mua bán, sang nhượng
Nhà Đất - Cơ Sở Thương Mại ...
trong vùng Mississauga, Brampton, Toronto và phụ cận.

- * Phục vụ tận tâm, uy tín, đứng đắn, tín nhiệm.
- * Theo dõi thị trường, định giá chính xác.
- * Giúp đỡ định giá, trả giá và hoàn tất thủ tục.
- * Giới thiệu tìm vay mortgage dễ dàng.
- * Giới thiệu Luật sư uy tín tận tâm



Nhà in của người Việt-Nam

**SILVER
PRINTING
INC.**

1545 Dupont St., Toronto, Ont. M6P 3S5
Tel: (416) 539-8113 - Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding),
đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo



**Nhận đánh máy, trình bày
sách vở, báo chí bằng computer
chữ Việt, Anh, Pháp**

Xin gọi: cô Trang (416) 539-0442 Chủ-nhật: (905) 625-9194

**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN NHIỆM NHẤT**

Nhà-sĩ HOÀNG HỮU NHUẬN

**1444 R1A Dorchester Ave.,
Dorchester, MA 02122**
(tại Fields Corner)

MASS MANAGE CARE PROGRAM
Điện-thoại: (617) 436-5641

Y-KHOA TỔNG-QUÁT

- Bệnh nội-khoa, người lớn, trẻ em.
- Khám sức-khoẻ cho đồng-bào mới đến.
- Khám sức-khoẻ cho học-sinh, chích ngừa.
- Cấp giấy chứng nhận tiền hôn-nhân.
- Cấp giấy chứng thương tai nạn xe cộ, nghề nghiệp

SẢN-KHOA, PHỤ-KHOA:

- Khám và trị các bệnh phụ-nữ, khám thai.
- Cấp giấy chương trình WIC.
- Nhận Mass Health và các loại bảo-hiêm.
- Tận tình giúp-đỡ đồng-bào mới đến, chưa có thẻ Mass Health.

Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10am-6pm
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10am-2pm
Thứ Tư: nghỉ

NHẬN LÀM BÁC-SĨ GIA-ĐÌNH

(Primary Care Physician - theo chương trình mới)
MASS HEALTH MANAGE PROGRAM

Bác-sĩ toàn-khoa
QUẢN ĐỨC MINH

Nha-sĩ, DDS

NGUYỄN THÙY DUNG

2580 Shepard Ave., Unit # 31,
MISSISSAUGA, ON L5A 4K3

ĐT: (905) 615-0468

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200



Shuh Cline & Grossman
Barristers and Solicitors

17 Weber St. W., Kitchener/(519) 578-0910 Ext.326
TRƯỜNG TẤN HÙNG, Sinh viên Luật-khoa tập sự
(519) 645-0159 (Việt-Anh)-(519) 578-1160 (Việt)

LUẬT-SƯ
TRỊNH QUỐC TOÀN

1577 Bloor St. W., Toronto
ĐT: (416) 533-8987 (Việt-ngữ)
(416) 536-1159 (Anh-ngữ)
Email: qtrinh@idirect.com

Nha-sĩ TỬ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209
MISSISSAUGA
ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201, Toronto
Ont. M4K 2P6 - Subway Broadview Phố Tàu Đông
CHUYÊN RANG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437



VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN
&
KHAI-THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College St. (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

**GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO,
CHÚC MỪNG, CHIA BUỒN**

- Trang trong:**
- nguyên trang \$120 một kỳ
 - nửa trang \$70 một kỳ
 - 1/4 trang \$40 một kỳ
 - 1/8 trang \$25 một kỳ
- Bớt 20% cho độc-giả dài hạn
đăng phân ưu, chúc mừng.**
- Bìa lưng: 1 ô (3.25"x1.50") \$40 một kỳ**

SÁCH CỦA CÁC TÁC-GIẢ CÓ MẶT THƯỜNG XUYỀN TRÊN LÀNG VĂN

Cả Cười:

7 tập truyện cười bể bụng

CƯỜI MẶN
CƯỜI CHAY
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỒ KHỔ
CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI TOE
CƯỜI TÙM
CƯỜI ĐỒ

Giá mỗi tập:
7 mỹ-kim (11 gia-kim)

Cung Vũ:

CỎ BIẾC, thơ
7 mỹ-kim (11 gia-kim)
HỒNG TRẦN, thơ
7 mỹ-kim (11 gia-kim)
NGUYỆT BẠCH, thơ
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
ĂN KHÉ TRẢ VÀNG
truyện thiếu-nhi song-ngữ
Anh-Việt (soạn với Bích Giao)
6 mỹ-kim (10 gia-kim)

ANH KHÓ VÀ CON QUỶ

truyện thiếu-nhi
7 mỹ-kim (10 gia-kim)

MỤC KIỀN LIÊN

truyện thiếu-nhi Anh-Việt-Pháp
(soạn với TH và Bạch Thái Hà)
7 mỹ-kim (10 gia-kim)

SỰ TÍCH TẾT TRUNG THU

truyện thiếu-nhi Anh-Việt
7 mỹ-kim (10 gia-kim)

Diễn Khánh

THÁP BÀ, THÁP NHAN,
GIÁC HƯƠNG QUAN,
tập truyện ngắn viết về quê cũ
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Dương Thị Vành

Khuyên:

**HÃY DÀNH CHO NHAU
MỘT CHÚT NHỎ**
tập truyện ngắn tình-cảm
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Dương Thượng Ngã:

HỒ XUÂN HƯƠNG
nhận-định, biên-khảo
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Đào Trường Phúc:

**NHỮNG ĐIỂM NÓNG TRÊN THẾ-
GIỚI SAU CHIẾN-TRANH LẠNH**
nhận-định, biên-khảo
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Hoàng Nga:

hai tập truyện ngắn tình-cảm
NHƯ MỘT VẾT CHIM BAY
&
THÁNG GIÊNG THÁNG BAY
BUỒN NHƯ NHAU
Mỗi tập:
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Hồng Huy:

MÓN QUÀ CƯỜI
tuyển dịch các truyện ngắn hay
nhất của Canada
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

ĐỘC KỸ TRUYỆN KIỀU

biên-khảo văn-học
24 mỹ-kim (38 gia-kim)

Khải Chính

Phạm Kim Thư:
THAM-LUẬN THƠ, CA-ĐẠO &

TỤC-NGŨ

9 mỹ-kim (14 gia-kim)

Lê Hữu Mục:

TRUYỆN KIỀU VÀ TUỔI TRẺ
biên-khảo Việt-Anh-Pháp
(soạn chung với Phạm Thị
Nhưng và Đặng Quốc Cơ)
32 mỹ-kim (52 gia-kim)
**HỒ CHÍ MINH KHÔNG PHẢI LÀ
TÁC GIẢ 'NGỤC TRUNG NHẬT
KÝ'**
8 mỹ-kim (12,50 gia-kim)

Mô Làng Văn:

biếm-văn không cù mà cười:
ĐẦU LÀNG CUỐI XÓM
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
SAU BỨC MÀN TRE
8 mỹ-kim (12,50 gia-kim)

Ngô Nguyên Dũng:

TIẾNG NÚI
14 mỹ-kim (22 gia-kim)
CHUÔNG ĐÊM
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
GIA-ĐÌNH CÚN
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Nguyễn Hương:

TUYẾT THƯ
bút-ký văn-nghệ
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Nguyễn Phong:

tập sách thiền mới nhất
BÊN RĂNG TUYẾT SƠN
13 mỹ-kim (20,50 gia-kim)
ĐƯỜNG MÂY QUA XỨ TUYẾT

14 mỹ-kim (22 gia-kim)

HOA TRÔI TRÊN SÓNG NƯỚC

13 mỹ-kim (20,50 gia-kim)

**HUYỀN THUẬT VÀ
ĐẠO SĨ TÂY TẠNG**

16 mỹ-kim (25,50 gia-kim)
NGỌC SÁNG TRONG HOA SEN
20 mỹ-kim (32 gia-kim)
TRỞ VỀ TỪ CỎI SÁNG
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Nguyễn Nhạn Sơn:

CHUYỆN LẠ XỨ NGƯỜI
những chuyện khó tin nhưng có
thật xảy ra trên khắp năm châu
16 mỹ-kim (25,50 gia-kim)

Nguyễn Hữu Nghĩa:

hai tập nhận-định chính-trị

DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

18 mỹ-kim (28 gia-kim)

GIẢI-ĐOẠN MỚI

TRÊN CHIẾN-TRƯỜNG CŨ
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

KÝ

bút-ký văn-nghệ
8 mỹ-kim (12,50 gia-kim)
EM HÁT EM VUI
tập bài hát thiếu-nhi
7 mỹ-kim (11 gia-kim)

Nguyễn Văn Thông:

**ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAOLÒ II
VÀ TRANG SỬ CÒN GIẤU KÍN
CỦA THỜI ĐẠI**
&
CHUYỆN LÀNH
Mỗi tập:
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Nguyễn Đăng Tuấn:

DƯỞNG NHƯ TÔI NGẠI
THỐT LỜI YÊU EM, thơ
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Phan Long Yên:

ĐƯỜNG MÂY, thơ
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
QUÊ MẸ, bút ký quê nhà
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Phùng Nhân:

truyện đồng quê miền Nam:
NGHỆ-THUẬT O MÈO
truyện ngắn
12 mỹ-kim (19 gia-kim)
VÀM ĐẤT CÀ CAO, truyện dài
15 mỹ-kim (24 gia-kim)

Thái Văn Kiểm

VIỆT-NAM GẤM HOA, biên-khảo
18 mỹ-kim (28,50 gia-kim)

Tống Minh Long

Quân:
ba cuốn tiểu-thuyết xã-hội đen
MẶT TRỜI VÀ BÓNG ĐÊM
16 mỹ-kim (26 gia-kim)

ĐUÀ VỚI LỬA

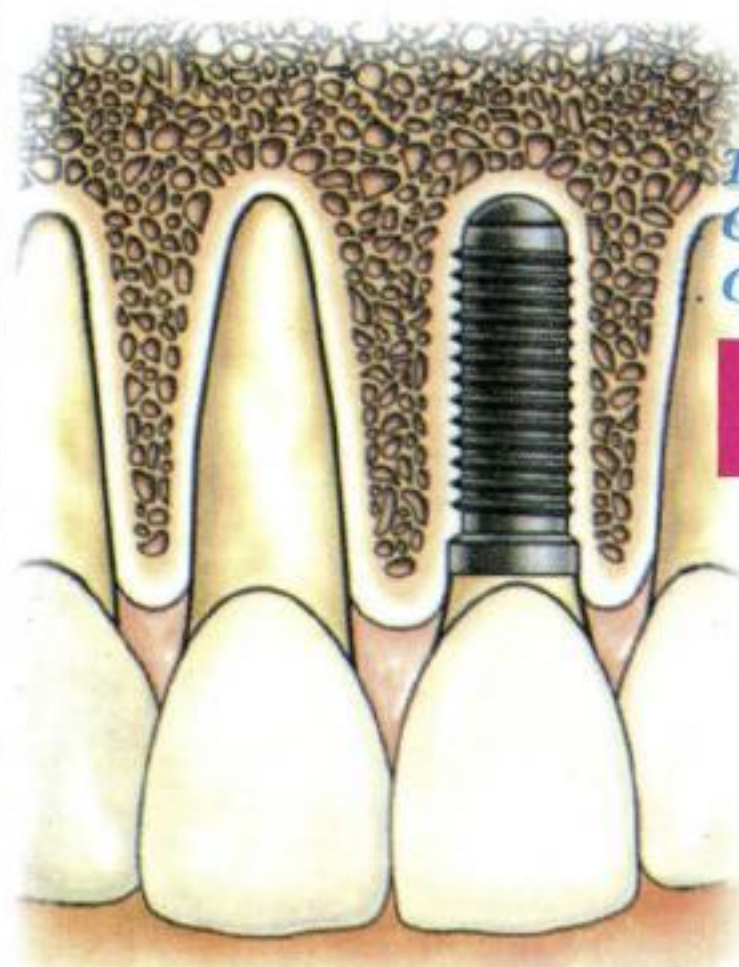
18 mỹ-kim (29 gia-kim)

CUỘC ĐỜI VÔ ĐỊNH

17 mỹ-kim (27 gia-kim)

Trần Văn Tích

SỰ MUÔN NĂM CŨ
biên-khảo
15 mỹ-kim (25 gia-kim)



CÂY RĂNG

Thay những chiếc răng đã bị nhổ bằng phương-pháp tự-nhiên và thẩm-mỹ
 Chữa trị trường-hợp răng giả bị sai lệch
 Giải-phẫu cấy chân răng và gắn răng giả

THAM-KHẢO MIỄN PHÍ TẠI VĂN-PHÒNG CHÚNG TÔI

(416) 531-5796 & (416) 665-9283

. Điện-thoại miễn phí toàn quốc Canada và Hoa-kỳ:
1 (877) NU-TEETH (688-3384)

OSCAR DALMAO, D.D.S., R.D.T., D.I.C.O.I.

Nha-sĩ tổng-quát, chuyên giải-phẫu cấy răng, làm răng giả,
 tốt-nghiệp và được cấp bằng của Hội-đồng Quốc-tế
 các nha-sĩ chuyên cấy răng

Ủng-hộ
 Chương-trình phát-thanh
VĂN-HỌC
NGHỆ-THUẬT
LÀNG VĂN

phát về Việt-nam

từ 7 giờ 30 - 8 giờ 30 tối Thứ Hai
 trên làn sóng 9965 KHz (31 m)

NHA-SĨ GIA-ĐÌNH VÀ THẨM-MỸ

MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

Dental Surgeon

10 Gateway Blvd.,
 #111

Don Mills, Ontario
 M3C 3A1

Tel: (416) 429-0150

336 Dundas St. W.
 #201

Toronto, Ontario
 M5T 1G5

Tel: (416) 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau

LÀM VIỆC
TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ BẢY

BÁC-SĨ GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
NGUYỄN THẾ LẠC

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và Bệnh-viện Bình-Dân

Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Cell: (519) 755-9285 - Điện-thoại nhà (sau 9 giờ tối): (519-449-5434)

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng-6g chiều

Chủ-nhật: theo hẹn

Lấy QEW (hướng Hamilton & Brantford), đổi sang 403 (Hamilton & Brantford), by pass Hamilton, exit Wilson St. West to Brantford
 (Wilson St. West là Hwy 2 West cũ), đường này nối vào Colborne St. East